



VĂN HỌC MỚI

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



giọt đàn - tranh họa phẩm hạ du

TRONG SỐ NÀY

TRẦN VĂN TÍCH - NGUYỄN VY KHANH - CHU VƯƠNG MIỆN
NGUYỄN MINH TRIẾT - NGÔ NGUYỄN NGHIỆM - CHU THỤY
NGUYỄN - NGUYỄN LƯƠNG BA - NGỰ THUYẾT - VIÊN DUNG - LÊ
HỮU - KHALY CHÀM - LÊ NGUYỄN - NGUYỄN VĂN SÂM - NGÃ
PHƯƠNG HUYỀN - HÀ NGUYỄN DU - QUYÊN DI - LÂM CHƯƠNG
HOÀNG XUÂN SƠN - TRẦN VẠN GIÃ - HOÀNG CHÍNH - ĐỨC PHỔ
TRẦN HOÀNG VY - NGUYỄN ĐỨC TÙNG - LÂM HẢO DUNG

THÁNG 6 / 2021 SỐ

12



VĂN HỌC MỚI

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

PHÁT HÀNH MỖI 2 THÁNG 1 SỐ (1 NĂM 6 SỐ)

Điều hành: HÀ NGUYỄN DU

Phụ tá: Vương Thư Sinh (VHT)
Thư ký & Bản thảo : Bạch Xuân Phẻ
Kỹ thuật NXB Phạm Hồng Thái

ISSN 2690 - 4276

Thư từ, bài vở, ngân phiếu xin gửi về:
(Văn Học Mới - Literature Magazine)

To: Ha Nguyen (Ha Nguyen Du)
10291 Arundel Ave.
Westminster, CA 92683 - 5821

vanhocmoi68@gmail.com
hanguyendu@gmail.com
<https://vanhocmoi.com>

ĐẠI DIỆN PHÁT HÀNH

Toronto: Nguyễn Vy Khanh<nguyenvykhanh@yahoo.com>
Vancouver BC: Nguyễn Đức Tùng<bachnguyen@shaw.ca>
Phan Ni Tấn <phannitan@yahoo.ca>
USA: Georgia: Đức Phổ<dducpho@gmail.com>
Nguyễn Thị Thảo An<thaoan2009@gmail.com>
Massachusetts: Lâm Chương <lamchuong495@gmail.com>
Louisiana: NgT Hồng Hải<nhattannguyen575@yahoo.com>
Dallas: Nguyễn Lương Ba<bal@nguyen.us>
Houston: Nguyễn Minh Triết<lnnt_2000@yahoo.com>
San Jose: Phạm Hồng Thái<thaihpam@gmail.com>
Paris: Trang Thanh Truc<trangthanhtrucparis@yahoo.fr>
Germany Trần Văn Tích



THƯ TÒA SOẠN
tạp chí văn học mới

Thưa quý thân hữu cộng tác và quý bạn đọc ...

Văn Học Mới số 12 kỳ này gia tăng đáng kể về số lượng gia hạn báo tiếp tục, kể cả có thêm số người mua dài hạn, nhất là có thêm số cộng tác viên mới là những cây bút trẻ từ quê nhà...

Điều đặc biệt đáng chú ý nhất dù vô tình hay cố ý vẫn tạo ra được lối thoát quá ư “kỳ diệu” cho hầu hết trong giới cầm bút, có thể gọi là có chỗ để “xả Stress” trong suốt hơn cả năm qua khi đại dịch cúm thời đương đại, xảy ra, kéo theo tràng tràng chuỗi chuỗi hệ lụy là toàn nhân loại trên toàn cầu chỉ biết “kêu Trời” .!!

Sự “xả Stress” của chúng ta như một thứ luận lý “đau khổ là hạnh phúc”... Trong một thời gian rộn rộn âm âm kéo dài như vừa qua và cả bây giờ, chúng ta chỉ biết lưu tại gia, hoặc như tôi thì vẫn đi làm và rất mệt nhọc vì phải đeo “Mask” ... Sau giờ làm việc ở hãng về, tôi dễ dàng tôi qua giây phút làm việc trên computer hay làm cho hoàn chỉnh những câu thơ bị dở dang... Và tiếp tục công việc với tờ VHM ...

Về chủ trương “đi tìm cái mới” cho những tác phẩm viết tiếng Việt hay cái mới trong Văn Học Việt Nam, (nói chung) kể từ đầu thế kỷ 21 đến nay ... Với riêng tạp chí Văn Học Mới, theo tôi, chỉ thấy: “ngó mơ” mới vừa “nhú” ra từ một vài thể loại “Thơ” Về phần

“Văn”, mặc dù tôi không chuyên, nhưng hầu như vẫn chưa hẳn thấy sự phát tiết mới nào... Tuy nhiên, sự nhận thấy có chút hy vọng về một hai ngòi bút đầy triển vọng cho sự hứa hẹn đi về phía trước theo chiều hướng mới như tôi đã đề cập như trên...

Vấn đề nghệ thuật sáng tác hay nói xa hơn là sự “sáng hóa” vẫn luôn nằm ở “hạt mầm tư tưởng” ... Khi nói đến đây, tôi cảm thấy như có một nỗi buồn vây kín bởi những oan khiên dẫu bề, khiến một người có bản tính tự tin vẫn bị “len lén” len vào tâm tư một chút xiu “tự ti” về thân phận như một con cá “vùng nước lợ”, không đủ vi hay mạnh sức để bơi vào biển cả mệnh mông mà trời đã tạo ra...

Vậy, với hy vọng nào để con cá hòa nhập vào biển cả mệnh mông ấy?? Câu hỏi này, hẳn phải dành riêng cho những nhà chuyên môn có đủ bài bản mà giải đáp...

Có hai việc mà VHM cần nhắc nhớ ở đây là :

1/ Những tác giả đã gửi bài đăng trên VHM, xin quý vị vui lòng nhớ cho rằng : *“không nên đăng lên Facebook”* trừ khi qua *chỉ một số báo trong 2 tháng* mà không thấy đăng, thì quý vị được tự do đăng các nơi.... Hoặc ở trường hợp bài đã đăng ở báo nào, thời gian bao lâu mà quý vị gửi cho VHM, xin vui lòng cho biết rõ để bốn báo quyết định tiếp... Vì, vừa qua có trường hợp số anh em trong giới “vị ứng” v/v tạp chí VHM đã đăng bài mà họ cho rằng VHM làm điều gây ảnh hưởng nhau .!!

2/ Bốn báo rất mong quý tác giả cảm thông việc nhắc nhớ về một hai tác giả có bài đăng thường xuyên và thường ủng hộ báo dài hạn của Văn Học Mới, vì nhiều căng thẳng hay bận rộn trong đời sống mà quên gia hạn, đã trễ qua một vài số báo nhưng vẫn chưa thấy động dẩy gì... Tuy nhiên VHM vẫn gửi đều đặn đến quý vị... (Phần lớn vì tình thân hữu, vẫn là chuyện nhỏ thôi, tuy nhiên trong chừng mực nào đó thì sự ngưng gửi báo có thể xảy ra, mong ở vào một thân hữu nào đó đừng phiền lòng.!!) (*Bởi, ai ai cũng biết rằng làm báo giấy trong thời kỳ này là vô cùng nghịch lý!! Chỉ người có lòng thật dũng cảm và sự xả thân cao độ mới mong tồn tại!!*)

Thưa quý vị.

Có một sự kiện rất quan trọng mà tôi hằng quan tâm, tôi nghĩ cũng cần nên chuyển tải đến quý thân hữu cùng làm thơ với nhau về sự biến chuyển trên diễn đàn Văn Học Thế Giới, qua một nữ Thi sĩ người Mỹ là Louise Glück , đã đoạt giải Nobel về Văn Học trong năm qua 2020 ... Với bài thơ “Giọt Tuyết” trong tập thơ đoạt giải Pulitzer năm 1992 của Louise Glück làm ví dụ điển hình cho thơ của bà Với khuynh hướng sang tác của Thi sĩ Louise Glück mà hội đồng trao giả nhận định: ***“Vì âm điệu đầy chất thơ không thể nhầm lẫn với vẻ đẹp đơn sơ khiến sự hiện hữu của cá nhân trở nên một điều phổ quát”...***

Điểm sáng chói vượt trội mà tôi muốn nêu lên ở đây là ***“Âm điệu đầy chất thơ”***... Người làm thơ mà có *âm điệu đầy chất thơ*, theo tôi là một thành công, mà không có bất cứ một lý luận nào có thể phủ nhận được.!!

Để kết thúc thư tòa soạn kỳ này, tôi xin phép được bài tỏ nghĩa ân qua việc *đăng một bài viết và một trang chia buồn về một người anh tôi rất kính trọng và suốt đời nhớ ơn anh. Anh chính là Nhạc sĩ Nguyễn Hữu Hùng*. Người đã qua đời vào ngày 14-5-2020 tại bệnh viện Fountain Valley do COVID-19.!!

Tôi không sao nén được lòng mình, để mặc cho dòng lệ tiếc thương anh một lần nữa khi đọc bài viết mà tôi đăng nơi những trang sau. Tôi thành tâm thắp 3 nén hương lòng Cầu Chúa, xin cho hương hồn anh được về hưởng nhan Thánh của Ngài.!! Và thành kính chia buồn cùng người chị và các cháu bất hạnh là Chị Ngô Thị Ba, cháu gái (đứa con duy nhất của anh chị) là Nguyễn Hữu Hùng Vibà, cùng chồng Foder Michael Brian, cháu ngoại Foder Nguyễn Anthony Korban.

Trân trọng





(Từ tháng 4 đến tháng 6 / 2021)

mục lục

THƯ TÒA SOẠN 4

MỤC LỤC 7

TRẦN VĂN TÍCH 9 gia đình tôi và ngày 30.04

NGUYỄN VY KHANH 13 thời gian trong truyện NGỰ THUYẾT

CHU VƯƠNG MIỆN 21 **thơ** đêm nay

NGUYỄN MINH TRIẾT 23 **biên khảo** chuyện Thánh Gióng và sách lược...

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM 31 **nhận định** vũ hữu định, đường gian nan...

CHU THỤY NGUYÊN 40 **thơ** một ngày mây thấp / mừng nắng ấm

NGUYỄN LƯƠNG BA 42 **thơ** đi qua dòng sông

NGỰ THUYẾT 44 bi kịch thúy kiều (tình thức và cô đơn)

VIÊN DUNG 57 **thơ** chợt thức chiêm bao

LÊ HỮU 57 Thái Thanh, tiếng ru muôn đời

KHALY CHÀM 67 **thơ** đúng như lời thiên hạ nói ../ với bóng đồng cảm ...

LÊ NGUYỄN 69 **thơ** bài tôi không tên / chuyện ngày xưa / mặc

NGUYỄN VĂN SÂM 71 Giao Cảm về tập thơ Nữ Tắc của Trương Vĩnh Ký

NGÃ PHƯƠNG HUYỀN 78 **thơ** tình rỗng / so sánh / tiền đề

HÀ NGUYỄN DU 80 **thơ** thiên hoa / con chip của Thượng Đế / như

Itzhak Perlman / giọt đàn / mùa hè vẫn đến

QUYÊN DI 85 **thơ** lạc giữa vườn chanh

LÂM CHƯƠNG 86 **truyện** gió về phố biển (kỳ 2 tiếp theo)

HOÀNG XUÂN SƠN 110 **thơ** chiến tuyến

TRẦN VĂN GIÃ 112 **thơ** cái khay trầu của Mẹ / lục bát tình viết ở vũng tàu

HOÀNG CHÍNH 114 **tù bút** em bé lên mười trong trại tập trung

ĐỨC PHỔ 120 **thơ** nguyệt mức hồn

TRẦN HOÀNG VY 121 đọc thơ Đức Phổ

NGUYỄN ĐỨC TÙNG 125 **truyện** nơi dòng nước chảy xiết

LÂM HẢO DŨNG 129 **thơ** định nghĩa khiêm cung đời.../ quá khứ hồn tôi

HUYỀN LIỄU NGẠN 132 **thơ** có nhiều lần như thế / nửa đêm ngồi ngắm

THÙY AN 134 **truyện** biển lặng lẽ

TRIỀU HOA ĐẠI **138 thơ** vết đậm cánh tay trái / **139** - Phỏng vấn Nhà Biên
Khảo Phê Bình Văn Học Nguyễn Vy Khanh (trích cuốn TCNC)
PHẠM NHÃ DỰ **160 thơ** khúc hoan ca sóng sánh
LÊ HỮU MINH TOÁN **162 thơ** mặt trời khuya
BT ÁO TÍM **164 thơ** như dòng sông nhỏ
NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI (Nhật Nguyễn) **165 thơ** thương
NGUYỄN KHÔI VIỆT **166 truyện** ngôi nhớ chuyện xưa và trung uý...
TRẦN HẠ VI **171 tùy bút** ngọn gió phương nam
TRẦN DZA LỮ **175 thơ** đêm ở b'lao / tôi
PHAN HẠ DU **176 thơ** chờ anh với mùa thu / như là sương khói
MÃ LAM **178 thơ** mặt trời
SA CHI LÊ **179 thơ** thơ là em / nhật ký: một đời cúi mặt
HỒ XOA **186 thơ** ra giêng
TRẦN THANH TRÚC **187 thơ** ru trăng
TRẦN VIỆT HẢI **188** chiến tranh & hoài niệm
NGUYỄN ĐÌNH TỪ LAM **209 truyện** bởi bởi nhớ thương *
LÊ VĂN HIẾU **216 thơ** lau giọt mồ hôi
KHÁNH LAN **218 truyện** thủy chung (viết về kỷ niệm ngày QL 19/6)
TRANG THANH TRÚC **229 truyện** Café mùa Thu / khắp khảnh
LÊ TUYẾT LAN **233 thơ** lấm lổ / chấp vạ
THIÊN DI **234 thơ** hát đi em / bức tranh mới
VŨ UYÊN GIANG **236** LÊ XUYỀN kẻ sĩ đáng kính
VÕ CÔNG DIÊN **241 thơ** MẸ ..
NGUYỄN THỊ NGỌC LAN **243 truyện** hải tặc thái lan
NGUYỄN ĐÌNH PHƯỢNG UYÊN **261 truyện** thôi nhé ... người đi
NGUYỄN HỮU HÙNG **265** thánh lễ an táng nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ luôn
ca ngợi và thờ phượng Chúa
GIỚI THIỆU sách **271** NHÀ VĂN VIỆT NAM HẢI NGOẠI do Nhà Biên
Khảo, Nhận định Văn Học Nguyễn Vy Khanh gợi tặng..
GIỚI THIỆU sách **272** 108 Nhà Thơ Nhà Văn Việt Giữa TK 20 quyển
Thượng do Nhà Thơ, nhà biên khảo Ngô Nguyên Nghiễm biên soạn .
NXB VHM GIỚI THIỆU **273** trăm cây nghìn cành - triều hoa đại ...
TRANG CHIA BUỒN **275** những VNS đã khuất ...
GIỚI THIỆU SÁCH **276** NGÃ PHƯƠNG HUYỀN phụ trách
GIỚI THIỆU **282** bác sĩ Kelvin Mai...
GIỚI THIỆU **283** CD nhạc thơ tht
TRẢ LỜI THƯ TÍN **284** tòa soạn vhm
THỂ LỆ GỎI BÀI **285** vhm



TRẦN VĂN TÍCH
gia đình tôi và ngày 30.04

Vào ngày 30.04.75 tôi đang giữ chức vụ Y sĩ trưởng Bệnh xá Phủ Đặc uỷ Trung ương Tình báo. Nhân viên tình báo an ninh được xếp vào thành phần bị đe dọa tính mệnh nếu Miền Nam rơi vào tay cộng sản. Theo tác giả Frank Snepp trong “*Sauve qui peut*”, bản dịch tiếng Pháp cuốn “*Decent Interval*” thì Kissinger yêu cầu Quốc hội Hoa Kỳ biểu quyết chấp nhận cho 130.000 công dân Đông Dương nhập cảnh Hoa Kỳ, trong số có 50.000 người được xem là ở hoàn cảnh “chí nguy” (de haut risque). Nhân viên Mỹ thuộc cơ quan DAO phải làm việc 24 giờ trên 24 để tiến hành thủ tục di tản các thành phần nàyⁱ.

Tuy nhiên cầu di tản hàng không bằng trực thăng (chiến dịch Gió Tới Tấp, Frequent Wind) chỉ hoạt động từ 2 giờ chiều ngày 29 đến 4 giờ 42 sáng ngày 30 thì chấm dứt và chỉ bốc đi được hầu hết người Mỹ và 5.500 người Việt, chí nguy hay không. Trong khi đó thì nhiều tàu Hải quân lúc rời bến di tản vẫn còn rất rộng chỗ. Cuộc di tản bằng đường thuỷ kéo dài nhiều ngày. Ở Sài Gòn đến chiều ngày 30-4, khi VC đã vào chiếm Đô thành rồi, vẫn có những tàu Hải quân bắt đầu nhổ neo di tản. Cả những tàu đã nằm ụ từ lâu ở bến Bạch Đằng hay đang tu bổ ở Hải quân Công xưởng cũng được sửa chữa vội vàng để làm sao có thể chạy thì thôi.

oOo

Những ngày cuối tháng tư năm 1975 đó, trong không khí hoang mang lo sợ của toàn Miền Nam, các ông Trưởng ban – chức vụ tương đương với Giám đốc – thuộc Phủ Đặc uỷ thường xuống bệnh xá ngồi nói chuyện với tôi. Họ cho biết phía Mỹ đã yêu cầu Phủ Đặc uỷ thiết lập một danh sách toàn thể nhân viên của Phủ. Các cô nữ thư ký đang đánh máy không ngừng nghỉ danh sách đó, qui tụ đến vài ngàn nhân viên và gia đình. Danh sách đã hoàn tất kịp thời và một phái đoàn của Phủ, gồm một Trung tá và một Đại úy, đã mang danh sách sang Guam để chuẩn bị đón tiếp nhân viên Phủ. Từ ngày 28.04 trở đi, tôi được thông báo phải thường xuyên liên lạc với Phủ để nếu có lệnh tập hợp

di tản là phải chờ vợ con đến địa điểm tập hợp ngay tức khắc. Ngày 28 và ngày 29 tôi vào Bệnh xá Phủ và cùng với nhân viên Bệnh xá ngồi chờ lệnh. Chiều ngày 29 tôi không vào trụ sở Phủ ở bến Bạch Đằng mà đến một cơ quan phụ thuộc của Phủ đóng trụ sở tại đường Trần Bình Trọng gần nhà tôi để cùng các nhân viên khác của Phủ ngồi chờ. Rất nhiều nhân viên của Phủ Đặc uỷ không tìm cách khác để chạy trốn cộng sản vì tin tưởng vào lệnh của Phủ bảo phải chờ để được di tản chính thức, hợp lệ. Chúng tôi cùng có chung tâm trạng là người Mỹ đã hứa thì không thể phủ nhận sự tin cậy vào lời hứa của họ để tự mình dẫn thân theo những con đường di tản ngoài dự trù.

Tối 29.04, tôi được nhân viên y tá thông báo phải đưa vợ con đến tập trung tại một ngôi nhà an toàn của Phủ nằm ngay sát cạnh Toà Đại sứ Hoa Kỳ trên đường Thống Nhất để chuẩn bị được di tản. Tại địa điểm này tôi đã gặp mặt đầy đủ các giới chức cao cấp phục vụ tại Phủ Đặc uỷ mà tôi từng quen biết hàng chục năm qua. Chúng tôi nằm ngồi la liệt trên sàn nhà. Riêng gia đình tôi được dành cho một cái bàn làm việc. Bà xã tôi và thằng con út nằm nghỉ trên bàn còn tôi và hai đứa con lớn thì chỉ có sàn nhà mà thôi. Cổng ra vào được bộ phận an ninh mang súng M16 canh gác chặt chẽ. Càng về khuya càng sốt ruột vì tiếng máy bay trực thăng lên xuống nóc nhà toà Đại sứ Mỹ âm ỉ liên miên mà phía chúng tôi không nhận được chỉ thị gì cả. Không thể nào ngủ được và để bớt hoảng sợ, hai ba ông Trưởng ban rủ tôi ra ngoài đến gần Toà Đại sứ Mỹ xem cơ sự ra sao. Chúng tôi đã đứng nhìn cảnh trực thăng vùn vụt hạ xuống rồi bay lên trên nóc toà Đại sứ. Chúng tôi đã đứng nhìn cảnh bàn dân thiên hạ đổ xô chen chúc nhau thành một khối người đông kinh khủng trước hai cánh cổng bằng sắt đóng im ỉm của Toà Đại sứ.

Rồi máy bay trực thăng không xuất hiện nữa trong khi trời bắt đầu hửng sáng. Chúng tôi đối diện với sự thực phũ phàng và chỉ còn cách thất thủ ai về nhà nấy. Riêng tôi thì xe Lambretta tôi chở vợ con đến nơi tập trung đã bị đánh cắp. Chúng tôi ra đứng bên lề đường chờ tắc xi nhưng mãi chẳng thấy. Bỗng một chiếc Volkswagen đậu xích cạnh tôi. Hoá ra đó là xe của một vị Trung tá biệt phái phục vụ trong Phủ. Gia đình tôi lui thủi lên xe nhờ vị Trung tá chở về nhà.

oOo

Theo wikipedia thì có 1.932 nhân viên tình báo đã tham gia trình diện “học tập cải tạo”. Hãy tạm chấp nhận con số gần hai ngàn người vào tù mút mùa sau 30.04 vì tin vào lời hứa di tản của phía Mỹ. Trong thực tế, có một số người tránh trình diện mà không ai có thể biết rõ là bao nhiêu. Sau khi tôi ở tù cộng sản về, có vài ba anh em đã đến thăm tôi và cho biết rằng họ giấu biệt gốc gác tình báo nên không bị tù. Trái lại, có nhân viên của Phủ Đặc uỷ nằm trong tù cộng sản đến mười

bảy năm và chỉ được “cấp giấy ra trại” cùng thời điểm với một số sĩ quan cấp tướng Việt Nam Cộng Hoà.

Những ngày cuối tháng tư, thấy phía Tình báo có vẻ im lìm, Hải quân Việt Nam Cộng Hoà đã gọi điện thoại hỏi Tình báo có cần phương tiện di tản bằng đường thuỷ không, nếu cần Hải quân rất sẵn sàng cung cấp. Lúc này phụ trách lãnh đạo Phủ Đặc uỷ Trung ương Tình báo là Ông Nguyễn Phát Lộc, Quyền Đặc uỷ trưởng. Người nhắc máy điện thoại để Ông Nguyễn Phát Lộc trả lời phía Hải quân là một vị Đại úy biệt phái, hiện nay đang ở bên Cali. Nhưng Ông Nguyễn Phát Lộc chỉ biết cảm ơn Hải quân và từ chối lời mời gọi di tản vì phía Mỹ đã hứa sẽ đảm trách chuyện này rồi. Các chi tiết này tôi được nghe kể lại vào những dịp tôi hội ngộ trên đất Hoa Kỳ cùng cựu nhân viên Phủ Đặc uỷ. Họ sang Mỹ theo diện HO. Có người còn cho biết là Colby, đầu sỏ CIA ở Sài Gòn năm 1975, đã xin lỗi Tướng Nguyễn Khắc Bình vì tổ chức di tản nhân viên tình báo Việt Nam Cộng Hoà thất bại!?

Kết quả là hầu như toàn bộ nhân viên Phủ Đặc uỷ vào tù cộng sản và một số chết trong tù. Ông Quyền Đặc uỷ trưởng Nguyễn Phát Lộc và Ông Trưởng ban T Nguyễn Kim Thuý là hai nhân vật cao cấp nhất hy sinh trong vòng ngục tù Việt cộng. Ông Nguyễn Phát Lộc vốn xuất thân từ Trường Quốc gia Hành chánh. Ông có tài đặc biệt về xem tử vi. Ông đã biên soạn hai ba cuốn sách xem tử vi được giới độc giả rất hâm mộ. Các anh em cùng ở tù với Ông kể cho tôi nghe là Ông Nguyễn Phát Lộc bảo rằng theo tử vi thì số Ông không chết trong tù. Quả nhiên khi Ông lâm bệnh nặng sắp mất thì giấc di chuyển Ông ra khỏi những hàng rào kẽm gai lớp lớp bao quanh trại giam và đưa Ông ra ngoài khu giam giữ tù nhân để cho Ông vào nằm cái gọi là bệnh xá của trại cải tạo và Ông lìa đời tại đây, dầu sao thì cũng ở ngoài khuôn viên nhà tù cộng sản. Ông Nguyễn Kim Thuý rất thân với tôi khi chúng tôi cùng phục vụ tại Phủ Đặc uỷ. Ông mang nhiều bệnh khá trầm trọng nên thường được tôi khám bệnh cấp thuốc. Khi biết tin Ông vào tù, tôi rất lo cho sức khoẻ của Ông. Quả nhiên Ông đã không thể sống sót để trở về với vợ con. Bà vợ Ông Thuý là Hiệu trưởng một trường Trung học ở Sài Gòn trước 75.

oOo

Năm 1954, khi giao Miền Bắc cho Việt Minh, người Pháp đã thương thuyết để những người không chấp nhận sống với cộng sản có đủ, thậm chí có thừa, thời gian di cư vào Miền Nam. Do đó đã có chừng một triệu người dân Miền Bắc chọn di cư và tự do. Hải quân và Không quân Pháp phải cáng đáng và đã chu toàn mọi công việc chuyển di, với sự hỗ trợ của chừng ba mươi chiếc tàu thuỷ Mỹ và Anh. Đến lượt mình, năm 1975, người Mỹ đã không làm được như người Pháp. Họ dự trù ngân khoản, phương tiện, cơ sở để đón những người không

được cộng sản cho tiếp tục sống trong chế độ mới. Nhưng họ tính một đằng mà làm một nẻo. Thậm chí vì tin tưởng vào lời hứa của Mỹ nên Phủ Đặc uỷ Trung ương Tình báo Việt Nam Cộng Hoà đã từ chối lời mời gọi di tản bằng đường thuỷ của Hải quân Việt Nam.

Chiến dịch di tản người Mỹ và nhất là người Việt do phía Mỹ tổ chức ngày 30.04.75 là một chiến dịch tiến hành trong hỗn loạn. Có thể người Mỹ đã rút quân trong danh dự theo Hiệp định Paris nhưng Đại sứ Mỹ Martin thì lại phải ôm quốc kỳ Mỹ tháo chạy trốn trên nóc toà Đại sứ. Còn người Việt Nam thì chẳng những cả ngàn nhân viên tình báo đã bị kẹt lại mà bên cạnh còn có nhiều nhân vật hoạt động chính trị chống cộng rất tích cực cũng chẳng được ai đoái hoài nên đã không thoát được thân.

Đành rằng Hoa Kỳ đã có những chương trình thương thuyết với Việt cộng để đón tiếp một tập thể rất đông đảo quân cán chính Miền Nam không chấp nhận sống chung với cộng sản. Nhưng cái giá mà người Việt Miền Nam phải trả vì cung cách bỏ rơi Việt Nam Cộng Hoà của Mỹ vẫn là một cái giá quá cao. Hơn nữa, sau Nam Việt Nam, đã có những tình huống bỏ mặc, không quan tâm đến đối với một số các sắc dân hay quốc gia khác đã từng cộng tác với Hoa Kỳ.

Theo suy tư của cá nhân tôi, đây là một cục diện hết sức đáng buồn và đáng tiếc.

Sau khi tôi gửi bài viết này cho Văn Học Mới thì có tin Tổng Thống Joe Biden dự trù sẽ rút toàn bộ lực lượng quân đội Mỹ thuộc NATO đang trú đóng tại Afghanistan về nước trước ngày 11.09. Lực lượng vũ trang NATO trú quân tại Afghanistan gồm khoảng mười ngàn lính. Hoa Kỳ có số quân nhân đông nhất, lối 2.500 người, kế đó là lực lượng Quân đội Đức với con số 1.100 nam nữ quân nhân. Nữ Bộ trưởng Quốc phòng Đức, Annegret Kramp-Karrenbauer, đã lên tiếng ngay – hôm 15.04.2021 – là NATO nói chung, Đức nói riêng, có bốn phận phải nghĩ đến khía cạnh an nguy bản thân và gia đình của những nam nữ công dân A Phú Hãn từng cộng tác với Đức và Đức sẽ rất sẵn sàng tổ chức chuyên chở những thành phần này sang Đức sinh sống trong an toàn. Theo dự kiến, Đức sẽ bắt đầu rút quân khỏi Afghanistan vào khoảng giữa tháng tám năm 2021.

TRẦN VĂN TÍCH

06.04.2021

bổ túc 19.04.202

i Những đoạn văn trích dẫn trong bài viết này đều rút từ Việt sử Khảo luận, tác giả cố Luật sư Hoàng Cơ Thụy, Cuốn 6, Chương “Cuộc Tổng tấn công Đông Xuân 1975”, Nhà Xuất bản Nam Á, Paris, 2002, từ trang 3657 đến trang 3754.*



NGUYỄN VY KHANH

thời gian trong truyện NGỰ THUYẾT

Ngự Thuyết tên thật là Tôn Thất Ngự. Ông sinh tại Huế, trước 1975 là giáo chức và cựu sĩ quan VNCH. Ông định cư tại Hoa Kỳ cuối năm 1990 và đã có bài viết và truyện đăng trên các tạp chí *Văn Học, Văn, Chủ Đề, Văn Học Mới* và một số trangweb.

Tác phẩm truyện ngắn, bút ký, du ký, tiểu luận, truyện dài đã xuất bản ở tiểu bang California: *Sóng Trôi* (Thanh Văn, 1996); *Đào Thoát* (Đồng Văn, 1998); *“Lưu Đày Và Quê Nhà”* (truyện dài; Văn Mới, 2002); *Dấu Chân* (Văn Mới, 2003); *Dấu Chân II* (Văn, 2005); *Tuyển Tập Ngự Thuyết* (Văn Mới, 2009); *Bắc Hành và những truyện khác* (Kim Thư, 2013) và *Về Đâu và những truyện khác* (Diễn Đàn Thế Kỷ, 2018).

oOo

Ngự Thuyết tham gia sinh hoạt văn học ở hải ngoại với *Sóng Trôi* (1996) tuyển tập các truyện khởi đầu trên các tạp chí. Những năm 1995-1996 là giai đoạn hải ngoại nặng nhung nhớ về thời xưa, quê cũ và tâm thức hoài niệm đang cùng khắp. Từ “lưu vong” có thể bớt được dùng, làm như bớt bi thảm: trong nước nơi lỏng kiểm soát di chuyển, thăm viếng và du lịch đối với người Việt hải-ngoại về, và nhà văn thơ hải-ngoại có thể nói đến quê-nhà nhiều hơn theo nghĩa *gặp lại* cụ thể hơn chỉ là *nhớ lại*! Trong các sáng tác thấy có lối viết về “quê-hương” đã mất, nay có kẻ tìm lại, thấy lại, và “người xưa”, “cảnh cũ” nay thêm hồi kết như những chuyện phong thần hoặc “diễm tình”!

Mặt khác, thời Ngự Thuyết nhập cuộc văn thơ là lúc sinh hoạt và nội dung văn học hải ngoại đã bắt đầu *lão hóa* đồng hành với nhu cầu *tâm linh* càng lớn mạnh. Trong một số tác-phẩm, đời sống tâm

linh được chú tâm hơn và một cái nhìn khác về đời sống ở đất người, rồi đến kêu thương, cứu rỗi. Nhu cầu tìm cứu rỗi vì tâm linh bị động, vì con người đang bị nhiều chứng nan-y làm mục nát thể-xác cũng như tinh thần. Trong “không khí” văn học đó, người đọc đã thích thú khám phá các truyện và bút ký của Ngự Thuyết là những cuộc viễn du qua thời gian và không gian mà tâm thức lưu đầy, mát mát qua các cuộc lữ hành ấy được trình bày khá nhiều dưới những dạng khác nhau.

Ngự Thuyết viết nhiều thể loại như truyện ngắn, bút ký, tiểu luận và truyện dài. Ở đây chúng tôi viết về Thời gian trong thế giới Truyện của ông.

Chúng tôi từng nhận xét rằng điểm trội bật của văn học hải ngoại trong hơn bốn thập niên qua là sự gắn liền mật thiết với thời gian và một không gian ngày càng lùi dần về quá khứ. Và phần lớn là một **thời gian** quá vãng với những người viết sống cho quá khứ, sống vì quá khứ, sống lùi thời gian. Thời gian đã mất, nay tìm! Hoài niệm viết về quá khứ chung hoặc về cuộc đời riêng; những nhớ nhung quê hương, xóm làng, đất nước, thời thơ ấu, thời vàng son, tình cũ nghĩa xưa, v.v. Một phần đời không dễ gì quên nhất là trong hoàn cảnh xa quê hương một cách cưỡng ép, trước hoặc sau. Phải bó mình sống ở ngoài nước, người Việt chúng ta thường vẫn sống với những quá khứ đã ngày càng rời xa, với những mảnh đất con người ngày càng thay đổi hoặc biến dạng, với những thân quyến bạn bè mới *nhì bất hoặc* nay đã *cổ lai hy* hoặc hơn nữa. Ngự Thuyết cũng như nhiều nhà văn hải-ngoại khác đã có công ghi lại những nỗi nhớ, những quá vãng và kỷ niệm, thơ mộng hoặc hiện thực. Ông đưa vào tiểu-thuyết những chiều kích “hiện tại” của thời gian quá khứ – nếu viết tiếng nước ngoài là viết động-tử theo thì điều kiện (conditional tense).

Trong **Đào Thoát**, nhân vật “tôi” bán hàng chui ở chợ An Đông “năm 1978, ba năm sau ngày miền Nam sụp đổ”, hồi tưởng chuyện bị “cải tạo” ở Trảng Lớn rồi Đồng- Ban gần Cà-Tum, sát biên giới Việt-Miên, rồi chuyển trại ... nhưng luôn tìm cách “đào thoát”: *“Tôi nhanh nhẹn trườn sát vào tấm bửng sau xe tải vừa được đóng, thuận tay vớ lấy mấy cái bị lát đắp lên người (...) Xe hàng mang tôi ra khỏi nơi giam cầm, có con chó con đứng xa xa sủa ăng ăng, có tiếng chày rộn rã, và tôi phải chạy về hướng nào đây”* với cái ám ảnh *“Manh chiếu rách cuốn lấy xác, cánh tay lòi ra ngoài quơ quơ, máu đỏ trên con đường bụi. Tôi cố nhớ lại cảnh tượng đó như một nhắc nhở giúp cho tôi thêm quyết tâm. Tôi cắn chặt răng mãi miết đi, lê lét đi (...) Anh ngã xuống vũng lầy gai gốc tua tua đầy bùn sinh sùi sục máu Ta ở nơi nào đây? Pháo giao thừa bao vây”*. May được một bà cụ giúp và tình cờ chứng kiến một đám táng. Nhìn người nhà muốn lao xuống huyết, “tôi” đã nghĩ *“Cô muốn*

đào thoát xuống đáy mộ đó hẳn? Làm thế nào được, người ta sẽ kéo cô lên. Hay cô muốn trở đường chỉ lối đào thoát cho riêng tôi thôi? Đào thoát về quê hương chung, nơi không có lừa đảo gian dối, không có sát máu hận thù, nơi mọi chuyện đều đi vào quên lãng, đều yên lành. Nơi... nơi có những đàn kiến nối đuôi nhau thật dài, những đám dòi bọ rúc rĩa. Nơi đó tôi sẽ gặp... Không, không phải thế, tôi không gặp! Nếu người già dần dà thay nhau chết thì ngược lại cũng đúng chứ, nghĩa là em và con vẫn còn sống trên cõi đời này và anh vẫn còn đứng ở đây. Chốc nữa mọi người sẽ lên xe trở về với thành phố. Còn anh? Liệu anh có sẽ kiếm được một chỗ ngồi trên xe để đi đến một nơi an toàn nào không, một nơi không có những cặp mắt theo dõi rình mò, không có gông cùm, không có họng súng. Hay là anh nên ở lại nơi đây trên ngọn đồi này với người quá cố cho qua khỏi đêm nay” (Tuyển Tập Ngự Thuyết, tr. 136).

Bây giờ đã sống ở nước Mỹ này, tác giả hoặc các nhân vật của ông, luôn nhìn lại quanh mình và nhớ nghĩ lại thời gian những năm đau khổ ở quê nhà, từ đó có khi trầm cảm hoặc mộng du., thức hay ngủ, họ thường bị ám ảnh và như thấy thấu hết cuộc sống cũ với người thân, bạn bè. **Quá Khứ** là đề tài chủ yếu trong sáng tác của Ngự Thuyết, trong tình cảnh lưu đầy xa xứ, quá khứ đã trở thành tổ ấm, ngọn lửa và thời gian đã qua khiến dĩ-vãng trở thành một thực tại thường trực, bất biến! Quê nhà, không gian ấy, Sài-Gòn, Huế, Mỹ Tho, Hà Nội,... sống động trong những trang viết của Ngự Thuyết, như một hạnh phúc được sống lại, như đang sống, hạnh phúc còn có thể tìm thấy trong văn chương, nhờ đó mà còn có thể qua văn chương đi thăm lại những con đường khu phố xưa, càng xưa càng thắm, càng nhớ! Những trang chữ gộp lại có thể chỉ là bước đầu của một hành trình tâm thức về lại quê nhà. Và có thể nhiều lần như thế!

Trong Mùa Xuân Đang Về, thời gian ở đây là “mùa” của đất trời và ... con người đa tình. Ông Kim nay đã già thêm, muốn gặp lại Liên, người con gái tám năm trước, muốn “em và anh đón mùa thu về” nhưng đã lỡ làng, đổi thay như tuyết tình cờ rơi phủ đầy trời đất một màu ... tang thương qua một cái nhìn ... chủ quan.

Đi Tìm là chuyện khi “tôi” qua Mỹ theo diện HO, do Duyên, vợ cũ bảo lãnh nhằm trả ân tình xưa, nhưng “tôi” cứ khúc mắc: “Duyên ơi, anh phải đi tìm em. Để nói cho ra lẽ. Để nói rằng một là ... anh rõ tới cái gì là hư cái đó, rằng hai là cái số kiếp của anh nó vậy đó, cái số kiếp suốt đời đi một mình ... Anh, bọn anh, những người thua thiệt trong cuộc sống, những người thất trận ... Vâng, tất cả những người như anh đều là như thế. Lẽ ra anh không nên làm khổ em nhiều quá, lẽ ra anh đừng đi tìm em sau những ngày tai ương của đất nước ... Lỗi là ở anh, cho nên em đừng buồn, đừng ái ngại khi phải bỏ

anh". Cùng những ám ảnh nặng nề của quá khứ: "Đâu đây có tiếng đại pháo gầm, tạc đạn bay vun vút, đại liên quét từng loạt xén đứt đám cây trước giao thông hào. Ngã quy, gục xuống, gục xuống những thân thể, những chòi canh, lầu nước, cột cờ. Đoàn quân banh xác, tan tác, thất tán, bãi đáp trực thăng bỗng vắng teo như nghĩa địa dưới nắng trưa. Không một bóng ma, chỉ còn trơ lại đó một mình Duyên ngồi sau những hàng dây kẽm gai lủng lẳng nón sắt lỗ chỗ dấu đạn, lủng lẳng mấy chiếc giày lính rách toạt, nhoè nhoẹt máu, một mình Duyên ngồi trên mô đất cỏ tranh tua tủa đâm thủng tim gan, nhón nhác kiểm tìm ..." (Tuyển Tập NT, tr. 193-194).

Cũng là chuyện dở dang khác trong **Xuân Nông**: "Anh nhìn lại anh. Hơn năm năm trời anh thu mình trong cái mai cứng, sống ù lì, không than van, không hối tiếc, không thắc mắc, không nhớ nhung. Năm năm mù lòa đó đã qua rồi, vừa mới qua tức thì. Những ngày cũ đang rủ nhau kéo về khuấy động. Vâng, anh không thể bỏ quên quá khứ được như anh đã bỏ quên trong suốt một thời gian dài. Cho nên Mai ơi, cho anh chuộc tội nhé, cho anh gửi em chiếc lá phong này trong một bao thư thật to, dù đã muộn màng, dù em có còn chờ đợi anh hay không, dù em có còn yêu anh hay không, dù anh còn có thể nào gặp lại em hay không. Để đánh đổi với em chiếc lá bàng rơi".

Không thành công hội nhập đời sống mới, nhân vật Vĩnh trong **Mùa Thu và Cây**, luôn so đo trong mặc cảm: "Từ ngày xa quê hương, anh mất hết chí phấn đấu. Những giấc mơ cũ đã tan tành, và anh không còn lòng nào xây lại giấc mơ mới. Anh không tha thiết thứ gì nữa, chỉ mong có việc làm gì cũng được để sống qua ngày. Nay lại thất nghiệp. Chỉ mong đừng nợ nần. Chỉ mong đứa con trai độc nhất chịu khó học hành để khi anh vĩnh viễn ra đi, nó có thể tự lo liệu cái thân của nó. Ngọc khác anh. Anh biết Ngọc sốt ruột vì anh, và dần dần chán anh". Vĩnh – cũng như vài nhân vật truyện khác của Ngự Thuyết, thích đi tản bộ có thể dễ cho hồi tưởng dậy lên: "Mùa Thu và cây đứng chờ chốn cũ. Đứng mãi. Không chạy lảng quăng như con chó, con mèo, không khật khùng như bầy quạ, không bỏ đi biệt như anh. Mùa Thu còn đó cùng với hàng cây đứng yên qua bao nhiêu năm tháng. Cảnh vật vắng lặng, im lìm (...) Mùa Thu giấu mình trong chòm cây xơ xác, trong lá vàng nhiều chiếc đã rụng, trong những chiếc hoa đang tàn phai. Trong nắng nhạt mưa thưa, trong sương khói mờ hồ. Và trong im lặng, không có tiếng động cơ gào thét, không có tiếng còi hú đuổi bắt. Mùa Thu cũng lánh xa gạch ngói, sắt thép, nhà cao tầng. Phải đi bộ chậm chậm mới gặp mùa Thu... Mùa Thu và cây và lá rụng về cội. Và cát bụi chìm dần xuống đáy ao đáy hồ. Và lòng anh cũng đang lắng xuống. Anh bỗng nghĩ đến Ngọc, đến đứa con. Lòng nao nao. Anh cũng nghĩ đến cây bông mộc bé bỏng đang chờ anh săn sóc".

Thế thì kẻ lưu đày không dễ dàng hòa nhập với mùa Thu: “*Thế thì mùa thu là gì? Là lúc trời se lạnh, nắng nhạt mùa thu, gió heo may, lá vàng rơi, mây bàng bạc, khói xây thành... như trong những mùa thu cũ ước lệ của phương Đông, hoặc cũng có khi sóng gió bão bùng như ta vẫn gặp ở ngoài đời. Cho nên có thể nói rằng mùa thu là mùa trần trở chuyển mình để đi vào mùa đông chết trong một ý nghĩa nào đó. Mà chết là hết. Chuyển mình để đi đến cái chết mới là bi kịch. Vậy thu là bi kịch, là bão tố, là chia lìa, là héo úa, tàn phai...*” (**Mùa Thu**, Tuyển Tập NT, tr. 433).

Quê nhà do đó đã trở nên điểm tựa, cho những tham khảo, níu kéo đã mất đó! Nhưng với thời gian, nỗi nhớ cũng trở nên già cỗi một cách bi thảm, khó khăn. Nỗi nhớ trong cô đơn, giữa những thâm cảm của cảnh vật chung quanh,... đã là những yếu tố làm suy bại kẻ lưu đày! Quá khứ quấy rầy đến làm hỏng cuộc sống hiện tại; đã dứt bỏ quá khứ nhưng không dễ, lắm khi bị thương-tổn nặng! Tính cách thời gian trong đa phần truyện, thơ và ký sự của Ngự Thuyết chứng tỏ ông phải đương đầu với cái “hiện tại” chưa hoàn thành, chưa hoặc sẽ không bao giờ trọn vẹn! Điều này rõ hơn nữa trong truyện dài “**Lưu Đày Và Quê Nhà**”.

Chuyện về thăm quê hương Việt Nam của ông Khê, sau nhiều dẫn đo của ông và can gián của bạn bè. “Ông đi đã lâu, hơn một phần tư thế kỷ. Khi bỏ nước ra đi ông nghĩ rằng mình sẽ sống lưu vong cho đến hết quãng đời còn lại, “Sống nhờ đất khách, chết chôn quê người”, không bao giờ trở về, và cũng không bao giờ có ý nghĩ rằng chánh quyền trong nước sẽ có chính sách mở rộng cửa để “kẻ thù cũ” có thể dễ dàng trở về như bây giờ. Ông đã có một cuộc sống khá ổn định ở xứ người, ít nhất về phương diện vật chất. Ông thích đi đây đó, ông thích du lịch, mỗi năm ông đều có một chuyến đi xa trong nước Mỹ mênh mông này, hoặc đi đến nhiều nước khác. Như thế đã thỏa mãn được cái máu “giang hồ vật” hay chưa, hay là còn phải trở về quê mới đủ?” (tr. 38). Nhưng ông vẫn sống không an vui trong hiện tại, ở xứ người hay còn gọi là “đất tạm dung”; ông như thiếu thốn tình cảm, như vẫn còn nợ với quá khứ. “Trong tâm trạng rối rắm đó, cuối cùng ông quyết định về. Hơn hai mươi lăm năm sống ở nước ngoài, ông Khê bây giờ đã là một người đàn ông đứng tuổi, từng trải, mệt mỏi, và vẫn tiếp tục cuộc sống độc thân. Ông về thăm quê hương lần này trước sự bất bình của mấy người bạn thân”. Tự thâm tâm thì ông biết mình về vì “còn một chút vương bận khác, về để gặp mặt đứa con gái của Thủy hiện sống tại Sài Gòn mà ông vừa biết được tin tức. Đứa con gái tên Thi. Vâng, thì cứ về để thăm đứa con gái của Thủy là cũng đã bổ công rồi. Chỉ có vậy thôi sao, hay còn lý do thâm kín mà ông không muốn thổ lộ với bạn bè, lý do mà ông đã nêu lên từ ban đầu — nhớ quê hương”.

Khê trở về quê, làm du khách mà thâm tâm muốn như là người địa phương, từng ở đó, vì muốn thấy thời gian như ngừng lại. Trước hết, ông đi Hà Nội như một người khách du hành và ông đã khám phá những ẩn tàng của một xã hội chỉ đẹp ở mặt nổi và tuyên truyền. Sau đó ông Khê trở về Huế của tuổi thơ ông, như một người ở xa thành phố đó, ghé qua, trở lại, nhìn và nhớ lại một cách sàng lọc những kỷ niệm xưa còn đọng đâu đó trong hồn, để trí tưởng có thể sống lại những mảnh đời, những con người và bạn bè. *“Núi đồi, sông hồ, biển khơi, chùa chiền, lăng miếu, hoàng thành, những vườn cây trái chín thơm lừng, những cánh đồng lúa xanh rì, những ngày đi học đạp xe qua cầu Trường Tiền, những chuyến đi bơi thật lâu và thật xa, và cả hình ảnh người con gái quét lá trên sân, tất cả, cùng với những giấc mơ thâm kín không dám tiết lộ cho ai hay, tạo thành khúc nhạc tuổi xanh thật êm đềm. Nhưng những ngày ngây thơ và trong sáng đó không kéo dài được lâu. Chiến tranh như tai trời ách nước, như cơn bệnh dịch truyền nhiễm khắp nơi, như vết dầu loang thấm nhanh trên tấm bản đồ rách xác xơ...”* (tr. 90). Vậy, *“Thế là ông đã trở lại quê hương sau hơn một phần tư thế kỷ. Đó là điều ông không ngờ tới. Bây giờ đây ông đang đi trên những con đường này, gặp lại những người tưởng không thể bao giờ gặp lại, những bà con, bạn bè, quen biết, không còn bao nhiêu, phần đông đều mừng rỡ một cách chân thành, nhưng cũng có người nhìn ông bằng con mắt hoặc u ám hoặc lạnh nhạt hoặc ganh tị hoặc đối nghịch”*.

Chặng cuối của chuyến đi, ông Khê tìm về Bến Tranh để mong tìm lại được Thi, con gái của Thủy - người ông đã yêu một thời biển động và tị nạn ở đảo, nơi Thi được sinh ra. Thử thời gian hư hoại mà chuyến đi đã khiến cuộc sống khi trở về Mỹ hết “xuôi dòng” vì sau đó, ông bảo lãnh Thi theo diện ... vợ chồng đoàn tụ và tận tình chăm lo cho tương lai cô và cuối cùng lặng lẽ biến mất khỏi cuộc đời Thi trong khi cô con gái từng xác nhận hơn một lần rằng *“chú ở đâu, quê hương của cháu ở đó”*. Ông Khê thì đã nhiều lần nghĩ về “lưu đày và quê nhà” mỗi khi hai câu thơ trong Kiều lại hiện lên trong đầu *“Việc nhà đã tạm thông dong / Tình kỳ giục giã, đã mong độ về ...”*. Một ám ảnh khác cũng luôn hiện về làm ông nhói tim: Thi làm ông luôn nhớ đến mối tình và kỷ niệm giữa ông và mẹ cô gái - giữa Thi và ông, mẹ Thủy luôn có mặt. *“Hình như ai ai cũng đều gánh chịu nhiều mất mát, bằng cách này hay cách khác. Hình như không ai có thể tìm lại được quê xưa. Thi trên bước đường đi xa, dù là những chuyến viễn hành hay lưu đày đi nữa, hãy cố giữ gìn cái gì có thể giữ được. Nếu may mà tìm được cái gì còn sót lại dù bị sút mẻ đi nhiều thì cũng nên nâng niu, ấp ủ. Lỡ có mất đi một lần nữa, cũng đừng than van vô ích”*. Ông nói với cô trước khi đi xa: *“Thi đã đem lại cho chú cả một quê hương chú tưởng đã mất vĩnh viễn”* (tr. 292).

Về Đâu trong tập *Về Đâu và những truyện khác* gồm hai phần truyện, vẫn chuyện thời gian đã mất nay muốn tìm lại, nhưng ở đây là một nhóm bạn hữu đồng trang lứa, người vẫn sống trong nước, người tị nạn ở Pháp và Hoa-Kỳ. Họ trẻ hơn ông Khê trong “*Lưu Đày Và Quê Nhà*”, gặp nhau thì mạnh miệng, lớn lời hơn, nhưng dù có bất đồng chính kiến, họ “Không nói ra, nhưng ai cũng muốn nói chuyện trở lại, nói chuyện dài dài – xa nhau lâu ngày, nay gặp lại, biết bao điều muốn chia sẻ với nhau mà chưa nói hết. Chẳng lẽ chỉ vì một chút xúc động vừa qua khiến họ im lặng rồi phải im lặng mãi”. Người đã rời đi khỏi nước có đủ thành phần - cũng như cộng đồng người Việt hải-ngoại ngày nay: “Có người nhất định không về khi chế độ tàn bạo ấy còn tồn tại. Có người về một lần thôi, rồi đi. Để mong tìm lại cái gì đó chẳng biết còn hay mất mà nó cứ canh cánh mãi bên lòng. Như con chim bị trúng tên, thương tích chưa lành, bay về nhìn lại cảnh cũ. Như như người bị giết hụt máu me đầy mình cũng muốn trở lại xem phạm trường ra sao. Chứ đâu phải chỉ để ăn lại tô bánh canh tôm cua, nước lèo màu đỏ sền sệt nổi trên mặt chiếc nồi đất phải lấy cái vá mỏng khò khò vớt nhẹ; để nghe ve gọi mùa hè mau tới, gọi nhiều lần từ sáng sớm đến chiều tối, làm rám vỏ những trái nhõn lồng trong mo cau có đục những lỗ tròn, làm chín những trái ổi sè nở nang mơn mớn chuyển từ màu xanh đậm qua màu trắng hồng có nhiều vết chim mổ, làm mồ hôi tuôn ra ướt lưng thon những chiếc áo lụa dài trắng mỏng của những em Đồng Khánh, Gia Long, Trùng Vương, buổi trưa nắng chói, đạp xe đạp từ trường về nhà...” (VĐ, tr. 235).

Họ phải tranh luận để biết nên “Về đâu?”, như nhận diện lại “Vậy Miền Nam là gì? Là đất nước, trời mây, giang sơn, biển đảo. Là tổ tiên, dĩ vãng, mồ mả, am miếu, chùa chiền, nhà thờ, nhà tù đường, lầu chuông, gác trống. Là ký ức tập thể. Là sinh hoạt cộng đồng. Là hiện tại, tương lai, ước mơ, hy vọng và thất vọng. Là thói quen, tiếng cười giọng nói, âm nhạc, văn thơ, tranh ảnh, tượng đài. Là ruộng đồng, cây lá, con người và muôn loài. Là món ăn, thức uống. Là niềm tự hào, tự trọng. Là những gì được tôn thờ, trân quý, những gì rất cao xa, mơ hồ, những gì mà chí sỹ Phan Bội Châu từng nói, Không có nỗi đau nào lớn lao bằng nỗi đau mất nước. Và lạ thay, cũng là những gì rất gần gũi, thân yêu, triu mến, đeo đẳng nhau mãi không rời, như người tình đối với người tình – Nhớ môi em và màu mắt biếc. Mất. Bơ vơ ...”.

Cuối cùng thì “Câu hỏi ‘Về đâu?’ cứ đeo đẳng mãi. Nhiều đêm thức trắng đêm, anh không tìm được câu trả lời dứt khoát. Anh nghĩ lại ngay cả khi tình hình tại quê cũ chuyển biến thuận lợi, nghĩa là khi cái chế độ bạo tàn đó không còn tồn tại nữa, liệu anh còn có thể trở về để ‘bơi lội trên dòng nước cũ’” và cũng như các bạn, khi vui khi buồn “Cái

vui bên ngoài khó che lấp hết những thao thức bên trong. Thì tui nó có gắng hỏi mình, mình sẽ nói cho có nói. Ôi tui nói chơi thôi mà. Có định đi đâu đâu. Ai lại vô tình, vô nghĩa bỏ nơi đã cứu mang mình trong những bước đầu bơ vơ”. Nhân vật Hưng còn băn khoăn rằng “Trước kia, trước 75, mình gọi đi Pháp, đi Mỹ, rồi trở về Việt Nam. Mấy hôm trước đây khi còn ở Pháp thì nói về Việt Nam, nay tại Việt Nam lại bảo về Pháp” (VĐ, tr. 282, 284).

oOo

Không khí chiến tranh hiện diện trong hầu hết các truyện của Ngự Thuyết, chiến tranh và hậu quả ở các hậu phương xóm làng, thành phố. Trong một số truyện, ông đưa vào tiểu luận hay bình luận thơ văn hoặc lịch sử dài dòng, đôi khi bất ngờ không chờ đợi cho độc giả thuần văn chương truyện.

Căn nguyên đạo đức (ethic) của văn-chương là nhằm đưa đến cứu rỗi, Ngự Thuyết có thể ý thức điều đó khi ông cho biết chủ trương viết trước hết cho chính mình như tiên thiên văn chương là phải từ nhà văn – trong Viết và Viết Cho Ai thay lời tựa tập “Lưu Đày và Quê Nhà”, ông xác nhận: *“Trước hết và quan yếu nhất, tôi viết cho tôi (...) Tôi thì viết để trút bỏ một ám ảnh, viết để làm vơi đi những băn khoăn, viết để soi chiếu một sự thật nào đó theo cái nhìn của mình, viết để tìm một an ủi. Và khi có người đọc tri kỷ thì thêm vào đó viết để san sẻ. Toàn là những lý do rất cá nhân. Ngoài ra, và điều này cũng chi phối tôi rất nhiều, viết vì nghe theo một tiếng gọi mơ hồ, bí mật, nhưng dai dẳng, của ngôn ngữ”* (tr. 28).

Qua các tác phẩm Ngự Thuyết đã xuất bản, quá khứ đã được nhìn lại qua truyện, thơ với cái nhìn suy tư của kẻ đã đi qua, đã chín mùi đời. Ngự Thuyết là một nhà văn khởi viết từ khi ra hải-ngoại nhưng đã tỏ ra bút pháp già dặn, kinh nghiệm văn-hóa và sống cùng tâm hồn nhạy cảm, tỉnh thức đã giúp tác-giả có cái nhìn sắc bén, tận gốc, như nói thay cho một tập thể đã trải qua biết bao thử thách, đổi đầu và vẫn luôn tìm cho mình một đường đi, nếp nghĩ.

NGUYỄN VY KHANH



CHU VƯƠNG MIỆN đêm nay

Sau giờ đối gác

Khung trời bờ ngõ ngàn sao

Lòng con u hoài man mác

Mẹ ơi bắc đẩu phương nào ?

“ thơ Tường Linh “

Thơ trụ đây ? mà người lặn nơi đâu ?
 Bước chân tiền nhân “ thiên đầu thiên cổ “
Nào Lý Bạch – Đỗ Mục – Đỗ Phủ
 nhớ thương Anh nguyên quán “ xá “
 địa linh nhân kiệt Trung Phước Quảng Nam
 đành ngồi đây trên ghế đá bên bến sông Hàn
 húp tô tàu hủ
 90 năm sống như vậy cũng là quá tạm đủ
 O đòi hỏi chi hơn ?
 Ngày 3 buổi cơm canh
 Cá kho tộ dưa cải
 Sáng cà pháo cà phê tối cháo gà cháo vịt
 Thơ vừa cổ vừa kim chưa tân hình thức
 Khi xe vespa khi xe đạp độp
 Nhà thơ Quân Đội miền Nam
 Được liệt vào hàng số 1

Đi lính từ thời 55
Đến 75 cấp bậc Trung Sĩ Nhất
Tiếc thay cũng vừa mới xong đời
“ mới thác “
Nơi an nghỉ cuối cùng gần chợ Bà Chiểu
Cạnh lăng đức Tả Quân Lê Văn Duyệt

NÀNG THƠ &
Giờ chỉ sống 1 chắc
Người bạn đời đã chết
Con gái lấy chồng định cư
xứ khác
Nàng thơ cũng đẹp nghề luôn
Nhiếp ảnh gia chủ cũng chả còn
Chuyện tình nào cũng nửa chừng
Cánh cửa lớn nhỏ nào rồi cũng khép
Vở tuồng nào vừa kéo màn lên là đẹp
Đoàn hát trơ ra toàn là đào
O kếp
Đọc nửa chừng xuân “ khung cửa hẹp”
Của nhà văn Khái Hưng & Andre’ Gide
Phần hiểu phần o
Phần ngộ nhận quá mệt

CHU VƯƠNG MIỆN



NGUYỄN MINH TRIẾT
chuyên Thánh Gióng và
sách lược chống ngoại xâm.

Đối với 4000 năm lịch sử của Việt tộc, chúng ta chỉ có khoảng 2000 năm là được ghi chép đàng hoàng, còn 2000 năm kia hầu hết được truyền lại qua các huyền thoại. Vì vậy, huyền thoại có một vai trò đặc biệt trong việc giúp ta ngược dòng thời gian tìm về cội nguồn dân tộc. Huyền thoại cũng được nhiều người gọi là huyền sử và được định nghĩa như là huyền thoại dựa trên vài sự kiện lịch sử có thật. Một huyền thoại có thể được dựng lên bởi nhiều tác giả qua nhiều ngàn năm nên luôn luôn là phản ánh của ý thức và tiềm thức của các tác giả. Và khi theo thời gian huyền thoại đã trở thành huyền sử của một dân tộc, huyền thoại phản ánh tiềm thức và ý thức của cả dân tộc đó. Huyền thoại cũng phản ánh những ước muốn, những suy tư chưa được ý thức hóa, hoặc không thể thực hiện được trên thực tế, nên vẫn còn chìm đắm trong tiềm thức và đôi khi là nơi thể hiện những ước vọng của một dân tộc.

Kho tàng huyền sử Việt Nam rất phong phú và đa dạng. Bên cạnh các huyền sử Tiên Rồng hay Sơn Tinh Thủy Tinh rất được phổ biến, huyền sử Thánh Gióng hay sự tích Phù Đổng Thiên vương cũng được nhắc đến qua nhiều thế hệ vì giá trị đặc thù của câu chuyện. Chuyện kể rằng vào đời Hùng Vương thứ 6, biết được nhà Ân phương bắc đang tập trung binh mã chuẩn bị xâm lấn nước ta, vua Hùng rất lấy làm lo ngại, nên lập đàn cầu Tổ về giúp. Trời bỗng nổi lên một cơn mưa to gió lớn, và một cụ già đến đùa giỡn với trẻ con ở ngã ba đường. Dù thấy lạ nhưng vua Hùng cũng đến xin Cụ chỉ cách cứu nước. Cụ cười nói: "Nhà vua hãy sai sứ đi khắp nơi mà tìm!." Theo lời Tổ dạy nhà vua cho sứ đi khắp nơi kêu gọi người hiền tài ra giúp nước để chống lại sự xâm lược không tránh khỏi của giặc Ân.

Đang khi đó tại làng Phù Đổng vùng đất Tiên Du nay thuộc Bắc Ninh có một cậu bé tên Gióng đã ba tuổi mà không biết nói cười đi đứng gì cả. Nhưng khi nghe sứ vua rao tin, cậu liền bật nói nhờ mẹ gọi sứ giả vào. Cậu xin sứ tâu vua đúc cho cậu một con ngựa sắt, một con roi sắt, một áo giáp sắt, và một cái nón sắt để cậu đi đánh dẹp giặc xâm lăng. Sứ giả rất đỗi ngạc nhiên nhưng cũng về tâu vua. Vua tin là điềm lành đúng như mộng đã báo nên vua bèn truyền cho thợ gấp rút rèn đủ những thứ binh khí mà Gióng cần. Từ hôm ấy Gióng lớn nhanh như thổi, cơm ăn mấy không no, áo rộng mấy mặc vài ngày đã chật, mẹ Gióng vét hết thóc gạo, hái hết cả vườn cũng không đủ cho Gióng ăn, nên cả làng phải góp gạo góp cả đem đến phụ nuôi Gióng.

Khi ngựa sắt và các thứ binh khí đã được đúc xong và đem đến cho cậu bé thì giặc Ân cũng vừa tràn qua biên giới. Dân làng bày tiệc tiễn Gióng ra trận với bảy nong cơm với ba thúng cà. Gióng ăn loáng một cái là hết ngay. Sau khi ăn xong, Gióng đứng thẳng người vươn vai và bỗng nhiên từ cậu bé trở thành con người khổng lồ. Gióng mặc áo giáp, đội mũ sắt, tay cầm roi sắt rồi nhảy lên ngựa sắt. Lập tức ngựa sắt chồm lên, hý một tiếng dài, khịt ra lửa rồi lao vút đi về hướng giặc. Chỉ chớp mắt là đã đến núi Châu Sơn là nơi đóng quân của giặc Ân. Gióng phi ngựa vung roi sắt, xông vào đánh, giặc chết như rạ. Bọn sống sót chạy tán loạn, Gióng thúc ngựa đuổi theo. Roi sắt quật vào đầu giặc đột nhiên bị gãy, Gióng bèn nhổ những bụi tre bên đường làm vũ khí tiếp tục diệt giặc. Giặc tan vỡ, giẫm đạp lên nhau chạy thục mạng. Khi đánh đến núi Sóc Sơn thì giặc tan hết. Gióng cởi áo giáp và nón sắt để lại rồi cả người lẫn ngựa bay thẳng lên trời. Vua Hùng nhớ công ơn vị anh hùng đã dẹp giặc cứu nước bèn phong Gióng là Phù Đổng Thiên Vương, cho lập đền thờ ngay trong vườn nhà ngài và cấp cho dân làng 100 mẫu ruộng để trồng lấy lúa gạo lo việc cúng tế.

Cùng với các vị thần trong “tứ bất tử”(*) của người Việt, Thánh Gióng đã làm nên thiên anh hùng ca rực rỡ trải dài suốt mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc. Hiện nay ngôi đền thờ Thánh Gióng vẫn còn ở làng Phù Đổng thuộc ngoại ô Hà Nội. Tương truyền dân gian tin là những ao hình tròn liên tiếp còn thấy ở chân núi Sóc Sơn là những dấu chân ngựa sắt của Thánh Gióng in sâu xuống đất. Khu rừng tre ngài nhổ lên làm roi đánh giặc vì bị lửa cháy tấp nên tre có màu vàng được gọi là tre Đằng ngà, loại tre này ngày nay vẫn còn mọc nhiều tại huyện Gia Bình. Chỗ con ngựa sắt phun lửa đốt cháy một góc làng có quân giặc trú đóng, bây giờ gọi là làng Cháy, thuộc huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh. Hàng năm cứ đến ngày mùng 9 tháng 4 âm lịch, dân chúng mở hội làng tưng bừng ăn mừng ngày Thánh Gióng đánh thẳng giặc xâm lăng. Tuy nhiên, hội Gióng từ lâu đã không còn là ngày hội của riêng người làng Gióng mà đã được nâng lên thành lễ hội

chung của rất nhiều nơi cùng tổ chức như: Hội đền Sóc (Xuân Đình, Từ Liêm); hội Sóc Sơn (Đông Anh); hội Phù Gióng; hội Gióng Bộ Đầu... Vì vậy, câu nói: “Mồng bảy hội Khám, mồng tám hội Dâu, mồng chín đâu đâu cũng về hội Gióng” được truyền tụng trong dân gian đã nói lên quy mô cũng như ý nghĩa đặc biệt của lễ hội cổ truyền này.

Câu chuyện Thánh Gióng được kết cấu một cách đơn sơ và có vẻ hoang đường. Tuy nhiên, nếu chúng ta chịu lắng hồn để tìm hiểu một cách cẩn trọng, hồn nước sẽ từ từ hiện về trong cõi lòng của những ai sẵn sàng đón nhận và biết lắng nghe để thấy rằng qua chuyện Thánh Gióng tổ tiên đã nhắn gởi cho con cháu nhiều thứ. Thứ nhất, đó là một sứ điệp về một mẫu người trai hào hùng và vai trò của tuổi trẻ trong công cuộc chống ngoại xâm. Thứ hai là một sứ điệp về sự cảnh giác không được chủ quan trước họa ngoại xâm từ phương Bắc. Và thứ ba là một sứ điệp về sách lược cứu nước.

Trước tiên, giống như trong các truyền thuyết khác của dân tộc các nhân vật anh hùng luôn có xuất thân thật bình dị nhưng lại có những hành động phi thường, cậu bé làng Phù Đổng cũng không ra ngoài thông lệ và là hình ảnh hào hùng của tuổi trẻ Việt biết sống vì dân vì nước ngay từ lúc đất nước hãy còn ban sơ. Trong thời bình, tuổi trẻ đó qua hình ảnh Thánh Gióng không biết nói, không biết đi là hình ảnh của tuổi trẻ Việt đã sống thầm lặng, bình dị trong lòng đại chúng. Nhưng khi tổ quốc lâm nguy, tuổi trẻ đó đã bỗng nhiên biết nói và xin vua cho đi diệt giặc là hình ảnh của tuổi trẻ hào hùng hưởng ứng tiếng gọi của non sông và nhận trách nhiệm diệt quân xâm lăng, giữ gìn bờ cõi. Đó cũng là hình ảnh của một lớp người trẻ có ý thức và sự lớn mạnh nhanh chóng của tuổi trẻ nói riêng và của cả dân tộc Việt nói chung khi đất nước bị ngoại xâm. Đến khi hoàn thành xong nhiệm vụ, tuổi trẻ đó đã lên núi cởi áo giáp bỏ lại rồi cùng ngựa sắt bay về trời là hình ảnh của một lớp người tuổi trẻ dù đã lên đến đỉnh danh vọng vẫn không màng quyền tước địa vị, biết coi nhẹ lợi danh. Thấy việc cần phải làm thì làm. Khi làm xong biết cởi bỏ mọi ràng buộc vật chất, lui về sống an nhàn bình dị trong lòng dân tộc. Ngoài ra, hình ảnh Thánh Gióng bay thẳng về trời có phải chăng là hình ảnh Thánh Gióng đã bay thẳng vào lòng dân tộc, bay thẳng vào lòng tôn kính chân thành của dân chúng muôn đời sau.

Nhưng trên hết qua chuyện Thánh Gióng tổ tiên đã để lại cho chúng ta một sứ điệp rõ rệt về sự cảnh giác và một sách lược giữ nước, chống giặc phương Bắc. Trước nguy cơ bị xâm lăng, vua Hùng đã lập đàn cầu Tổ tức cầu xin những vong linh của tiền nhân mà theo tin tưởng của dân gian bao giờ cũng hiện về độ trì con cháu khi được con cháu khẩn cầu. Điều tin tưởng này đã có từ ngàn xưa qua chuyện Tiên

Rồng với câu nói của Cha Rồng Lạc Long Quân dặn Mẹ Tiên Âu Cơ trước khi mỗi người dẫn 50 con xuống biển và 50 con lên non là: "Khi cần thì gọi, ta về ngay". Cho nên Tổ là biểu trưng cho tinh thần, cho hồn thiêng của dân tộc. Cầu Tổ là bộc lộ niềm tin, niềm hi vọng tuyệt đối vào sức sống siêu việt của dân tộc. Trước lòng thành của vua Hùng, Tổ đã hiện về, nhưng không về thẳng với vua mà Tổ về đùa giỡn với trẻ con ở ngã ba đường. Trẻ con ở đây là con đỏ, con dân, là biểu trưng cho đại chúng. Ngã ba đường thời xưa là nơi dân chúng tụ họp, hoặc họp chợ. Như vậy, Tổ không về thẳng với vua mà Tổ đã về giữa đám đại chúng. Tổ chánh là đại chúng, Tổ ở trong đại chúng. Vua Hùng đã đích thân đến ngã ba đường gặp cụ già là hành động của lãnh đạo sáng suốt biết tìm đến đại chúng để học hỏi phương cách cứu nước. Ngoài ra, hình ảnh ông già còn là biểu tượng của sự khôn ngoan của đại chúng. Thường thường người lớn tuổi suy tư cặn kẽ hơn người nhỏ tuổi; vì vậy ông già là biểu hiện cho sự khôn ngoan đó.

Theo lời khuyên của Tổ, vua Hùng đã cho sứ đi khắp nơi tìm người tài đức ra giúp nước là một đường lối cai trị có tánh cách dân chủ, vừa loan báo cho toàn dân biết tình trạng nguy khốn của đất nước để toàn dân cảnh giác, đồng thời cũng là một hành động kêu gọi sự đoàn kết của toàn dân để chống xâm lăng, chứ không muốn giữ độc quyền yêu nước và giữ nước. Trong thực trạng chánh trị, đường lối cai trị này là sáng suốt vì nhân dân là sức mạnh duy nhất của quốc gia và trong chiến tranh chánh người dân phải đổ xương máu chiến đấu nên nếu kế hoạch không thuận ý dân, người dân làm sao hăng say chiến đấu cho được. Hiệu lực của dân chủ, trên dưới đoàn kết một lòng trong chiến tranh mấy ngàn năm sau đã được thể hiện rõ rệt trong Hội Nghị Diên Hồng đời nhà Trần giúp cho quân dân Đại Việt chiến thắng oai hùng trước quân Nguyên.

Ngoài ra, cậu bé làng Phù Đổng một mình phá giặc là hình ảnh của sức mạnh toàn dân đoàn kết thành một khối. Hình ảnh của những người dân quê mùa có vẻ bất tài vô dụng, nhưng khi phải chiến đấu, lại là sức lực duy nhất của quốc gia. Đồng thời hình ảnh đó cũng nói lên sức mạnh của chiến thắng là sức mạnh được xuất phát từ dân và để bảo vệ dân. Theo triết gia Kim Định hình ảnh Thánh Gióng không chỉ khác hơn là bóng dáng con người đại ngã tâm linh của dân tộc Việt có tầm vóc như vũ trụ được biểu lộ ra ngoài bằng tinh thần tự lực, tự cường của dân nước Văn Lang. Hình ảnh đó ngày thường không ai để ý đến (nói bóng là trẻ ba tuổi chưa biết nói); nhưng khi phải đối phó với nguy cơ thì đức tự lực tự cường dâng lên tâm kích vũ trụ, nâng con người lên ngang hàng cùng trời và đất nên có sức mạnh vô địch.

Trở về với câu chuyện Thánh Gióng, chúng ta thấy là khi Thánh

Gióng tỏ ý muốn ra trận dẹp giặc cứu nước đã được Mẹ và bà con xa gần cho ăn, cho mặc... là hình ảnh của sự ý thức và sự tự nguyện đóng góp của toàn dân cho công cuộc đánh đuổi ngoại xâm bảo vệ bờ cõi vì nước mất thì nhà tan. Nó cũng nói lên sự quyết tâm và thức tỉnh của toàn dân để đứng ra nhận lãnh trách nhiệm nuôi dưỡng và bảo bọc cho người chiến sĩ. Quân dân một lòng chung sức lo gì không bảo vệ được non sông.

Hình ảnh dân làng bày tiệc tiễn Gióng ra trận với bảy nong cơm với ba thúng cà có một ý nghĩa sâu xa về phương diện dịch lý. Bảy nong cơm có số 7 là số Càn tượng trưng cho lửa và ba thúng cà có số 3 là số Đoài tượng trưng cho khí gió. Như thế Gióng đã nuốt lửa và khí gió vào người nên sau khi ăn xong Gióng đứng thẳng người vươn vai và bỗng nhiên từ cậu bé trở thành con người khổng lồ có sức mạnh vô song như giông tố, như sấm động. Việc xin ngựa sắt và áo giáp là hành động nói lên nguyện vọng của dân và vua Hùng chấp thuận cung cấp phương tiện theo yêu cầu là nói lên sự biết lắng nghe và làm theo nguyện vọng đại chúng của cấp lãnh đạo đất nước, cũng như nói lên sự đoàn kết giữa lãnh đạo và quần chúng, giữa quân và dân trong công cuộc cứu nước và giữ nước.

Hình ảnh thánh Gióng mặc áo giáp sắt cỡi ngựa sắt lao vút về hướng giặc vừa phun lửa vừa dùng roi sắt để đánh diệt giặc Ân là hình ảnh của sức mạnh quân sự với vũ khí hữu hiệu. Vũ khí ở đây chánh là sức mạnh của đại chúng làm áo giáp che thân, hùng khí của tuổi trẻ là ngọn roi thần, và kinh nghiệm chiến đấu của tiền nhân và hồn thiêng sông núi là lửa đỏ phun ra từ chiến mã thiêu đốt quân xâm lăng. Ngoài ra, hình ảnh ngựa lao vút về hướng giặc cho thấy hình ảnh của một chiến pháp tấn công phủ đầu và di quân thần tốc là những chiến pháp rất tân kỳ trong gian đoạn lịch sử thời Thánh Gióng vì quan niệm chiến lược cổ điển thường dựa vào chiến pháp phòng thủ thụ động trong những thành quách khổng lồ. Có phải chăng chiến pháp tấn công phủ đầu và di quân thần tốc của Thánh Gióng sau này đã được người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ khai thác và sử dụng để đánh bại quân Tôn Sĩ Nghị của nhà Thanh.

Nhưng vũ khí và sức mạnh quân sự thôi chưa đủ để đạt được chiến thắng tối hậu. Lực lượng quân sự còn cần phải được sự hỗ trợ của dân. Hình ảnh roi sắt bị gãy và thánh Gióng đã phải nhổ những bụi tre bên đường để tiếp tục chiến đấu đã nói lên sự hỗ trợ thiết yếu đó. Tre tầm thường nhưng đa dụng, tre bốn mùa xanh lá, thân đứng thẳng khi bị gió bão thì nghiêng theo gió nhưng không bị gió bẻ gãy là hình ảnh tiêu biểu cho kẻ chánh nhân trong xã hội Việt. Tre cũng biểu trưng cho làng xã Việt Nam vì các làng Việt đều có lũy tre bao quanh.

Từ ngàn xưa làng xã giữ một vai trò quan trọng trong nếp sống của dân Việt. Với thể chế và cơ cấu sinh hoạt tự trị, làng xã từ bao ngàn năm là nơi bảo tồn và hun đúc nếp sống thuần túy dân tộc. Cho nên làng xã là nơi ấp ủ hồn dân tộc, là nơi xuất phát sức mạnh của dân tộc. Sau khi dùng roi sắt Thánh Gióng đã phải dùng đến các bụi tre để chiến thắng có nghĩa là Thánh Gióng đã biết dùng sức mạnh quen thuộc cận kề là sức mạnh của toàn dân, sức mạnh của tinh thần dân tộc. Nói cách khác, Thánh Gióng đã biết dựa vào sức mạnh của toàn dân Việt khắp mọi thôn làng, và huy động được mọi năng lực của xã hội trong công cuộc đánh đuổi giặc ngoại xâm. Khi đã có hồn nước, khi đã có toàn dân, khi đã có sức mạnh quân sự và hành xử hợp lòng dân và ý trời thì việc đuổi giặc ra khỏi bờ cõi là kết quả đương nhiên.

Ngoài ra, hành động thánh Gióng dùng roi sắt thay vì kiếm thép khi ra trận cũng nói lên tánh cách nhân thứ, không tàn bạo của văn hóa Việt. Khi lâm chiến là phải có chém giết, nhưng thánh Gióng đã không dùng kiếm thép mà chỉ dùng roi là có ý nói cuộc chiến mà thánh Gióng đang lãnh đạo là một cuộc chiến chẳng đặng đừng, một cuộc chiến tự vệ. Roi hàm ý nghĩa sửa dạy, đánh phạt, còn kiếm thép là vũ khí chém giết. Điều này nói lên vì giặc Ân xâm lăng nước ta, nên ta bắt buộc phải đánh trả và qua sự đánh trả bằng roi đó giống như cha mẹ dùng roi để dạy dỗ con cái sai phạm ta muốn dạy cho giặc phương Bắc biết là phải tôn trọng biên cương của «Nam quốc» đúng theo qui định của ý trời như danh tướng Lý Thường Kiệt sau này đã từng tuyên cáo :

*«Nam quốc sơn hà nam đế cư
«Tiệt nhiên định phận tại thiên thư... »*

Sau khi đánh thắng giặc Ân, Thánh Gióng lên núi Sóc Sơn cởi áo giáp bỏ lại rồi cùng ngựa sắt bay về trời là biểu trưng cho sự thắng hoa của hành động cứu nước. Thánh Gióng là biểu tượng của sức mạnh tập trung của dân tộc, tức phần Rồng trong sự tích Tiên Rồng. Sức mạnh đó đã được vận dụng để đánh giặc ngoại xâm. Khi giặc đã tan, sức mạnh đó không còn cần bộc lộ sự oai dũng nữa nên sức mạnh đó đi lên núi tức trở về với mẹ Tiên, trở về với hồn nước. Ngoài ra, hành động Thánh Gióng cởi bỏ lại áo giáp còn biểu tỏ là muốn nói trả lại cho dân những gì thuộc về dân, trả lại các phương tiện quân sự lại cho đại chúng, có nghĩa là cho giảm quân số, cho quân trở về sống với dân. Có phải chăng vì thấu hiểu được lời khuyên này mà các triều vua nhà Lý, nhà Trần đều áp dụng chánh sách «ngụ binh ư dân». Khi giặc đến dân trở thành chiến sĩ. Khi giặc tan, chỉ giữ lại một quân lực vừa đủ còn bao nhiêu cho trở về xóm làng cùng dân chăm lo cày cấy để phát triển ruộng vườn, phát triển đất nước.

Bài học mà Tổ tiên truyền dạy qua các huyền sử, đặc biệt là huyền sử Thánh Gióng vẫn còn đó, cũng như bao nhiêu kinh nghiệm của tiền nhân trong việc giữ nước hãy còn ghi rõ nét trong các trang sử oai hùng. Đã bao nhiêu đời truyện Thánh Gióng đã đi vào tâm thức người Việt, và dù ở thời đại nào, dù ở phương trời nào, mọi người dân Việt đều ấp ủ trong lòng bài học giữ nước của Tổ tiên và luôn cảnh giác về họa xâm lăng của giặc phương Bắc.

Ngày nay họa xâm lăng của giặc Tàu ngày càng trở rõ rệt và tinh vi xảo quyệt. Ngoài việc cưỡng chiếm quần đảo Hoàng Sa của chúng ta vào năm 1974 ngày nay chúng còn thực hiện cuộc xâm lăng toàn diện trên mọi lãnh vực từ tư tưởng, văn hóa, kinh tế, đến chánh trị và quân sự, với nhiều thủ đoạn hết sức thâm độc. Cho nên, chúng ta toàn dân Việt khắp mọi nơi, nhà cầm quyền cũng như dân chúng phải biết cấp thiết bảo tồn bản sắc riêng của dân tộc mình, và phải biết lựa chọn con đường trở về với các giá trị dân tộc đích thực để giữ nước. Một trong những giá trị đó là sách lược giữ nước và cứu nước mà tổ tiên muốn nhắn gởi qua chuyện Thánh Gióng.

Sách lược cứu nước đó là trước hết phải dựa vào niềm tin bất diệt, vào sức sống vô tận, và truyền thống siêu việt của dân tộc Việt. Nói cách khác sách lược đó phải dựa vào lòng tự tín, tự lập như là nền tảng của sức mạnh. Đó chánh là nền tảng đích thực của công cuộc cứu dân cứu nước. Bất cứ nền tảng nào khác đều là vọng ngoại, là tà thuyết, là áp đặt của cường quyền bạo lực.

Thứ hai, sách lược cứu nước phải dựa vào sức mạnh của toàn dân. Muốn chiến thắng giặc ngoại xâm toàn dân phải đồng lòng trong sách lược cứu nước, mà muốn toàn dân đồng lòng, đoàn kết thì chỉ có con đường dân chủ hóa mới tạo được cơ hội cho mọi người dân được cùng chung sức chung lòng trong công cuộc bảo vệ bờ cõi. Quyền lực chánh trị phải thực sự nằm trong tay người dân và tất cả mọi người phải được bình đẳng. Bình đẳng trong công cuộc giữ nước cũng như cứu nước. Nếu mọi công dân đều có quyền tự do chánh trị thì mọi trở ngại có thể vượt thắng và mọi kẻ thù có thể dẹp tan, cho dù xuất phát từ phương bắc, phương nam hay phương tây. Tổ tiên cho thấy là đường lối cai trị dân chủ hợp lòng dân tự nó có sức mạnh vạn năng.

Thứ ba, để giữ được nước, quốc gia phải có quân đội hùng mạnh và hữu hiệu lấy dân, và lòng yêu nước làm căn bản. Quân và dân phải như cá với nước, quân từ dân mà ra và được dân nuôi dưỡng, đùm bọc và quân phải xả thân bảo vệ người dân, bảo vệ thôn làng, và xã tắc. Trong chiến trận đội quân đó phải biết dành phần chủ động chiến trường bằng những chiến pháp thần tốc, ngoan cường.

Tóm lại, truyện Thánh Gióng hay sự tích Phù Đổng Thiên Vương với những tình tiết trong cuộc đời có một không hai, từ lâu đã trở thành biểu tượng, chứ không còn là huyền thoại hay huyền sử gắn với thời các vua Hùng nữa. Từ lâu, Thánh Gióng là biểu tượng của ý chí quật khởi hào hùng của dân Việt. Thánh Gióng cũng là biểu tượng cho tinh thần và sức mạnh của người dân nước Việt trong đấu tranh dựng nước và giữ nước. Dân Việt bình thường thì như đứa trẻ thơ, nhưng khi có giặc là vụt lớn lên trăm trượng, có sức mạnh vô song, biến sắt thép thành ngựa chiến, biến tre trúc thành gươm đao, biến hơi thở thành cuồng phong bão lửa có tầm kích vũ trụ có thể thiêu rụi mọi mộng bá quyền và đánh tan bất cứ kẻ ngoại xâm nào. Thánh Gióng mãi mãi là bài học giá trị cho mọi con dân Việt tâm hồn còn luôn khoáng khoái cho sự trường tồn của giống dân Lạc Hồng và sự toàn vẹn của núi sông biển đảo do cha ông để lại.

NGUYỄN MINH TRIẾT

(*) Tứ bất tử là Tản Viên Sơn thần tượng trưng cho ước vọng chiến thắng thiên tai., Phù Đổng Thiên vương tượng trưng cho tinh thần chống ngoại xâm và sức mạnh tuổi trẻ, Chử Đồng Tử tượng trưng cho tình yêu, hôn nhân, và sự giàu có, và Liễu Hạnh Công chúa, tượng trưng cho cuộc sống tinh thần, sự phúc đức.

Tài liệu tham khảo:

Kim Định -- Thái Bình Minh Triết, Thời Điểm xuất bản, 1997.

Đào Văn Dương, et. al. -- Tinh Hoa Tư Tưởng Việt, Tủ Sách Việt Thường xuất bản, 1997.

Nam Thiên -- Kinh Việt, Hoa Tiên Rồng xuất bản, 1993.

Danh ngôn

Người nghệ sĩ không có thời gian để nghe các nhà phê bình. Người muốn trở thành nhà văn đọc phê bình, người muốn viết không có thời gian để đọc phê bình.

The artist doesn't have time to listen to the critics. The ones who want to be writers read the reviews, the ones who want to write don't have the time to read reviews.

William Faulkner



NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

**VŨ HỮU ĐỊNH,
đường gian nan chạy suốt kiếp người**

Bóng dáng của Vũ Hữu Định như một con ngựa hoang, ngày tháng chất chồng trên vó ngược mà chính bản thân chủ nhân cũng không lường trước được phương hướng để định vị cuộc đời trước mặt. Đã là hóa thân loài ngựa hoang, sự thuần hóa là điều không tưởng, bước đi nhảy vọt không hai chần mắt, vì vậy hướng tương lai như chiếc bóng phù ảo, cứ chạy đuổi miệt mài trong cái hư không vô cùng tận. Có lẽ định mệnh quy cách cho một số phận đầy nghiệt ngã, khiến Vũ Hữu Định cứ rong cương cật vó vô định hình trong không gian lưu trú, lãng bạt suốt bề dài tuổi thanh niên. Cũng có lẽ bao nhiêu bất trắc cứ đổ đầy trên số phận nhà thơ, đem tất cả phong trần thế gian phủ chụp cho nát nhàu kiếp số. Long đông và nghiệt ngã bám đầy trên vai áo Vũ Hữu Định không biết bắt đầu từ lúc nào, nhưng khi anh gặp tôi tại Sài Gòn, hình như gió bụi cộng sinh đã là chiếc bóng gắn chặt vào cuộc đời, không tách rời khỏi được số phận và thơ Vũ Hữu Định. Chan hòa tan nát trong sự vẩn vù của vũ trụ, bản thân như hạt cát lẻ loi giữa sa mạc, cái mất đi còn có hình thể gì đâu mà phải phân trần, nhưng cái còn lại của một tâm thức người thơ trụ lại được trong cái an nhiên, thì đó là cái khó được thử thách thật quyết liệt. Vũ Hữu Định biến hóa sự nghiệt ngã trở thành sự tịch tĩnh hằng ngày trong hành xử với thế sự và chính bản thân, như một đoá sen hồng điểm đậm thanh khiết giữa tứ bề sương khói phủ vây. Trong đời tôi, giao tiếp thân tình với bằng hữu bốn phương, dĩ nhiên cũng gặp nhiều khuôn mẫu tuyệt vời trong cuộc sống. Nhiều nhân dáng chuyên chở từ tâm thức kỳ diệu gần như những đạo vị, được hóa thân tự tại, dù có quay cuồng trong nghiệt ngã... Vũ Hữu Định là một con ngựa bạch lãng bạt phiêu du dưới những giọt trắng vàng, đôi hớp sương tạo dựng sự sung mãn cho khí thơ, hiện thành bất chợt luân lưu hòa nhập với từng đoạn đường trường sai vó qua truông.

Thản nhiên bước lên cuộc sống không giây phút bình yên, Vũ Hữu Định không bao giờ thiếu nụ cười cợt đùa với thế sự chung quanh. Thoạt đến thoạt đi, là phương châm hành sự khiến có lúc anh em quan tâm chờ đón cũng không định được phương hướng dừng chân của Vũ Hữu Định. Thật ra, hoàn cảnh bất hợp lệ khiến đời sống anh có một sự thay đổi lớn, luôn lằng ba vi bộ trước biến động trên lộ trình. Chính vậy, phần vì tế nhị với bạn bè, phần vì lằng bặt của tính nghệ sĩ, Vũ Hữu Định di chuyển thường xuyên để khỏi phiền hà cho bằng hữu, hơn nữa sự ra đi cũng là những bước thơ rơi, giúp nhà thơ hóa hiện nhiều tác phẩm tuyệt cùng. Trong đời, có lẽ Vũ Hữu Định là một trong những nhà thơ viết dễ dàng và nhanh chóng trên bất cứ hoàn cảnh nào. Thơ Vũ Hữu Định bộc phát thật tự nhiên, như hoa phải nở, trăng phải soi và sương phải phủ mờ vạn vật. Bất chợt trên đường hoạn lộ, nhập tâm vào cuộc lữ hành và khiến thơ hóa hiện bằng những tinh túy vừa rơi rụng, làm nảy nở từng đóa hoa lung linh giữa trời đất...

Năm 70 cách đây hơn 40 năm, thời loạn ly giữa bao nhiêu tin chiến sự làm cuồng rối cuộc sống của quê hương, anh em văn nghệ cật lực bày tỏ tiếng nói của tuổi trẻ bằng những tạp san, rải rác hầu hết các tỉnh thành trong cả nước. Mỗi tờ báo đều có quan điểm riêng, nhưng tựu chung vẫn là mặt trận phản đối chiến tranh diệt chủng. Sự gặp gỡ tên tuổi hằng ngày trên các báo chí văn nghệ, đã giúp trong lòng anh em hình thành một sự quen biết vô hình, nhưng trân trọng nhau một cách chân thành. Đến khi có dịp gặp mặt thăm viếng, thì đã như mối thâm tình giữa những cố nhân. Vũ Hữu Định lếch thếch bộ hành qua cây cầu chữ Y dài gần 700m, vào tìm tôi ngay buổi trưa ngày giáng sinh 1971, nhốt cả hồn thơ trong một vóc dáng thấp đậm người, mà nụ cười là điểm chính yếu luôn hiện diện trên môi anh. Phong phanh trong chiếc sơ mi bỏ ngoài, lẹp xẹp đôi dép Lào bước vào tệ xá. Người mà Vũ Hữu Định gặp đầu tiên là Nguyễn Thành Xuân và Trương Quang Vinh, lần lượt xưng tên rồi khoác vai nhau kéo vào hàn huyên. Bản tính Vũ Hữu Định xuề xòa, cởi mở mà sự thông dong của anh hình như thể hiện được cung cách tự nhiên trong đời sống. Tôi chưa hề nghe Vũ Hữu Định than thở, dù từ thời gian 1970 – 1974 anh đi – về với tôi tại thư trang Quang Hạnh hầu như thường xuyên. Mỗi lần xuất xứ với chuyện đời, Vũ Hữu Định thường về kể tôi nghe những diễn biến mà anh lượm nhặt được từ bốn phương trời, quy cũ lại và đưa ra trò chuyện với nhau.

Những kỷ niệm của nhiều người bạn làm văn nghệ, mỗi người có cách xử thế riêng biệt, đậm tính khí của tâm hồn mỗi cá thể. Nét tiêu dao phong thái của một Trần Kiều Bạt có tính cách giang hồ, đậm nét lằng bặt Nam bộ và hy sinh như phong thái của Lương Sơn Bạc. Cung cách của một Nguyễn Bắc Sơn, lại đăm chiêu giữa cái khí cốt

phương Đông, gác kiếm ngay trên trần chiến rượu tàn, mà phá phách chơi ở mọi điểm lữ trần gian. Phạm Nhã Dự thì lãng đãng trong sương mù của 18 thôn vườn trầu, mọi khí hậu tinh sương đều được nhà thơ cung hiến hết cho bằng hữu tâm giao, mà đối với anh, mới cũ vẫn tứ hải giai huynh đệ. Một Hà Thúc Sinh thì nhẹ hẫng bước phong lưu với đồng điệu, đến nỗi: "*Hà Thúc phu nhân coi buồn lắm/ Sữa thiếu làm sao tiếp rượu chồng*"...Hằng hà sa số bằng hữu văn nghệ, cái tâm của anh em nhiều khi ảnh hưởng cực kỳ với sáng tác. Hình như tất cả chân thật của cõi lòng, dù ở bất cứ hoàn cảnh phủ chụp nào, cũng là một hạnh ngộ để nhào nặn giữa khuôn đời. Tôi cảm nhận, Vũ Hữu Định có một chút lãng bạt của Trần Kiều Bạt, sự tự tin nhẹ nhàng của Hà Thúc Sinh, hòa – hoa – nghĩa – khí- chân - thành với đời sống như Phạm Nhã Dự, chút nghiêm cẩn rộng mở cái tâm bát ngát bốn phương như trường hợp Nguyễn Lê La Sơn...Chính vậy, bôn ba trong cuộc đời đầy hệ lụy, nhưng Vũ Hữu Định vẫn giữ vững được bản sắc du hành tuyệt diệu cho thơ. Đến đâu thơ cũng tràn ngập trên thần trí, tràn ngập cả không khí vây quanh. Tôi không hiểu ở thời đại Thiên sư Basho, khi chống gậy dậm ngàn sương gió, phong vũ có dồn dập ảnh hưởng đến phong thái ông như thế nào. Mà ngàn bài Hai Ku kỳ diệu lắng đọng cả thiên thu. Chỉ có điều hình ảnh của Vũ Hữu Định cũng có dáng dấp lênh đênh, trôi nổi giữa trần gian, trong cái tâm còn quấy quả xáo trộn vô thường, khác hẳn điều hạnh phúc an nhiên thiền vị của Basho, trên bước thiền hành. Thơ Vũ Hữu Định vẫn gieo hoa giữa không gian, đầm đìa cả một trời nghiệp chướng của nhân sinh, mà những khúc trường ca lỡ vận là một hướng nhìn tan tác tội nghiệp của kiếp người: "*Ta đã hát khúc hát đời lỡ vận/ Hát âm u trong đêm tối một mình*", mà nhiều lúc tàn canh uống từng giọt rượu cô đơn để chột thắm đẫm trách nhiệm cương thường: "*Ta đã hát khúc đời lỡ vận/ Khúc hát buồn như một khúc sông con/ Khúc hát cay như những lần uống rượu/ Khúc hát chua như một đĩa cũ mòn/ Khúc hát đời cha nay đến đời con*". Chột nhớ trong bao lần ngẩng bóng để lãng quên, nhưng làm sao được, ở quê xa vẫn chột ẩn hiện man mác đến đau lòng: "*Mười năm cha mẹ đau chân sỏi/Sớm lặn truông xa, chiều lội bãi cồn*".

Vũ Hữu Định có một sự cương nghị trong cuộc sống, dù phôi pha có phủ đầy trên số kiếp nhưng đời thường anh vẫn trầm tĩnh đến độ phớt lờ những khắc nghiệt đó. Hình như, trong những cuộc giao tiếp, thần thái Vũ Hữu Định hòa đồng trong nếp sống hồn nhiên của mọi người, nhưng những đêm dài lẻ loi, đầy vơi ý nghĩ trên chén rượu, làm sao không bùng cháy những ám ảnh riêng tư: "*Thời đại thánh thần đi mất biệt/ Còn lại bơ vơ một giống sâu/ Rót mãi, bao nhiêu tình cũng cạn/ Nâng ly, nhìn thấy tóc bạc mau*", những câu hỏi thường đặt ra như một cách tự vấn: "*Anh là một gã giang hồ tới/ Lòng hoang như con lộ không đèn/ Ngồi với hồn sầu ly rượu cạn/ Sao mới vài ly mà đã say?*"

Thế là, Vũ Hữu Định lưu vong sống trong Thư trang Quang Hạnh của tôi, thẩm thoát cũng gần 4 năm, bắt đầu từ cuối năm 1971-1974. Thời gian vật đổi sao dời, đối với con chim di Vũ Hữu Định như một cái cớ để xếp cánh tạm lắng trong không gian ân tình. Tôi thường xuyên chở Vũ Hữu Định trên xe Honda 67, lúc thăm viếng A.Khuê, lúc qua Phạm Duy, hẹn hò Phạm Chu Sa...Đi xe máy thật ra là một phương tiện để di chuyển nhanh gọn, tránh cho Vũ Hữu Định những cuộc tra xét bất chợt giữa lộ trình. Năm 1973, có hai chuyến di chuyển đầy kỷ niệm, khắc sâu thêm tình cảm của Định với đồng bằng miền Nam, mà anh thường cười nói, nghĩa khí bạt ngàn trên từng cọng lúa. Trưa hè 1973, tình cờ Phạm Trích Tiên có lời nhắn gửi mời về thị trấn Tân An (Long An) cách Sài Gòn hơn 50 cây số, mà Phạm Trích Tiên rào đón, ngày cuối tháng lương bổng dồi dào, để khỏi mất mặt với phương xa. Thật tình tôi ngại đường xa và túy tửu vô chừng, nhưng Vũ Hữu Định lại phấn khởi, đốc xúi tôi làm một chuyến di chuyển cho biết một tỉnh lỵ miền Tây gần gũi Sài Gòn nhất. Chiều ý, tôi cũng đeo Vũ Hữu Định trên chiếc hắc mã 67, về hội ngộ Phạm Trích Tiên sau gần 6 tháng không gặp mặt. Cái đến thì tự khắc sẽ đến, sự chờ đợi của Phạm Trích Tiên cũng được đáp ứng với hiện diện của hai gã phiêu linh. Tiệc tùng đầy rẫy, rượu tràn khoe môi, tửu phùng tri kỷ, ngàn ly cũng chưa đầy. Ông Phạm Trích Tiên thì như hủ chìm, ông Vũ Hữu Định thì như rỗng gặp nước...thơ thần vun vẩy tứ phương, ca ngâm loạn nhịp nào ai hay ai biết, vì thần trí gởi cả cho gió ngàn bay. Trong tiệc rượu tới giai đoạn tung khai lý lịch, hai nhà thơ chợt hét lên ôm chầm nhau trong một phút cảm ngộ tuyệt vời. Tôi còn ngo ngác nhìn tìm hiểu, thì Phạm Trích Tiên cho hay khi nhắc đến gia đình, thì ra Vũ Hữu Định lại là con nuôi của người cô ruột Phạm Trích Tiên khi anh lưu lạc vào miền Tây khoảng tuổi thiếu niên. Thì ra mọi sự thế đều được an bày, có tránh được định mệnh đâu, mà phải thở than? Như trên chuyến đò ngang, kẻ thất phu cũng hiểu rằng giữa dặm trường vẫn còn tiếng gió sương vương vãi: *"Chạnh lòng ngó chuyến đò ngang/ Tiếng kêu sương gió dặm đường quanh hiu"*.

Bản tính của Vũ Hữu Định là cả vì anh em, nên tôi chưa bao giờ nghe anh than phiền một ai, dù rằng trong đời sống phiêu lãng anh cũng gặp nhiều chuyện trái ngang thể thái nhân tình. Nhưng chỉ có một lần duy nhất, không biết Nguyễn Đức Sơn có thái độ ngang trái gì với chàng thi nhân gió bụi phong trần này, mà trong đời tôi chưa hề thấy cơn giận dữ nào khiến phủ lấp đầy vơi trên khuôn mặt luôn luôn nở nụ cười của Vũ Hữu Định. Ngày 29/07/1973 tại tệt xá, Vũ Hữu Định nghiêm chỉnh bày tỏ thái độ với Nguyễn Đức Sơn trên một bức tâm thư, đích danh tranh luận chính kiến với danh dự của một kẻ sĩ...Tôi cũng không lạ gì tính khí trái trời của các chàng thi sĩ đầy vẻ độc tôn,

để giành giật ngôi vị bắc đẩu. Một việc làm nghi kỵ khiến đời sống chao đảo, đưa đẩy vào cái hư vị phù du, mà danh vọng chỉ làm bận lòng cho thơ. Tình cảnh Vũ Hữu Định trong giai đoạn cùng cực của nẻo sống, nên chỉ có danh dự là sự tự trọng chân thành. Anh trao tôi xem bản văn ngỏ với Nguyễn Đức Sơn, khiến tôi cũng buồn lây cho sự thế xáo trộn, thiện ác huyền hoặc ẩn hiện giữa lớp người. Định tâm, tôi khuyên giải Vũ Hữu Định suốt hai ngày ròng rã, mới lấy được bản văn ngỏ lưu lại với thiên thu. Vũ Hữu Định thản nhiên bỏ lại những phiền toái sau lưng, lững thững lướt vào gió bụi. Bây giờ, thị phi không còn đọng trên nếp áo, nhà thơ chỉ biết nghiêng tai lắng nghe trời đất, vạn vật, để ôm cả buổi chiều rơi rụng vào thơ: "Anh có nghe bên đường tiếng chim kêu/ Con chim chi buồn chết cả buổi chiều", hoang vu cô độc nhớ nhung chất chồng trên cả đường đi lối về, với: "Những con đường núi sâu hun hút/ Những phố đìu hiu không nhớ tên" và: "Thấy gì không giữa bao la? / Bỗng nghe tim động nổi nhà quanh hiu."

Bóng dáng khiêm tốn khi đứng vươn vai so bì với thiên địa, bản chất hào nhiên lại là chân khí tuyệt diệu của thi nhân. Vũ Hữu Định thản nhiên trước mọi cuồng rồi vây phủ chung quanh. Trong tâm thức chắc chỉ còn cô đọng một khối oan khiên cho riêng mình, mà nhiều khi số phận đã khiến nhà thơ trải lòng cảm ngộ với những bóng hình phủ chiếu xuống thân ta: *"Chiều khó thở ngôi bên quán xếp/ Một miếng khô, một xị rượu nồng/ Nhai là nói với đời lặn đặng/ Uống là nghe sâu cháy long đong.....Ta là khách, còn cô hàng là chủ/ Cũng có trong lòng một hố sâu."*

Trường đời dàn trải đầy nghịch cảnh gai góc, khiến suốt quãng đường đi qua của Vũ Hữu Định quay quắt như con vục cuồng xoay. Cái điêu linh không thoát thành lời, họa chăng chỉ có thơ gieo từng hạt lân tinh trên đường phiêu bạt, đã làm cháy xém đi những tang thương chất chồng trên suốt một kiếp người...

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

*Viết tại Thư trang Quang Hạnh
(Đêm hạ huyền, tháng 7 âm lịch, 2011)*

Danh ngôn:

Ngôn ngữ là công cụ rất quan trọng với chúng ta, quan trọng giống như *tuấn mã đối với kỵ sĩ* vậy, *tuấn mã* giỏi thích hợp với *kỵ sĩ*, *ngôn ngữ* tốt đẹp nhất thích hợp với *tư tưởng* tốt đẹp nhất.

Dante (Ý)

VŨ HỮU ĐỊNH
(1942-1981)



A TIỂU SỬ VĂN HỌC

Nhà thơ Vũ Hữu Định tên thật là Lê Quang Trung, sinh năm 1942, tại Thừa Thiên Huế.

Mất năm 1981, tại Đà Nẵng.

Bút hiệu cũ: Hàn Giang Lê

Thơ đăng trên nhiều tạp chí trước 1975: Văn – Thời Tập – Bách Khoa...

B. TÁC PHẨM TIÊU BIỂU

a) Tác phẩm đã xuất bản

1/ Còn Một Chút Gì Để Nhớ (Thơ, NXB Trẻ, 1996)

2/ Tình Ca Người Lữ Vận (Thơ, Thư Ấn Quán, 2006)

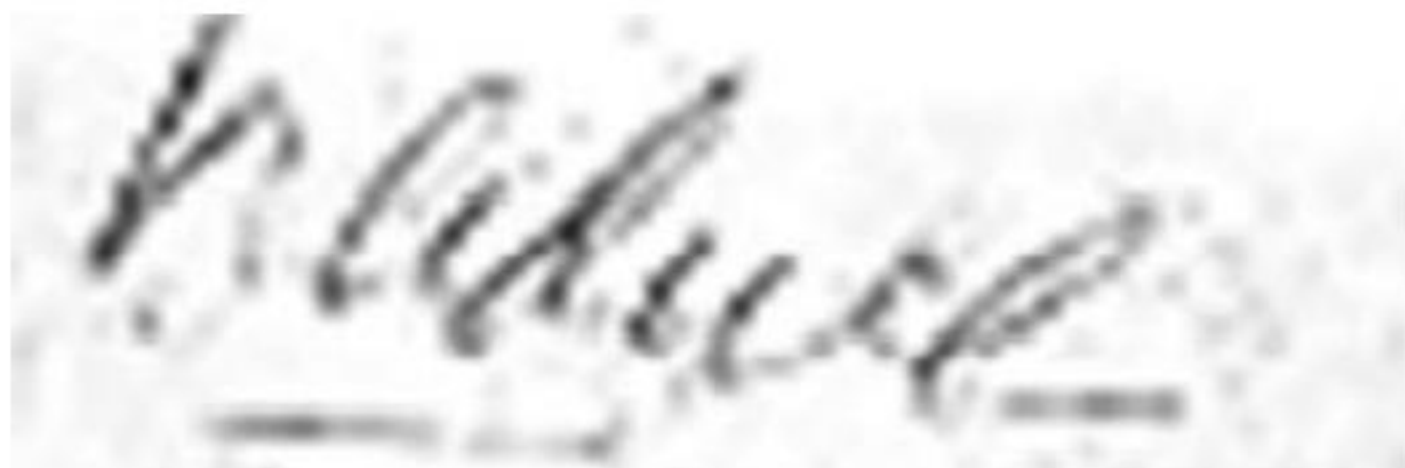
b) Bản thảo di cảo:

1/ Năm Năm (Thơ, theo lời Dynh Trầm Ca)

2/ Yêu Như Tình Đầu (Thơ, theo lời Hoàng Lộc)

C. THỦ BÚT CHỮ KÝ

a) Thủ bút và chữ ký



Một ngày qua hết trời dài cả ngày
 Ta ngồi xem sao từ đây tới cuối
 Trời cao biển cả mênh mông phía
 Một đàn chim bay lượn trên trời
 Một ngày nữa lại đến đây rồi
 Ta ngồi chờ đợi buổi chiều cuối
 Khi chiều tà ánh nắng còn đỏ
 Một ngày qua hết từ đây đến
 Ai hay đó đây là năm giờ
 Ai biết về nhà hay là chưa
 Đêm thanh vắng tiếng chim kêu
 Gió thổi bay đi những cơn mưa
 Một ngày nữa lại đến đây rồi
 Một ngày nữa lại đến đây rồi
 Có cây cối xanh tươi
 Một ngày qua hết từ đây đến

D. THƠ TIÊU BIỂU VŨ HỮU ĐỊNH

CẤT VÓ CHẠY RONG

A. Khúc hát lỡ vận

Tôi đã hát khúc hát đời lỡ vận
 Khúc hát buồn như một khúc sông con
 Khúc hát cay như những lần uống rượu
 Khúc hát chua như một đĩa cũ mòn
 Khúc hát đời cha nay tới đời con
 Khúc hát đời mẹ già tần tảo héo hon
 Mười năm cha mẹ đau chân sỏi
 Sớm lặn truông xa, chiều lội bãi cồn
 Khúc hát phần cơm ba phần sẵn
 Khúc hát mai ăn chiều nhịn nuôi con
 Ấu thơ ta như cánh bèo mới nở
 Trôi lênh đênh theo cha mẹ mỗi mòn
 Bây giờ ta nửa đời dở sống
 Sớm lặn theo cơm áo mệt nhọc
 Chiều chen chân mua chút phần hơi

Cũng lại một đời sầu chẳng nguôi ngoai
- Con yêu dấu! hãy tìm hơi ấm mẹ
Những đêm mưa nhà đột gió lò
- Em yêu dấu hãy ru con bằng những
Lời yêu đời mềm ngọt, thơm tho
Đừng để con nghe những lời gian khổ
Khúc hát hai ta đã hát một đời
Em cứ hát, dấu giọng khàn đứt cổ
Cho con tròn những giấc thanh thoi
Ta đã hát khúc hát đời lỡ vụn
Hát âm u trong đêm tối một mình
Nghe vợ trở trăn, lòng đau đứt ruột
Thương em đời vội lỡ một thời xanh.

B. Ngựa hí đầu non

Mẹ thương con một đời lận đận
Thường thở than: con số long đong
Sinh nhầm tuổi ngộ, đêm vừa hết
Mặt trời lên cát vó chạy rong
Mới hai tháng đã biết mùi bom đạn
Mẹ gánh con một đầu thúng ngủ vùi

Một đầu thúng lư hương, khoai, sắn
Mẹ gánh vượt đèo, vượt rú gian nan
Khi hai vó con vừa đứng vững
Tiếng hí đời con vừa sữa giọng người
Đã theo mẹ đêm đêm qua xóm
Xách đèn rao khoai sắn cầm hơi

Hai vó ngựa một đời lận đận
Lóc cóc khua vang khắp nẻo thị thành
Cũng không mua nổi cơm và áo
Những ngày đông thương đời mẹ mong manh
Nhớ đêm mưa trong mái nghèo úng nước
Mẹ thức cùng con giọng kể bụi ngủi

- Cha con xưa cũng nhầm tuổi ngộ
Đường gian nan đã chạy suốt kiếp người
Bây giờ ngựa đã phi lên núi
Đời buộc thêm cương chỉ một đường đi
Có những buổi chiều đầu non uống rượu
Nhớ mẹ, thương em, ngựa hí tiếng gì?

CŨNG CÓ KHI NÀO

Cũng có khi nào anh trở lại
phố xưa, đường cũ, mùa mưa bay
mưa như gió ướt nên lòng lạnh
gió thổi sâu sương đậu tóc mây

Phố không đèn điện con đường lặng
những ánh đèn cây sáng chập chờn
anh gặp em ngồi đang rẽ tóc
mái tóc dài xanh những ngón tay

Anh là một gã giang hồ tới
lòng hoang như con lộ không đèn
ngồi với hồn sâu ly rượu cạn
sao mới vài ly mà đã say?

Gặp nhau, yêu vẻ u sầu lắm
mất chờ bao năm, mấy chuyện tình?
có đợi ai về, mong ai tới?
mà trông hồ như đang đắng cay.

Và anh yêu lấy sầu chẳng nói
mình anh ở lại quán mù mù
tưởng bao năm trước ta là bạn
chỉ nhìn nhau mà cảm được nhau

Chia tay, quán khép đôi lần sáng
không nói, hình như đã nói rồi
mai lại lên đường, đêm sắp cạn
không hẹn hò chi? đành thế thôi

Cũng có khi nào anh trở lại
mai đây, một nọ, biết đâu chừng
và có một lời anh sẽ nói
giữ gìn nhau một chút hồn chung.

VŨ HỮU ĐỊNH

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM



CHU THUY NGUYỄN
một ngày mây thấp.

1.

ở trong lửa tình
đốt từ trắng mặt
xích thẳng se duyên

2.

ở ngoài cốt cách
khoác trùm hình nhân
trăm bề của tội

3.

thì em mù xa
mỗi ngày ngóng đợi
bao gần sát na?

4.

thì anh lặng thầm
giật điều bay bổng
bay nhé! đừng bằng

5.

tiếng ấy hát buồn
giọt rớt không tan
giọt chim đắm lệ

6.

ở phía đầu gió
nhật nguyệt trong tim
biển trời vô độ

7.

tháng tư nhũn lòng
cõi người chật ních
cõi hồn chen chân...

mừng nắng ấm.

1.
tôi mượn tôi khuyên bảo bóng tối
mừng trời hết lạnh nắng thiệt thơm
2.
đóa crocus moi đất bằng những lá mầm
ló mặt lên điệu đà ăn Tết Mỹ
3.
bầy hải âu vội gọi nhau ra biển
chao cánh đón nắng tươi
4.
pho tượng lãnh tụ bên kia đường đỏ mặt như đang sốt
ho sặc sụa như vừa dính covid-19
5.
nhờ áo em bay tôi biết gió mềm mại
và còn biết rõ dáng em thiên thần
6.
nhờ từng hồi chuông tôi biết tội tôi nhiều
biết xưng bao giờ cho hết?

CHU THỤY NGUYỄN

NGUYỄN LƯƠNG BA
đi qua dòng sông

Tôi có thể tưởng tượng được em
Đang ngồi bên cạnh dòng sông ngày
Nào dù dòng sông này đã không
Còn là dòng sông ngày nào hai

Đứa còn nhỏ chưa biết nói năng.
Đã bao năm khi ngồi đàn ghi
Ta dưới đèn, tôi có thể tưởng
Tượng em đang nghe tôi hát dưới

Con đò thả trôi chậm chậm về
Phía em, nơi căn nhà ở đầu
Chợ. Có khi me mặc bộ đồ
Màu hồng đi chiếc xe đạp bên

Bờ sông, có khi em mặc áo
Trắng dưới nắng hanh vàng trên bến
Sông. Cho dù mưa nắng tôi vẫn
Hát bài ca chậm chậm mà như

Nàng nói nàng sẽ đi pleiku
 “ba em không còn ở đây nữa”
 và như thế tôi sẽ làm gì
 với bài hát thật xưa này, còn

con đò trôi chậm chậm về những
 dòng sông thì nào có ích gì
 cho nàng đang cần một bài luận
 văn tả tiếng đàn của Thúy Kiều

“bốn dây như khóc như than/Khiến
 người trên tiệc cũng tan nát lòng”
 nhưng tôi hát và Thúy Kiều đàn
 thật ra rất gần gũi nhau. Nhiều

khi tôi hát to như khóc bài
 “chiều mưa biên giới” rồi tưởng tượng
 em sẽ rời bỏ thành phố này
 thì tôi đâu có gì để luyến

lưu cái thành phố này ngoài chuyện
 hát hò ve vãn thì cũng nên
 đã bao năm tôi trở về lại
 nhìn dòng sông em cũng không còn.

NGUYỄN LƯƠNG BA



NGỮ THUYẾT

bi kịch thủy kiều (tỉnh thức và cô đơn)

Khi đọc *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, có người nêu lên thắc mắc rằng phải chăng thi phẩm đó chỉ là một bản dịch trung thực từ cuốn truyện chữ Hán *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân? Và nếu thế, những lời ca tụng tác phẩm trước tiên phải được dành cho nguyên tác *Kim Vân Kiều truyện*. Hơn nữa khi viết rằng Nguyễn Du là một nhà thơ thiên tài, một đại thi hào dân tộc, vân vân, đấy là nhờ bản dịch trung thực *Kim Vân Kiều truyện*, người đọc những nhận xét ấy cũng cảm thấy ngỡ ngàng.

Nhiều học giả đã có ý kiến về vấn đề nói trên ngay sau khi *Truyện Kiều* của Nguyễn Du ra đời cách đây trên 200 năm. Nay ta thử xem lại nhận định của một nhà văn người Pháp viết cách đây gần 100 năm, và của nhà nghiên cứu người Việt viết cách đây gần 20 năm.

Gần 100 năm về trước, nhà thơ người Pháp René Crayssac đã dịch *Truyện Kiều* ra thơ Pháp nhan đề KIM – VAN – KIÉOU in năm 1926 tại Hà Nội. Trong phần Gởi Bạn Đọc (Au Lecteur)

¹Nhà thơ Bùi Giáng nói về bản dịch của René Crayssac: “René Crayssac dịch *Truyện Kiều* ra Pháp Ngữ vướng vào những lỗi sống sượng không tránh được. Nhưng với tất cả những khuyết điểm khổng lồ kia, vì lẽ gì bản dịch của ông vẫn sừng sững nằm trong văn học Tây Phương như một tòa lâu đài Hy Lạp? Qua cuốn sách của ông, người Tây Phương có thể nhìn thấy toàn khối văn minh Đông Phương lấp lánh trong sương mù. Và người Đông Phương ngày mai sẽ nằm trong định mệnh: chỉ còn có thể nhìn ra thiên tài

dài đến 86 trang, tác giả hết sức ca ngợi *Truyện Kiều*². René Crayssac đã đề cập đến nhiều khía cạnh trong *Truyện Kiều*, và có nêu lên vấn đề *Truyện Kiều* không phải là bản dịch từ truyện Trung Quốc.³

Gần đây, cuốn *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du* trong *Truyện Kiều*, dày trên 400 trang, Nhà Xuất Bản Thanh Niên in năm 2001, của nhà nghiên cứu Phan Ngọc, càng công phu hơn, giá trị hơn, với rất nhiều khám phá mới. Phan Ngọc đã nêu lên nhiều luận điểm rất xác đáng để chứng minh thiên tài của Nguyễn Du trên nhiều phương diện, và một lần nữa khẳng định rằng Nguyễn Du chỉ lấy cốt truyện từ *Kim Vân Kiều truyện*⁴ để xây dựng lại và sáng tạo ra kiệt tác *Truyện Kiều*.

Nguyễn Du qua bản dịch của Crayssac mà thôi.”(Thi Ca Tư Tưởng của Bùi Giáng. Ca Dao xuất bản lần thứ nhất 12/69. Sài Gòn – Việt Nam)

“Le chef-d’oeuvre de NGUYEN – ZOU peut subir, sans désavantage, la comparaison avec ceux de n’importe quel temps, de n’importe quel lieu. Si quelque lecteur français qui ne crois pas après lecture du poème, doit ratifier ce jugement, j’affirme que notre divergence de vues sera uniquement imputable à l’insufisance de ma traduction.”

Tạm dịch: Kiệt tác của Nguyễn Du có thể so sánh với bất cứ kiệt tác của thời nào, nơi nào mà không chút thua kém. Nếu độc giả người Pháp nào sau khi đọc tác phẩm này mà không đồng ý với tôi, thì tôi quả quyết rằng đấy là do bản dịch thiếu sót của tôi.

“Molière a tiré son Avare d’une farce du comique latin Plaude; il a purement et simplement pris son sujet dans Aulularia, la Marmite. Racine, dans le choix de ses thèmes, a pillé les Grecs, les Romains et même les Hébreux. Corneille est allé chercher chez les Espagnols le motif d’une de ses pièces les plus célèbres. Le bon Lafontaine ne s’est pas fait faute de mettre Esope à contribution. Disons – nous, pour cela, qu’il n’existe pas de littérature spécifiquement français?”

...

“Cet écrivain a choisi pour thème une histoire chinoise, s’est entendu, mais il a su donner à son poème une forme si adéquate à l’esprit annamite, il a écrit dans un style si franchement local qu’il en a fait un poème national au sens complet du mot. Il n’y a pas, dans toute notre littérature, une oeuvre qui soit aussi répandue, qui est trouvée dans le peuple, un accueil d’une telle ferveur. Il n’est pas, en effet, un Annamite, lettré ou ignorant, riche ou pauvre, qui ne connaisse KIM-VAN KIÉOU.”

Tạm dịch: Molière đã viết *Người Biễn Lận* dựa theo hài kịch của nhà soạn kịch La Mã Plaude; đơn giản và rõ ràng rằng ông lấy

trong vở kịch *Cái Nồi*. Racine, chọn bi kịch cũng bắt nguồn từ những truyện Hy Lạp, La Mã, và cả Do Thái. Corneille lại tìm chất liệu trong những kiệt tác của Tây Ban Nha. Cho đến ngụ ngôn của La Fontaine cũng nhờ đóng góp của Esope. Vậy liệu ta có thể nói rằng không hề có văn học riêng biệt của Pháp?

...

Nhà thơ này (tức Nguyễn Du, nt chú thích) đã rõ là dựa vào truyện *Tàu* để viết thành thơ với đầy đủ tinh thần Việt Nam, với phong cách đặc biệt của đất nước để tạo thành một kiệt tác của dân tộc. Trong suốt nền văn học của ta, hẳn không có tác phẩm nào phổ biến như thế, được quần chúng đón nhận nồng nhiệt như thế. Quả thật không có một người Việt Nam nào, dù có học hay không, dù giàu hay nghèo, mà không biết đến *Truyện Kiều*.

Chỉ xin trích vài ba đoạn ngắn trong cuốn *Tìm Hiểu Phong Cách Nguyễn Du Trong Truyện Kiều*.

Ngoài ra, một vài chi tiết sau đây cũng thường được người ta nhắc đến.

Tác giả nhận xét rằng loại tiểu thuyết chương hồi như *Kim Vân Kiều* truyện của Thanh Tâm Tài Nhân đòi hỏi nhiều sự kiện và tình tiết ly kỳ, éo le nhằm lôi cuốn người đọc. Mỗi chương hồi thường có thể đứng riêng một mình mà vẫn đầy đủ ý nghĩa. Do đó nhiều sự kiện và tình tiết trong toàn bộ cuốn truyện thiếu tính cách nhất quán. Nếu *Kim Vân Kiều* truyện có thể được xem như những mảnh nhỏ ràng buộc lại với nhau, có khi rời rạc, lỏng lẻo, thì *Truyện Kiều* là một kiến trúc mỹ thuật toàn vẹn.

“Một đặc điểm riêng độc đáo của Nguyễn Du trong Truyện Kiều, đó là ông sử dụng tự sự riêng, không có trong Kim Vân Kiều truyện, cũng như trong truyện Nôm Việt Nam trước ông. Một sự đối lập giữa Truyện Kiều với Kim Vân Kiều truyện, cũng như với truyền thống tiểu thuyết chương hồi của Trung Quốc...”

“Truyện Kiều có 222 câu thơ tả thiên nhiên, thuộc vào loại những câu thơ hay nhất của văn học dân tộc ... trong suốt toàn bộ Kim Vân Kiều truyện không có một câu nói về thiên nhiên.”

“Nguyễn Du đã đổi mới hoàn toàn bố cục của Kim Vân Kiều truyện ... Nói chung, những đoạn Nguyễn Du vay mượn chất liệu ở Kim Vân Kiều truyện để chuyển thành ngôn ngữ của tác giả, là rất ít. Phần lớn, tự ông tiến hành sự phân tích, độc lập với nguyên tác chữ Hán... Quá trình diễn biến chủ quan nội tâm ở Truyện Kiều là thực

xuất sắc, sau này chúng tôi sẽ chứng minh ông là một thiên tài cỡ thế giới về điểm này...Chỉ cần so sánh đoạn Từ Hải tâm sự với Thúy Kiều trước khi đầu hàng trong Kim Vân Kiều truyện và trong Truyện Kiều, chúng ta cũng có thể thấy hai bút pháp khác nhau rõ rệt. Trong Kim Vân Kiều truyện Từ Hải là một đại vương sơn trại, chàng nêu lên những điều bất lợi của việc đầu hàng là: bị ràng buộc, bị bọn quan văn ghen tị, bị điều động đi nơi này nơi khác, mất binh quyền, một người cũng có thể bắt mình, nhân dân bấy lâu vẫn oán giận mình đều muốn báo thù. Đối lập với đoạn trình bày dài dòng này, trong Truyện Kiều Từ Hải chỉ nói 10 câu, nhưng 10 câu tâm trạng:

*Một tay gậy dựng cơ đồ
Bấy lâu bế Sở sông Ngô tung hoành
Bó thân về với triều đình
Hàng thần lơ láo phận mình ra đâu
Áo xiêm ràng buộc lấy nhau
Vào luồn ra cúi công hầu mà chi
Sao bằng riêng một biên thù
Sức này đã dễ làm gì được nhau
Chọc trời khuấy nước mặc dầu
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai*

...

“Con người trong văn học cũ là con người nhất phiến, các nhân vật trong Kim Vân Kiều truyện đều nhất phiến, cũng như các nhân vật trong tiểu thuyết Trung Hoa, trong truyện nôm Việt Nam trước Truyện Kiều ...Nguyễn Du đã vươn đến gần tính cách điển hình và hoàn cảnh điển hình. Kiều, Kim Trọng, Từ Hải, trong từng hoàn cảnh đều hành động vừa phù hợp với cái logic chủ quan của nội tâm, vừa phù hợp với cái logic khách quan của hành động.”

“Nguyễn Du không phải chỉ mới, mà còn hiện đại. Tính hiện đại của ông biểu hiện ở chỗ ông là người đầu tiên trong văn học Việt Nam, và là một trong những người đầu tiên của văn học thế giới đã xây dựng lên được một loại hình tiểu thuyết thực sự mới mẻ: loại hình tiểu thuyết phân tích tâm lý, và đã dốc toàn bộ thiên tài nghệ thuật vô song của mình vào cái kỳ công này.

Trước hết, Truyện Kiều là một bản trường ca viết theo thể thơ lục bát hoàn toàn Việt Nam, trong khi cuốn Kim Vân Kiều truyện viết bằng văn xuôi theo lối chương hồi truyền thống của Tàu. Ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ văn xuôi khác nhau vô cùng.

Xưa nay văn xuôi hoặc thơ được dùng để dịch những áng thơ từ một ngôn ngữ khác. Và khi dịch thì hồn thơ, chất thơ của nguyên

tác khó có thể giữ được nguyên vẹn. Thi hào Nguyễn Du đã làm công việc ngược lại, và vô vàn khó khăn: dựa vào cốt truyện Tàu viết bằng văn xuôi để viết thành một truyện dài bằng thơ “lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu” vô cùng thi vị và chan chứa tình tự dân tộc. Đây là một trường hợp hy hữu. Kết quả là trong khi cuốn truyện Tàu⁵

Tất nhiên ngoài René Crayssac và Phan Ngọc, rất nhiều nhà lý luận văn học khác cũng đã có những đóng góp lớn lao trong việc nghiên cứu Nguyễn Du và *Truyện Kiều*.

Trong phần tiếp theo, ta thử tìm hiểu về một vài khía cạnh trong con người của Thúy Kiều, không phải lấy từ *Kim Vân Kiều truyện*, mà từ *Truyện Kiều*, tức là tác phẩm đã được Nguyễn Du viết lại bằng ngôn ngữ mới, tâm tình mới, bố cục mới. Hay là nói như Nguyễn Du khi đặt lại nhan đề mới cho bản trường ca của mình: *Đoạn Trường Tân Thanh*.

Và viết bằng lời thơ trác tuyệt trong văn học Việt Nam, cho đến nay vẫn mang tính hiện đại và giữ nguyên giá trị gần như độc tôn.

*

Nàng mới lớn. Xinh đẹp ít ai bằng, lại có tài làm thơ, soạn nhạc, đánh đàn, tiếng tăm vang dội. Nàng sống trong một gia đình êm ấm cùng với cha mẹ và hai em:

*Êm đêm trướng rủ màn che
Tường đông ong bướm đi về mặc ai*

Thế nhưng tính nàng hay lo lắng, đa sầu, đa cảm. Cùng nghe được câu chuyện buồn của người bạc mệnh, trong khi hai em đứng đưng, thì nàng:

*Lòng đau sẵn mối thương tâm
Thoắt nghe Kiều đã đắm đắm châu sa
Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*

⁵Trong bản dịch ra Hán Văn xuất bản tại Bắc Kinh năm 1959, Hoàng Dật Cầu ca ngợi *Truyện Kiều* của Nguyễn Du “cực kỳ vi diệu khúc chiết” (Theo Nguyễn Huệ Chi). Ngoài ra còn có bản dịch ra thơ chữ Hán của Trương Cam Vũ (Bùi Giáng – Đi Vào Cõi Thơ, Sài Gòn 1969)

Và đa tình. Ban ngày tình cờ gặp chàng trai phong lưu, tuấn tú, bạn của em trai, thì đêm về lòng băng khuâng:

*Người đâu gặp gỡ làm chi
Trăm năm biết có duyên gì hay không*

Khi tình yêu đến, nàng say đắm mà vẫn giữ được nề nếp nho phong, lễ giáo. Tuy nhiên, trước cái hạnh phúc hiện đến quá đột ngột, lớn lao, và choáng ngợp, vốn tính hay lo, Kiều không khỏi hoang mang:

*Bây giờ rõ mặt đôi ta
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao*

Lời nói ấy là một báo hiệu xấu. Trong *Truyện Kiều* điềm báo trước thường xảy ra, có khi mang tính siêu hình. Thật ra, điềm gở đã xảy ra trước đó nữa. Nói như Nguyễn Bách Khoa trong *Nguyễn Du và Truyện Kiều*, nhà thơ đã lạng lẽ xây một nấm mồ -ngôi mộ Đạm Tiên –đặt trước Kim Kiều khi hai người gặp nhau lần đầu tiên trong buổi Thanh Minh. Cho nên, “Chưa vui sum họp đã sầu chia phôi” quả đúng với điềm gở.

Chẳng bao lâu được tin ông chú qua đời, Kim Trọng phải giả từ Thúy Kiều lên đường đi hộ tang ở tận đất Liêu Dương. Thì ngay sau đó, cơn gia biến ập tới gia đình Kiều. Nàng chỉ còn một chọn lựa giữa hiếu và tình:

*Duyên hội ngộ, đức cù lao
Bên tình bên hiếu, bên nào nặng hơn
Để lời thệ hải minh sơn
Làm con trước phải đền ơn sinh thành
Quyết tình nàng mới hạ tình
“Dễ cho dễ thiếp bán mình chuộc cha.”*

Thế là thảm kịch bắt đầu.

Kiều phải bán mình làm thiếp cho Mã Giám Sinh, một người lamặt, thô lỗ, từ một nơi xa xôi đến, để có đủ tiền chuộc cha và em trai ra khỏi vòng lao lý chỉ vì một lời tố cáo bịa đặt.

*Từ đây góc bể bên trời
Nắng mưa thui thủi quê người một thân*

Ngày vu quy xảy ra vào mùa thu mà cảnh vật lại sầu thảm như trong một buổi chiều đông xám và lạnh. Không gian mênh mông, đường xa thăm thẳm vô định, vì lô san sát, con người đâm ra bé mọn bị cuốn hút trong “*một xe trong cõi hồng trần*” vượt qua những chiếc cầu giá đóng trắng, và trên trời thì mù mịt mây đen. Đó có phải là mùa thu từ ngàn xưa vẫn trở về để giao cảm với những tâm hồn thơ mộng, lãng mạn? Hay đây là “*một* trời thu” trái gió trở mùa chỉ để dành riêng cho *một* nàng mà thôi. Hay đây cũng là một báo động cho một kiếp người bị trời dày phải trọn đời cô độc:

*Nàng thì dậm khách xa xăm
Bạc phau cầu giá đèn dầm ngàn mây
Vi lô san sát hơi may
Một trời thu để riêng ai một người*

Mã Giám Sinh không mang nàng về để cho làm lẽ như đã hứa, mà ép nàng làm gái làng chơi. Đây là lần đầu tiên nàng bị đánh lừa trên bước đường lưu lạc, và là sự lừa đảo ghê rợn. Và cũng bắt đầu từ thời điểm này, phản ứng của nàng trước nghịch cảnh dần dần được biểu lộ ra rõ ràng.

Tứ cố vô thân, không chịu khuất phục, nàng dùng dao tự sát. Đối phương, Tú Bà, hoảng sợ, tìm cách chữa trị vết thương cho nàng, và hứa chờ dịp tìm nơi xứng đáng gả nàng làm vợ. Nàng có đủ khôn ngoan không tin lời hứa đó, tìm cách bỏ trốn theo một người lạ khác. Nàng không ngờ đây cũng là một tên lừa bịp, tên Sở Khanh, đồng bọn với chủ chứa Tú Bà. Tất nhiên nàng bị bắt lại ngay. Tội lỗi bỏ trốn sờ sờ ra đó, bị đánh đập tàn nhẫn, nàng đành chấp nhận cảnh “Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Tràng Khanh.”

Trong văn học tiền chiến, có hai tác phẩm đề cập đến gái làng chơi. Tuyệt trong Đời Mưa Gió, một tiểu thuyết giá trị, của Khải Hưng và Nhất Linh, và Huyền trong Làm Đĩ của Vũ Trọng Phụng. Một khi những nhân vật đó tay đã nhúng chàm, dù Tuyệt thông minh, sang trọng, hay Huyền mê muội, nhục dục, cả hai đều đầu hàng số phận, sống ngập ngụa trong nghề bán dâm cho đến cuối đời. Họ là “ếch bị luộc.” Nếu cho ếch vào nồi nước sôi, nó sẽ vùng vẫy, nước sôi bắn tung toé, trước khi nó chết. Cho nó vào nồi nước lạnh mát mẻ, ếch sẽ thoải mái bơi lội. Rồi cho nước tăng nhiệt độ từ từ, ếch sẽ không hề cảm thấy có gì khác lạ, vẫn ung dung bơi lội. Và cứ ung dung như thế cho đến khi nước được đun sôi lên sùng sục, ếch bị luộc chín.

Kiều khác hẳn. Nàng luôn luôn tỉnh táo. Nàng luôn luôn lắng nghe, lắng nhìn lại thân thể, thân phận của chính mình. Nàng không bao giờ thoả hiệp với hoàn cảnh đang sống. Và đây cũng là nguồn cội của cô đơn:

*Vui là vui gượng kẻo là
Ai tri âm đó mặn mà với ai.*

Trong suốt 15 năm luân lạc, hề có cơ hội thoát thân, Kiều, không chút ngần ngại, đón lấy ngay. Càng thất bại, càng quyết tâm.

Lúc thì nàng vội vàng trốn theo Sở Khanh như đã đề cập trên. Rồi bị hành hạ dã man khiến nàng phải thốt lên:

*Thân lươn bao quản lấm đầu
Chút lòng trinh bạch từ sau xin chữa*

Tất nhiên đó chỉ là phản ứng nhất thời mong giảm bớt cực hình.

Lúc thì toan tính cẩn thận mọi điều với Thúc Sinh, người yêu nàng đắm đuối. Nàng hối thúc chàng về quê thú nhận với vợ, mong được ép mình yên bề làm vợ lẽ:

*Trộm nghe kẻ lớn trong nhà
Ở vào khuôn phép nói ra mỗi giường*

...
*Xin chàng kíp liệu lại nhà
Trước người đẹp ý sau ta biết tình*

...
*Dù khi sóng gió bất bình
Lớn ra uy lớn tôi đành phận tôi*

Tóm lại, nàng năn nỉ và tha thiết nhắc nhở Thúc Sinh:

*Thương sao cho vẹn thì thương
Tính sao cho trọn mọi đường thì vâng*

Nhưng Thúc Sinh “*Thấp cơ thua trí đàn bà*”, toan tính không thành, lại nhu nhược, nên Kiều phải chịu đựng thêm nhiều cay đắng trước khi bị sa chân vào lầu xanh một lần nữa.

Thương thay cho người con gái khuê các từng sống trong “trướng rủ màn che”, càng vùng vẫy mong thoát thân ra khỏi những vũng lầy, càng bị lún sâu thêm. Ta hồi hộp theo dõi cuộc đời đầy sóng gió của nàng. Ta sợ rằng sống mãi trong đau khổ, tối tăm, và cô đơn, nàng sẽ dần dần mất hết nghị lực, sẽ chai lì, sẽ nản lòng buông xuôi trước định mệnh. Có lần nàng thảng thốt than:

*Biết thân chạy chẳng khỏi trời
Cũng liều má phấn cho rồi ngày xanh*

Tuy nhiên, sau mỗi cơn ngã quỵ, như con thú nằm liếm láp vết thương, Kiều cố sức đứng dậy, vươn lên. Hình ảnh nhân vật Sisyphe (Sisyphus) trong thần thoại Hy Lạp là một liên tưởng. Chàng bị trời đày phải lăn tảng đá nặng từ chân núi lên đỉnh núi. Khi lên tới đỉnh, tảng đá tự nhiên lăn xuống chân núi. Sisyphe lại cố sức lăn lên. Khổ nạn phi lý ấy cứ thế tái diễn cho hết một đời.

Đến giai đoạn này, may thay, Từ Hải xuất hiện. Chàng là người trí dũng có thừa, chí lớn trùм thiên hạ. Nghe tiếng nàng Kiều, chàng tìm gặp. Hai người “tâm đầu ý hợp, cá nước duyên ưa”. Nàng có “con mắt tinh đời”, biết Từ Hải là đấng anh hùng đang còn lận đận chốn

trần gian, lại là người chí thành, không câu nệ, không khách khí, do đó nàng sẵn sàng gạt bỏ mọi lễ thói rào đón, quên cả tự ái, quên cả lòng kiêu hãnh của một kỹ nữ “Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người”, cho nên không những hết lòng tán tụng anh chàng mới gặp gỡ này, mà nàng còn ước ao được trao gởi cả cuộc đời của mình cho chàng:

*Thưa rằng: “Lượng cả bao dong
Tấn Dương được thấy mây rồng có phen
Rộng thương cỏ nội hoa hèn
Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau.*

Từ Hải chuộc Kiều ra khỏi lầu xanh, sống với nàng trong một thời gian ngắn rồi một mình ra đi “xây dựng cơ đồ”, với lời hứa sẽ trở về đón nàng khi công thành danh toại. Chẳng bao lâu, mọi ước muốn của chàng đã trở thành hiện thực:

*Triều đình riêng một góc trời
Gồm hai văn võ rạch đôi sơn hà*

Và chàng giữ lời hứa, sai quân dưới trướng rầm rộ “rước nàng nghi gia”:

*Hai bên mười vị tướng quân
Đặt gươm cưỡi giáp trước sân khấu đầu
Cung nga thể nữ nổi sau
Rằng: “Vâng lệnh chỉ rước châu vu quy.”*

Từ đấy, cuộc đời Kiều sang một trang mới. Với Từ Hải, Kiều sống những ngày huy hoàng, hạnh phúc, và ân đền, oán trả. Nhưng nàng vẫn còn chút khổ tâm riêng. Là vì, “*Đã nhiều lưu lạc lại nhiều gian truân*”, Kiều luôn canh cánh bên lòng tình quê hương, và nỗi nhớ. Nhớ nhà, nhớ cha mẹ, nhớ hai em, “*Dần dà rồi sẽ liệu về cố hương*.” Từ Hải biết điều đó.

Thế nàng có nhớ Kim Trọng hay không? Trải qua bao sóng gió dập vùi, mối tình đó vẫn nguyên vẹn chẳng? Lúc mới sa chân vào chốn trầm luân, Kiều nhớ nhà quay quắt, và hình ảnh Kim Trọng hiện lên trước nhất, trước cả song thân:

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ
Bên trời góc bể bơ vơ
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai
Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ*

Rồi hình ảnh Kim Trọng phai dần với thời gian. Trong cuộc đời của “*một chiếc hoa rơi nếm trải mọi mùi đắng cay*”, quá khứ vàng son cùng mối tình đầu đã trở thành tro tàn trong lòng nàng. Cuối cùng, trước hào quang, tình yêu, và ơn sâu của Từ Hải, Kim Trọng chỉ còn là bóng mờ. Mối tình đầu ngày xưa chỉ còn sót lại như chút nghĩa cũ, như ngó sen đã đứt lìa nhưng những sợi tơ trong lòng ngó sen còn vướng:

*Tiếc thay chút nghĩa cũ càng
Dầu lìa ngó ý còn vương tơ lòng*

Xin đảo lộn một chút thời gian trong truyện để thấy rõ thêm biến chuyển tình cảm của Kiều, một quá trình phát triển nội tâm rất logic. Khi toàn thể gia quyến của nàng, trong đó có Kim Trọng, được sư Giác Duyên đưa đến một ngôi thảo đường (ngôi nhà lợp tranh, cỏ) nơi Kiều tu hành, Kiều xiết bao vui sướng khi nhận ra rằng cha còn khoẻ, mẹ còn tươi, hai em đều khôn lớn (phương trưởng). Đối với Kim Trọng, nàng không quan tâm mấy. Chữ “nợ” trong câu thứ tư nói lên sự xa cách, lơ đãng:

*Trông xem đủ mặt một nhà
Xuân già còn khoẻ huyên già còn tươi
Hai em phương trưởng hoà hai
Nợ chàng Kim đó là người ngày xưa*

Kiều có đáng trách hay không? Câu trả lời là không. Như đã nói, nàng đã sống cuộc đời của gái giang hồ trong 15 năm trời, “*Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa*”, cho nên khó mà ôm ấp, hay gìn giữ mãi một mối tình lý tưởng. Nguyễn Du đã thấu hiểu điều ấy.

Trong khi đó Kim Trọng, trái lại, không bao giờ quên nàng:

*Dường như bên nóc bên thềm
Tiếng Kiều đồng vọng bóng xiêm mơ màng
Bởi lòng tạc đá ghi vàng
Tưởng nàng nên lại thấy nàng về đây*

Kim Trọng đã tính chuyện từ quan để đi tìm Kiều:

*Rắp mong treo ấn từ quan
Mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng pha
Dấn mình trong áng can qua
Vào sinh ra tử họa là thấy nhau*

Quả là thủy chung, sâu đậm, chân thành.
Tình yêu của Từ Hải đối với Kiều lại lớn lao khác. Yêu

nàng yêu luôn nỗi nhớ của nàng:

*Xót nàng còn chút song thân
Bấy nay kẻ Việt người Tần cách xa
Sao cho muôn dặm một nhà
Cho người thấy mặt là ta cam lòng*

Sau này Từ Hải nghe lời Kiều bãi binh quy hàng, có lẽ một phần không nhỏ là do ở lòng xót thương đó. Tất nhiên tấm lòng của Kiều đối với Từ Hải cũng không kém sâu xa. Vì nàng, chàng bị đánh lừa và chết giữa trận tiền, nên nàng không còn muốn sống nữa:

*Thân sao thân đến thế này
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi
Đã không biết sống là vui
Tấm thân nào biết thiệt thòi là thương*

Đây là lần đầu tiên con người không chịu khuất phục trước số phận đã thốt lên những lời tuyệt vọng. Và nàng đã trầm mình xuống sông Tiền Đường:

*Rằng: “Từ công hậu đãi ta
Chút vì việc nước mà ra phụ lòng
Giết chồng mà lại lấy chồng
Mặt nào còn đứng ở trong cõi đời*

...

*Trông vời con nước mênh mông
Đem mình gieo xuống giữa dòng trường giang*

Rồi Kiều được cứu vớt, được tu hành với sư Giác Duyên, được gặp lại cả nhà và chàng Kim như đã nói đến ở đoạn trên.

Trở lại chuyện xa xưa, khi mới bán mình chuộc cha, Kiều đã nhờ nàng Vân thay mình về với Kim Trọng:

*Ngày xuân em hãy còn dài
Xót tình máu mủ thay lời nước non
Chị dù thịt nát xương mòn
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây*

Thì Kim Trọng lấy nàng Vân vậy. Nhưng tình yêu đối với người vắng mặt vẫn như nung như nấu. Cho nên khi tái ngộ, chàng nhắc lại mối tình xưa, lời thề cũ, và mong được lấy cả Kiều làm vợ. Nàng Vân lần ông bà viên ngoại đều nhiệt liệt tán thành ý kiến ấy. Vào thời đó, đa thê là chuyện bình thường. Và Kiều còn trẻ lắm. Thử tính lại, nàng rời

nhà vào tuổi cặp kê (16, 17 tuổi) cộng thêm 15 năm hoạn nạn, vậy nay nàng mới khoảng trên 30 tuổi. Lại còn xinh đẹp mặn mà hơn cả ngày xưa, như lời tán tỉnh quá đà của chàng Kim đang say đắm:

*Hoa tàn mà lại thêm tươi
Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa*

Kiều là người từng trải, khôn ngoan, sắc sảo. Lại biết điều và tự trọng. Đã muốn chết theo Từ Hải mà không xong, nay đâu còn lòng nào tái giá. Đi tu là giải quyết được vấn nạn:

*Mùi thiền đã bén muối dưa
Màu thiền ăn mặc đã ưa nâu sồng
Sự đời đã tắt lửa lòng
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi*

Hơn nữa, nàng nhận định tình hình một cách sáng suốt:

*Một lời tuy có ước xưa
Xét mình dãi gió dầm mưa đã nhiều
Nói càng hổ thẹn trăm chiều
Thà cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi*

Cho nên dù Kim Trọng “năn nỉ ỉ ôi” hết lời, nàng vẫn một mực từ chối thành hôn. Cuối cùng, bị ép buộc quá, Kiều quyết định đổi tình vợ chồng thành tình bạn bè.

*

Những tác phẩm cổ điển truyền thống đều phải được kết thúc “có hậu”. Ba kiệt tác dài hơi bằng thơ của văn học Việt Nam cũng không ra ngoài ước lệ đó.

Nàng cung nữ trong Cung Oán ngâm khúc dù bị thất sủng lâu ngày, vẫn nuôi hy vọng được đấng quân vương có ngày ngó lại. Vội vàng sửa lại nhan sắc:

*Phòng khi động đến cửu trùng
Giữ sao cho được má hồng như xưa*

Chờ mãi không thấy chồng về, nhưng giấc mơ sum họp của nàng chinh phụ trong Chinh Phụ Ngâm rất tha thiết và rục rờ:

*Giở khăn lệ chàng trông từng tấm
Đọc thơ sầu chàng thẩm từng câu*

...

*Liên ngâm đối ẩm đòi phen
Cùng chàng lại kết mối duyên đến già*

Nguyễn Du cũng không muốn thoát ra khỏi ước lệ ấy, cho nên đã sắp đặt cho nàng Kiều, sau thời gian dài trong thống khổ, được sống bên cạnh vợ chồng Kim Trọng để đánh đàn cho chàng nghe, làm thơ cho chàng đọc. Hoặc:

*Khi chén rượu, khi cuộc cờ
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên*

Trong lúc đó đã có Thúy Vân lo quán xuyến mọi công việc gia đình, “Thừa gia chẳng hết nàng Vân”. Người thiếu phụ ngoan ngoãn và đoan trang này sẽ không có khi cảm thấy tủi thân, hờn ghen? Đoạn kết “có hậu” của Nguyễn Du là thế đấy. Là:

*Phong lưu phú quý ai bì
Vườn xuân một cửa để bia muôn đời*

Tuy nhiên, ta có thể tưởng tượng cái thế chệnh vênh của nàng Kiều liệu kéo dài được bao lâu? Và liệu một người đàn bà mang nặng một quá khứ ngổn ngang, ê chề, lại có mặc cảm giết chồng, có thể sống an vui bên lề cuộc đời của một người đàn ông nho nhã, trong sáng, đa tình, và lãng mạn? Đây là chưa nói đến một phương diện khác gay go không kém. Trong xã hội phong kiến, hà khắc, và câu nệ như thời đại của nàng Kiều, một người như nàng khó lòng sống trong dinh quan huyện ngày ngày vui thú bầu bạn với quan mà không gây nên tai tiếng, thị phi. Chính nàng từng bày tỏ:

*Thiếp từ ngộ biến đến giờ
Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa
Bấy chầy gió táp mưa sa
Mấy trăng cũng khuyết mấy hoa cũng tàn
Còn chi là cái hồng nhan
Đã xong thân thế còn toan nổi nào*

Cho nên, vốn thức tỉnh và thức thời, Kiều sẽ tìm một con đường khác mà đi: con đường của một kẻ lữ hành suốt đời cô độc. Và chắc chắn đó không phải con đường cũ. Hay nàng sẽ trở lại chốn “Cửa Không” tìm quên.

NGỰ THUYẾT
3/2021



VIÊN DUNG **chợt thức chiêm bao**

Thừa trăng, em kỳ cộ chi
ánh nhìn ta mơn trớn vú
em quay mặt đi. lòng hứ, chưa đủ
với ta ? trứ bóng trai làng !

màu trắng thu bay
thả lòng rạo rức
chợt thức ta duyên ngấm năm trước
trăng thừa, ăm ức ngã chiêm bao !

để mắt

nhớ dậy lòng bóng em, mơ
trang lứa khoe em mơn mớn
trăng mới lớn
nhú mầm thở hồn nhiên

khung vẽ chờ bóng trinh nguyên
cộ màu nổi nhớ em viên

lạ thay phát thảo
dáng nghiêng then thừa

tim nhủ lòng rúng phân bua
trai tơ dạ tỏ niềm hứa
phải lòng ai xúi
từ bữa gặp em

gái một con

mắt ta mòn vẫn muốn
thấy em phong phanh ve vẩy hè
nắng ngã cánh sen

rực rỡ thanh xuân
em vén dìu con
mưa non nở tròn lục phủ
bỗng em nhìn chút nhựa đổ dành
hờ duyên mai lỡ sự

khuya về khác xứ
lữ thú chuông từ
nghe đóa tình vui phong thanh

VIÊN DUNG

LÊ HỮU
Thái Thanh, tiếng ru muôn đời



Mẹ hiền ru những câu xa vời
À à ơi!... Tiếng ru muôn đời
("Tình ca", Phạm Duy)

“**B**ài này thì chỉ có Thái Thanh” hoặc “Bài này không ai hát qua được Thái Thanh”, thỉnh thoảng ta vẫn nghe như vậy. “Bài này” có thể là tên một nhạc phẩm của Phạm Duy hay của Phạm Đình Chương, Dương Thiệu Tước, Văn Cao...

Nhiều ca sĩ một đời ca hát chỉ mong tên mình gắn liền với tên bài hát nào đó và khi nhắc tên bài hát người ta cũng nhắc tên người ca sĩ để tên tuổi không phải chìm vào quên lãng. Riêng Thái Thanh thì không chỉ một mà có khá nhiều bài hát gắn liền với tên chị.

Tiếng nước tôi, tiếng lòng tôi

“Nếu chỉ được Thái Thanh hát cho nghe một bài thì anh sẽ chọn bài nào?”

Thỉnh thoảng tôi vẫn được hỏi như vậy. Thường thì tôi có chút bối rối khi phải chọn ra bài hát mình yêu thích nhất qua giọng Thái Thanh vì lắm khi bài mình thích chỉ là thích vào lúc nào đó, vào lúc khác thì lại là một bài khác.

“Anh thử đoán xem?” tôi hỏi ngược lại.

Người bạn nói vài cái tên, tôi lắc đầu. Anh kể thêm ít bài nữa, tôi lắc đầu.

“Bài ‘Quê nghèo’” tôi buột miệng.

“Quê nghèo” là bài hát đầu tiên tôi được làm quen với tiếng hát Thái Thanh và yêu bài hát ấy, yêu tiếng hát ấy. Tôi nghe “Quê nghèo”

mãi không chán, và cũng vừa nghe lại khi này, dư âm tiếng hát Thái Thanh như vẫn còn quanh quẩn đâu đây.

“Quê nghèo” là bức tranh quê thật sinh động của những làng quê Việt Nam thời kháng chiến, nơi có những bà mẹ quê *vui vì nỗi cơm ngô đầy*, có những cô thôn nữ đêm đêm nằm ngủ hay *mơ, mơ thấy bên lề cuộc đời, áo dài đùa trong tiếng cười*. Bức họa đồng quê ấy được vẽ lên bằng tiếng hát Thái Thanh. Phải nghe chị hát những “tả tơi”, “thoi thóp”, “hiu hắt” trong những câu hát *Có lũy tre còn tả tơi... và Chiều rơi thop thóp trên vải luống khoai*, *hiu hắt tiếng bà mẹ cười...* mới thấy quê mình nghèo đến thế nào, mới thấy thương quê mình biết bao.

“Quê nghèo”, chứ không phải tên những bài hát mà anh bạn tôi kể ra, những bài hát về quê người, về những kinh đô ánh sáng, những mùa thu mùa đông Paris, những bến sông Seine, sông Danube, những dòng sông xanh những sóng nước biếc mãi tận những miền đất nào xa xăm. Cũng không phải những tuyệt phẩm của những “dòng nhạc thánh phòng”, những dạ khúc nguyệt cầm, chiều tà chiều tím, cỏ hồng cỏ hoang, đường chiều lá rơi lá rụng... và những bài bản nào được trình diễn trên những sân khấu hoành tráng với dàn nhạc công, nhạc cụ lĩnh kình.

Người ta nghe một bài hát là lắng nghe những cảm xúc đến từ một giọng hát hơn là nghe những phô diễn kỹ thuật. Một khúc hát bình dị, đơn sơ, nghe qua một giọng hát hay vẫn cứ hay chứ không nhất thiết là những bài bản có giai điệu, khúc điệu cầu kỳ.

Xuân vừa về trên b...ãi cỏ non (“Hoa xuân”, Phạm Duy)

Nghe Thái Thanh, nghe câu hát ấy, người ta nghe mùa xuân về đâu đó quanh đây, về trên thảm cỏ xanh mướt trước sân nhà, về trên những bông hoa dại dọc theo những lối đi quen.

Đến nay người ta vẫn chưa quên những bài nhạc thể điệu rumba, boléro từng được yêu thích qua tiếng hát Thái Thanh, như “Xóm đêm” (Phạm Đình Chương), “Đường xưa lối cũ” (Hoàng Thi Thơ), “Bóng người đi” (Văn Phụng & Hoài Linh), “Chiều biên khu” (Tuấn Khanh & Châu Ngân), “Chuyện đêm mưa” (Nguyễn Hiền & Hoài Linh), “Ngày hạnh phúc”, “Ngày tạm biệt” (Lam Phương)...

Chiều xưa, gió êm lay nhẹ l...iếp dùa

Nghe câu hát đầu bài “Bóng người đi”, tưởng nghe được hơi mát của làn gió nhẹ êm trong chiều.

Tôi nhớ xem được trong một video clip, Thái Thanh hát trong một tu viện ở San Diego, nơi chị tu tập vào những năm cuối đời. Mấy trăm đạo hữu ngồi quanh im lặng nghe chị hát “Giọt mưa trên lá”, “Ngậm ngùi”, “Tôi ước mơ”... Chỉ có tiếng hát, không có tiếng nhạc dạo, tiếng đệm đàn nào và người nghe thật im lặng đến không cả tiếng vỗ tay, chỉ thấy những cánh tay đưa lên lắc lắc tỏ dấu tán thưởng. Cũng là một cách hát, một cách thưởng thức vậy.

*Giọt mưa trên lá..., ráo riết miệt mài, anh biết yêu lần cuối
Giọt mưa trên lá...., cuống quýt dạt dào, em biết yêu lần đầu*

Thái Thanh hát thật thoải mái, thật tự nhiên, đôi lúc cũng lắc lư nhún nhảy, cũng là lướt điệu đà, cái điệu làm duyên nữ tính. Sức truyền cảm của tiếng hát ấy trên hết vẫn là ở cái giọng trời cho. Tiếng hát chị đến với người yêu nhạc từ những năm đầu 1950s, và càng về sau tiếng hát ấy càng thêm cuốn hút tựa như trái cây ngon đến độ chín muồi qua cách chị phả hơi thở đầy cảm xúc vào từng lời, từng chữ, từng nốt nhạc.

Liệu những cảm xúc ấy có là cảm xúc thật? Có thể kể ra được những bài chị hát bằng cảm xúc thực lòng, như “Người về”, “Nhớ người ra đi”, “Quê nghèo”, “Tình ca”, “Tình hoài hương”, “Kỷ niệm”, “Xuân tha hương”, “Tiếng sông Hương”, “Về miền Trung”..., hầu hết là những bài dân ca mới hoặc tình ca quê hương. Chị hát như người kể chuyện quê mình và những bài ấy nghe “Thái Thanh” hơn cả.

Những bài khác, nếu không là cảm xúc thật thì cũng không phải cảm xúc giả tạo. Như một diễn viên xuất sắc trong một vở diễn, chị nhập vai diễn, sống thực với tâm trạng, nỗi niềm của nhân vật. Có thể kể ra những “Áo anh sút chỉ đường tà”, “Bà mẹ Gio Linh”, “Kỷ vật cho em”, “Kiếp nào có yêu nhau”, “Ngày xưa Hoàng Thị”, “Quán bên đường”, “Tình cầm”, “Tuổi 13”... và những bài nào nữa vẫn được người yêu tiếng hát chị nhắc tên.

“Lần nào hát bài này tôi cũng khóc,” Thái Thanh nói, nghẹn ngào. Bài hát ấy là “Bà mẹ Gio Linh”. Chị khóc và cũng làm người nghe muốn khóc theo chị khi nghe chị hát. Chị nhập vai bà mẹ hóa điên, nhìn chiếc đầu con mình bê bết máu, môi trắng bệch, hai mắt mở trừng trừng.

*Ta yêu con ta, môi trắng bết máu cờ
Nụ cười hồn nhiên, đôi mắt ngó trông ta...*

Chính vì để lòng mình nghiêng xuống những nỗi thống khổ, những nỗi bất hạnh và lòng hy sinh vô bờ của một dân tộc mà tiếng hát chị như trào lên nỗi bi thương lẫn hào hùng.

Khi hát, chị không chỉ hát bằng môi bằng miệng mà còn hát bằng mắt, bằng vẻ mặt, bằng điệu bộ đầy biểu cảm. Nghe những bài hát ấy mới thấy ở Thái Thanh một giọng điệu luyện và đầy kịch tính. Khi chùng xuống thấp như lún vào hồn, khi rướn lên cao như xoáy vào tim. Khi mềm mại, dịu dàng như nhịp chân êm êm thánh thót, khi vội vàng, gấp gáp như sóng muôn triền tới, sóng xô về khơi. Giọng hát cất lên từ trái tim nhạy bén và giàu cảm xúc, thể hiện trọn vẹn tình ý của mỗi bài nhạc và truyền được những rung cảm đến người nghe dẫn đến nhận xét của nhiều người là “Thái Thanh hát bài nào cũng hay”.

Liệu có đúng là Thái Thanh hát bài nào cũng hay? Có đúng và không đúng. Không ca sĩ nào hát hay được mọi bài, vẫn có những bài chị hát không hay lắm là những bài không phù hợp giọng chị hoặc những bài... không hay. Một giọng hát có hay đến đâu cũng không thể làm cho một bài hát không hay thành hay được. Lại có những bài chị hát tuy có hay nhưng người ta vẫn muốn tìm nghe giọng hát khác từng gắn liền với những bài ấy. Có điều là không ai yêu nhạc Việt mà không giữ riêng cho mình những bài hát nào mình yêu thích qua tiếng hát Thái Thanh.

Thái Thanh, chị là tiếng chim hót véo von, lạnh lót. Chị đã tạt ngang qua cuộc đời này, đã mang chút hạnh phúc nhỏ nhoi đến cho bao người, những người yêu tiếng hát chị. Tiếng hát ấy như gắn liền với dòng định mệnh của người dân Việt, có ngọt ngào và xót xa, có nụ cười và nước mắt và cả máu xương nữa. Nếu những bài tình ca thời chiến, qua tiếng hát chị, cho thấy khuôn mặt của tình yêu, cho thấy người ta đã yêu nhau như thế nào vào thời ấy thì cũng cho thấy cái nghiệt ngã của chiến tranh đã đi qua trên quê hương mình. Nhiều người vẫn nói rằng tiếng hát chị là “tiếng nước tôi”, là “tiếng lòng tôi”. Trong tiếng hát ấy có tình yêu đất nước, có tình yêu lứa đôi và cả tình yêu tiếng Việt nữa.

“Người ca sĩ phải biết yêu tiếng nói của nước mình, nếu không yêu thì cũng như là hát một bài nhạc ngoại quốc vậy,” không phải chị từng nói vậy sao? (*)

Thái Thanh vẫn hát “Tình ca”

Một giọng hát hay, trong một nghĩa nào đó, còn là giọng hát tạo được mối dây tình cảm thật gần gũi giữa người nghe và người hát. Giọng Thái Thanh là giọng hát như thế. Tôi hiểu được vì sao nhiều người thích nghe chị, chính là vì nghe ra mỗi đồng cảm trong tiếng hát chị. Điều này cũng khiến người ta không chỉ yêu tiếng hát chị mà còn yêu cả những bài hát chị từng hát, những bài hát chan chứa những tình tự dân tộc cất lên từ trái tim nặng trĩu tình yêu quê hương.

Có những bài hát mỗi lần nghe chị hát là mỗi lần nhớ nhà, nhớ quê hương đến chảy nước mắt.

*Chiều b...uông trên dòng sông Cửu Long
như một cơn nước mong, ời... chiều!* (“Chiều về trên sông”, Phạm Duy)

“Chiều buông...”, không phải chiều trôi hay chiều rơi, nghe như màn sương chiều lướt thướt, như vạt áo choàng mềm mại của chiều tà chầm chậm phủ trùm lên một vùng sông nước lững lờ. Nghe câu hát, nghe chiều đi lặng lẽ, nghe nỗi buồn trải rộng đến mênh mông trong bóng chiều quanh quẩn.

Tôi nhớ, những giọt nước mắt của Thái Thanh khi chị hát đến câu hát cuối bài “Tình hoài hương” sau ngày chị đặt chân lên miền đất tự do này. Những giọt nước mắt còn đọng lại rất lâu trong lòng người.

Xa quê hương... yêu quê hương...

Những nốt ngân rung rung, rạn vỡ, như một giấc mơ rạn vỡ.



Không chỉ có âm vực thật rộng, xuống tới những nốt thật trầm, vươn tới những nốt thật cao, giọng hát ấy còn làm mềm lòng người nghe bằng những chỗ ngưng nghỉ, nhấn nhá và luyến láy đầy ngẫu hứng.

Ai l...ướt đi ngoài sương gió (“Buồn tàn thu”, Văn Cao)

Không ai “ướt” được như Thái Thanh. Chị hát mà như “vẽ”. Chị không chỉ “láy” mà còn “lượn”.

*Em đi qua đời anh,
không nh...ớ...ớ gì sao em?* (“Người đi qua đời tôi”, Phạm Đình Chương & Trần Dạ Từ)

Không ai “nhớ” rung rúc đến như Thái Thanh. Chị hát mà như “nắc”. Chị vừa “láy” lại vừa “lượn”.

Có tiếng hát x...ao xuyên á...nh trăng vàng (“Về miền Trung”, Phạm Duy)

Không ai nghe tiếng hát ấy mà không nghe “xao xuyên”, nghe dào dạt nhớ về một quê hương có “bóng dừa ngàn thông”, có “con sông xưa, thành phố cũ”.

Nước sông miền man trôi đi

Há ha hà ha hà há ha ha... (“Dòng sông xanh”, Johann Strauss, lời Việt Phạm Duy)

Chỉ có giọng ngân nga và chuỗi láy lượn rập rờn há ha hà ha... ấy mới nghe ra tiếng sông vỗ “miên man” và nhịp điệu luân vũ dịu dạt của dòng sông cuộn cuộn sóng trôi xa.

Không ít ca sĩ muốn thử sức với “Dòng sông xanh”, nhưng chỉ làm người nghe thêm nhớ giọng hát đã gắn liền bài nhạc ấy.

Nhiều lắm, những nét lượn mềm mại, mượt mà ấy trong những “Mười thương” (Phạm Đình Chương), “Đố ai”, “Nụ tầm xuân” (Phạm Duy)...

Tiếng hát Thái Thanh gắn liền với nhạc Phạm Duy, hẳn nhiên là vậy, thế nhưng không ít bài nhạc của những nhạc sĩ khác nhiều người cũng chỉ muốn được nghe với giọng Thái Thanh, chẳng hạn “Hội trùng dương” của Phạm Đình Chương, “Hòn vọng phu” của Lê Thương, “Thiên thai” của Văn Cao, “Ngọc lan” của Dương Thiệu Tước, “Giấc mơ hồi hương” của Vũ Thành, “Mùa thu không trở lại” của Phạm Trọng, “Bài hương ca vô tận” của Trầm Tử Thiêng, “Bóng người đi” của Văn Phụng & Hoài Linh, “Ngàn thu áo tím” của Hoàng Trọng & Vĩnh Phúc... và nhiều nhiều nữa.

*Từ khi xa anh em vẫn yêu... và nhớ
mà sao anh đi... đi mãi không về nữa*

Nghe “Ngàn thu áo tím” qua giọng Thái Thanh tựa như giọng cô bé mới biết yêu lần đầu, rưng rưng kể câu chuyện tình buồn, nghe một nỗi gì xót xa, tội tình.

Chắc không ca sĩ nào, giọng hát nào được gán ghép cho nhiều danh hiệu bằng Thái Thanh. Trên hết vẫn là “Tiếng hát vượt thời gian”. Tiếng hát ấy luôn sánh đôi với cuộc hành trình âm nhạc “khóc cười theo mệnh nước nổi trôi” của Phạm Duy, đủ thấy chiều dài dằng dặc của một khoảng cách thời gian xa vời vợi.

Có người còn gọi chị là “Tiếng hát không dĩ vãng”, tôi không cho là như vậy. Không ai từ bỏ được dĩ vãng; hơn thế nữa, chị còn có một dĩ vãng thật là đẹp. Dĩ vãng ấy làm cho chị có chỗ đứng riêng,

không giống ca sĩ nào khác. Đó là dĩ vãng của cái thuở ban đầu Ban hợp ca Thăng Long, của hai chị em “Cô hàng cà-phê” Thái Hằng và Thái Thanh, của những “Ngày mùa” (Văn Cao), “Quê em” (Nguyễn Đức Toàn) hay những “Em bé quê”, “Bà mẹ quê”, “Vợ chồng quê” (Phạm Duy)... một mùa nào kháng chiến.

Có Thái Thanh như một dĩ vãng đẹp, tôi muốn mượn câu trong bài hồi ký Người Bác của nhà văn Thế Uyên, “Có Nhất Linh như một dĩ vãng đẹp”, để nói về tiếng hát chị. Dĩ vãng nào mà chẳng có vui có buồn, có ngọt bùi có đắng cay, thế nhưng với nhiều người, nhớ về tiếng hát Thái Thanh vẫn là nhớ về những ngày xưa êm đềm, nghe lại tiếng hát Thái Thanh vẫn cứ nghe lòng dịu êm như một dòng suối mát. Thái Thanh, chị là dòng suối tơ vương, là giọng ướp men thơ... trong những câu hát thánh giả từng nghe chị qua làn sóng đài phát thanh Sài Gòn một thuở nào.

*Bông hoa đời ngàn xưa tới nay
Rung nhạc đó đây, cho đời ngất ngây...* (“Ngọc lan”, Dương Thiệu Tước)

oOo

Giọng hát Thái Thanh đã bật tiếng im hơi những năm gần đây, tin chị từ biệt thế gian này vì vậy cũng không gây bất ngờ lắm, thế nhưng người ta vẫn cảm thấy mất mát, hụt hẫng. Nếu không vì dịch bệnh cách ngăn thì đám táng chị hẳn là đông lắm, dài lắm những dòng người tiễn đưa. Nhưng cũng không hề chi, dẫu không đi được với chị một đoạn đường thì người ta cũng đã đi cùng với chị biết bao năm trên con đường dài thật dài, không phải vậy sao?

Thái Thanh, tôi tin rằng linh hồn chị, như cụm mây trắng lững lờ, đã bay về lại miền đất nước “nằm phơi phơi bên bờ biển xanh”, về lại nơi có “bóng đa ôm đàn em bé”, có “tiếng ru nổi niềm thơ ấu”, có những đêm “trăng lên bằng ngọn cau”... trong những câu hát nào mà mỗi lần chị cất tiếng hát là mỗi lần nước mắt rưng rưng.

Hôm ấy, người ta cho phát đi nhiều bài nhạc quen thuộc từng được nhiều người yêu thích qua tiếng hát Thái Thanh, như cách người ta vẫn làm để tưởng tiếc người nhạc sĩ hay ca sĩ nào vừa mới lìa đời. Đến lúc bài “Tình ca” cất lên, tôi ngồi lặng im nghe đến hết bài hát tôi từng nghe biết bao lần và nhiều người cũng từng nghe biết bao lần. Lại một điều, mỗi lần nghe, cảm xúc ấy vẫn còn tươi rói như mới nghe lần đầu chứ không với đi chút nào.

*Vì yêu, yêu n...ước yêu nòi
Ngày xuân tôi h...át nên bài... bài tình ca*

Vẫn là những uốn lượn mềm mại, mượt mà làm dậy lên tình cảm thương quê dạt dào và cũng tô đậm “dấu ấn Thái Thanh” lên bài “Tình ca” ấy.

“Tình ca” gắn liền với Phạm Duy hơn bất cứ bài nhạc nào của người nhạc sĩ này và cũng gắn liền với Thái Thanh hơn bất cứ bài hát nào. “Nghe ‘Tình ca’ là phải nghe Thái Thanh,” nhiều người vẫn nói như thế. Không ai hát bài ấy được như chị. Có những ca sĩ khá nổi tiếng và từng hát nhiều bài Phạm Duy nhưng không bao giờ hát “Tình ca”, chỉ vì bài hát ấy như đã thuộc về chị, đã thuộc về Thái Thanh. Giả dụ nhiều năm sau nữa người ta có quên hết những bài hát nào Thái Thanh từng hát thì người ta vẫn cứ nhắc đến bài “Tình ca”.

Bài hát ấy là bản tình ca lớn nhất, bản tình ca của đất nước. Bài hát ấy còn là tiếng ru êm của những bà mẹ Việt Nam trong suốt chiều dài cuộc chiến tranh, trong đó có bà mẹ Thái Thanh.

*Mẹ hiền ru những câu... xa vời
À à ơi!... tiếng ru... muôn đời*

Tôi chắc không ai hát À à ơi!... được như chị. À à ơi... trong câu hát ấy và trong bài hát “Ru con” của Phạm Duy, và những bài hát nào nữa ngày xưa chị từng hát.

Thái Thanh, tiếng hát ấy đã “vượt thời gian” hơn bao giờ để thành “tiếng ru muôn đời”.

LÊ HỮU

(*) Đỗ Tăng Bí, *Thái Thanh, tiếng hát vang vọng giữa trời Xuân*, báo Xuân Người Việt, 2005. Ảnh internet

Danh ngôn

Nếu bạn nhìn đủ sâu, bạn sẽ thấy âm nhạc; trái tim của thiên nhiên là âm nhạc ở khắp nơi.

If you look deep enough you will see music; the heart of nature being everywhere music.

Thomas Carlyle

Âm nhạc là sự giác ngộ cao hơn cả triết học và tri thức.
Music is a higher revelation than all wisdom and philosophy.

Beethoven



KHALY CHÀM
đúng như lời
thiên hạ nói ta điên

Ngày phơi mặt ngóng chờ tro tiền kiếp
 hãy bay về phủ kín ngực đời ta
 một vết thương mơ hồ lòng khiếp nhược
 mở bung rồi ngọ nguyệt ngón yêu ma

vuốt ve chi khuôn hồn mình đã vỡ
 nghiệp chương cười ảo giác nụ hôn môi
 ngất ngây đại tìm oan khiên sắc tướng
 nghiêng ngả hình đăng ly rượu mỡ côi

ngày phơi mặt đắm màu tro tiền kiếp
 đêm lê la ai dìu dắt ta về
 thân cúi gập nhìn thế gian lộn ngược
 thừa đất trời: ta vừa biết đam mê...

tro tiền kiếp hoài thai chi muối mặn
 độc tố chẳng khiến ứa lệ phận người
 với tay níu thời gian màu khói nắng
 thả xuống vực tình
 nghe âm rặng tàn hơi!

txbinhlong. 12/2019

KHALY CHÀM
với bóng
đồng cảm không lời

tội nghiệp bóng ngày theo hình lặng lẽ
đã bao năm không chớp mắt bao giờ
ta nằm xuống bóng lẫn vào bóng tối
mãi ngậm ngùi ẩn ức một đời thơ

những con chữ rùng mình nhìn thịnh nộ
nghĩ rằng ta đan díu với đau thương
xòe tay chém một nhát dao rưng nắng
hương thời gian thơm ngát mộng thiên đường

những đánh mất quay về như cổ tích
hồn nhiên cười âm tiết nhẹ nhàng rơi
gần hay xa mơ hồ tay chạm tới
vốc cạn tình xanh, nhạt đắng người ơi!

ảo tưởng chưa, sao choàng vai chiếc bóng
thể phách mù lòa níu giữ hoàng hôn
em là khói ta chùn chân rượt đuổi
hãy cứ lững lơ trong một giác độ buồn

tội nghiệp bóng chưa lần nào mở miệng
ta thèm nghe ngữ điệu khẽ vỗ về
dù không nói nhưng bóng luôn thương cảm
bóng sẽ cùng tro bụi... trầm xuống đáy sông quê

KHALY CHÀM
biengioik 01h18p. 10/2019



LÊ NGUYỄN
bài tôi không tên

Gió đưa xào xạc
bờ Lau Tung bay
phấn trắng lạc vào

giấc mơ Vĩ dầu
con Nhện giăng tơ
Tội thân Bướm mộng

treo trơ xác hình
Ầu ơ trách gió
vô tình Làm chim

rớt tổ làm mình
xa nhau Mây giăng
ngõ núi bạc đầu

Chim nghiêng cánh
nhỏ trút sầu
cho ai ...

chuyện ngày xưa

Thư viết chưa kịp gửi
Sao lòng mình vẫn mơ
Đêm khuya khoắt ngẩn ngơ
Nghe gió run tàu chuối

Nợ nhau từ kiếp trước
Vừa thấy mặt đã thương
Như bóng khói trong sương
Lúc chiều buông mái lá

Nợ em bờ vai rộng
Tựa đầu em thì thầm
Thề cùng anh kết tóc
Như sông núi muôn năm

Cánh chim bay biến biệt
Hiu hắt ngọn đèn khuya
Nghẽn lối về xóm cũ
Lá dội sương đầm đìa

LÊ NGUYỄN

LÊ NGUYỄN
mặc

T ợ bóng câu
qua cửa...
Lá đâu còn
đời xanh
Mộng ước
mộng chưa thành
Mơ cháu con
tiếp bước

Dốc lòng
cùng phía trước
Dù quá đổi
gian nan
Đổi mặt luôn
sẵn sàng
Số phận nào
... thách đấu !

Khí phách
nằm trong máu
Không khiếp sợ
cơ cầu

Sóng trước
sóng bạc đầu
Sóng sau
còn xanh tóc

Thương những
vàng trán rồng
Thương đôi mắt
sáng ngời

Thương nụ cười
trên môi
Mặc cho
đời sáng tối

LÊ NGUYỄN



NGUYỄN VĂN SÂM

Giao Cảm về tập thơ Nữ Tắc của Trương Vĩnh Ký

Cả trăm năm nay, từ ít nhất là năm 1911, không ai thấy được bản Nôm mà Trương Vĩnh Ký (TVK) đã dùng để phiên âm quyển **Nữ Tắc** vì ngày xưa người ta không có thói quen đưa bản Nôm ra làm chứng cứ cho công trình của mình. Hoặc có thấy mà không liên hệ với bản Quốc ngữ (QN) của TVK.

Năm 2019, nhân chuyến đi Paris tìm tư liệu Nôm cho việc nghiên cứu tổng Nôm, tôi (NVS) được người bạn giỏi Hán Nôm ở đây là học giả Phạm Xuân Hy trao tặng cho bản **Nữ Tắc Diễn Âm** xuất bản thời Tự Đức mà ông từ lâu sao được từ thư viện **Trường Sinh Ngữ Đông Phương**. Nhận thấy đây là tài liệu quý vì là bản mà TVK dùng làm thành bản Nữ Tắc của ông, tôi bèn dò lại từng chữ với bản Nữ Tắc của TVK, bản in Saigon, 1911.

Tôi đi đến kết luận:

1. Tác phẩm này - **Nữ Tắc** - dạy nhiều điều ích lợi cho phụ nữ thời đó cũng như các thời sau, nếu ta đừng quá quyết liệt trong việc đòi hỏi nữ quyền theo kiểu Âu Châu cuối thế kỷ 20.

2. Trương Vĩnh Ký phiên âm với một mục tiêu rõ rệt mà ông không nói ra.

A. Nữ Tắc dạy nhiều điều bổ ích.

Đọc **Nữ Tắc** ta hình như là bị choáng ngợp về những điều dạy cho người phụ nữ. Có những điều rất hay vì nếu theo thì người phụ nữ sẽ không bị mang tiếng xấu, phần giá thanh cao được bảo tồn. Mặt khác họ được gia đình bên chồng kính nể, làng xóm trọng vì.

Có thể sau hơn trăm năm, xã hội đã đổi thay, ảnh hưởng Tây phương đương quét một vài quan niệm có thể bị coi là cổ hủ. Nhìn chung đó là những lời dạy ích lợi thực tiễn rằng không nên làm một số chuyện với các từ có tính cách ra lệnh là *không nên*:

1. Chớ: chớ bước ra ngoài không nhưng (4b), chớ cắn đánh móng tay (4a), chớ châu lông mày (4a), chớ chưa nói đã cười (4a), chớ có ca ngâm (3b), chớ cười hở hàm răng (4a), chớ để (tớ trai) đến gần cửa phòng (4b), chớ dựa nường cầm ngăn ngơ (3b), chớ dúc lác xin xao (3b), chớ gằm con mắt (4a), chớ hay chíp miệng (3b), chớ khá đành hanh (3a), chớ khi lạnh dữ - thay đổi tánh khí thường trực (4a), chớ khuây đạo hằng (12a), chớ liếc trước trông sau (4a), chớ lo dài vắn (14b), chớ lơ đờ trông theo...trai (3b), chớ lộn tanh hôi (2b), chớ miệng méo môi trề (4a), chớ nể cạn sâu (14b), chớ ngả ngớn nói năng xô bồ (4a), chớ nghiêng mặt nghiêng tai (3b), chớ ngoa (8b), chớ ngửa mặt cúi đầu (4a), chớ sửa áo quần (3b), chớ tần ngần nhìn kim - khi mau vá (3b), chớ thờ dài (4a), chớ vươn vai (4a), chớ xuôi thói tà (8a), chiếu lệch chớ ngã (16a)...

Biến thể của **chớ** là **chớ hề**, cũng thấy nhiều có nghĩa nặng hơn đôi chút là đừng bao giờ.

2. Chớ hề: Chớ hề chớt nhã (11a), Chớ hề dòm ngó - người lạ (15a), ao sâu đầm cả chớ hề (16b), chớ hề chào hỏi - trai chẳng phải họ hàng (3b), chớ hề dúc lác xin xao (3b).

3. Đừng: đừng đổ gieo đổ xiêu (3b), đừng đoái lại thần thơ (3b), đừng làm dạng nhắm hình (3b), đừng nằm trở hai ba bề (3b).

4. Chẳng: chẳng bằng (2b), chẳng chấp (11b), chẳng lựa chuốt vời (1b), chẳng lựa tham nhiều (3b), chẳng rêu rao tiếng gì (11b).

5. Lựa là: lựa là kén chọn (8b), lựa là mình tới (8a), lựa là ngọc giắt trâm cài (2a), lựa là phiên đến (13a).

6. Phải: phải chẳng cũng chịu (11a), phải cho thanh khiết (1b), phải ôn cho tường (18b), phải thì ((1b), của nếp phải dè (17a).

7. Liệu: liệu đang làm thình (11b), liệu đang tu cấp (14b), liệu lời (10a), liệu lường (9b).

8. Bớt: bớt nổi tiêu pha (10b).

9. Cẩn thận: cẩn ngôn cẩn hạnh (2b), cẩn nhiệm (10b, 2a), cẩn thừa mình ta (4b).

Không phải bao nhiêu đây thôi, còn nhiều nhiều nữa. Lời dạy nào cũng có ích. Bèn ngẫu hứng viết mấy dòng phóng bút:

*Nữ Tắc dạy nhiều
 Những điều nên tránh.
 Những điều nên theo
 Lỗi lầm không mắc.
 Phong thái thanh cao...
 Phụ Nữ miễn nào? (NVS)*

Giới thiệu một hai đoạn để ta dễ thấy những lời dạy này tràn đầy trong tác phẩm:

2a Sáng thì thức dậy **điểm trang**,
 Chải đầu, rửa mặt việc thường **nữ nhi**.
 Ngồi thì **ng nghiêm chỉnh dung nghi**,
 Bước thì **rón rén**, đi thì **khoan thai**,
 Lựa là ngọc giắt trâm cài,
 Sửa mình cho chính, **ấy người hiền lương**,
 Áo quần **chắt chít kĩ càng**,
 Sao cho trong sạch **vẻ vang** mọi bề,
 Tanh hôi chớ có **phen bì**,
 Khó thì cho sạch, rách thì cho thơm,
 Ở thì tùy tục mà làm,
 Quần là áo lượt, chớ tham hơn người,
 Nói thì chớ lựa nhiều lời,
 Khoe khoang chớ bắt chước người **đơng đưa**,
 Ở cho **cẩn nhiệm** sau xưa,
 Nói cười thông thả, thốt thưa dịu dàng,
 Nói cho **chính đính** rõ ràng,
 Một lời quan hệ, giữ giàng chẳng chơi,
 Chớ hể **chốt nhả** cợt cười,

Hay lấy một đoạn khác. Kết quả cũng tương tự, toàn những điều dặn dò rất cụ thể của người từng trải, nhiều kinh nghiệm thực tế, thấu đáo tâm lý người đời. Xin trích ra một phần nhỏ những điều dạy cho người phụ nữ có thai, trong nguyên bản còn có nhiều chi tiết hơn nữa:

Nguyệt kinh phải biết đầy vơi,
 Đến khi **thai dộng** chớ dờn giữ kiêng.
 Ngoài ba tháng phải nằm riêng,
 Chiếu lệch chớ ngả, ghế nghiêng chớ ngồi.
 Chớ khi cúi ngửa tới bởi,
 Dầu khi cất nhắc hân hoi dịu dàng.
 Đứng ngồi nghiêm chỉnh đoan trang,
 Chớ cho hơi nằng hơi sượng lột mình,
 Thấy loài **khỉ vượn** làm **thình**,
 Thấy người lạ mặt lạ hình ngoảnh đi.
 Chớ hể dòm ngó làm chi,
 Chớ khi đói quá, chớ khi no liền,
 Đêm đừng để tắt ngọn đèn,
 Canh khuya lạnh lẽo chẳng nên dậy trần.
 Nằm thì khép nép tay chân,
 Chốn nào dức lác chớ gần tới nơi.
 Ngày nào u ám chiều trời,

16b

Cùng khi **bóng ác đã đời** hầu khuya,
 Chẳng nên tắm gội đầm dề,
 Áo sâu đầm cả chó hể mon men,

Dầu những lời dạy hay ho cách mấy, điểm son phải được dành cho người diễn ra chữ Nôm, không thể cho ông TVK về mặt này. Giá trị của TVK trong quyển **Nữ Tắc** ở chỗ khác, chỗ ông phiên âm từ bản Nôm ra bản Quốc ngữ theo một cách thể đặc biệt có một không hai.

Đó là:

- (a) thay đổi chữ khi cần thiết,
- (b) chọn từ ngữ thích hợp với người Nam để thế vô chữ mà ông nghĩ rằng dân Nam kỳ khó thấu hiểu.
- (c) đọc giọng Nam các chữ có âm Nam đương lưu hành, và
- (d) thay bằng từ dễ hiểu hơn ể tránh trùng lặp.

Quyển ử Tắc còn có ưu điểm là chú giải rõ ràng. Đặc điểm này này xin độc giả coi trong bản văn, người viết xin miễn trích ra đây vì quá dài dòng...

B. Cung cách phiên âm đặc biệt của TVK:

a. Thay đổi chữ khi cần thiết.

Đừng khi thái quá, đừng khi trễ tràng. BN *lập lại chữ đừng*, TVK thay chữ **đừng** sau bằng **chớ**, khiến câu văn nhẹ nhàng hơn nhiều: *Đừng khi thái quá, chớ khi trễ tràng*. Những trường hợp tương tự thấy nhiều trong suốt tác phẩm, xin kể ra một vài, không thể kể ra hết sợ quá rườm rà.

BN: Nói **ra** chính đĩnh rõ ràng, TVK thay chữ **ra** bằng chữ **cho**, có tính cách dặn bảo, khuyên lớn hơn: Nói cho chính đĩnh rõ ràng.

BN: Thì là **chớ có** lẽo chứng sự người, TVK thay chữ **có** bằng chữ **khá** khiến cho nhóm **chữ chớ** khá mang tính khuyên bảo thân thiết, nhẹ nhàng hơn: Thì là **chớ khá** lẽo chứng sự người.

BN: Đi thì **chớ có** động quần **tả** tới, TVK thay chữ **tả** tới bằng **lả** lơi, phù hợp với việc dạy con gái đàn bà hơn. Chữ **tả** tới gợi hình ảnh người dạy nhấn mạnh đến tính cách gìn giữ quần áo, trong khi chữ **lả lơi** gợi ý cho người nữ gìn giữ *cái hạnh* của mình, tránh bị phê bình, hay hiểu lầm về nhơn phẩm: *Đi thì chớ có động quần lả lơi*. (X. chú 41).

BN: Thấy chàng khi bước **vào** ra, TVK thay chữ **vào** bằng chữ **chơn** khiến câu văn ừa nhẹ nhàng vừa mang khí vị Miền Nam hơn: *Thấy chàng khi bước chơn ra*.

BN: Tề mi **chấn** **chấn** dịu dàng, TVK thay hai chữ **chấn** **chấn** không rõ nghĩa trong tiếng Việt thành **chăm** **chăm** có nghĩa luôn luôn để ý vô sự việc khiến cho câu này mang lời khuyên dạy cụ thể hơn hẳn: *Tề mi chăm chăm dịu dàng*.

BN: Ở sao **cho** đẹp mọi lòng, TVK đổi thành *Sao cho đẹp* để mọi lòng khiến văn văn nhiều chất thơ hơn.

BN: Theo trong phép **tắc** ghi lòng **cho** hay, TVK đổi hai chữ

phép tắc thành **nữ tắc** khiến câu này vừa trở về đề vừa cho thấy những khuôn phép gì mà người con gái phải theo: *Theo trong nữ tắc ghi lòng cho hay.*

Những thay đổi này có thể đếm được hơn ba mươi trường hợp, chúng tôi đã ghi lại hết trong phần chú giải. Đọc và phân tách những chữ mà TVK thay thế ta sẽ không khó khăn gì.....

BN: *Chẳng nên **than thở** vui cười*, TVK thay từ **than thở** bằng **hớn hở**, câu trên trở thành *Chẳng nên **hớn hở** vui cười* chỉ rằng lúc cha mẹ bị bệnh thì con cái nên giữ gìn việc biểu lộ tình cảm cá nhân để tránh làm cho cha mẹ tủi thân.

b. Chọn từ ngữ thích hợp cho người đọc miền Nam Kỳ lục tỉnh. Cái hay và đặc biệt của TVK là sửa câu văn có sẵn một hai chữ - chẳng cần nhiều- thì câu văn trở thành 'Nam Kỳ Lục tỉnh' rắc ròi, rất phù hợp với ý thích của dân Na, thời đó. Tôi không cho sự kiện này mang tính kỳ thị địa phương, phân chia vùng miền gì, đây chỉ là sự sửa đổi để phù hợp với sự ưa thích của người địa phương thôi. Điều này thấy rõ trong các món ăn gọi là đặc sản, đặc trưng của mỗi vùng, mỗi tỉnh, phải lâu lắm mới có thể thay đổi được. (như **Tân Sơn Nhứt** biến thành **Tân Sơn Nhất**, chỗ đậu xe thành **bãi đỗ xe...**)

BN: *Dòm **xem** cho biết món gì người ưa*, đã được sửa chữ **xem** thành chữ **coi**, câu kia mang khí vị khác hẳn: *Dòm coi cho biết món gì người ưa.*

BN: *Ngọc kia có vết rửa làm sao đi*, đã được sửa thành *Ngọc kia có **vít** rửa **mà** sao đi*, chỉ thay hai chữ, một bằng cách đọc, một bằng chữ thường dùng, TVK đã tạo nên khí vị ông mong muốn cho câu văn!

BN: *Cửa phòng **chẳng** khá để ai đến gần*, TVK sửa thành *Cửa phòng chó có để ai đến gần*. Hai chữ **chẳng** **khá** được thay bằng hai chữ anh em địa phương của nó: **chó có**.

BN: *Rét **xin** thêm áo cho dầy*, TVK sửa thành *Rét **thì** thêm áo cho dầy*, thay chữ **xin** trang trọng bằng chữ **thì** đơn giản quê kệch, địa phương thường dùng.

BN: *Dặn dò tôi gái **tôi** trai*. TVK sửa lại: *Dặn dò tôi gái **tở** trai*.

BN: *Tuy **rằng** có kẻ hôm dao thay mình*. TVK *Tuy **là** có kẻ hôm dao thay mình*. Phải để ý lắm mới thấy dụng tâm của TVK khi thay một chữ nhỏ, rằng bằng là.

BN: *Xem trong lễ phép **chớ** **thì** kiêu ngoa*, TVK thay chữ **chớ** **thì** bằng chữ **chớ** **hề** để hiểu và có thi vị hơn: *Xem trong lễ phép **chớ** **hề** kiêu ngoa*.

c. Đọc giọng Nam.

Ngày nay chuyện này là thường nhưng thời TVK thì là chuyện quan trọng vì người Nho sĩ thời đó nói giọng Trung, Bắc nhiều hơn - do Nam Kỳ là vùng đất mới người học hành chẳng có bao nhiêu, người vùng ngoài đến thì nhiều-. Ông TVK lợi dụng sự phiên âm của mình

để đọc bằng giọng Nam, người ta nói ở ngoài đời. Cũng nhờ từ công việc này của TVK, chúng ta còn giữ được một số lớn từ vựng gọi là thuần Nam sau này thấy trong tác phẩm của Hồ Biểu Chánh và những người dịch truyện Tàu đầu thế kỷ 20.

BN: *Anh em tuy **ngĩa** đồng bào*, TVK đọc giọng Nam: *Anh em tuy **ngãi** đồng bào*. Sự tranh đấu cho từ được đọc giọng Nam không phải là dễ. Ngày nay các từ trên mất dần vì những cái gọi là ... này nọ.

BN: *Thiên **duyên** đã định chẳng sai*. TVK đọc và sửa: *Thiên **duon** **phối** định chẳng sai*.

BN: *Nửa khi làm bỏ như **xôn** thói tà*, TVK đọc *Nửa khi làm bỏ như **đơm** thói tà*. Suy nghĩ về chữ **xôn** và **đơm** ta sẽ thấy dụng tâm của TVK.

BN: *Tảo tần canh cửi chớ khi nào 移*. Chữ này có thể đọc dời, rồi , TVK chọn chữ dời, khiến câu thơ thân thuộc với người đọc lúc đó hơn. d. Thay bằng từ dễ hiểu hơn hay để tránh trùng lặp.

BN: *Hể là **tương kiến**, phạm lời cấm xưa*, TVK thay từ **tương kiến** thành **mắt thấy**: Hể là **mắt thấy**, phạm lời cấm xưa.

BN: *Ngăn can ắt có nể ta nhiều bề*, TVK đổi hai chữ **ngăn can** thành **can ngăn** vì sau đó vài hàng thì sẽ xuất hiện từ **can ngăn**.

BN: Lại rồi sẵn sóc kho tàng, TVK thay hai chữ lại rồi thành rồi ra khiến câu văn Nam hơn mang nhiều hơi hướm khuyên lơn, dạy dỗ hơn: Rồi ra sẵn sóc kho tàng.

Kết:

1. Ở bài Giao Cảm này, chúng ta không thể nào nói về giá trị nội dung của Nữ Tắc vì những điều dạy trong đó là những điều trong sách vở của người Tàu, chúng tôi vì vậy chỉ nhìn về cách phiên âm của TVK mà thôi. Con đường đó đúng hay sai tùy theo quan niệm của mỗi người.

- Người chủ trương *trung thành tuyệt đối với bản Nôm* thì cho rằng TVK **đã sai** khi tự ý chuyển đổi một số chữ, thay đổi vị trí chữ trong câu nguyên bản. Ngay cả cách đọc thuần Nam của ông cũng sai trên nguyên tắc vì không tôn trọng vùng miền của tác giả BN mà lại nhắm đến đọc giả QN của mình.

- Người chủ trương *một sự phiên âm mềm dẻo*, uyển chuyển trong cách đọc Nôm để cho bản văn khi thành bản QN có thể phục vụ đại đa số người đọc của thời nó được in ra thì cách đọc, những thay đổi của TVK là việc làm phù hợp tình huống. Những bản phiên âm sau này cho đến đầu nửa sau thế kỷ 20 đều theo nguyên tắc này với những người như Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Chánh Sắt, Đặng Lễ Nghi, Thuận Hòa, Cử Hoành Sơn, Đặng Lễ Nghi, Lê Văn Tỏ... Từ nửa sau thế kỷ 20 thì quan niệm phục vụ văn hóa, văn học bằng tính cách khoa học trong việc phiên âm BN người ta gần như trung thành tuyệt đối với bản Nôm, chỉ lo phiên chuyển từ loại hình Chữ Nôm ra loại

hình chữ QN mà thôi, những ý hướng khác bị coi là thứ yếu.

2. Những BN như **Nữ Tắc, Huấn Nữ Ca, Nhị Thập Tứ Hiếu, Gia Huấn Ca** nên được phiên âm và giới thiệu chăng? Nếu bỏ qua mặt văn chương thì về mặt tư tưởng những tác phẩm trên không những đã lỗi thời mà còn là một lực cản cho sự tiến hóa của xã hội nếu ai đó tự nhiên hô hào là phải theo đúng những điều dạy trong các sách trên. Xã hội đã tiến bộ, bao nhiêu trang sử bi thương đã ghi lại việc tranh đấu cho nhân quyền, cho nữ quyền... quyển **Nữ Tắc** nói riêng **lạc lỏng** nếu chỉ được chú ý đến nội dung.

Chúng tôi phiên âm và giới thiệu quyển **Nữ Tắc** để giúp người đọc nhớ lại một thời con gái đàn bà được dạy dỗ thiệt chu đáo để cuộc đời của họ hạnh phúc - thời thế lúc đó như vậy thì được dạy như thế đâu có gì là đáng trách -.

Nếu đừng đem cặp mắt của người để cao nữ quyền thế kỷ 21 để nhìn, thì quyển **Nữ Tắc** quả là một tác phẩm đầu tiên và có giá trị lớn trong việc bảo vệ người phụ nữ một cách hữu hiệu trong một xã hội mà quyền lợi của nam giới quá lấn lướt bằng cách dạy **phải phát triển nữ hạnh, nữ dung**- nhắc lại lần nữa là giá trị đó thuộc về người vô danh nào đó mà TVK có công khơi dậy lên, đưa ra cho công chúng.

Đó là chưa kể mặt văn chương, văn hóa đáp ứng được nhu cầu lúc nó xuất hiện.

Chúng tôi bỏ công tìm tòi để giới thiệu **Nữ Tắc** cũng vì những lẽ đó.

NGUYỄN VĂN SÂM
Victorville, CA, March 21, 2021





NGÃ PHƯƠNG HUYỀN
tình ròn

Trầm kha huyết lệ
Ngông tể cuồng dâng
Quá trò dâu bể
Điệp khúc suy tăng

Còn gì linh thánh.!?
Điên giả khủng chân
Cõi người đá lạnh!
Hoang dã đình phần.!

Em tro gai nhọn
Ta lộ cùi không!
Đất trời xót dạ
Sông núi đau lòng.!

Trầm kha huyết lệ!
Hoang phế kho đời!
Tình ròn tro đá!
Nghĩa cạn phơi vôi.!

Em khuy nút lệch...
Đàn đứt dây trầm
Ta khóc khi hát
Bàng hoàng khi ngâm

so sánh ...

Còn tháng tư nào
hơn tháng tư đen ??
Đen tận vực sâu,
đen đỉnh nhục, hèn.!!
Đen vỡ tim người,
đen tang tóc não.!!
Đen rã tông đường,
đen tận cuồng điên.!!

Còn tối mịt nào hơn
tháng tư ba mươi.??
Anh vào nhà lao,
em khóc phận người.!!
Trận đấu chưa chi,
hạ màn phim dứt.!!
Kịch bản thú, người
trao đổi thịt xôi.!!

Tang tóc nào hơn
ba mươi tháng tư ??
Biển máu, núi xương
tù khắp trại tù
Biển hận, triều thù
phủ ngập hèn mặt
Chết không kịp trời,
không phút giả từ.!!

NGÃ PHƯƠNG HUYỀN



NGÃ PHƯƠNG HUYỀN tiên đề

1/

Sắc lêm âu phục...
Bước chuyển kỳ kỳ
Âm ba lạ lắm
Nàng thơ điểm lệ bước đi...

2/

Hạc ngậm đóa phù dung bay về đâu??
Giữa trời đông, trời tây...
Mây ngũ sắc
Với những con tàu nhỏ neo
Bồng phiêu sóng bạc
Bến bờ đâu có tiếng hò reo??

3/

Lại có những loài chim tắm cá
Biển động liên tu
Vẫn vỗ cánh rợp mát
Lại có những kẻ mò kim

4/

Nắm ngải trong tay bút
Treo thân mình trên núi rừng thâm độc!!
Trầm ẩn tích
Như mỗi xác ta cho sóng thần hung!!
Như mỗi xác ta cho loài hoang dã!!
Ngọc nơi tận cùng...!!
Thơ ta phải chịu đóng đinh để được sự cứu rỗi...!!

NGÃ PHƯƠNG HUYỀN

20/12/94



HÀ NGUYỄN DU

thiền hoa

1.
Ngọn cỏ bờ đê chiều
Hôm sương lam thoảng chút khói
Hương hồn Má phản phát về!!
2.
Lá vẫy con dế
Mèn hòn đá nằm ngóng đợi ánh
Mai mặt trời sẽ vươn lên!!
3.
Còn mơ hoang ước hão còn
Ngưỡng vọng cơ cầu mình
Sẽ còn xa nhau xa nhau...
4.
Thiền của Phật bung từ
hạt lên cây và nở hoa ngát
Hương cho người trần gian...

con chip của Thượng Đế

1.
Lá hoa sẽ rụng chút
Hương thơ xoa dịu phận
Bụi yên bề căn nguồn cội!!
2.
Gió reo hân hoan vì làn
Tóc em thơm trắng chín
Nắng múa chim ca vào Thơ ...
3.
Má bắt tử trong con Má
Là mạch thi ca sinh sôi
Và nở hoa đầy trời!!
4.
Não ta chính là
Con chip Thượng Đế gắn vào
Sao qua mắt được Ngài mà bảo!!

HÀ NGUYỄN DU

HÀ NGUYỄN DU

**như Itzhak Perlman
và cây vĩ cầm ba dây**

(đăng bài này cũng từ tranh “giọt đàn” của phdu)

Khởi đi từ a đến z ...
và, tôi đã như ...
đi bằng đôi nạn gỗ!?
nên dòng cảm ngập thiên thu!
nên ...

em biết không ơ em biết không!?
tôi quen diễn tôi đường oan khiên!
như đời Itzhak Perlman và ba dây... cây vĩ cầm!!
lạ ...

càng réo rắt thanh âm!
lạ ...
càng tuyệt vời nét nghệ!
như đời Itzhak Perlman và cây vĩ cầm ba dây
thơ tôi vẫn ...
xé tẹt màn hư vô!

thơ tôi vẫn ...
mở toang nhà hiện hữu!
khi tôi tạt nguyên tôi!
khi tôi mất nửa tôi!
em biết không tôi cắn chặt đôi hàm răng hít hơi giác tỉnh ...

em biết không ơ em biết không??
dây mặt trời tôi đứt phụt!!
tôi khác chi cây vĩ cầm ba dây của Itzhak Perlman
tôi rơi tôi vào cõi quây mòng!
tôi điên tôi trăm hình dung
hỡi Itzhak Perlman ...thiên tài violon

cùng với Queneau, Le Lionnais,
Roussel, Roublaud
và Perrec, Calvino ...

những tiềm năng trùng trùng đồng dạng !!
tợ suốt thơ người càng róc rách
tợ dòng văn người vẫn thác tuôn
... thợ nguồn thơ tôi cũng đến tràn bờ !!

HÀ NGUYỄN DU

(nhân đọc bài viết Nguyễn Thanh Sơn, trên Văn 63&64)



HÀ NGUYỄN DU giọt đàn

Huyền nhiệm âm giai nhụy
Mơ ngát mộng mắt biếc
Long lanh giọt đàn thấm
thấu mật ngôn tình rượu

cất âm khuếch tán tình
bão lời mưa ru đời
thiên di giọt đàn hòa
thơ em ngất lịm hồn

thi nhân túy lúy tiết
tấu ơی thẳng hoa ngón
ngọc tay ngà tưởng phục
lửa nộ hôn tình vờn

vai mắt biếc rung tơ
thân như địa chấn giọt
đàn giọt đàn mê hoặc
khải huyền mùa trăng em

soi gổi mộng thi ca
lâm bồn luân hồi chuyển
nghiệp ơی máu thơ hòa
lẫn giọt đàn giọt đàn.!!!

HÀ NGUYỄN DU

(thơ ngẫu hứng từ tranh bìa của Họa sĩ Phan Hạ Du trong số báo này)



mùa hè vẫn đến

Sáng tinh mơ lữ sương trắng
nằm soãi mình trên kính xe
những giọt sương long lanh như
lệ rơi từ mắt nâu nàng

thơ tôi nhưng tôi không nghĩ
đến giọt lệ khóc hờn của
em mà tôi lại nghĩ đến
những chiếc lá khô sắp rơi

những chiếc lá úa gần tàn
ơi ! những chiếc lá luôn sợ
mùa hè luôn sợ mùa hè ..!!!
nhưng mùa hè vẫn đến vẫn

đến đến như hiên ngang nhận
lấy vai trò kế vị thay
cho mùa xuân vừa tròn nhiệm
và mùa xuân sẽ ra đi ..!!!

và mùa xuân sẽ ra đi ...
trong khóc than tiếc nuối của

muôn loài ... ơi vô thường ơi ...
vô thường ... bốn mùa nhanh như

ánh chớp nhanh đến nỗi anh
chưa kịp nói với lòng đất
với rễ cây với nguồn nước
với mẹ với em với ... sáng

tinh mơ lữ sương trắng nằm
soãi mình trên kính xe những
giọt sương long lanh như lệ
rơi từ mắt nâu nàng thơ

tôi nhưng tôi không nghĩ đến
giọt lệ khóc hờn của em
mà tôi lại nghĩ đến những
chiếc lá khô sắp rơi những

chiếc lá úa gần tàn ơi ...
những chiếc lá luôn sợ mùa
hè luôn sợ mùa hè ..!!! Nhưng
mùa hè vẫn đến vẫn đến ..!!!

HÀ NGUYỄN DU



QUYÊN DI lạc giữa vườn chanh

Đêm đã rất khuya, đêm thơm mát
Một mình thơ thẩn giữa vườn chanh
Nụ trắng đầu cành như sao lạc
Toả hương lặng lẽ dưới trời xanh.

Thành phố giờ này yên tĩnh quá
Một chùm hoa nhỏ lẫn trong sương
Đôi cánh chim bằng vừa hạ xuống
Dường có dường không giữa đời thường.

Muốn cất vào lòng hương quyến rũ
Như giữ trong tim nụ môi hôn
Hồn nhịp nhàng quay bài luân vũ
Trí khôn một phút chẳng còn khôn.

Những chuyện lâu rồi nay chợt nhớ
Nhật nhòa như hoa lạc dòng sông
Bỗng chốc hiện hình như thánh nữ
Long lanh mắt biếc với môi hồng.

Chắc tại hoa chanh thơm ngan ngát
Hay chim bằng đậu xuống đời thường
Mà chuyện ngày xưa chừng mờ nhạt
Dừng không thức dậy giữa đêm trường.

Nhẹ bước vào nhà, xin khép lại
Cổng nẻo, vườn chanh sẽ im lìm.
Hoa trắng mê hồn không dám hái
Chỉ nén mùi hương tận đáy tim.

QUYÊN DI



LÂM CHƯƠNG
gió về phố biển (kỳ 2 tiếp theo)

Hai đứa nhìn ra biển. Trời và biển trong xanh bát ngát.
Không biết nó đang nghĩ gì?
“Mình về anh ơi.”
“Sao lại về?”
“Nghĩ sợ quá.”
“Vừa rồi, tôi làm ẩu. Xin lỗi nhen.”
“Đừng xin lỗi.”
“Như vậy cầm tay được hả?”
“Được. Nhưng lâu lâu một lần thôi.”
“Trước khi về, mình cầm tay nữa nhen?”
“Thôi. Mẹ Nghi biết thì chết.”
“Mình phải giấu chứ.”
“Ừ, thì giấu. Nhưng mẹ Nghi tinh mắt lắm.”
“Trước mặt bà, mình làm bộ không thích nhau.”
“Nhớ nhé. Mình làm bộ không thích nhau. Bí mật.” Nó đưa ngón trỏ áp lên môi.
Tôi bảo: “Đưa tay đây.”
“Dị lắm.”
“Chỉ sờ thôi.”
Nó rút rề đưa bàn tay trắng non.
“Tay nè.”
Tôi vuốt nhẹ lưng bàn tay. Êm đềm. Ấm áp. Hạnh phúc.
Không còn run rẩy nữa. Chuyện gì rồi cũng quen. Tiến xa hơn một chút. Tôi bóp nhẹ nhẹ bàn tay, ra chiều âu yếm. Nó không nói gì. Tôi ngồi sát lại gần, ôm cả cánh tay.
Nó hoảng hốt, rút tay về.
“Giữa ban ngày, ai làm thế?”
Tôi chợt nhớ lời của một đàn anh. Những con mền non còn nhát đèn, phải hết sức gượng nhẹ, dụ từ từ cho nó quen. Lúc đó, tôi học tình yêu hàm thụ. Bây giờ, thực hành lần đầu tiên, tôi là gã thợ săn non người, vụng về hấp tấp. Không khéo lại vuốt mất một mối tình vừa chớm.

Trên đường về Nha Trang, nó đề nghị ghé lại Tháp Bà. Tôi chỉ mong có thể, một dịp để kéo dài thời gian gần gũi. Tôi và bé Đông, bé Hà đi vợ vẫn bên ngoài. Phương Nghi chen chân với người ta, vào đốt nhang trong tháp. Khi trở ra, mùi khói còn vương theo nó.

Bé Đông hỏi: “Chị Phương Nghi cầu xin chi?”

Nó bảo: “Xin thi đậu.”

“Có xin cho em không?”

“Xin cho em thi đậu vào đệ thất.”

“Có xin cho anh Hiên không?”

“Không. Anh Hiên lớn rồi, phải tự xin cho mình.”

Hai con bé lẳng ra xa. Tôi và nó đi lần về phía sau Tháp Bà. Những tàng cây to che một vùng bóng mát. Chúng tôi đứng bên một tảng đá lớn. Mong có ngọn gió nào thổi tới để tóc nó bay lả tả vào tôi. Ngày xuân không có gió. Tôi đứng thật gần để nghe mùi con gái. Nhưng ngoài cái mùi thoang thoảng khói nhang, tôi không nghe mùi gì cả. Tôi nhìn nó, chiêm ngưỡng. Mặt nó hồng. Những sợi tóc mai sát vào làn da mịn lấm tấm mồ hôi.

“Đẹp lắm.” Tôi buột miệng.

Nó hỏi: “Anh khen Nghi hả?”

“Quần áo mới của Nghi đẹp.”

Câu nói xuân ngốc của tôi làm nó xụ mặt. Trời đất ơi, trên đời này không có thằng con trai nào tán gái mà lại thốt một câu thần hồn quỷ oán như vậy. Tôi ân hận, muốn vả vào cái mồm vô duyên cho gãy mấy cái răng của mình.

Tôi năn nỉ: “Nghi ơi, tôi khờ quá. Thật tâm tôi muốn khen Nghi đẹp, nhưng lại vụng về nói khác đi.”

Nó nguýt dài: “Ai cần anh khen.”

“Thương quá không biết nói sao, nên khen đẹp.”

Nói xong, tôi rất hả hê. Ít ra, cũng có được một câu vuốt ve tình cảm.

Nó mỉm cười: “Anh xạo.”

Tôi cũng cười.

Hai đứa đứng im lặng nhìn xuống cầu Xóm Bóng. Sao cứ nhìn về một hướng? Sao không nhìn vào nhau cho mãn nhãn?

Nó nói nhỏ: “Hồi nãy, Nghi thắp nhang xin bà phù hộ cho chúng mình.”

“Thành vợ chồng hả?”

Nó mắc cỡ: “Anh này lạ ghê!”

8.

Suốt mùa xuân, cuối tuần nào Phương Nghi cũng tìm lý do tới nhà bác Huệ. Tôi chào hỏi qua loa, giả vờ không thân. Nó đưa hai

em Đông và Hà đi ăn kem ăn chè, đi dạo bờ biển. Tôi muốn tháp tùng đi theo, nhưng e bác Huế nghi ngờ. Chúng tôi trao đổi với nhau vài quyển sách. Tất cả đều là cái cớ. Mục đích chính là để liếc nhìn nhau, và nói những câu bông quơ chẳng liên quan gì tới tình cảm. Bao nhiêu thương nhớ, chúng tôi trải đầy trong những lá thư kẹp vào quyển sách khi trả lại. Cứ như ngoài chuyện trao đổi sách, chẳng còn tình ý gì khác.

Có lần bác Huế hỏi, rằng con không đi chơi với Phương Nghi và hai em? Tôi nói, đi với nó ngoài đường dễ bị hiểu lầm. Bác hỏi, hiểu lầm rằng? Tôi nói, sợ người ta sẽ nghĩ con thích nó. Bác cười, Phương Nghi đóng kịch khéo lắm, sợ chi? Tôi hỏi, nó đóng kịch gì hả bác? Bác nói, trong tuồng Lã Bố hí Điêu Thuyền, nó đóng vai đào lẳng, liếc con mắt đứt đuôi luôn. Tôi làm bộ, con có thấy nó liếc ai đâu? Bác dứ dứ ngón tay, rằng con cứ vờ với bác? Lấy vải thưa mà che mắt thánh được à?

Tôi báo động ngay với Phương Nghi về những lời bác Huế. Nó sợ, không dám tới lui nữa. Bé Đông thành sứ giả giao liên giữa tôi và Phương Nghi. Con bé chạy qua chạy lại như con thoi, cầm những quyển sách có giấu những bức thư tình mùi mẫn. Nó cho biết, thư tôi làm nó rưng rưng nước mắt. Đêm nó ấp những lá thư vào ngực mà ngủ, với nhiều mộng mị chiêm bao. Tôi bồi hồi xúc động, tưởng có thể chết vì nhau.

Mùa hè năm ấy, bé Đông thi tuyển đậu vào đệ thất trường Nữ Trung Học, Nha Trang. Hai bác Huế Quảng cho đó là công tôi dạy kèm. Nhưng tôi biết con bé học rất giỏi, không có tôi, nó vẫn đạt kết quả tốt.

Gần đến kỳ thi trung học đệ nhất cấp, chúng tôi ít thư từ qua lại. Hai đứa bạn vui đầu vào bài vở. Tôi vốn mất căn bản, nên chuyên môn học “bài tử”. Hy vọng đời vẫn có những cơ may bất ngờ. Ngày bước vào phòng thi, tôi tháo mồ hôi với hai môn toán lý hóa. Gãy hai môn có hệ số cao, tôi về nằm rũ trên tầng gác. Người choáng váng lừng lờ. Nhìn ra cửa sổ, cảnh dương in lên bầu trời một màu xanh ngán ngắt. Buồn hiu rỗng lặng.

Phương Nghi lại đến, sau một thời gian dài không đến. Bé Đông réo gọi tôi xuống, nhưng tôi cáo bệnh. Nó xin phép bác Quảng, theo con bé lên gác thăm tôi. Giữa trưa mùa hè gay gắt, tôi nằm trùm mền, quay mặt vào vách.

Nó kéo ghế, ngồi sát bên giường: “Anh Hiên, bệnh thế nào?”

Tôi nói: “Cảm xoàng thôi.”

Bé Đông nói: “Thi xong là anh Hiên bệnh luôn.”

Nó bảo: “Anh quay lại cho Nghi nhìn.”

Tôi trở mình quay lại.

“Mới bệnh mà trông anh hốc hác ghê.”

Nó đặt bàn tay lên trán tôi, thăm dò. Bàn tay dịu dàng ấm áp.

Có lẽ, nó biết tôi không bệnh gì cả.

Nó nói với bé Đông: “Em xuống nhà lấy cho chị mượn cái khăn ướm đắp trán anh Hiên.”

Bé Đông đi khỏi. Tôi cầm bàn tay nó, úp lên mặt mình. Nó nhẹ rứt tay về, cúi đầu sát xuống. Tóc nó đổ lên mặt tôi. Mùi tóc, mùi da thịt, và hơi thở của nó làm tôi ngây ngất. Tôi ghì mặt nó, hôn lên má. Tôi mười bảy tuổi, mới biết cái hôn nồng nàn lần đầu tiên, cùng lúc với nỗi lòng xót xa tan nát. Khi nó ngẩng lên vuốt lại mái tóc gọn gàng, khuôn mặt nó toát ra cái vẻ trong sáng, đẹp náo nùng. Tôi nhìn nó chăm chăm, khắc ghi một hình ảnh. Hình ảnh như gần như xa. Phương Nghi là một vưu vật ở trần gian. Tôi sợ hèn phận mọn, làm sao đủ phúc đức giữ được báu vật trên đời?

Nghe tiếng bé Đông lên tầng gác, nó sửa lại thế ngồi chững chạc. Tôi nằm đắp khăn ướm lên trán.

Nó hỏi: “Bài thi của anh ra sao?”

Tôi đau khổ: “Hỏng rồi. Còn Nghi?”

Nó không trả lời. Nét mặt buồn không thể tả. Tôi biết nó buồn cho tôi.

Hai đứa im lặng một lúc lâu. Nó quay ra bàn, ngồi hí hoáy viết gì đó vào mảnh giấy, rồi xếp lại thật nhỏ. Trước khi xuống tầng gác, nó kín đáo dúi mảnh giấy vào tay tôi. Tôi nằm lại với nỗi trống không. Thần trí hụt hẫng như rơi vào hoang liêu vô tận.

Lúc nghe dưới nhà có tiếng nó chào bác Quảng để đi về, tôi giờ mảnh giấy ra đọc. “*Anh Hiên ơi! Dù thi cử có thế nào, cũng đừng bỏ em. Phương Nghi.*” Có lẽ nào nó linh cảm được rằng chuyện tình của nó và tôi, sắp bước vào một khúc quanh buồn thảm? Tôi trèm mền, ứa nước mắt.

9.

Tôi chuẩn bị trước đầu vào đó xong rồi. Ngày niêm yết kết quả kỳ thi, tôi báo tin cho hai bác Huệ Quảng rằng tôi đã hỏng. Đồng thời, tôi cũng xin rời khỏi nhà bác. Bác Quảng an ủi, khuyên tôi đừng nản. Hãy cố gắng tiếp tục cho mùa thi năm sau. Bác Huệ muốn tôi ở lại. Nhưng tôi đã quyết. Bác lo lắng cho những ngày sắp tới của tôi, không biết sẽ ra sao. Tôi nói, có người hứa giúp con việc làm trong mùa hè. Xin hai bác yên tâm. Khi tôi xếp đồ đạc vào thùng carton, hai em Đông, Hà quanh quẩn quyến luyến. Bé Đông thường ngày vui như chim ríu rít trên cành. Hôm nay, nó đứng dựa vách lặng nhìn tôi. Mắt nó buồn. Tôi bỗng thấy nó lớn hơn trong nỗi buồn ấy. Tôi hứa, thỉnh thoảng sẽ quay về thăm. Nó cắn môi làm thinh.

Tôi theo Thuận về nhà. Hấn là người bạn cùng lớp, trọ học ở Nha Trang. Nhà hấn ở Trường Lạc, quận Diên Khánh. Tôi đã đến chơi vài lần. Sau nhà có con suối, nước xanh trong vắt, nhìn thấy cát sạn dưới đáy. Hai bên bờ suối, cây cối mọc um tùm, tre trúc nghiêng

mình ra dòng nước. Cảnh vườn quê tươi mát. Thiên nhiên rợp bóng màu xanh. Tôi thường ngâm mình dưới suối cả buổi. Tâm hồn như tẩy sạch hết những bụi bặm phiền não lo toan.

Bố mẹ của Thuận là người Bắc di cư. Ông làm trong ban Diệt Trừ Sốt Rét. Tính xuề xòa. Thích ăn thịt chó, với vài ba cốc rượu. Ông hay nói, chúng mày học là để có chút chữ nghĩa cho đời đừng khinh bạc. Chữ thời này, muốn làm cha thiên hạ, khó lắm. Lần khác, ông lại nói, học hành đỗ đạt cũng tốt. Không đỗ cũng chẳng sao. Con người sống được, cốt ở hai bàn tay. Những năm mất mùa đói kém thì bằng cấp cũng vất đi. Ông chủ trương tay làm hàm nhai. Sống một đời giản dị, chẳng bon chen với ai. thằng Thuận giống bố ở tính tình chân chất.

Mẹ của Thuận rất cần cù lam lũ. Ngoài việc chăm sóc mảnh vườn liếp rau, bà còn lãnh quần áo từ những tiệm giặt ủi đem về làm thêm phụ giúp gia đình. Ở với chồng lâu năm, bà cũng ảnh hưởng tính chồng. An phận, và làm ngơ trước những nổi bất bình. Chẳng bao giờ nghe bà than phiền ai điều gì.

Thuận và tôi thi rớt. Bố hần cười hì hì, đỗ cũng thế, hỏng cũng vậy thôi. Ông đưa chúng tôi vào ban Diệt Trừ Sốt Rét. Mới đầu cũng gặp khó khăn, vì tôi chưa đúng tuổi lao động. Nhưng ông trông tréo thế nào, rồi cũng xong. Mỗi sáng, tôi đội chiếc mũ nhựa màu vàng, ngồi trên xe với những thùng thuốc DDT và bình xịt, đến những vùng thôn dã hẻo lánh xa xôi. Mang cái bình xịt nặng nề, nhưng cầm cái vòi xịt quơ qua quơ lại thì như một trò chơi thích thú.

Xóm nghèo làng quê cũng giống quê tôi. Thanh bình và cực nhọc. Các cụ già bình dị thương yêu. Những nông dân chất phác. Những cô gái quê mùa mộc mạc. Tất cả đều hòa mình với thiên nhiên, sống hiền từ cùng đất đai cây cỏ.

Giờ nghỉ trưa. Tôi hay ngồi nhìn những chùm rong xanh lục dập dềnh dưới dòng nước chảy, hoặc những con bướm nhỏ nhịp đôi cánh màu vàng trên những bông hoa dại. Tôi nghĩ, nếu được cùng Phương Nghi ngồi ngắm cái cảnh bình yên thơ mộng thế này thì hạnh phúc biết bao. Bất cứ lúc nào không bận công việc, tôi cũng nhớ nó. Nhớ tiếng nói, nụ cười. Nhớ đôi mắt, làn môi. Nhớ bàn tay, vầng trán. Nhớ mùi thịt da, hơi thở trong làn nó cúi sát mặt tôi, tóc nó đổ xuống một vùng bóng tối âm u. Không hiểu sao tâm trí tôi không thể dứt rời hình bóng nó. Thật là một điều kỳ lạ không ngờ. Buổi trưa gặp nhau. Buổi tối bắt đầu mơ tưởng. Trưa ngày hôm sau đã cầm tay âu yếm. Có tình yêu nào nhanh đến thế không? Hay chỉ là một thứ tình cảm bông bột nhất thời? Tôi từng nghe nói tiếng sét ái tình. Lẽ nào mới mười bảy tuổi, tôi đã chạm phải tiếng sét? Tôi tâm sự với Thuận. Hần gạt ngang, chúng mày chỉ vớ vẩn, chả ra làm sao cả! Cái thằng cực mịch lắm lý như con tê giác, không an ủi tôi được một lời.

Mỗi cuối tuần, mẹ của Thuận lãnh đồ giặt nhiều hơn. Thuận và tôi mang ra con suối sau nhà, vừa giặt vừa tắm. Bố của Thuận giảng

thêm những sợi dây phơi đồ. Quần áo phơi đầy cả khu vườn sau, như một rừng cờ đủ màu phát phới. Bà ủi đến mấy ngày mới xong.

Trưa Chủ Nhật, nếu không kiếm được thịt chó, thế nào bà cũng làm cho chồng một đĩa tiết canh, kèm theo đĩa lòng heo. Ông trải tấm chiếu giữa nhà, gọi chúng tôi cùng ngồi lại. Sau vài ba ly, ông bảo, rượu làm người ta cởi mở tấm lòng, dễ tha thứ cho nhau những lỗi lầm. Lúc hơi men ăm ăm, ông lại bảo, đời này toàn là những thứ cầy cáo. Tao bỏ bao nhiêu của cải, đất đai ruộng vườn chạy vào đây. Nếu không nhanh chân, chắc đã bị đem ra đấu tố địa chủ rồi. Nói quanh co một hồi, hóa ra ông chỉ có mấy sào ruộng con, không đủ để cầm dùi.

10.

Mùa tựu trường. Thuận và tôi trở lại Nha Trang. Chúng tôi cùng một người bạn tên Kỳ, quê Phú Yên, thuê gian nhà nhỏ phía sau căn nhà lớn của một người đàn bà. Gian nhà nhỏ này, thật ra là nhà bếp và phòng ăn, bà dọn sạch sẽ cho thuê. Bà ở nhà trên với hai đứa con nhỏ. Chồng bà là quân nhân, trấn đóng đầu đó, trên cao nguyên. Lâu lâu ông về, hay ngồi tán gẫu với chúng tôi. Qua câu chuyện, tôi mừng tượng ra một vùng đất đỏ, núi rừng heo hút hoang vu.

Thuận và tôi học đệ tam. Kỳ lớn hơn tôi ba tuổi, học đệ nhị. Anh học rất chăm, chứ không cẩu thả như Thuận. Ngay trong lối sống, anh cũng tỏ ra đường hoàng chừng chặc. Ban đêm, anh làm cho một lò sản xuất bánh mì. Anh thường đem về những ổ bánh bỏ ra vì quá lửa, hoặc không nở đều. Có khi chúng tôi ăn bánh mì ăn trù cơm. Anh bảo tôi mua chiếc xe đạp làm chân, anh sẽ giới thiệu nơi dạy kèm trẻ tư gia. Số tiền có được trong mấy tháng xị thuốc Diệt Trừ Sốt Rét, tôi dốc ra một phần mua chiếc xe đạp cũ. Tôi dạy kèm hai nơi, đủ sống và đóng học phí.

Cuối tuần, tôi về nhà bác Huế ăn cơm. Đồng thời cũng hướng dẫn thêm bài vở cho hai con bé. Đã học hành lem nhem, còn bày đặt chỉ dạy người khác. May mà hai con bé học giỏi nên tôi cũng được tiếng thơm lây. Bác Huế nói, sau mấy tháng hè trông con lớn hẳn ra, đen sạm rắn chắc. Bác cho rằng, tôi thi rớt là tại Phương Nghi hớp hồn. Phương Nghi bị hàm oan!

Tôi ở riêng, bác Huế lo ngại tôi thiếu thốn về vật chất. Nhà có món gì ăn ngon, bác sai bé Đông mang đến cho tôi. Tôi cảm động trước tấm lòng trời biển của bác. Nhiều lần tôi nói, con ăn chung với bạn, bác đừng lo cho con nữa. Nhưng bác bảo, một lũ con trai ăn uống hốt trót, sức mô mà học?

Phương Nghi biết mỗi cuối tuần tôi về nhà bác Huế. Nó đến nhằm lúc có mặt bác. Chúng tôi dè dặt không dám nói chuyện nhiều. Nó về. Bác Huế bảo, Phương Nghi là con hồ ly, đàn ông con trai sẽ

chết vì nó. Tôi nói, tội con đã vãn rồi. Bác nói, nó không muốn vãn, rằng con vãn được? Nó còn bẹo hình bẹo dạng với con, bác sẽ mách cho mẹ nó. Tôi hoảng, xin bác đừng làm xấu hổ Phương Nghi, tội lắm. Bác bảo, sợ tội con nó, thì con phải gắng học. Năm ni mà không đậu là không được.

Đến nhà bác Huế bất tiện, Phương Nghi nhờ bé Đông dẫn tới chỗ ở của tôi. Lại nhằm lúc tôi đi vắng. Khi tôi về, nghe nói nó ngồi chờ cả tiếng đồng hồ. Thuận phê bình, con nhỏ này dám đi tìm trai, trước sau gì cũng hư hỏng. Anh Kỳ nhận xét, Phương Nghi con nhà giàu lại đẹp. Nó thích mày chỉ vì trông cái mả bề ngoài hiền từ sáng sủa. Nhưng khi lấy chồng, bọn con gái thực tế lắm. Nó sẽ chọn thằng có địa vị danh giá, ngồi không cũng được làm bà. Lấy thằng khổ rách như mày, để biến thành cái mụ lam lũ chân tay à? Hãy thức tỉnh sớm đi. Dành thì giờ lo học. Tội mình nhà nghèo, cần cái bằng cấp lắm.

Nhận xét của Kỳ anh như dao đâm vào ngực. Tôi ôm đầu khổ sở. Thuận đưa quyển Kinh Thánh, bảo Chúa sẽ an ủi mày. Tôi bỏ ra ba ngày nằm đọc.

Gặp câu đặc ý trong chương Diêu Ca, tôi đọc lớn: “Ái tình ngon hơn rượu.”

Anh Kỳ ứng khẩu: “Mày tưởng thật. Không ngờ chỉ là men vị đắng.”

Tôi đọc câu khác: “Tình yêu mạnh như sự chết.”

Anh Kỳ lại ứng khẩu: “Nên xa nhau, hằng đêm mày buông mình vật vã.”

Thấy hay hay, tôi ghép ý hai câu Diêu Ca với những lời của anh Kỳ thành bài thơ nhỏ.

*ái tình ngon hơn rượu
tôi tưởng thật, không ngờ
chỉ là men vị đắng.*

*tình yêu như sự chết
nên xa nhau, hằng đêm
tôi buông mình vật vã.*

Tôi dán bài thơ lên tường. Thuận xé toạc vứt đi, chế nhạo: “Mày làm trò cải lương. Trước khi chết, còn ngóc đầu lên ca sáu câu vọng cổ.”

Một hôm, tôi đạp xe trên đường phố, nghe tiếng ai kêu tên mình. Tôi quay nhìn. Phương Nghi vẫy gọi. Tôi làm ngơ đi luôn, lòng đau như cắt. Về nhà, tôi nằm thẫn thức.

Anh Kỳ nói: “Hành động dứt khoát này, xứng đáng được đãi ăn một tô hủ tiếu”

“Tôi nuốt không vô.”

Anh nói: “Đồng tiền tao làm cực khổ. Tao thưởng cho cái quyết tâm của mày, chứ không phải nổi hứng dẫn tội mày đi ăn đâu.”

Thuận vực tôi dậy: “Dịp may hiếm có. Chần chừ, ảnh sẽ đổi ý. Mau lên!”

Cuối tuần đó, tôi lại nhà bác Huế. Bé Đông lên trao thư của Phương Nghi. Tôi giấu trong áo. Khi về, tôi mở thư.

Anh Kỳ hỏi: “Thư ai?”

Tôi nói: “Phương Nghi.”

Anh giật lấy, ném vào lò lửa.

Tôi sùng sộ: “Sao đốt thư của tôi?”

Anh bảo: “Hiên ơi, quan trọng là cái ở trong đầu của mày, chứ không phải dứt khoát ở ngoài. Đọc thư tình, nó sẽ ám ảnh hoài. Còn tâm trí đâu mà học?”

“Nhưng phải cho tôi coi nó viết những gì chứ?”

“Những gì cũng mặc. Không tơ vương rắc rối. Mày không nhìn thấy sự chênh lệch à? Nó có bằng trung học đệ nhất cấp. Mày không có tờ giấy lận lưng. Chuyện này rồi cũng chẳng đến đâu. Dứt sớm đỡ khổ. Kéo dài nhì nhằng đến chừng nó bỏ rơi, mày chỉ còn nước tự tử.”

Tôi học hành vất vả. Vừa học đệ tam, vừa gắng công ôn luyện lại chương trình đệ tứ. Anh Kỳ chỉ dạy thêm những điều tôi còn khúc mắc. Nhiều khi nhìn trang sách, tâm trí tôi mãi tận đâu đâu. Trong tôi vẫn không phai nhòa hình bóng Phương Nghi.

Năm ấy, Thuận và tôi cùng vào phòng thi trung học đệ nhất cấp.

Chúng tôi thi xong, anh Kỳ hỏi: “Thế nào?”

Thuận nói: “Có lẽ đi tàu suốt.”

Tôi nói: “Bài làm được. Chỉ sợ giám khảo chấm bài ngủ gục, trông gà hóa cuốc thì bỏ mẹ.”

Ngày niêm yết kết quả. Tôi đậu bình thứ. Thuận rớt.

Hắn đọc thơ Tú Xương: “*Cái học ngày nay đã hỏng rồi. Mười người đi học, chín người thôi.*”

Thuận bỏ học luôn từ đó. Hắn đăng tên vào lính Không Quân. Sau này, có gặp nhau mấy lần, nhưng không còn thân thiết nữa. Quá khứ chỉ còn kỷ niệm. Hắn phong trần dày dạn. Dưới mắt hắn, tôi là một thư sinh yếu đuối, chưa biết đời là gì.

Bác Huế làm cái tiệc nhỏ, mừng tôi thi đậu. Cả nhà vui vẻ.

Bé Đông nói: “Em báo tin cho chị Phương Nghi.”

Bác Huế Huế trừng mắt. Bé Đông cụt hứng, mặt mày tiu nghỉu. Nhưng chỉ một lúc sau, nó lại vui.

Nó nói: “Anh Hiên nì, năm nì em lên đệ lục. Đừng gọi em là bé nữa.”

“Chứ gọi bằng gì?”

“Bằng gì cũng được, nhưng cấm gọi bé.”

“Gọi bằng o, được không?”

Nó cười.

Tôi bĩu môi: “Miệng còn hôi sữa, đã muốn làm người lớn.”

Nó chu mỏ: “Nói rúa cũng nói được.”

Lật bật rồi cũng đến ngày thi của anh Kỳ. Anh đậu tú tài. Trông anh vẫn điềm nhiên như không có gì thay đổi. Niềm vui anh giấu ở trong lòng. Tôi lãnh tiền kèm trẻ tư gia, đãi anh một chầu nem nướng Ninh Hòa. Khi vui, tôi kêu thêm mỗi người một chai bia. Anh và tôi uống bia như uống thuốc Bắc. Ăn xong, anh giành phần trả tiền. Tôi áy náy không yên. Anh nói, bữa ăn hôm nay giá bằng một phần tư tháng lương kèm trẻ của tôi. Số tiền không lớn, nhưng tôi phải dành dụm cho mùa học tới. Hãy để anh trả. Lúc nào anh Kỳ cũng xự sự như một bậc đàn anh đáng nể.

Chúng tôi đạp xe ra bãi biển, ngồi nhìn nước. Bóng chiều ngả dài trên hàng dừa, dọc theo bờ cát. Anh tâm sự, cha anh tập kết ra Bắc, biệt tăm không biết sống chết lẽ nào. Nhà anh nghèo lắm. Mẹ anh không đủ khả năng nuôi hai đứa em. Anh không thể tiếp tục học nữa. Phải về Phú Yên để giúp gia đình. Tôi cảm động và buồn muốn khóc. Thuận đi rồi, anh cũng đi. Một mình tôi ở lại với nỗi buồn trống vắng quanh hiu. Tôi nghĩ đến thời gian tới. Làm sao tôi đủ sức thuê gian nhà? Anh nói, trước khi đi, anh đã chuẩn bị một đời sống cho tôi xong rồi. Đầu tiên, anh dẫn tôi đến nhà một người đàn bà tu tại gia. Bà ở một mình, không thấy con cái chi cả. Anh giới thiệu, xin cho tôi ở trọ vào niên học tới. Rồi anh lại giới thiệu một người đàn ông cùng quê của anh, làm ở ty công chánh. Người này nhận tôi vào làm phụ lục lộ với đồng lương công nhật, trong mấy tháng hè.

Tôi mua tặng anh Kỳ cái vé xe đò về Phú Yên. Anh tặng tôi chiếc áo còn tốt. Tôi nói, anh nên để lại mà mặc. Anh bảo, về quê anh sắm cái khác, còn tôi cần những chiếc áo thay đổi cho mùa sau đi học. Ngày anh dọn đồ về quê, tôi bụi ngùi ứa nước mắt. Anh nói lòng tôi mềm quá, suốt đời sẽ khổ vì đàn bà. Lời anh như một tiên tri. Tôi đưa anh lên bến xe, vào một sáng trời đầy mây. Anh siết nhẹ vai tôi, tội mình sẽ khó gặp lại nhau. Chỉ mong, nếu có gặp lại không ở thế đối đầu. Nói thế rồi anh lên xe. Tôi đứng trông theo. Không có ngọn gió nào cuốn bụi mà mắt tôi cay. Câu nói lần cuối của anh Kỳ làm tôi nghĩ mãi. Sau này mới hiểu ra. Cơn lốc thời cuộc đã xô anh và tôi về hai hướng khác.

11.

Tôi làm phụ lục lộ, tu chỉnh bồi đắp quốc lộ 1, đoạn đường Ba Ngòi - Cam Ranh. Việc của tôi là gánh đá, nấu hắc ín, làm người sai vặt. Ai cũng có thể sai bảo tôi làm bất cứ việc gì, kể cả những công việc riêng tư. Tôi không phiền hà gì cả. Làm việc này thì khỏi làm việc khác. Tuy nhiên, bao giờ họ cũng dành cho tôi phần việc ít vất vả. Xe

chở đá, xe hủ lô lăn bánh rầm rập suốt ngày. Trời nắng chang chang, nhựa đường bốc hơi rất mặt làm tôi đuối sức. Mồ hôi đầm đìa trên trán. Lưng áo không lúc nào khô. Tôi hay lấy có đi tiêu, lúi vào bụi rậm, trốn bớt việc. Mấy chị đàn bà làm chung, hỏi mày ỉa ra cây hay sao mà lâu thế? Có người trêu, công tử thắm đờn rồi. Mọi người đều mệt mỏi. Ít ai nở được nụ cười thoải mái. Sự sống cùn mẫn, tâm địa cũng thu hẹp. Người ta hay nhắc về miếng ăn, tiền bạc, sự giàu sang, và chửi đổng cuộc đời.

Tôi ở đậu nhà anh tài xế xe chở đá. Anh tên Rạng. Nhà chật, lại thêm đàn con nheo nhóc. Tôi trải chiếc ghế bố nằm ngoài hàng hiên. Chị Rạng ái ngại nói, hoàn cảnh eo hẹp chẳng biết làm sao. Tôi nói, có được chỗ nằm là tốt rồi, xin đừng lo cho tôi.

Giấc ngủ rất cần thiết để lấy sức cho công việc ngày mai. Tôi ít nghĩ ngợi mộng lung. Nhưng hình bóng Phương Nghi vẫn thấp thoáng. Niềm tuyệt vọng đối với thân phận thấp kém của mình. Chếch phía bên bên kia nhà anh tài xế, ngăn cách một vườn dừa, có căn nhà gạch thoáng mát. Người chủ căn nhà này là bạn của chị Rạng. Hai người bàn với nhau, để tôi sang bên kia ở đậu. Tôi mừng có nơi tránh được sương gió ban đêm.

Chị chủ nhà tên Triều, có đứa con sáu tuổi. Do gần gũi, tôi biết đứa con này không cha. Chưa một lần chị chính thức làm vợ của người đàn ông nào. Hiện nay chị đang là tình nhân của một ông lớn nào đó. Mỗi tháng, đôi lần chị ăn mặc thật đẹp, đi vắng vài ngày. Tôi đoán là đi thăm ông lớn. Khi về, chị tiêu pha rộng rãi. Chị hỏi tôi về công việc đang làm. Tôi nói về sự vất vả của người phu lục lộ. Chị thương hại, muốn giúp tôi làm một chân thư ký tại Cam Ranh. Tôi cảm ơn và từ chối, rằng hết mùa hè tôi phải trở lại Nha Trang tiếp tục sự học.

Buổi tối, chị Triều thường mời tôi ăn quà vặt. Chúng tôi thích bàn về những quyển sách đã đọc, nhất là phong tục tập quán dị biệt của các dân tộc nơi bốn phương trời xa lạ. Có lần, khi đang ăn cam, chị cúi xuống nhặt những vỏ cam rơi rớt dưới sàn. Tôi nhìn thấy cặp vú trắng non, qua viền cổ rộng của chiếc áo cánh sát nách. Có lẽ do linh tính, chị ngước lên bắt gặp đôi mắt gian tà của tôi. Chị mỉm cười như vừa chế nhạo, vừa tha thứ. Tôi ngượng quá, nín thinh bỏ về chỗ nằm. Đêm sau, chờ cho thằng bé vào buồng ngủ. Tôi nói, chị Triều ơi, chuyện đêm trước là em vô tình, xin chị bỏ qua. Chị nói, nếu chị không vô tình thì sao? Tôi nói, như vậy không phải lỗi tại em. Chị dí ngón tay vào trán tôi, thằng ngốc! Tôi nói, bây giờ thì em yên tâm, vì dù sao cũng đã có lời xin lỗi. Tôi đứng dậy, tính về chỗ ngủ. Chị níu tay tôi, ngốc ơi là ngốc! Em đáng bị đuổi ra ngủ ngoài sân. Tôi chợt hiểu ý chị, và riêng tôi cũng chợt khởi lòng ham muốn. Chính vì khởi lòng ham muốn làm tôi mất tự nhiên, không biết xử sự ra sao. Tôi bối rối đứng im nhìn chị. Chị xô tôi vào phòng, nói nhỏ, thằng bé bên kia chưa ngủ đâu. Tôi đồng lõa, coi chừng nó biết. Chị cù nách tôi, đồ

nhát như thỏ đế. Tôi không nhột, ngược lại còn cảm thấy thích đụng chạm như thế.

Chưa bao giờ tôi được nằm trên giường nệm rất êm, và gối đầu lên chiếc gối trắng tinh sạch sẽ thế này. Mền gối lại có hơi hướm đàn bà, càng làm tôi thích thú. Nhưng tôi vẫn hồi hộp. Không biết tại sao lại hồi hộp. Tôi nằm nghiêng quay mặt vào vách. Chị Triều choàng tay qua tôi, kéo siết. Ngực chị êm ái, ép sát lưng tôi. Cảm giác đó, suốt đời tôi không tìm lại được với ai. Chị bảo, cởi đồ ra. Tôi riu riu vâng lời. Thân thể chị trống trải. Thân thể tôi cũng không còn gì che. Tôi mắc cỡ không dám nhìn chị. Tôi quay mặt hướng khác. Kéo mền phủ kín, nằm co quắp, hai bàn tay kẹp vào đùi. Chị giựt cái mền đưa xuống dưới chân, rồi vuốt bụng tôi, vuốt tóc tôi. Chị nói, suốt ngày làm ngoài trời, cái đầu còn khét nắng. Bộ không tắm hả? Tôi nói, tắm rồi. Chị hỏi, có gội đầu bằng xà phòng không? Tôi nói, không. Chị nói, hèn gì..., rồi kéo tay tôi ra khỏi cặp đùi, xoay tôi lại. Chị bảo, nằm thẳng người ra, đừng co như con tôm vậy. Bỗng chị sờ hạ bộ tôi. Tôi ngượng điếng người không dám nhúc nhích, nhưng vô cùng sướng cảm. Chị bảo, lên mình chị đi. Tôi run lấy bầy, lồm cồm bò lên nằm sấp trên mình chị. Thân thể chị mềm mại êm ái. Sự kích thích quá độ, làm tôi rùng mình. Chưa chi tôi đã tháo đồ hết cả dục tình lên bụng chị. Cả người tôi tê rần, tưởng có thể ngắt đi. Chị sững một lúc rồi vỗ lưng tôi, em ơi, em làm ăn cái kiểu gì kỳ vậy? Tôi úp mặt vào cổ chị, thở hổn hển. Chị nhẹ nhàng đẩy tôi xuống. Bụng chị trơn nhớt. Tôi nói, để em lau cho chị. Chị bảo, thôi.

Tôi về chỗ nằm, căng mắt ra tới sáng. Hình dung ra thân thể chị Triều. Dù trong bóng tối mờ mờ tôi không nhìn rõ, nhưng tôi tin rằng trên đời này không có điều gì tuyệt diệu hơn thân thể đàn bà.

Sau một đêm mất ngủ, tôi làm việc một cách uể oải. Những gánh đá đè nặng trên vai dưới trời nắng như thiêu, có lúc làm tôi hoa mắt. Mấy chị đàn bà chê, con trai mà yếu như bún. Thường khi ngồi ăn cơm, nghỉ trưa dưới bóng cây, họ nói chuyện rất bạo. Có tôi hay không, cũng không đáng bận tâm. Một chị nói, tao bị thằng chồng mắc dịch nó quẩn cả đêm, chẳng ngủ nghe gì được. Chị khác nói, bọn đàn ông là thứ lợn lòi hăng tiết lắm. Thêm một chị góp ý, thằng nào càng hăng tiết, càng học máu sớm. Họ cười gọi tôi, ề cậu nhỏ, nghe lời đàn chị chưa? Nhớ rút kinh nghiệm. Tôi cười, làm ra vẻ ngớ ngẩn đại khờ. Thậm chí, tôi cũng là một thứ lợn lòi hăng tiết.

Cuối ngày, tôi theo xe anh tài xế Rạng trở về.

Anh nói: “Trông mày có vẻ nhuốm bệnh. Mai nghỉ một ngày đi. Đừng ráng. Tao nói với trưởng ban vẫn ghi tên mày đi làm.”

Tới nhà, tôi đuối quá, đi nằm sớm.

Chị Triều hỏi: “Em sao thế, hờ Hiên?”

Tôi nói: “Không sao cả.”

Buổi tối, chị Rạng đem cho tôi hai viên Aspirine. Tôi uống thuốc, nằm im. Nghe hai chị nói chuyện ở nhà sau.

Tiếng chị Rạng: “Ông xã mình nói nó bệnh. Tội nghiệp, nó không có ai.”

Tiếng chị Triều: “Hoàn cảnh nó đáng thương. Mình muốn giúp nó công việc nhẹ nhàng hơn, nhưng nó từ chối. Nếu nó chịu ở đây luôn, mình sẽ nhận làm em nuôi.”

“Sợ ông Quảng ghen chứ?”

“Ồi, ghen cái nỗi gì. Nó đáng tuổi em út. Đừng nói thế, tội!”

“Mình thấy nó hiền lành. Chỉ ngại ông Quảng mê Triều quá, rồi nghĩ bậy cho nó.”

“Dẫu nó có ba đầu sáu tay cũng không dám làm hỗn với mình đâu. Còn ông Quảng hả? Muốn giữ mình làm của riêng thì đuổi con vợ già của ông đi đi. Thứ đàn ông sợ vợ, cũng bày đặt ghen tuông.”

Lời qua tiếng lại to nhỏ giữa hai người đàn bà, nghe nhức xương. Ông Quảng là ai, mà tham lam khốn nạn? Tôi là ai, mà vụng trộm đê hèn?

Nửa khuya đêm đó.

Chị Triều lay tôi: “Em cảm thấy bớt bệnh chưa?”

Tôi nói: “Em chỉ hơi mệt, đã khỏe lại rồi.”

Chị thì thầm: “Muốn vào với chị không?”

Tôi thay câu trả lời bằng cách tung mền ngồi dậy. Sợ chị đổi ý, tôi đi trước vào phòng.

Chị khép cửa: “Nếu còn mệt thì thôi đi. Không khéo lại phạm phòng.”

“Phạm phòng là gì vậy?”

Chị cười ồm ồm, không nói.

Tôi nói nhỏ: “Em say nắng thôi. Nằm nghỉ chút xíu là khỏe ngay.”

Chị ôm tôi. Tôi vùi mặt vào ngực chị. Đam mê. Háo hức.

“Em còn là trai tân phải không?”

Tôi ngúc ngắc cái đầu, và hôn chị.

Trên da thịt chị Triều, chỗ nào cũng thơm ngon. Không phải mùi nước hoa. Cái mùi gợi cảm của riêng chị, không ai điều chế được, cũng không có bán ngoài thị trường. Tôi nói với chị như thế. Chị cười, bảo rằng mùi của tôi là mùi mồ hôi nắng gió, trộn với mùi nhựa đường...

Hôm sau. Tôi dậy muộn, nghỉ việc. Chị Triều dẫn con đi ăn điểm tâm buổi sáng. Chị mua về cho tôi đĩa bánh bèo. Tay chân tôi rời rã. Miệng đắng nghét, ăn không thấy ngon. Tôi bệnh thật rồi.

Từ đó, vài đêm tôi lại ăn nằm với chị Triều một lần. Tôi ghiền cái hơi hướm, và mê thân hình bốc lửa của chị. Tuy thế, nếu chị không gọi, không bao giờ tôi dám tự động vào phòng.

Một hôm, trước khi đi làm.

Tôi nói: “Chị Triều ơi, cho em thơm chị.”

Chị chưa trả lời, tôi đã mở nút áo, chúi mũi vào khe ngực căng đầy của chị. Hít thở. Lúc này, tôi bạo dạn. Bởi chị là của tôi, và tôi là của chị.

Chị ôm đầu tôi: “Thích chị không?”

Tôi nói: “Thích.”

“Chị em mình dẫn nhau vô Sài gòn nhé?”

“Sao không về Nha Trang?”

“Em khờ lắm. Nha Trang nhỏ hẹp, con chó nằm còn ló đuôi. Thằng cha Quảng sẽ tìm ra. Em là hạng tép riu. Thằng chả muốn hại em lúc nào cũng được.”

“Thằng chả là ai mà dữ vậy?”

“Em không cần biết. Nhưng thằng chả chỉ cần búng ngón tay, em không vào nghĩa địa, cũng sặc máu mũi.”

“Cái thằng cường hào ác bá lưu manh. Chị đan díu với nó làm gì?”

Chị nói: “Cuộc đời không đơn giản như em nghĩ.” Chị đẩy tôi ra, “Thôi, đi làm đi. Nhớ ý tứ giữ mồm giữ miệng. Bể chuyện là mang họa đó.”

Tôi nóng máu: “Em không ngán thằng chả đâu. Cùng lắm là đổi mạng.”

Chị cười: “Gà con vỗ cánh gáy bình minh, chưa biết sợ chó sói.”

Mùa học mới. Tôi chuẩn bị trở lại Nha Trang. Chị Triều đặt may cho tôi bộ quần áo mới. Chị nói, quần áo của em nhăn nhúm như cái nhau mèo hành khất. Tôi nói, tốt gỗ hơn tốt nước sơn. Chị nói, nhưng cũng phải mặc sao coi cho được chứ? Chị lại dặn, khi nào có dịp lễ, hãy về đây thăm chị, cho chị địa chỉ ở Nha Trang. Tôi nói, em sống lông bông chẳng có nơi nào chắc chắn. Tôi cho chị địa chỉ nhà bác Huế, nhưng dặn đừng tìm tôi ở đó. Tôi sợ bác Huế biết chuyện bí mật của chị Triều và tôi.

Trên đường đưa tôi ra bến xe. Chị Triều nhìn tôi bằng đôi mắt đẹp hết sức đa tình. Tôi cũng bồi hồi lưu luyến. Chị nói, nếu chị mang thai, đó là con của em. Tôi nhìn bụng chị, lòng hoang mang. Không biết chị nói thật hay nói chơi?

12.

Tôi ở đậu nhà bà Ba. Nhà có hai gian, cất theo kiểu nhà ngang. Gian bên trái, làm nơi thờ Phật. Phía trong, có căn phòng nhỏ là chỗ ngủ của bà. Cửa trước, luôn luôn đóng kín. Ngọn đèn dầu nhỏ trên bàn thờ Phật, ngày đêm soi một thứ ánh sáng mù mờ huyền ảo. Mọi sự ra vô đều dùng cánh cửa ăn thông qua gian bên trái. Gian bên trái là nơi sinh hoạt, cũng là chỗ ngủ và bàn học của tôi.

Bà Ba là nhân vật lạ. Tuổi sáu mươi tư. Thân hình đầy đà cao ráo. Tôi hình dung, lúc xuân thời bà là một giai nhân. Tôi không thấy chồng con, họ hàng thân thuộc, cũng chẳng khi nào nghe bà nhắc tới Bà sống rất thanh thoi. Ngoài chuyện đi chùa và tụng kinh hằng đêm, bà không làm gì cả. Đôi lần nghe nói, bà có nhiều ruộng đất ở Lương Sơn. Bà bán tất. Có lẽ, số tiền đủ để bà thông dong suốt quãng đời còn lại. Nhiều người đàn bà năng đi chùa, trong đó có bác Huệ, quen biết bà Ba. Nhưng không ai ghé nhà bà, dù một lần cũng không. Bà sống rất cô độc. Ít nói đến độ dị thường. Tôi là người duy nhất gần gũi với bà. Dù thế, cũng chỉ trao đổi những lời cần thiết. Bác Huệ nói, nghe đầu thời trẻ bà Ba đã từng làm cho nhiều đàn ông tan nhà nát cửa. Bây giờ, bà chịu tu rồi.

Bà Ba cho tôi ở đậu với điều kiện, tôi phải ăn chay trường như bà. Tôi nghĩ, thế cũng tốt. Ăn chay là thể hiện tinh thần bác ái với muôn loài. Tránh được cái họa sát sinh, có dịp làm lành lánh dữ. Phật sẽ gia hộ độ trì cho tôi được may mắn trên đường đời. Tôi chịu tiền ăn cơm chung với bà. Quanh năm suốt tháng, chỉ một món ăn duy nhất. Cải bẹ xanh luộc, chấm với nước tương. Thỉnh thoảng, bà luộc thêm những bông hoa huệ trắng lấy xuống từ bàn thờ Phật. Mỗi tuần, bà uống thêm một thang thuốc Bắc tẩm bổ, sắc từ chiếc ấm đất. Ăn uống như thế, bà vẫn hồng hào mạnh khỏe phây phây. Tôi cũng ăn như thế, nhưng không uống như thế. Người cứ trơ xương, mất máu dần.

Mỗi tháng lãnh tiền kèm trẻ, trước khi vào tiệm phở, tôi khẩn thắm, xin phép Phật cho con nửa giờ ăn mặn. Tôi gọi tái chín gân sách gầu nạm nước béo hành chân đủ thứ, đớp một bụng no nê, bù lại những ngày chay tịnh. Tôi về nhà, bà Ba biết ngay rằng tôi vừa “phá giới”. Mặt bà lạnh đi. Bà nói, kẻ ăn mặn không được bước chân lên bậc thềm nhà bà. Tôi năn nỉ, bà Ba ơi, trước khi ăn mặn con đã xin phép Phật rồi. Bà hỏi, Phật nín thinh, phải không? Tôi thưa, đúng vậy, im lặng là bằng lòng. Bà nói, trong thinh lặng có biết bao nhiêu lời vô ngôn Phật dạy bảo. Con đừng lý luận theo kiểu phàm phu. Những lần sau lén ăn mặn, tôi đánh răng súc miệng thật kỹ, nhưng bà cũng biết. Bà nói, thân thể của người ăn mặn toát ra mùi tanh làm bà buồn nôn không chịu được.

Mỗi tối. Bà Ba gọi tôi lên nhà thờ Phật, ngồi gõ mõ cho bà tụng kinh. Đó là lý do duy nhất, tôi được lên gian nhà này. Bình thường bà cấm, vì nơi thờ phụng không thể ra vô làm khuấy động chốn trang nghiêm. Mới đầu, tôi ngồi bán già, gõ không đều, lúc chậm lúc mau. Bà Ba dạy mãi, tôi cũng ngồi được kiết già, gõ đúng theo ý bà. Lúc bà tụng, tôi gõ cốc cốc cốc..., nhẹ, đều. Khi nghe chuông ngân một tiếng boong, có nghĩa là vừa dứt một đoạn, tôi gõ cốc cốc cốc..., mạnh hơn. Đêm nào bà cũng lặp lại, tuần tự đúng theo một nghi thức. Tịnh khẩu nghiệp chân ngôn. Tịnh thân nghiệp chân ngôn. Tịnh tam nghiệp chân ngôn. Sau đó, bà bắt đầu khai kinh, đọc chú. Tôi vừa gõ mõ, vừa

ngủ gục. Nghe bà lên giọng, *bạt xà ra báng ni phẩn, hủ hàm tô rô ung phẩn, sa bà ha*, tôi biết thời tụng sắp xong. Chỉ ráng vài phút nữa thôi. Đến khi, *ngã đẳng giữ chúng sinh, giai cộng thành Phật đạo*, và ba tiếng chuông boong boong boong, là xong hoàn toàn. Tôi ưỡn mình, hít một hơi dài thoải mái. Đứng dậy cung kính xá Phật ba xá, trở về bàn học. Khi mở quyển sách ra, tôi bắt đầu ngáp. Chữ nghĩa nhập nhòa. Đầu óc lơ mơ. Đồng hồ chỉ đúng mười một giờ khuya.

Tương truyền, thời gian chín năm tổ Đạt Ma diện bích, mỗi khi buồn ngủ, ngài đưa tay lên mắt rút “con buồn ngủ” ném ra ngoài. Lâu ngày chảy thán, trước hiên thiền phòng mọc lên một loài cây lạ. Người ta hái lá cây này, nấu nước uống, có công dụng làm tỉnh táo, xua tan cơn buồn ngủ. Từ đó, đặt tên là cây trà. Thấy tôi dật dờ, bà Ba bảo nên uống nước trà. Lúc đầu uống trà làm tôi tỉnh ngủ, nhưng cái đầu mệt mỏi, học chẳng nhớ được gì. Những lần sau, tôi uống trà, vẫn ngủ. Bà Ba nói tôi bị lờn trà, giống như người ta lờn thuốc vậy.

Tôi học hành ra sao, bà Ba không quan tâm. Bà cho rằng học là lo chuyện thế gian, mà đời người ngắn lắm. Tôi nghĩ, với số tuổi sáu mươi tư của bà thì đời còn lại ngắn thật. Nhưng tôi mười tám, đời còn dài. Bà khuyên, nên mau tu hành kéo muộn. Tôi nghĩ, còn những đứa con gái như Phương Nghi lao xao trên cõi đời, làm sao tôi tu được? Nhất là khi tôi khám phá ra thân thể kỳ diệu của đàn bà qua chị Triều, thì lên Niết Bàn chắc gì đã sung sướng hơn sở hữu một nữ nhân? Bà Ba thương tôi, lo cho kiếp sau tôi trầm luân trong bể khổ. Còn kiếp này? Bà nói, như chiếc áo mặc tạm, xấu đẹp không cần.

Học phí năm đệ nhị khá cao. Tôi không đủ khả năng đóng tiền trường, chỉ ghi danh học của toán lý hóa. Tất cả các môn khác, tôi mua sách về tự học. Thời gian này, tôi quen với thằng bạn tên Ân. Nó học cao hơn tôi một bậc, đang chuẩn bị cho chương trình thi tú tài toàn phần. Nhà nó ở Xóm Bóng, rất nghèo. Ngoài những giờ học của, nó không đến trường nào cả. Thằng này thông minh dễ sợ. Ít thấy nó để mắt vào quyển sách, nhưng hỏi điều gì nó cũng thông suốt. Nó là thằng hướng dẫn thêm bài vở cho tôi. Và cũng là thằng hay rủ rê tôi đạp xe long nhong trên đường Duy Tân, dọc theo bờ biển. Nó bảo, phải đi chơi cho đầu óc thanh thản. Gầm đầu hoài vô sách vở như tôi, chỉ có nước ăn cám heo. Nó nói đúng. Nhiều khi tôi học bài như đọc thần chú, chẳng hiểu nghĩa lý ra sao.

Ân có thằng bạn tên Đăng. Đăng có thằng bạn tên Tường. Hai thằng này là con nhà giàu. Chúng tôi quen dây chuyền thành bộ bốn. Bà Ba cấm tuyệt, không thằng bạn nào của tôi được đến nhà bà. Mỗi lần muốn rủ tôi đi chơi, một thằng chạy xe đạp ngang nhà, huýt gió tồ tí te... tồ tồ tồ te... Tôi đáp lại tồ tí te... tồ tồ tồ te..., và xách xe đạp ra đi.

Bà Ba là người tu hành yên tĩnh, không chịu nổi sự phóng túng của tôi, nhưng không hề nặng lời khiển trách.

Bà nói: “Con tu không ra tu, học không ra học, gõ mõ thì ngủ gục. Bà tụng kinh trì chú cho con nghe, mong kinh chú thấm nhuần tâm con. Vậy mà tâm con không chuyển.”

Tôi nói: “Kinh bằng tiếng Hán, chú là ngôn ngữ của Phật. Cả hai, con đều không hiểu.”

“Tu hành cốt ở niềm tin. Chúa Giê Su cũng phán, phúc cho ai không thấy mà tin. Bất cứ tôn giáo nào cũng đặt niềm tin lên yếu tố hàng đầu.”

”Đức Phật không chủ trương cuồng tín. Ngài bảo, đừng vội tin những gì ta nói, mà hãy suy nghiệm xem có đúng hay không? Đại nghi ất đại ngộ là thế.”

“Con ơi, những lời con vừa nêu là để dành cho bậc thiện đức. Bà với con nghiệp dày phận mỏng sơ cơ, làm sao thấu đáo lời Phật dạy? Đọc sách thánh hiền nhằm hiểu ý chứ không nắm lời. Phật bảo, kẻ nào theo sát từng lời từng chữ của ta là phỉ báng ta.”

Tôi tiếp theo liền: “Nhưng Phật cũng lại bảo, kẻ nào xa rời một chữ của ta là phá hoại Phật pháp ta. Như thế, con phải hiểu theo nghĩa nào đây?”

Bà nói: “Bà cũng là người đang mò mẫm trên đường đi. Điều gì biết thì nói, không biết mà tự ý giải nghĩa sai, mắc tội đọa địa ngục. Con hỏi khó làm gì?”

13•

Đêm giao thừa. Tôi cùng mấy thằng bạn đạp xe đi lòng vòng thành phố, nghe thiên hạ đốt pháo vui tai. Rồi kéo nhau ra bãi biển ngồi cười giỡn, tán dóc. Thằng Đăng đọc thơ.

*Trời đen như mực tối ba mươi
Em trốn nhà sang để gặp tôi
Hai đứa cùng ngồi trên đệm ra
Lẳng nghe nổi bánh ròn ràng sôi*

*Dần dần em xít lại gần tôi
Nắm lấy tay tôi khẽ thở dài
Anh ạ, bao giờ thì bánh được?
Thưa anh, em lấy một chồng thôi!
Tôi hỏi: “Thơ của ai mà dễ thương vậy?”*

Đăng nói: “Không biết.”

Bài thơ làm tôi nhớ Phương Nghi. Hơn nửa năm không nhìn thấy bóng dáng nó, vết thương gần thành sẹo. Đêm nay, cơ hồ lại rướm máu. Từ ngày chung đụng với chị Triều, tôi thường nghĩ về thân thể chị, nhòa dần hình bóng Phương Nghi. Chị Triều đến với tôi như cơn lốc cuồng điên dữ dội, Phương Nghi là ngọn gió êm ả dịu dàng.

Đôi khi tôi cũng so sánh hơi hướm chị Triều với Phương Nghi. Cái mùi đàn bà nồng nàn của chị Triều có sức thu hút mãnh liệt làm tôi mê đắm. Mùi con gái của Phương Nghi nhẹ nhàng gợi cảm thương yêu. Tâm sự này, bạn tôi không hề biết. Những thằng quỷ sứ mà biết, tội nó cười chết bỏ. Không phải tội nó còn trẻ con. Tất cả đều biết thưởng thức cái vẻ yêu kiều của loài động vật mà người ta gọi là phái yếu. Chúng tôi thường rủ nhau đi ngắm con gái tan trường. Nhưng trước sau, chẳng thằng nào quên được con nhỏ nào. Bọn con gái thấy những cái mặt mốc và cặp mắt hau háu của chúng tôi, nó lảng xa như tránh hủi. Có thằng nói, tao mà chinh phục được con nào, sẽ cho nó biết tay. Thằng khác hỏi, biết tay thế nào? Trả lời, tao sẽ phá tan nát đời hoa của nó, rồi bỏ rơi để trả thù cái tội làm kiều. Ngoài mặt tôi cũng tán đồng, nhưng thâm tâm nghĩ khác. Nếu gặp người như Phương Nghi thì có gì thù hận? Dẫu có muốn trả thù, chắc gì nó đã chịu? Có thể mình chưa kịp làm khổ nó, đã bị nó làm khổ mình rồi.

Chia tay với tội bạn, tôi về lúc hai giờ khuya. Rón rén thò tay vào phía trong rút chốt cửa. Tôi chưa mở, cánh cửa bật mở. Bà Ba đứng đấy như đã chờ sẵn.

“Con nên đi luôn. Bà không muốn chứa con nữa.”

Bà nói rất nhẹ, bao giờ cũng thế. Kẻ tu hành đã dập tắt ngọn lửa sân hận. Dẫu có điều gì không ưng ý, bà cũng không tỏ thái độ hằn học. Tôi biết bà đã quyết định, năn nỉ vô ích.

Tôi nói: “Vâng. Con đi ngay, nhưng còn đồ đạc xin cho sau Tết con đến lấy.”

“Con dọn luôn đi. Đầu năm mới đừng mang điểm xui xẻo vào nhà bà.”

“Bà quyết định đột ngột. Đêm giao thừa, con biết gửi đồ cho ai?”

“Gửi ai tùy con, nhưng không được gửi nhà bà.”

Tôi thu dọn mấy bộ quần áo, sách vở vào hai thùng carton, chất cả lên xe đạp. Lòng tôi nguội lạnh dửng dưng. Tôi không trách bà Ba. Tính bà cô độc, có tôi trong nhà chỉ làm bà khó chịu. Đêm giao thừa, tôi đi chơi khuya. Đó chỉ là cái cớ bà vin vào để bà tống tôi đi cho khuất mắt.

Trước khi đi, tôi nói: “Con cảm ơn bà cho con tá túc thời gian qua. Chúc bà năm mới dồi dào sức khỏe, và gặp nhiều may mắn.”

Bà lạnh lùng: “Được rồi.” Và thản nhiên đóng cửa.

Tôi đạp xe về nhà bác Huệ. Trong cơn cùng quẫn, còn biết cậy nhờ ai nữa? Bác Huệ thương tôi. Và tôi cũng tự coi đây là điểm thối lui mỗi lần hoạn nạn. Có lần bác nói, bác biết tính con không chịu được sự kềm thúc của ai cả. Con ở mô thì ở, nhưng phải gắng học. Chừng nào bí lối thì quay về đây. Đừng lầy lắt bên ngoài làm bác mất công lo lắng.

Nhà bác Huệ đã tắt đèn. Đêm khuya im lặng. Tôi để hai thùng

đồ ngoài cửa sau, viết vội dài dòng kẹp vào dây thắt xe đạp. Đại ý nói, bà Ba đuổi đi trong đêm Giao Thừa. Gởi tạm đồ đạc ở đây.

Tôi đi lên bến xe Nguyễn Hoàng. Thấy còn bày vài mâm đồ cúng cô hồn trước đầu xe, nhang đèn tàn lụn. Mọi người đã đi ngủ, không còn ai ở đó. Tôi lấy vài cái bánh ngọt, ngồi ăn và dựa cột đèn chờ sáng. Tôi nghĩ, tôi cũng là một thứ cô hồn vất vưởng trên dương thế. Ý nghĩ bi quan làm tôi gục đầu tủi thân. Năm giờ sáng ngày mồng một, tôi đáp xe đi Cam ranh.

Ngang qua đoạn đường Ba Ngòi, tôi nhớ lại một mùa hè vất vả tháo mồ hôi, cùng những người phu cực nhọc hăm hiu một kiếp người. Bây giờ, họ đang làm gì, ở đâu? Làm công nhật là một thứ việc làm bất thường nay có, mai không. Đời sống bấp bênh, bàn tay hệt hăng với không tới niềm ước mơ, nên họ hay chửi đồng cuộc đời. Chửi cho sướng miệng thôi, chứ trong thâm tâm đã chấp nhận số phận an bày. Tôi mến thích họ, những người đồng cảnh, và tâm hồn cũng đồng cảm với tôi.

Xuống xe, tôi đi xuyên qua vườn dừa, đến trước nhà chị Triều.

Thấy tôi, chị chạy ra reo lên: “Trời ơi, tưởng em quên chị rồi chứ.”

Chị cầm tay tôi đi vào, nhưng lại vội buông ra. Tôi hiểu chị sợ những đôi mắt lảng giềng, và rỉ tai nhau bình phẩm về cử chỉ thân mật của chị và tôi. Chị mừng vui, tôi cũng vui nhưng thầm nghĩ, mình là thằng khốn nạn. Nếu không bị đuổi thì Tết này mình đâu đã về thăm chị.

Vừa ngồi xuống, chị quan sát tôi như một hiện tượng khác thường: “Em sống thế nào mà mặt xanh xao, gầy rạc?”

Tôi làm bộ buồn buồn: “Em khổ lắm.”

Lại nghĩ thầm, mình là đứa vô sỉ. Lúc nào cũng làm ra vẻ thống khổ gợi lòng thương cảm.

Chị mắng yêu: “Khổ hả? Đáng đời em! Ai bảo không nghe lời chị.”

Tôi nín thinh. Cảm thấy lòng ấm áp vì có người lo lắng thương yêu.

Chị bảo: “Coi kìa, ngày Tết mà áo quần nhàu nát, tóc tai bờm xờm. Đi tắm ngay đi.”

Tôi tắm xong, ngồi đùa với thằng Muôn, con chị Triều.

Chị đưa ba cái phong bao màu đỏ: “Cầm lấy. Đi qua nhà ông

Rạng tài xế. Chúc Tết vợ chồng ông, lì xì cho ba đứa nhỏ. Luôn tiện, nói chị mời ông bà sang ăn cơm ngày mồng hai.”

“Sao chị không mời?”

“Em thiệt là ngáo. Chuyển lời của chị là để có chuyện mà nói. Chẳng lẽ chúc Tết xong, rồi ngồi trơ ra đó à?” Chị xuống giọng, “Mượn cơ chứng minh cho mọi người biết sự có mặt của em ở đây là vì tình chị em quang minh chính đại. Chứ không phải lén lén lút lút, để làm người ta nghĩ bậy.” Nói xong, chị gõ đầu tôi.

Tôi gạt đầu mấy cái: “Em hiểu rồi.”

Chị Rạng đi vắng. Anh Rạng ở nhà với con. Tôi chúc Tết bằng những sáo ngữ quen thuộc mà người đời giả dối thường cho nhau.

Những đứa con anh, nhận lì xì mừng rỡ.

Anh Rạng mời tôi ăn bánh, mứt, thèo lèo.

“Dạo này, mày làm gì?”

“Đi học.”

“Trông mày ốm nhách, giống thằng hút á phiện đói cơm.”

“Chắc do thức đêm. Bài vở nhiều quá, học không xuể.”

Lại nói láo. Từ lúc chen chân vào xã hội, tôi hay nói láo như một căn thiết trong giao tế.

Anh Rạng nói: “Hoàn cảnh khó khăn. Học làm đéo gì cho khổ. Mày về đây, tao xin mày làm phụ xế cho tao.”

“Chuyện này quan trọng. Anh để tôi nghĩ lại.”

“Nếu không phụ xế thì làm việc khác. Con Triều rất tốt. Nó biết thương người. Thấy hoàn cảnh của mày, nó muốn giúp. Tao nói thật, nhiều thằng có máu mặt mê nó. Nó nhờ vả một tiếng là xong ngay.”

Tôi giả vờ ái ngại: “Nếu vì tôi mà chị Triều phải luồn cúi người ta. Phiền lắm.”

“Phiền chi? Những thằng mê lồn, chỉ mong được con Triều nhờ vả.”

Anh Rạng vẫn thường ăn nói mạnh bạo như thế. Tôi ngượng. Những thằng có máu mặt thì mê, tôi tái mặt cũng mê. Hóa ra, tất cả cùng mê một thứ.

Chị Triều rất thương con. Dạy nó gọi tôi bằng cậu. Tôi cũng thương nó, gọi bằng em, xưng anh. Chị không chịu lối xưng hô này. Chị nói, gọi thế là tréo cẳng ngỗng.

Đêm nằm thủ thi, tôi gối đầu lên tay chị Triều như nép mình dưới sự bao dung che chở của chị. Cánh tay như loài bạch tuộc cuốn hút tôi vào nỗi đam mê. Tôi kể về đời sống, và ăn uống kham khổ.

Không nhắc chi đến những thằng bạn quý sử đã cùng tôi rong chơi lêu bêu ngoài phố, lý do bị bà Ba đuổi ra khỏi nhà. Chị Triều xót cho tôi. Chị trách kẻ tu hành nhẫn tâm xô tôi vào thế khó. Bà Ba bị trách oan. Nếu tôi lên tiếng bào chữa, là tự nhận mình có lỗi. Tôi khờ dại, nhưng không khờ đến mức làm giảm lòng thương xót của chị Triều.

Chị nói: “Chị sẽ trở lại Sài Gòn. Nếu em đi cùng, chị sẽ nuôi em ăn học.”

Tôi nằm nín thinh.

Chị so sánh: “Năm nay em vừa mười chín, chị đã ba mươi tuổi rồi. Chị già lắm phải không?”

Tôi ôm chị, không trả lời. Xác nhận một sự thực, sẽ đau lòng. Chị chưa già, nhưng chênh lệch với tôi. Tôi mê chị Triều, không muốn nghĩ điều gì xa hơn.

Chị tâm sự, quê ở Biên Hòa, học trường Gia Long, Sài Gòn. Chị sa ngã vì một người đàn ông, và bỏ học. Mỗi tình sớm tan, khi biết người ấy có vợ. Mọi chuyện đã lỡ, chị không thể quay về. Từ đó, chị sang qua tay vài người đàn ông. Thằng Muôn, con chị là kết quả những ngày đi hoang.

Chị Triều nói như than thở với chính mình: “Chị hư quá, em ơi. Đời chị gặp ai cũng là vụng trộm. Với em, chị cũng vụng trộm.” Tôi nghe tiếng nấc của chị. Thương cuộc đời chị. Chị Triều đẹp từ khuôn mặt đến hình hài vóc dáng. Chính vì nhan sắc quyến rũ mà ong bướm dập dìu làm chị truân chuyên một đời trôi nổi.

Chị hỏi: “Em nghĩ sao về chị?”

Tôi nói: “Em thương chị. Chị nhớ câu thơ này không? Lạ gì bỉ sắc tư phong. Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.”

Chị bảo: “Chị ở vào giai đoạn nàng Kiều gặp Thúc Sinh.”

“Giai đoạn nào chị gặp em?”

“Ông Nguyễn Du không viết hậu truyện Kiều. Chị em mình tự viết.”

Tôi cảm động, rúc đầu vào nách chị.

Đêm đó, khi chị Triều vào giấc ngủ, tôi trở dậy chong đèn. Viết bài thơ không niêm luật vần điệu, tặng chị.

*chị đâu phải Kiều nương
mà nói chuyện giang hồ lưu lạc?
mười năm bỏ trường đi
đời xô giạt
gót son đà lấm bụi
mười năm
nhan sắc trên người phường kẻ chợ*

chị đâu phải tiểu thư lầu son khuê các

*mà gieo cầu chọn ý trung nhân
chị đâu phải cảnh vàng lá ngọc
còn niềm phong kín cổng cao tường
chuyện trăng gió mù sương lả tả
bông hoa xưa chị lụy vì tình*

*em phát phơ đi giữa cỏi người
túi rỗng không đời cũng nhẹ tênh
cánh hạc buồn muốn tếch lên mây
mà cơm áo giữ chân người ở lại*

*buổi gặp chị đầu tiên em choáng váng
chuyện tình cờ mà khốn đốn trăm năm
ai chiếu hoa trái đường chị đi?
ai lót tay nhung gấm lụa là?
em chỉ có bài thơ
rút ra từ xương tủy*

*cuộc trầm luân mấy ai ngờ được
chốn bỗng lai xa quá là xa
chị và em dặt tay vào địa ngục.*

Sáng ra, tôi trao chị bài thơ. Đọc lần đầu, chị rơm rớm nước mắt. Lần thứ hai, chị khóc thực sự. Tôi không biết nói lời gì an ủi. Chị ngồi rũ, trông như cảnh hoa huệ lả xuống một chiều xuân.

14.

Căn nhà lá, vách phen xập xệ. Một bên là bếp lò, nồi niêu ám khói. Một bên kê những tấm gỗ thông làm giường ngủ. Kế giường ngủ có chiếc bàn, cũng bằng gỗ thông. Sát vách, căng sợi dây máng quần áo. Khi tôi đến, trong nhà chỉ có thế. Nói là nhà thì cũng hơi quá. Đúng hơn, đó là cái chòi của hạng cùng đinh thuộc khu nghĩa địa, không gần với nhà nào cả.

Phía sau nhà là bãi tha ma hiu quạnh. Mộ mới mộ cũ. Mộ lớn mộ nhỏ. Những ngôi mộ gần nhau, muôn đời im lặng. Ai cũng có một chỗ nằm nhất định. Không như dương thế, bon chen giành giật lẫn lộn của nhau. Thế giới nghĩa địa là thế giới của hòa bình bi thảm. Tuy nhiên, nhìn vào xã hội người chết, có thể phân biệt được kẻ giàu người nghèo. Kẻ giàu thì mộ xây xi măng đá xanh sừng sững, chắc chắn. Ảnh mộ chủ gắn âm vào mặt đá. Ảnh nào mặt cũng vô hồn ngơ ngác. Phía dưới ghi ngày sinh, ngày tử. Phía trên gắn cây thập giá, hoặc bánh xe hình chữ Vạn. Mộ người nghèo thì đơn sơ, với bộ táng bằng đá ong đặt bốn cạnh. Có khi chỉ là gò đồng nhô lên, mọc đầy cỏ dại.

Thằng Ân nói, nhà này của một ông già bán hàng mã, giấy tiền vàng bạc, và nhang đèn cho người viếng mộ. Sau, ông nhường lại cho bà cô của Ân, rồi bỏ đi mất. Cô của Ân ở một thời gian, rồi cũng khép cửa bỏ đó. Bà chuyển về gần Chợ Mới, Nha Trang. Buôn bán trầu cau, bình vôi, ống ngoáy, ống nhổ, những thứ cần thiết cho người ăn trầu.

Ân xin bà cô cho tôi ở đây. Càng lúc tôi càng đi gần về thế giới người chết.

Tôi ở Cam Ranh một tuần, trước khi về nương thân trong căn nhà hoang tàn bên nghĩa địa..

Chị Triều xin được việc trong một công ty xuất nhập cảng ở Sài Gòn. Chị nói, lần gặp này coi như lần cuối. Chị phải làm lại cuộc đời trước khi quá muộn. Tôi đau lòng như sắp đánh mất một tình cảm lớn lao. Chị phân tích, tôi chỉ mê chị mà không yêu. Tôi nói, em yêu chị. Chị cười, yêu mà hơn năm tháng trời, không một lá thư thăm chị. Nếu không bị người ta đuổi đi thì Tết này em đâu có mặt ở đây. Tôi vẫn nói, em yêu chị. Đừng ngờ oan cho em. Chị nói, cái thứ tình nhục dục của em là tình yêu địa ngục. Tôi nói, gần chị em cảm thấy ở thiên đường. Chị nói, thiên đường rất mong manh. Sẩy chân một cái là rớt ngay xuống địa ngục. Lòng chị là phong ba bão táp. Chị dám cùng em dặt tay vào địa ngục, đạp liều trên dư luận mà đi. Em dám không? Tôi ôm cổ chị, hôn tấp tưởi. Trên da thịt chị Triều toát ra một thứ hơi hướm làm tôi đam mê, hôn mãi sẽ đắm ghiền. Tôi nói, nếu chị là địa ngục thì em lao vào, chết bỏ. Chị rủ tôi vào Sài Gòn với chị. Tôi nói, chị em mình về Nha Trang sống với nhau. Chị bức, về đó thằng cha Quảng sẽ biết. Tôi cũng bức, nó là thằng nào mà chị sợ dữ vậy? Chị nói, chị không sợ cho chị mà sợ cho em. Tôi nói, nếu thằng khốn nạn đó đụng tới em, em sẽ thí mạng cùi, chén sành đối chén kiếu. Chị nói, em chưa sờ được sợi lông chân của thằng chả thì đã đi chầu Diêm Chúa. Tôi hỏi, thằng chả không cho chị lấy chồng? Chị nói, lấy chồng thì được. Tôi nói, em là chồng của chị. Nói xong, chợt thấy khôì hài. Cái mặt tôi mà làm chồng chị Triều ư? Chị khôn như trời, tôi là thằng em dưới tay. Tôi đến với chị bằng tấm lòng cuồng mê, không hề nghĩ chuyện tương lai. Chị Triều đùa, ông chồng bé bỏng của tôi ơi... Hai chị em cười ngất.

Ngày đưa tôi ra bến xe. Chị Triều nói, lâu nay chị sống bằng tiền của ông Quảng. Chị sẽ về Sài Gòn tự lập. Đời chị không còn nhiều thì giờ nữa. Chị cũng muốn kết hợp lâu dài với tôi. Nhưng qua vài câu thử thách, chị biết tôi chỉ đam mê nhất thời. Tôi thể bán mạng rằng tôi yêu chị. Chị nói, chị hiểu lòng tôi hơn tôi hiểu tôi.

Tôi lên xe, ngồi gần cửa sổ. Chị Triều đứng bên hông xe. Mắt chị ướt. Khuôn mặt yêu kiều của chị cũng nhòa trong mắt tôi. Tôi buồn quá đổi, chia tay là mất chị Triều. Tôi muốn trì hoãn thời gian gần gũi, và đòi xuống xe. Chị bảo, đừng làm chị khó xử. Hãy cứng rắn với chính mình.

Trước kia, anh Kỳ nói lòng tôi mềm quá, sẽ khổ vì đàn bà. Lời

đó ám mãi vào tôi. Mất chị Triều, tinh thần tôi sa sút thảm hại. Tôi nghĩ về Phương Nghi với nhiều kỷ niệm đẹp, mong tìm thấy ở đó một chút ấm lòng. Nhưng Phương Nghi chỉ còn là ấn tượng của cánh chim trời khuất biệt. Tôi bơ phờ đi tìm thằng Ân, xin được chỗ ở kế bãi tha ma. Tôi buồn rầu nghĩ, tôi cũng là một con ma, nên càng lúc càng đi gần về cõi chết.

Tôi lại nhà bác Huế đem đồ về chỗ ở mới. Bác nói, đã gặp bà Ba và hỏi sao bất ngờ đuổi tôi đi? Bà Ba cho biết, tôi nhất định đi, bà không giữ được. Bác Huế nói với tôi, con ơi, người ta tu hành, đừng gieo tiếng oán. Tôi phân trần, bác thử nghĩ coi, con dù có điên cũng không dọn đồ đi trong đêm giao thừa. Bác nói, chuyện đã rủa rồi, bây giờ ở lại đây. Đừng đi mô nữa. Tôi nói, con đã có chỗ ở mới thích hợp cho việc học hành.

Thấy tôi đã quyết, bác Huế bảo bé Đông đạp xe theo tôi cho biết chỗ ở mới. Đồng thời, cũng mang cho tôi ít đồ ăn tạm. Chúng tôi tới căn nhà lá, lúc thằng Ân đang quét dọn bụi bặm rác rến trong ngoài, sau một thời gian nhà không người ở.

Bé Đông đi một vòng quanh nhà, quan sát. Gió hắt hiu thổi vào từ hướng nghĩa địa. Sân trước, sân sau nhà mọc đầy cỏ dại. Căn nhà càng thêm cái vẻ hoang vắng thê lương.

Bé Đông rụt vai: “Căn nhà ma.”

Tôi nói: “Anh ở với ma.”

“Gần bên cái nghĩa địa. Ghê quá.”

“O phụ giúp tôi đem đồ vào. Đừng có đứng đó mà nói này nói nọ.” Mỗi lần bức mình, tôi hay gọi nó bằng o.

Nó vào nhà, tôi giới thiệu thằng Ân: “Bạn anh.” Và quay qua nó, tôi nói, “Còn đây, o Bạch Tuyết của bảy chú Lùn.”

Nó hỏi: “Anh tên là chi?”

Ân nói đùa: “Lương Sơn Bá.”

Nó cười: “Tên đẹp như trong tuồng cải lương.”

Rồi nó sẫm soi từng chiếc nồi, góc bếp. Tò mò, ngạc nhiên với những đồ vật chỉ còn giá trị như những món đồ phế thải.

“Chủ nhà mô?”

“Không biết.”

“Rửa là đã ra nằm ngoài nghĩa địa.”

Tôi la: “Cái mồm tía lia. O làm ơn để tôi yên.”

“Anh nì lạ. Nói chi cũng nổi cáu.”

Chợt thấy mình vô lý, tôi dịu giọng: “Anh đang mệt, và có chuyện buồn.”

“Chuyện buồn chi?”

“Con nít biết gì chuyện người lớn?”

Nó dỗi, ngoe nguẩy bỏ về.

Tôi dặn: “Về đừng nói với mẹ, anh ở nhà ma nhé.”

Nó bĩu môi: “Em nói thật hết. Anh làm chi được em?”

Tôi quay lưng: “Lì lợm. Bướng không không chịu nổi.”

Thằng Ân nhìn theo: “Con nhỏ đẹp.”

Tôi nói: “Nó còn nhỏ. Mà tán tỉnh nó, tao từ mày.”

“Dành cho mày hả?”

“Tao coi nó như em ruột.”

Ân đùa dai: “Chừng một năm nữa thôi. Anh trai Tây Ninh núi Bà Đen, cũng động lòng trắc ẩn vì em gái Huế sông Hương.”

Tôi nạt: “Đừng nói bậy!”

15.

Tôi vẫn đi kèm trẻ tư gia. Áo cơm hèn mọn, nhưng lại là yếu tố vô cùng quan trọng của đời sống. Tôi sợ bị mất việc dạy kèm trẻ ban đêm. Lúc đó, không biết phải làm sao với những bữa cơm hằng ngày. Thời gian dài lê thê buồn nản. Cùng thời gian ấy, tôi lại cảm thấy quá ngắn để chuẩn bị cho một kỳ thi. Tâm hồn lúc nào cũng muốn bay bổng, mà những thứ vật vãnh cứ níu trì vướng víu. Tôi như con chim không bay được bằng đôi cánh của mình, lại lúng túng với đôi chân què quặt. Làm việc này một chút. Mớ tay việc kia một ít. Thì giờ bị chia ra nhiều mảnh vụn. Không đi chơi long nhong vô tích sự với mấy thằng bạn như dạo còn ở nhà bà Ba, nhưng cũng chẳng làm được điều gì hoàn hảo. Phần lớn là dờ dang. Dờ dang từ trong tâm tưởng.

Tuần nào tôi cũng đến nhà bác Huế, hướng dẫn bài vở cho hai con bé. Bé Hà đã lên lớp nhất. Đôi mắt nó rập khuôn mắt mẹ. Phảng phất nét buồn ngay cả những lúc vui. Không biết phong thổ cảnh sắc đất thần kinh ra sao mà nó vận vào tiếng nói trầm trầm của con người, làm cái âm thanh mang quá nhiều dấu nặng chìm xuống. Đôi mắt bác Huế và bé Hà, là đôi mắt của hoài cổ nhớ thương một thời xa vắng. Có lần tôi hỏi, bác Huế có chuyện chi buồn dai dẳng? Bác nói, không. Tôi nói, sao con thấy mắt bác buồn quá. Bác ngạc nhiên, rửa à? Tôi nghĩ, có lẽ từ thuở khai sinh, nỗi buồn đã có sẵn trong căn cơ huyết tộc của bác. Còn bé Đông, không giống mẹ, cũng chẳng giống bác Quảng. Mắt sáng long lanh, có pha chút cười cười như chế nhạo. Tính hay hờn dỗi. Nói điều gì động chạm, nó sẽ bỏ ăn. Tôi bảo, khi nào chấm dứt tuyệt thực, phải tuyên bố cho mọi người biết. Vài tiếng đồng hồ sau, bé Hà mách nhỏ, chị Đông mang chuối và bánh ngọt vào phòng ăn lén. Tôi cười nhạo, tuyệt thực kiểu đó thì cả năm cũng không ngất xỉu. Nó lại dỗi cách khác. Không nói chuyện với tôi. Như thế lại khỏe. Đỡ trả lời những câu hỏi rắc rối.

LÂM CHƯƠNG

(xin đón đọc tiếp kỳ 3)



HOÀNG XUÂN SƠN chiến tuyến

Chúng ta lần giở những trang thơ ngày cũ
để nhìn thấy phế tích
và mụn nhọt là có thật
trên tràng thiên từng nổi đau
của một thời tình yêu không chu cấp
anh chưa viết đủ độ thềm
và em còn đi dân quân
trên những luống cày thấp thỏm

ngày
và
đêm
chiến tuyến không phải một lần ranh
mà nằm lẫn như rạ

ai gửi cho em một nhánh rong
của biển chiều phiêu dạt
triệu nghìn năm trước
hoang phôi

núi chỉ là ảo ảnh mùa xuân
khi những viên sỏi dọc sườn non

đá cuội theo về
nhấp nhô thành trì mê lộ
giấc mơ của những kẻ gù lưng
gánh đôi nhả nhạc

con cú đậu trên cành
báo hiệu một ngày hạnh phúc
hay tai ương
thật tình anh không hiểu
những điều em đã biết

mặt trời ăn qua da môi
chúng ta già đi râu tóc tháng năm
cuộc diễn binh trường kỳ mệt mỏi
và khi kết thúc
[mơ hồ một đoạn cuối]
hố bom vẫn sộc lên mùi diêm hoàng
những bàn chông
cắt lìa sông máu

khi thần thánh lên ngôi hàng mã
tình yêu chúng ta thời hậu chiến
như xuyên trâm thốn thức mầu tân trang
một ngày bốc mộ

HOÀNG XUÂN SƠN

20 tháng hai năm 2020

{ dự báo cho tháng tư tiếp nối đoạn buồn }



TRẦN VĂN GIÃ
cái khay trầu của Mẹ

Những hạt lúa lép bay
Vào khay trầu của mẹ

Như mẹ đã từng lép đi
theo năm tháng đời mình

Miếng trầu cay từ vôi bạc trắng
Nước mắt mẹ cay từ giọt mồ hôi

Lăn xuống
Thời chiến tranh thiếu đói

Đau điếng câu thơ
Con dâng trầu thừa mẹ
Cái khay trầu hạt lúa lép cứ bay bay

Con thổi giấc mơ trong bụi đất
Và tưới dây trầu xanh bên mẹ cuối đời

Dù sao con cũng nhớ
Vầng trăng khuya và gió đại ngàn

Nhớ câu ca dao
không rời cái khay trầu của mẹ
Mẹ ơi.

TRẦN VĂN GIÃ
lục bát tình
viết ở vũng tàu

Tôi và bóng của
 tôi đi
 Lời trong sáo trúc
 Trương Chi
 vọng buồn

Chùa xa
 vời vợi
 tiếng chuông

Câu kinh Bát Nhã
 động buồn
 trong sương

Tôi đi với
 bóng trên đường

Hiu hiu ngọn gió
 mà thương phận mình

Sổ lồng con sáo
 vô tình

Bay qua sông cũ
 bỏ mình bơ vơ

Chiều nay
 ra ngắm
 vào ngơ
 Càng thương đời cát
 bên bờ Thuỳ Vân.

TRẦN VĂN GIÃ



HOÀNG CHÍNH
tùy bút
**em bé lên mười
trong trại tập trung**



Nơi tôi đến - hầu như mỗi ngày; ngày xưa cũng như bây giờ - không phải nhà của người yêu mà là thư viện. Khổ một điều, từ thuở biết đọc sách, nhà tôi đã ở xa thư viện. Khi chưa có internet, muốn tìm một cuốn sách hay một tài liệu nào đó, phải lái xe, đi xe buýt hoặc đi bộ một đoạn đường dài tới thư viện. Nhưng tôi không bỏ được thói quen đến đó mỗi ngày. Ở đó tôi gặp vô số người quen, cả những con người tôi ngưỡng mộ lẫn những kẻ tôi nhòm nhèm. Họ cùng ở trong một tòa nhà, họ chen chúc nhau trên những kệ sách.

Dạo trước tôi cư trú ở một thành phố nhỏ, thư viện ở đó có thông lệ mỗi năm bán sách cũ một lần. Ngày bán sách tôi không bao giờ bỏ lỡ. Tôi đến trước giờ mở cửa. Và tôi gom tất cả sách tiếng Việt, xếp đầy thùng các tông, đem ra tính tiền. Không cần biết sách in trong nước hay ngoài nước; không cần biết tác giả đỏ hay vàng; không cần biết đó là sách dịch hay nguyên tác, sách văn học, thi ca hay sách dạy cắm hoa, sách dạy bói toán, hay chỉ cách nấu các món ăn Huế; chẳng cần biết những trang sách có lem luốc màu cà phê, có thấm đượm mùi cá kho, mùi nước mắm; cũng không cần biết gáy sách đã long, và bao nhiêu trang bên trong đã thất lạc. Tôi gom về hết, như gom những đứa trẻ tật nguyền về nuôi khi cô nhi viện - nơi chúng nường nấu bao

Có lần tôi mua được tập thơ của mình trong đồng sách cũ nhàu nhò ấy. Và tôi tự nhủ (một cách đầy ảo tưởng rằng) sách đã được đọc tới nát nhàu như thế cũng là điều hay.

Nơi chốn thứ nhì mà tôi thường lui tới là nhà sách. Khi đại dịch Covid-19 chưa làm mưa làm gió, cứ hai - hay cùng lắm là - ba ngày tôi lại đến nhà sách. Như tín đồ viếng đất thánh, như người bạn tìm thăm những người bạn không quen nhưng biết nhau thật rõ; những người bạn có chỗ đứng khiêm tốn và chật hẹp trong những khung gỗ của kệ sách, nhưng thế giới của họ mênh mông đất trời.

Và lần nào ra về tôi luôn ôm theo một hai cuốn sách. Tôi mua sách như người phụ nữ đẹp sắm áo quần. Bộ nào cũng đang rất cần, bộ nào cũng quá đẹp, bộ nào cũng vừa vặn hết biết, bộ nào cũng hợp với mùa màng, bộ nào cũng tiếp với màu đôi giày, chiếc sắc tay, bộ nào cũng đi với màu son môi, và nhất là bộ nào cũng đang *on sale*.

Tôi thì vậy, còn bạn thì sao? Ngày xưa trước khi mua một cuốn sách thường thì bạn sẽ làm gì. Có so đo, tính toán, có tham khảo xem những bài giới thiệu, những review như vẫn thường làm khi mua một món đồ thực dụng? Tôi hỏi chuyện ngày xưa bởi ngày nay còn ai mà mua sách khi chỉ cần mở cái điện thoại di động lên là đã có thể chu du thế giới. Nhưng cứ giả sử bạn vẫn còn yêu sách, vậy thì trước khi tìm mua một cuốn sách bạn làm gì? Có thể bạn đã được ai đó giới thiệu về tác giả hay tác phẩm, có thể đây là cuốn sách của tác giả bạn yêu thích mà sau một thời gian im hơi lặng tiếng, đã lại cho ra đời một đứa con tinh thần. Hay là bạn được - hay bị - ai đó đốc thúc, “Hãy đọc đi, hay lắm. Bỏ qua là phí cả một đời người,” vân vân.

Trước khi mua một cuốn sách bạn có so đo, cân nhắc?

Tôi thì không tìm hiểu trước. Tôi đi tìm mua sách như người đi tìm một mối quan hệ, cái thứ vướng mắc nhẹ nhàng mà dân Bắc Mỹ gọi là *relationship*. Như người đàn ông ngày trước “kiếm vợ chợ đông” như người phụ nữ thuở xưa đi “tìm chồng giữa chốn ba quân”. Tôi không tìm tên tác giả. Tôi mua sách theo kiểu hên xui, may rủi.

Vì vậy khi cầm một cuốn sách lên, tôi chả bao giờ đọc những lời giới thiệu ở bìa sau. Những lời giới thiệu không nói lên được điều gì. Những lời khen vô tội vạ ở bìa sau những cuốn sách tiếng Anh tôi thường thấy như *Mesmerizing*, *A fictional tour-de-force*, *Amazing*, *Radiant*, *Perfect*, *Major*, *Extraordinary*, *A banquet of ideas and language*, *A novel of almost incredible intensity*, *Incandescent*, *Magnificent*, *High art*, *A literary miracle*, *May well be the best mystery ever written*,

Marvelous like Fitzgerald, Another William Faulkner, An Ernest Hemmingway of our time... thường là không đúng. Tôi cũng không bao giờ đọc bài tựa ở đầu sách hay lời bạt ở cuối sách, dù chỉ đọc lướt qua trong nhà sách. Tôi không muốn tốn thời gian cho những người cầm cờ, khua chiêng, gõ trống ở đầu hay ở đuôi đám rước. Tôi tin giá trị cuốn sách không nằm ở bài tựa hay lời bạt, cũng không nằm ở cái tên (đôi khi đình đám) của tác giả.

Cũng có thể tôi tìm hình tác giả. Có một lần tôi mua cuốn sách chỉ vì đôi mắt đẹp của người viết. Chỉ một lần ấy thôi. Mua về, tôi đọc được mỗi một chương đầu rồi vùi lên kệ sách. Cuốn sách trở thành nàng cung nữ bị thất sủng, an phận ở hậu cung. Tuy vậy tôi vẫn thích ngắm hình của tác giả, và tôi cứ tiếc phách như biết vẽ, mình sẽ vẽ đôi mắt ấy.

Vào nhà sách. Đứng chôn chân trước kệ sách trong khu FICTION. Tôi rút một cuốn sách trên kệ. Tôi lật đại một trang, đọc liều một đoạn cầu may. Có nhiều cuốn sách lôi cuốn ngay ở những dòng đầu nhưng rồi sau đó luộm thuộm, lê thê, và vô cùng thừa thãi.

Sau khi rước về rất nhiều cuốn-sách-chỉ-lôi-cuốn-ở-dòng-đầu, tôi đã bỏ thói quen cười một người chỉ qua vài câu đối đáp. Bởi ôm cuốn sách về, đọc và nhận ra rằng cuốn sách cũng như cái người mình chung chăn gối ấy thật ra lại vô cùng nhàm chán và chỉ mau mồm mép, khéo ăn khéo nói lúc làm quen thì rước họ về chẳng là uống phí đời mình lắm sao!

Khi chẳng còn biết bám víu vào đâu, tôi đành tìm lời đề tặng của tác giả.

Cầm một cuốn sách lên, tôi lật ngay trang đầu. Giọng văn của tác giả không biểu hiện ra được chỉ ở câu đề tặng nhưng những dòng chữ ấy ít ra cũng nói lên được tấm lòng, và phản ánh phần nào cảm nghĩ, tâm tư của tác giả.

Nhưng tiếc là phần lớn những lời đề tặng đều rất thô sơ, đơn giản. *Cho A, cho B, cho C... hoặc Cho vợ thân yêu của tôi. Cho XYZ, không có sự trợ giúp của (bạn, em, anh) tác phẩm này đã không thể chào đời.*

Cũng có những lời đề tặng liệt kê một loạt những tên (lạ hoắc), của những bố ruột, mẹ ruột, bố vợ, mẹ vợ, bố đỡ đầu, mẹ đỡ đầu, anh chị em ruột, anh chị em nuôi, thầy, cô giáo, người đại diện giới thiệu bản thảo, biên tập viên, nhà xuất bản... mà không một lời cảm ơn kẻ bỏ tiền ra mua cuốn sách và bỏ ra bao nhiêu tiếng đồng hồ, nghĩa là một phần của đời mình để đọc nó. Gặp những câu luộm thuộm ấy, phần lớn là tôi không đọc bởi thấy vô ích và nhất là biết chắc trong những cái tên được kể ra ấy không có tên mình.

Tuy cái câu đề tặng - nói chung - xem như vô tích sự như vậy nhưng có một lần nọ, trong đợt bán sách cũ của thư viện, tôi tìm được một câu đề tặng ở trang đầu một cuốn tiểu thuyết, câu đề tặng ấy lưu lại trong tôi không chỉ một chút cảm xúc chóng qua mà là những tình cảm lạ lùng, sâu lắng và vĩnh cửu.

Tháng Tám năm 1992, khi thư viện thành phố nhỏ nơi tôi cư ngụ bán sách cũ. Tôi có mặt ngay giờ mở cửa và sau khi gom hết sách tiếng Việt đem ra quầy trả tiền, tôi trở vào góc Truyện và Tiểu thuyết. Một cuốn sách làm tôi chú ý. Cuốn truyện tiếng Pháp. Ngày trước tôi nghĩ truyện viết bằng tiếng Pháp tự nó đã có chất thơ, chất thơ nằm trong ngôn ngữ. Bây giờ ý nghĩ ấy đã nhạt bớt. Hôm ấy tôi bắt gặp một cuốn tiểu thuyết tiếng Pháp của một tác giả không quen (tên). Tôi cầm cuốn sách lên, mở ra, và như thói quen, tìm đọc lời đề tặng.

Và tôi đã bị thôi miên ngay phút giây ấy.

“Pour cet enfant de dix ans que j’ai rencontré un matin dans le camps de concentration de Mauthausen, et qui partait vers sa mort, le regard étonné et fiévreux.”

Tôi cầm chắc cuốn sách trong tay. Jean Cayrol, một cái tên xa lạ, nhưng lúc ấy tôi đã nhận rangay rằng tác giả là người trở về từ trại tập trung Quốc Xã. Ông đã chứng kiến từng đoàn người bị lừa vào lò thiêu. Tôi tin đứa bé lên mười mà tác giả trông thấy trong trại Mauthausen kia đã chỉ sống được thêm ít phút nữa thôi sau thời điểm ấy. Thế nhưng tác giả đã đem được hình ảnh em bé ấy ra khỏi lò thiêu, về lại cõi sống này. Đến tận lục địa này, hơn nửa thế kỷ sau.

Món quà tặng hiếm hoi và quý giá.

Tôi đứng hoài ở đông sách bán đại hạ giá. Và bỗng dưng tôi thấy tôi là em bé lên mười ấy. Em bé ngơ ngác trong lò thiêu chiến tranh ở đất nước Việt Nam. Em bé lên mười co ro dưới hầm tránh đạn pháo kích. Em bé níu tay mẹ chạy giặc trong đêm Giao Thừa.

Và tôi biết trong số bạn bè lên mười của tôi ở khắp nơi trên mặt đất này, biết bao nhiêu đứa không sống được đến năm thứ mười một.

Những năm ấy *internet* chưa thông dụng, tôi không biết gì nhiều về Jean Cayrol ngoài cái tên. Mãi sau này tôi mới tìm biết thêm về tác giả cuốn *Je l’entends encore* ấy. Jean Cayrol là nhà thơ, nhà văn, nhà bình luận... - và quan trọng nhất - là kháng chiến quân thời kỳ Pháp bị Đức Quốc Xã chiếm đóng trong Thế Chiến Hai. Bị tố giác, ông

bị bắt và tống vào trại tập trung Mauthausen-Gusen năm 1942.

Sau này tôi còn biết thêm được rằng thời gian ở trong trại tập trung, Jean Cayrol gặp vị linh mục có tên Jacques de Jésus - người đã giấu các trẻ em Do Thái trong trường nội trú mà ngài làm giám đốc. Câu chuyện về vị linh mục này đã được kể lại trong phim *Au revoir les enfants* (1987). Tôi xem cuốn phim này lâu lắm rồi và đã vô cùng xúc động trước cảnh khi bọn SS đến bắt linh mục giám đốc đi, ngài đã quay lại nói với đám học sinh nội trú “*Au revoir les enfants!*”

Vậy mà đến bây giờ tôi mới biết tác giả của *Je l'entends encore* cũng ở trong trại tập trung với vị linh mục tôi đã gặp trong *Au revoir les enfants*.

Một lần ghé thăm Viện Bảo Tàng Holocaust ở Los Angeles, tôi vào gian tưởng niệm những trẻ em đã chết trong lò thiêu Quốc Xã. Khách thăm viếng được mời viết lên một miếng giấy nhỏ về một điều gì đó, cho một em bé nào đó, nhưng tôi đã không thể làm được. Tôi đã ngộp thở, chóng mặt, tức ngực, ù tai... Tôi bỗng thấy thật rõ ẩn hiện trên bức tường màu xám những bộ xương lũ lượt bước đi giữa những mũi súng lăm lăm chĩa vào họ. Một đứa bé trong đoàn người ấy quay lại nhìn tôi. Đoàn người đã đi sâu vào bức tường, đến cửa một tòa nhà quét vôi vàng ệch, đứa bé vẫn quay lại nhìn tôi.

Tôi đã vất vả vô cùng để giấu đi những giọt nước mắt.

Và khi đã giấu bắt được những giọt nước mắt, tôi lảo lồi bước ra ngoài.

Bên ngoài, bầu trời Thành Phố Thiên Thần vẫn biếc xanh và nắng vẫn dịu dàng, sẵn đón.

Hồi mới dọn vào *condo*, có hồ bơi, có hồ nước xoáy, có phòng xông hơi, tôi cũng gặp lại em bé lên mười ấy khi cái vòi ẩn trong góc tường phòng xông hơi bắt đầu phun ra làn hơi nước trắng đục. Tôi không đứng lâu trong phòng xông hơi chẳng phải vì ngạt thở mà vì tôi cứ thấy em bé lên mười mà Jean Cayrol đã thấy trong Trại Tập Trung Mauthausen năm 1944 đứng quay mặt vào bức tường xám tối. Hơi ngạt như đám mây trắng đục phủ lấy vóc dáng em.

Có lẽ tại tôi là người quá nhạy cảm. Như những năm đầu hồi mới rời bỏ Việt Nam, tôi không có được một bữa nào ăn ngon miệng bởi mỗi bát cơm chiên Dương Châu, mỗi tô bún bò Huế, mỗi xâu thịt nướng, mỗi tô lẩu đồ biển... đều làm tôi nhớ đến hình ảnh lũ em vây quanh mâm cơm với những bát bo bo vàng ệch, với chỉ một quả trứng

vịt luộc và chén nước pha muối ở quê nhà.

Thế Chiến Hai đã chấm dứt. Chiến tranh Hàn Quốc đã tàn lụi. Chiến tranh Việt Nam cũng đã kết thúc. Những cuộc chiến tranh khác tiếp tục theo nhau dành chỗ đứng trong lịch sử nhân loại. Những em bé lên mười đã chết ở Việt Nam, ở Campuchia, ở Syria, ở Iraq, ở Somalia... Có biết bao nhiêu em bé không tên không tuổi trong đoàn lưu dân, không nơi chốn trở về; không bao giờ trở về như em bé trong trại Mauthausen mà Jean Cayrol đã thấy năm xưa.

Ngày 05 tháng Năm năm 1945 những người lính Mỹ đến giải thoát trại tập trung Mauthausen, lúc khai quật những hình hài vụn nát từ lò thiêu, chắc họ chẳng thể nào phân biệt được xác nào là của em bé lên mười, “người đi vào cõi chết, với ánh mắt ngơ ngàng và sôi sục,” bởi em đã thoát ra khỏi những hàng rào kẽm gai, qua những họng súng, qua những con chó điên cuồng sục sạo; em bỏ lại sau lưng tiếng hét rợn người của bọn cai tù. Năm 1968, em chào đời lần nữa với lần xuất bản đầu tiên của cuốn *Je l'entends encore*; em sống thêm một đời sống khác, trên câu đề tặng cuốn sách của người ở chung trại tập trung với em năm xưa.

Từ tháng Tám 1992 – nghĩa là từ khi mua được cuốn sách cũ *Je l'entends encore* - đến giờ, việc đầu tiên tôi làm với một cuốn sách vẫn là tìm đọc câu đề tặng của tác giả. Và cho tới bây giờ chưa có câu nào gói trọn những trang sử của cả một thời như câu đề tặng cho em bé lên mười mà Jean Cayrol đã gặp trong Trại Tập Trung Mauthausen năm nào.

HOÀNG CHÍNH
10 tháng Ba, 2021

DANH NGÔN

Mục đích của người viết văn là giữ cho nền văn minh không tự hủy diệt.

The purpose of a writer is to keep civilization from destroying itself.

Albert Camus

1/ Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có...

2/ Sự cầu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi, nhưng sự cầu thả trong văn chương thì thật là đê tiện.

Nam Cao



ĐỨC PHỔ
nguyệt mức hồn

Rằm ời
Nguyệt mức hồn đầy
chén quỳnh
Trăng
rót. giọt ngậy
giọt mềm.

Nghe từ
hương thổ êm. Êm
lời thương thảm trái
chín thêm rộ hoa.

Nét hồng
thơ gợi quần thoa
chút tình mộ ái
yên hà tịnh không(!)

Mai lên tắm xứ vân mông
ở
hay đi
chỉ cây trông
hạnh đào...

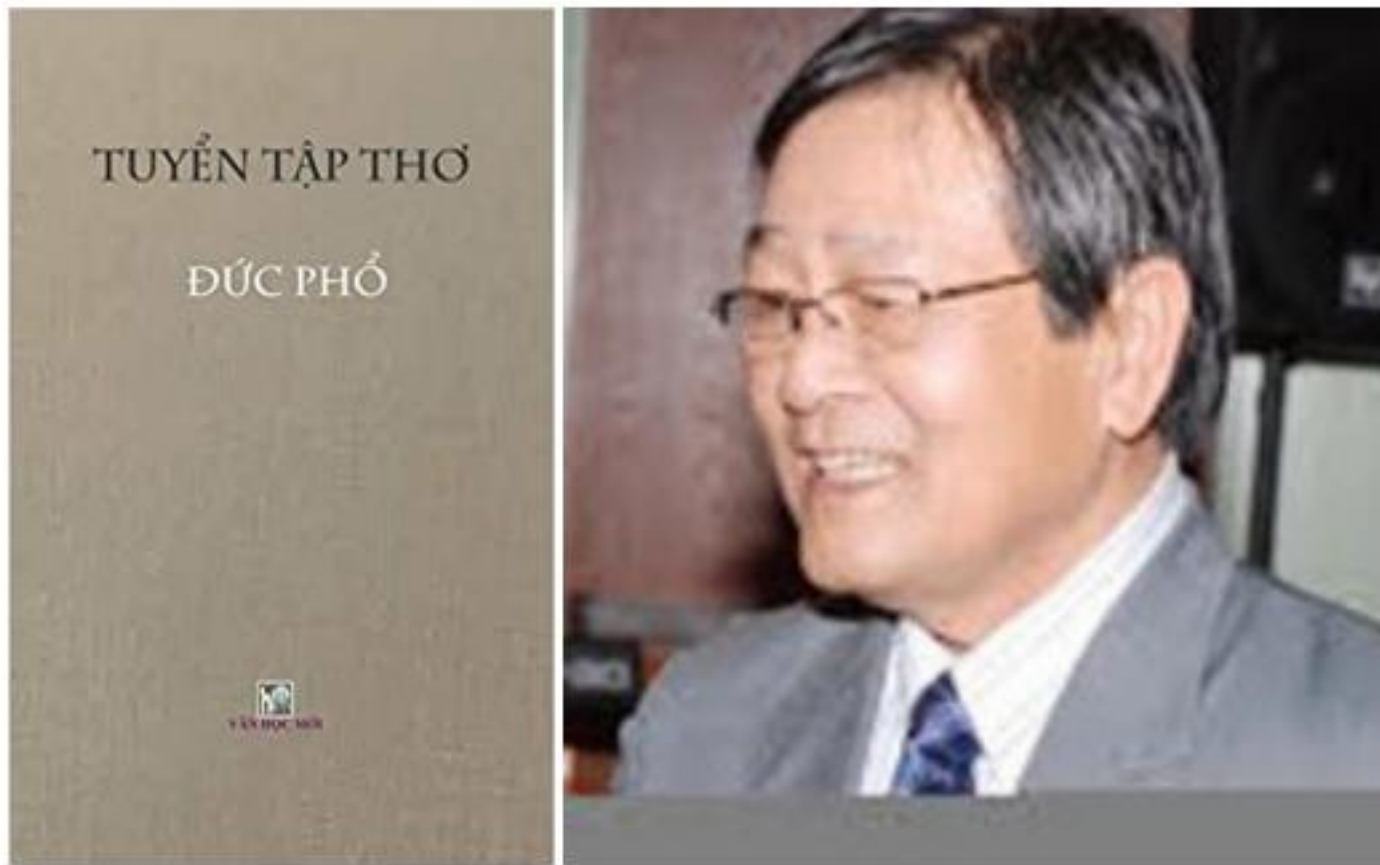
ĐỨC PHỔ



TRẦN HOÀNG VY

ĐỌC THƠ ĐỨC PHỔ

(Tuyển tập Thơ Đức Phổ, Bìa và trình bày Hà Nguyên Du, Văn Học Mới ấn loát và phát hành, 2020)



Trước 1975, ở Sài Gòn, thỉnh thoảng tôi có đọc thơ Đức Phổ, đăng rải rác trên các báo, tạp chí thời bấy giờ, bằng đi một thời gian khá dài, tôi lại thấy bài thơ “*Dưới mái nhà xưa*” của anh đăng trên một trang mạng. Những câu thơ như găm vào gan ruột của những kẻ đồng cảnh ngộ: “*Anh đã về dưới mái nhà xưa/ Mẹ Cha không còn nữa/ Nhà trống, ruộng vườn xơ xác/ Chỉ còn con vện vầy đuôi!*” . và có lẽ những ai khi không còn cha mẹ, trở về lại mái nhà xưa vẫn luôn là: “*Khi cảm nén hương lên bát hương đã cũ/ Kỷ niệm theo về/ Cùng hương khói mang mang/ Tự nhiên anh khóc...*”. Không chỉ là những câu thơ giản dị, đồng cảm mà tôi còn cảm thấy “gần gũi” bởi cái bút danh và cũng là tên thật của anh: Đức Phổ, tên của một huyện ở phía nam tỉnh Quảng Ngãi, quê cha, nơi tôi có những năm tháng ấu thơ, cơ cực, và cũng thật thú vị, bởi anh sinh ra ở quê gốc Thừa Thiên, Huế, đất cố kinh lòng lầy của các “ôn, mẹ” một thời, cũng là quê mẹ tôi. Con người đôi khi có những tình cảm tưởng chừng... mơ hồ, nhưng lại gần bó bởi tình “đồng hương, đồng khói” như thế, mở đầu cho sự giao lưu tâm cảm, bền chặt!

Viết về thơ Đức Phổ có rất nhiều người tên tuổi, lẫy lừng ở miền Nam trước đây và hải ngoại đã viết như Viên Linh, Du Tử Lê, Trần Hoài Thư, Hoàng Xuân Sơn, Luân Hoán, Nguyễn Vy Khanh... Song tôi vẫn thích sự “thú nhận” của anh Trần Hoài Thư là: *“Tôi vẫn hằng đọc thơ anh. Ôi! Những bài thơ vẫn còn ở lại trong tôi sau khi đọc xong, bắt tôi phải giật mình: “Mai về bờ ngõ núi sông”... và trang “Văn Việt. Org” đã nhận xét: “Thơ Đức Phổ có ngôn ngữ giản dị, giọng điệu từ tốn, như những lời tâm sự thân mật. Thể thơ cổ điển hoặc gần với cổ điển. Điều gây ấn tượng trong thơ anh là việc sử dụng khá thường xuyên mối quan hệ giữa hiện tại ở vùng đất mới và quá khứ, hình ảnh của hoài niệm được đặt trên nền xám của bức tranh hiện tại, nơi vô thức có thể tìm đường đi tới.... Đức Phổ quan tâm đến vần điệu, sự chọn lọc hình ảnh, những diễn tiến tâm lý trong quá trình hội nhập vào xã hội Bắc Mỹ. Khi loại bỏ bớt nhu cầu mô tả các xúc cảm, đôi khi vượt quá khả năng mang vác của ngôn ngữ, thơ anh có sự chiếu sáng của lương tri trên những khúc quanh lịch sử. Trong thơ Đức Phổ tiếng gọi của bốn phận, tiếng gọi của cái đẹp ngày càng trở nên rõ ràng.”* Vì thế việc khen “Phò mã tốt áo” sẽ thừa, nên tôi chỉ chọn những gì mà bản thân thấy cùng chung sự rung cảm và hòa điệu trong những bí ẩn mà thơ ca vốn có cần thêm sự giải mã với góc nhìn của người đọc...

Ở vào cái lứa tuổi ngoài thất thập “xưa nay hiếm”, thơ Đức Phổ có cái nhìn tưởng như “nhàn nhã” song lại đau đáu một nỗi niềm : *“Suốt ngày ở nhà như một quản gia/ Quản gia chỉ là kẻ trông nhà/ Mà nhà chẳng có gì để mất/ Chỉ sợ mất mình như kẻ vong gia.”* (Ngày của một người hưu trí, trang 280) và điều ấy lại được nhà thơ nhắc lại trong bài “Ngày hưu”: *“Ngày hưu trôi chậm vô cùng...”* rồi : *“Tháng ngày quần quanh vô nghĩa/ lòng nhớ nào biết nhớ gì/ ở không như là không ở/ thế gian xa lắc ngoài kia”* (trang 57) nhuộm một chút ý nghĩa sắc không của Phật cùng với sự “giác ngộ” khôn cùng của sự chấp nhận, thuận theo ý mệnh! Câu thơ “Vong gia” làm ta sờn gai ốc, chạnh tới nỗi niềm “vong quốc” của những người dám đi tìm tới cõi tự do!

Tình yêu thì không có tuổi? Vâng, với thơ Đức Phổ, tình càng nồng đậm, đậm hương mãi nhớ: *“Anh về thăm em rồi đi xa. Rất vội/ Những nồng nàn... Nắc.Nghẹn giấu trong tim!/ Phút lưu dấu xưa, sau... Chừng khó nói/ chỉ đôi lòng. Chung một tiếng yêu thôi!”* (Mới xa mà đã nhớ, trang 53), là những run rẩy của một thời: *“Từ em mặc lụa qua cầu/ hồn anh mấy mảnh nát nhàu, chưa khâu/....Em qua cầu mắt rưng rưng/ sóng chao chiếc bóng ra từng gợn. Tan!/ Anh vờ tình lạt sang trang/ thoáng trên mặt giấy có hàng lệ rơi!...”* (Áo lụa qua cầu, trang 83). Là một món nợ tình thật... khó trả: *“Em sang sông. Yên phận gái sang sông!/Ta ở lại điếng hồn trông nước rút/Trở cùng ta những tháng ngày bạc nhược/ Khi nợ một ân tình đâu dễ bước ung*

dung!...” (Em sang sông ta nợ một ân tình, trang 112). Bởi cái sức mạnh của tình yêu là nhắc nhớ! : “ khi không còn tình yêu của em/ dẫu có lao vào vòng đại dịch/ dẫu thân thấm nhiễm đại trùng/ hồn vẫn còn nhớ mùa hoa năm trước!..” (Thơ cho ngày 8/3/2020, trang 272). Có lẽ nào là sự...”Hồi xuân”: “*Anh xưa ngó núi bất cần/ đôi trông bất chấp... (xấu gần, đẹp xa...)/ Bây chừ đôi núi đơm hoa/ ham vui còn kịp chăng?.. Tà huy ơi!*” (Hồi xuân, trang 116).

Thơ Đức Phổ còn mang nặng những nỗi niềm của người tha hương, nhớ về cố thổ với trái tim của một người lính, từng có thời gian dọc ngang trên sông biển, để một lần anh “Gởi tình qua biển”: “ *Và có thể... ngày sau...Có thể/ mỗi buồn vui là mỗi bước thăng trầm/ hãy nồng mặn như gởi tình qua biển/ gió muôn trùng biết thổi tới em không?!*” (trang 45). Còn cao những nỗi niềm cũ: “ *đã bao năm xa xứ xa quê/ lỡ bước đường trình chưa kịp về/ gió bụi phong trần chưa rũ sạch/nên đành mang nỗi nhớ sắt se/... ta ở xứ người no cơm ấm cật/ mẹ quê nhà áo vá phát phơ.*” (Bên trời nhớ mẹ, trang 33). Những dòng thơ của người con xứ Huế, như những dòng nước mắt của xa xót: “ *Mười năm xa Huế như cơn mộng/ tỉnh lại.Thăm Hương lệ chực tràn/ Rượu thấm. Dăm thăng ngồi Thương Bạc/ rừng rưng Thừa Phủ... băng dò giang!*” để rồi: “ *Ngồi uống tàn canh trăng Vỹ Dạ/ hồn đầy sương và... tóc pha sương!/ Mười năm ly khách về chăng lạ?/Đâu bề muôn chiều vẫn cố hương!*” (Đâu bề muôn chiều vẫn cố hương, trang 17). Để rồi với đồng đội cũ gặp nhau: “ *Thời ngang dọc, xưa, không còn nữa/ mà mùi phèn nước mặn chưa phai/ Đời lưu vong ngày vẫn đêm dài/ thân áo gấm khó tròn giấc ngủ!/ giờ giáp mặt bạn đồng đội cũ/ những vàng son một thuở không còn/ nhưng trong mỗi tắc lòng vẫn giữ/ Tổ quốc mình mãi mãi Việt Nam!*” (trang 149).

Bạn bè văn chương của anh thì rất nhiều. Người viết bài chưa một lần tao ngộ. Chỉ mới nghe tiếng nhau trên Smartphone, cũng coi là “Văn kỳ thanh” mà mền mọ nhau, như anh đã từng viết trong thơ: “ *Người bạn văn sống chung thành phố/ đã bao năm chưa gặp mặt bao giờ/ mới giọng nói từ chiếc phone hớn hở/ đã trong lòng phơi phới những hoa xuân...*” và “ *đọc thơ bạn nổi lòng nghe tí tấp/ nổi u hoài cánh chấp mấy trùng chia.*” (trang 244).

Chợt nhớ trong một Email gần đây anh tâm sự về thơ 7 chữ của anh, anh viết nhiều những bài 7 chữ, dồn nhiều công sức để làm mới thể loại thơ đã có từ... hàng ngàn năm nay. Một thể loại thơ gần với thơ Đường, song đã được người Việt gia công làm mới để chuyên chở tâm hồn của người Việt, nhất là trong phong trào thơ mới cũng gần thể kỷ này! Thật vậy, trong toàn bộ tập thơ đã có gần 50 bài thơ Đức Phổ sử dụng thể loại thơ 7 chữ (trên 143 bài thơ trong tập). Thoạt đọc, thoạt ngâm nga vẫn nghe âm vang những “hạo khí” buồn âm điệu

cũ, của những “kẻ sĩ” ngang tàng, khí khái nhưng thất cơ lỡ vận như:

“ Qua đèo thấy núi thấp bằng đất/ há dễ leo cao là thấy đời!...” rồi “ Hãy vá dùm nhau điều loang vỡ/ bao vết cài bom đạn sẽ đơm da” (Phấn nhụy thấm đời sau, trang 7), hay như “ Mối hay trong máu còn tinh huyết/ để tạ ơn đời buổi gặp nhau!” (Bên trời lưu ly, trang 13), thêm chút rượu và nghĩa khí giang hồ: “ Người đừng gập riết thành thân mật/ Hẹn tết khề khà nhấp rượu vui” (Nghinh xuân dậm khách, trang 59), hoặc : “ nói thiệt, rượu nào chẳng uống say/ nhưng rượu ngọt tình chỉ đêm nay..../... nay giữa chợ không dùng muốn khóc/ chân ngập ngừng bước lạc đường quê.” (Cuộc rượu tàn canh, trang 233). Song nếu để ngẫm ngời, nghiền cứu, sẽ thấy một thể loại 7 chữ khác mang thương hiệu “Đức Phổ”, đó là câu chữ vừa giản dị, nhưng chắc lọc, ẩn chứa sự thâm trầm của người từng trải: “ Ngày bạn đi ta còn khoai, sắn/ đêm sương rừng đắp riết cũng quen” (Chuyện cũ, trang 43). Chỉ một từ “đắp” đã nói lên nhiều thứ của một “chuyện cũ”, hay như trong câu “ Bạn mình có đứa không chịu nhục/ vượt rào bị bắn, chết tỉnh bơ.”. Cụm từ và cũng là hình ảnh “Chết tỉnh bơ”, tưởng rất bình thường, song lại ẩn chứa một hàm ý “ngang tàng, khí phách, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng” là vậy! Hay như những từ ngữ hình ảnh tưởng chừng quen nhưng cũng rất lạ trong khổ thơ : “muốn thắp ngọn đời lên đỉnh, hú/ chiêu hồn, về đậu nhánh sông thơ/ núi lạc sông rồi, người lạc xứ/ mà không phai nổi nhớ quê nhà” (Khát vọng, trang 127). Ở đây, người đọc còn bắt gặp sự đối mới như sự bắt cầu, nối dòng giữa câu thơ cuối và câu thơ đầu tiếp theo, theo lối thơ “Tần hình thức” như : “Hú chiêu hồn, thơ núi, người lạc xứ mà không phai nổi nhớ quê...”, hay như ở bài thơ “ Mẹ ơi mai ngày” trang 138, ta thấy rất rõ sự nối dòng cách tân đó: “ Sẽ rất muộn màng nếu trong đêm/ nay không nói được lời yêu kính/ Mẹ không tỏ lòng nhớ thương Mẹ/ hiến bằng một đóa hoa tưởng nhớ...”. Thảng hoặc, trong một khổ thơ 7 chữ, nhà thơ thêm vào một câu 8 chữ, hoặc 9 chữ, làm thay đổi sự cũ mòn? Hay âm hưởng của cả bài thơ: “ Bạn bảo, lâu hung không chộ/ Mi đi lâu không nhớ Huế rằng hè?” (Trăng rụng, trang 77), và : “ Cái vận nghèo rồi cũng qua mau/ Ngày gặp lại tuổi chiều vừa ghé/ Vô số chuyện vui buồn đã kể /Những mối ngon rượu quý đã ê chê!” (Tình bạn, trang 75). Mà có lẽ riêng phần thơ 7 chữ của anh, chắc phải có riêng một bài mới nói đủ điều muốn nói?

Khép lại bài viết, mong rằng thơ Đức Phổ luôn là những buồn, vui... cùng chia sẻ với mọi người, những độc giả yêu thích thơ anh, như anh đã viết: “ Ân sủng. Người chia nửa tiếng cười...” (Mùa nhớ, trang 297).

Katy, TX đêm 14/03/2021

TRẦN HOÀNG VY



NGUYỄN ĐỨC TÙNG

nơi dòng nước chảy xiết

Có người nhìn thấy cô ta leo qua thành cầu, bước theo tay vịn đi lần ra xa. Đây là cây cầu lớn có bốn tuyến đường, hai bên có đường cho người đi bộ, đi xe đạp, thành cầu tương đối cao, ở những nhịp cầu có phần nhô ra không biết để làm gì, có lẽ dành cho thợ điện hoặc nhân viên tu sửa làm việc. Đó là bốn giờ chiều ngày thứ sáu, giờ tấp nập nhất của thành phố. Người đàn bà mặc đồ thường phục, áo len mỏng màu xanh, quần jean, đi giày thể thao, tóc quăn cao. Cô ta đứng ở mép cầu, nhìn đắm đắm xuống nước, hơi nghiêng người xuống, hai tay cầm chặt thanh vịn. Xe cộ tắt đèn, những người đi bộ rào bước tới bên cô thật đông nhưng không ai dám tới gần. Cô ra dấu cho mọi người không tới gần, những người lái xe chạy chậm, tò mò, kinh ngạc. Một người đàn ông tìm cách trò chuyện với cô trong khi chờ cảnh sát tới. Một người nào đã gọi cảnh sát. Họ đang trên đường chạy tới, nhưng di chuyển chậm chạp vì chiều thứ sáu xe cộ quá đông. Trong những phút ngắn ngủi, đây là cuộc trò chuyện giữa người đàn ông và người phụ nữ đứng trên cầu.

- Xin lỗi, nhưng bạn có thể quay lại đây được không?

Người đàn ông mở đầu, có phần rụt rè. Cô không trả lời câu hỏi, tiếp tục nhìn xuống dòng nước.

- Xin lỗi, tên cô là gì?

Không trả lời. Người đàn ông lợi dụng trong khi nói tiến dần từng bước một, chậm chạp.

- Đứng lại. Người phụ nữ lần đầu tiên lên tiếng. Giọng nói nhỏ, hơi khàn, nhưng rõ ràng.

Người đàn ông dừng lại. Im lặng một lúc.

- Tên cô là gì?

- Anna. Cô ta đáp, sau một hồi im lặng.

Anna Karenina. Người đàn ông trầm nghĩ, không ngăn được sự liên tưởng của mình, nhưng không nói gì.

- Cô làm gì ở đây?
- Đó không phải là việc của ông. Người đàn bà trả lời.
- Cô đừng nhảy xuống. Người đàn ông nói giọng nửa ra lệnh nửa năn nỉ.

Im lặng.

- Cô đừng nhảy xuống nhé. Đừng tự vẫn.
- Nếu ông không tiến lên gần tôi.
- Tôi hứa. Người đàn ông vui mừng, tỏ vẻ tự tin. Ông tự nhủ, tìm cách kéo dài câu chuyện trước khi cảnh sát tới.

- Ông nghĩ đời sống có đáng sống không? Người đàn bà hỏi người lạ như cách mà cô hỏi một người bạn, một người bạn gái, qua tách cà phê buổi sáng.

- Chắc chắn vậy. Đời sống rất đáng sống. Ông ta nói giọng chắc nịch, mặc dù trong lòng không chắc lắm.

- Ông là người may mắn.
- Không phải thế. Tôi không phải là người may mắn.

Người đàn bà tỏ vẻ chú ý lắng nghe, quay một nửa người lại nhưng mắt vẫn nhìn xuống mặt nước sâu, nơi mặt trời chiếu chiếu cái bóng của nó đỏ rực như một khuôn mặt nghiêm nghị, giận dữ, kiên nhẫn. Anh biết, ở chỗ nước ngả màu xanh lam, sau mặt trời kia, là nơi dòng nước chảy xiết, bất cứ vật gì rơi xuống sẽ lập tức biến mất. Có tiếng còi xe cảnh sát hú ở đằng xa, réo từng hồi để buộc các tài xế nhường đường.

Cô gái đột ngột nói, nếu cảnh sát tới tôi sẽ nhảy xuống.

- Cô sẽ làm như vậy?
- Chắc chắn.

- Tôi sẽ cho họ biết, nhưng tôi không có quyền hạn gì cả. Tôi cũng không phải là cảnh sát.

Tôi biết. Nếu ông có thể làm được điều gì cho người khác xin hãy báo cho cảnh sát biết điều tôi vừa nói.

Người đàn ông quay lại nói với người bên cạnh, những người khác truyền đi. Cuối cùng cảnh sát cũng biết, họ đến hai xe từ hai phía,

bật đèn dừng lại giữa cầu. Trên mỗi xe cảnh sát có một người nam và một người nữ, họ ra khỏi xe, thận trọng tiến gần lại nhưng giữ một khoảng cách khá xa. Người đàn ông cảm thấy khó xử. Rõ ràng ông ta không muốn nhận trách nhiệm về mình, nhưng cũng không muốn khuyến khích cảnh sát can thiệp. Ông hạ giọng xuống và nói, nhớ lại cái gợi ý mà cô ta ném ra.

- Tôi không phải là người may mắn.

- Ông nói tiếp đi. Ông kể xong thì tôi sẽ nhảy xuống. Tôi đã quyết định xong rồi. Nhưng nếu ông không kể cũng không sao.

Một người nữ cảnh sát từ xa khéo léo ra hiệu cho người đàn ông bằng tay, bảo ông ta hãy tìm cách kéo dài thời gian.

- Cách đây sáu năm, một lần tôi bị ngất xỉu khi đang lái xe. Bác sĩ sau đó chẩn đoán tôi bị ung thư máu. Từ ngày đó cuộc sống của tôi hoàn toàn thay đổi. Tôi đã trải qua những ngày đau khổ và đen tối nhất. Vợ chồng chúng tôi không hạnh phúc đã lâu trước đó, mặc dù đã có hai con, trong thời kỳ khủng hoảng này, mối quan hệ không chịu đựng được, đã sụp đổ.

- Bà bỏ ông mà đi?

- Đúng thế. Nhưng bây giờ tôi đã tha thứ cho nàng. Tôi đã tìm lại được niềm tin. Khi biết rằng tôi không sống được bao lâu nữa, mọi gánh nặng đều trôi đi. Cô ấy cũng có trở lại thăm tôi khi tôi vào bệnh viện trong một lần bệnh nguy kịch, mấy tháng trước. Cô biết không, khi bạn không còn gì nữa, bạn sẵn sàng trao tặng, một lúc nào đó.

- Trao tặng khi nào?

- Ngày mai.

- Nhưng ngày mai quá xa.

Họ im lặng một lúc, mỗi người theo đuổi những ý nghĩ của mình.

Bỗng nhiên người đàn bà lộ vẻ mệt mỏi, chán nản. Khi mệt mỏi người ta chán tất cả mọi thứ, nhất là những gì có thể đoán trước được. Người đàn ông trầm nghĩ, hay trễ mất trời. Ông run lên với ý nghĩ ấy.

- Hôm nay.

- Ông muốn tặng cho tôi?

- Đúng vậy, cho cô.

- Ông tặng cái gì?

- Nếu cô nhảy xuống thì tôi sẽ nhảy xuống theo.

Người đàn bà ngoảnh nhìn chăm chú kẻ đối diện, nửa tò mò nửa khinh miệt. Cô lắc đầu, nhìn ra xa.

- Tôi không tin. Tất cả đàn ông đều thế.

- Tôi không biết về họ. Nước sâu lắm, tôi không có chút hy vọng nào.

- Ông có biết bơi không?

- Không.

Trên khuôn mặt của người phụ nữ lần đầu tiên thoáng qua nụ cười. Khuôn mặt cô giãn ra như một người được an ủi.

- Ông sẽ chết khi nhảy xuống.

- Nước chảy xiết và lạnh lắm, tôi sẽ chết ngay.

- Sao ông biết?

- Cô là người từ nơi khác đến, phải không?

- Đúng rồi tôi từ nơi khác đến. Xa lắm. Cô ta nói, giọng mơ màng.

- Đêm nay tôi sẽ mời cô về nhà tôi nghỉ lại, nếu cô không lấy làm phiền. Để người đàn bà yên tâm, ông ta nói thêm. Tôi sẽ báo cho cảnh sát và xin phép họ. Tôi tin họ sẽ phỏng vấn cô và giữ cô lại, nhưng tôi sẽ thuyết phục họ, nếu cần sẽ viết giấy cam đoan. Nếu cô muốn, họ sẽ lắng nghe. Tôi sẽ ngủ trong lều cắm trại ở một nơi gần bìa rừng, nơi tôi thường đến cắm trại.

- Tại sao ông biết tôi sẽ nhận lời?

- Tôi không biết. Nhưng tôi tin cô sẽ nhận lời. Không, tôi không biết, tôi chỉ hy vọng. Một người đã mất hết mọi thứ như tôi, chỉ còn hy vọng.

Im lặng. Người đàn ông nín thở. Ông ta không nhận được, nói như lắp bắp.

- Tôi quen ngủ trong rừng. Tôi không biết bơi nhưng thích lội bộ trong rừng khi mùa xuân tới.

Người đàn bà từ từ quay lại.

Đèn trên hai chiếc xe cảnh sát đã thôi không chớp tắt nhưng vẫn chiếu sáng rực một vùng, bạn có thể nhìn thấy rõ từng hạt bụi bay qua. Trên khuôn mặt người đàn bà, lăn đi một giọt nước mắt.

NGUYỄN ĐỨC TÙNG



LÂM HẢO DŨNG
định nghĩa khiêm
cung đời lính chiến

tặng Hoài Ziang Duy - Còn không chốn quay về

Cũng chẳng buồn và cũng chẳng vui
 bước đi so lẽ bước chân lùi
 ồ không ,thế kỷ thay màu áo
 nhịp vông đời quay mặc cứ quay

muốn hỏi một người không thể hỏi
 trời cao ,tay với đã bao lần
 vết cắt vẫn làm đau thể trạng
 hồ như ung nhọt nở trong tim

ma quái chiều nay gây tắt thở
 cơn say dật dưỡng,loạn tiền đình
 phút ấy bên kia rừng đạn nổ
 một người ngã xuống, bao người lên

im lặng, tưởng chừng như tuyệt tích
 hôm nay ai réo gọi hồn về?
 định nghĩa khiêm cung đời lính chiến
 mất, còn: sáng nắng, tối mưa khuya

mang nặng bao năm vai đá tảng
 dật dờ thân xác nát thân tâm
 có buổi ngồi ôm cây độc lập
 súng quên dành mượn mấy dây đàn

những tường ngao du miệt Kiến Tường
 lạc đường An Lộc ngắm hoàng hôn
 nón sắt ủ ê đời trận mạc
 mai về Sa Đéc, mai còn không?

đêm nghe kiến nhỏ đeo tường vách
lê những đường cong rất gập ghềnh
bổ khí, cuối cùng đo miệng cốc
ngỡ mình lạc bước đến trần gian

trần gian khuyết sứ nằm tung tóe
trăm vạn hùng binh vạch thẳng hàng
chỉ một quân cờ đi lộn nước
bao người chít vôi chiếc khăn tang

người đứng như cây bàng núi Két
(núi Sam là chỗ để em ngồi)
những mái chùa cong reo mở hội
(về thôi,đâu đó cũng về thôi)

bản đồ tâm trí chia muôn nhánh
tìm mãi không ra dấu địa hình
chỉ thấy hoang vu chiều gọi gió
một mình đay nghiến nỗi cô đơn

chuyến xe dĩ vãng như đình nhón
xuyên suốt lộ trình không đến nơi
dấu hỏi phôi bày nguyên dấu chấm
đường xuôi Mỹ Đức nắng còn tươi?

trang sách bùng lên sáng góc đời
hãy vui con chữ họa hình vui
có ai trên lối mòn Châu Phú?
nhặt lại thời gian,nhặt tiếng cười...

LÂM HẢO DŨNG

LÂM HẢO DŨNG quá khứ hồn tôi

* Gởi Y.U - T.Đ.S - P.N.D - H.L

Quá khứ hồn tôi hay dĩ vãng
rải đều trong trí nhớ mênh mang
những ngày những tháng đi quanh quẩn
thoắt lại quay về ở điểm không

quá khứ hồn tôi buồn khốc liệt
tóc đời khinh bạc tóc đời bay
những người tay có lần tôi nắm
đã trồn trần gian, lạc dấu giày...

quá khứ hồn tôi phải của tôi ?
có ai cọ quẹt vẽ trên người
thời gian mắc dịch còn thêm thắt
bức họa không mầu triển lãm chơi...

quá khứ hồn tôi có một lần ?
hay như vô tận để thương tâm
chuyện không muốn nói dài như biển
chuyện nói đôi khi chỉ nói thắm...

quá khứ hồn tôi đã cũ mềm
không ai buồn nhắc để kêu tên
không ai tỉnh dậy đi lau mặt
để thấy mình như lại trẻ lên...

quá khứ hồn tôi còn ở lại
biết mình vẫn sống vẫn nhăn răng
vẫn cười như một cành hoa héo
tưởng tượng khi nằm trong áo quan...

quá khứ hồn tôi gởi lại thôi
gởi ai, ai gởi, có ai vui ?...

LÂM HẢO DŨNG

2020- (Nhân xem một ảnh hình xưa)

nhân rằng



HUỲNH LIỄU NGAN
có nhiều lần như thế

Có nhiều lần muốn hỏi một câu
nhưng chần chừ
không biết hỏi câu gì

có nhiều lần muốn
trách móc một câu
nhưng chần chừ không biết
trách móc câu gì

có nhiều lần muốn bày tỏ một câu
nhưng chần chừ không biết bày tỏ câu gì

nhưng mà nếu không nói ra
không trách móc
không bày tỏ
không hỏi một câu
thì người ta chẳng biết mình
muốn nói câu gì
có nhiều lần chần chừ như thế

cho đến khi không nói được câu gì
cho đến khi người ta bỏ đi
mới nói được một câu vô nghĩa nào đó
một mình mình nghe
có nhiều lần như thế.

13/4/2021

HUỲNH LIỄU NGẠN

nửa đêm ngồi ngắm một bóng cây

Ngồi ngắm một bóng cây
nửa đêm rồi chưa thấy
một dáng gầy đưa tay
đỡ một vầng trăng dầy

tháng này trời nhiều mây
và mưa bay suốt ngày
tối khuya còn gió thổi
làm bóng cây guột gầy

bóng cây cứ vơi dầy
huống chi là bóng mây
nửa đêm sao tắt hết
một cuộc sống tro gầy

biết ngóng chờ ai đây
phủi tay chưa hết ngày

bụi bay đầy vô mắt
đêm dài trời không hay

đèn thấp vàng lối ấy
khuya rồi ai qua đây
hay tiếng cành cây gãy
răng rắc kiếp lưu đày

trông trời cho mau sáng
để nhìn lá lung lay
ngoài hiên sương rã nhánh
đã tan vào chân mây

rót hoài những cơn say
lòng đêm chưa kịp ngày
cứ khuya rồi lại sáng
đời người vẫn cuồn quay.

HUỲNH LIỄU NGẠN
18/4/2021



THÙY AN biển lặng lẽ

Biển xa vọng về tiếng sóng vỗ rì rầm. Chị đến bên cửa sổ kéo tấm màn che ánh nắng chiều chói chang đang rọi những đường sáng lên tấm chăn hoa. Chị cảm thấy chóng mặt. Chị tựa người vào tường, im lặng ngắm nhìn cái sinh vật mình mới tạo ra đang ngo ngoạy chân tay trong chiếc drap mỏng màu xanh.

Bé đang ngủ say. Đôi môi hồng chúm chím, cặp lông mày cong cong dưới vành ren trắng của chiếc mũ lụa trông mới dễ thương làm sao. Chị bước tới, cúi xuống hôn nhẹ vào má con rồi lặng lẽ ghé nằm bên cạnh. Chị duỗi thẳng hai chân, lấy chiếc gối kê đầu, mái tóc chị tràn trên nền vải trắng, rối bời như cội lòng chất ngất xót xa. Chị nhắm mắt lại, cố ngăn giọng lệ ẩm chực tràn ra khóe mi. Chị nuốt tiếng khóc vào hồn và nghe mặn đắng bờ môi. Anh đã đi rồi. Anh bước vào khoảng không gian mịt mù hư ảo, nơi không có chị, không có Bé và không có cả niềm vui nỗi buồn trải dài suốt quãng đời son trẻ của chị.

oOo

Chị lớn lên giữa thành phố biển. Bãi Trước, bãi Sau, những con đường ngập đầy nắng gió nâng niu bước chân chị ngày hai buổi đến trường. Tuổi dậy thì của chị nồng thơm hương biển. Chị đẹp, một vẻ đẹp dịu dàng thủy mị, mắt chị sáng, môi chị tươi, mái tóc đen mềm mại đủ sức lôi cuốn những cánh bướm dập dềnh. Nhưng chị yêu có mỗi mình anh – người ca sĩ sinh viên. Ngày quen nhau, anh đã hát tặng chị một bài tình ca thật lãng mạn. Năm đó, chị vừa mười bảy tuổi. Hai người yêu nhau đúng một năm. Rồi chị vào Sư phạm, anh đi du học và tin tức thưa dần.

Chị ra trường, đi dạy và đợi chờ... Tuổi xuân của chị trôi qua biết bao mùa. Đến khi nghe tin anh cưới vợ bên đó, chị mới tỉnh ra để thấy mình không còn trẻ nữa. Chị lấp kín thời gian của mình vào công việc. Chị dạy ngày, dạy đêm, dạy thêm cho một số học sinh tại tư gia... để quên đi nỗi xót xa, để không còn nghĩ đến anh nữa. Mười lăm năm qua, chị đã chế ngự được niềm đau của mình trong nghề nghiệp, trong tình yêu thương của bao thế hệ học trò.

Một buổi sáng bình yên, như thường lệ, chị dậy sớm phụ mẹ dọn quán cà phê. Vừa mở cửa, anh bước vào nhà cùng một luồng gió mạnh khiến chị choáng váng đến xây xẩm mặt mày. Trước mắt chị là mớ tóc rối bù, gương mặt hốc hác, bộ quần áo lính cũ mềm. Anh tiều tụy đến tội nghiệp, anh xơ xác đến thảm thương, anh nhìn chị bằng đôi mắt đầy đau khổ làm chị trong phút chốc quên hết những khổ đau mà anh đã gieo vào tim chị hơn hai mươi năm qua.

Anh gục đầu trước ly cà phê đen bốc khói mà chị đã tự tay pha và đem đến cho anh.

-Anh biết... em rất giận anh.

Chị ngắt lời:

-Đừng nhắc đến chuyện đã qua nữa. Hãy nói cho em biết, tại sao anh ra nông nỗi này?

Giọng anh vẫn trầm ấm như ngày nào:

-Anh đi học về, căn nhà cũ của anh đã có chủ mới. Nghe nói vợ anh đã đem hai đứa con theo một người đàn ông khác vượt biên lâu rồi. Giờ anh chỉ còn hai bàn tay trắng. Hơn ba tháng rồi, anh không dám đến tìm em.

Chị ngồi xuống ghế:

-Giờ anh ở đâu?

-Anh ở nhà người bạn. Anh ấy đang xin việc làm cho anh.

-Anh uống cà phê đi –chị đứng dậy –em đi làm đồ ăn sáng cho anh.

-Thôi khỏi phiền em, được thấy em khỏe mạnh là anh yên tâm.

Anh bước đi khuất ngõ, chị còn đứng sững sờ bên giàn hoa leo trước quán nhà. Tiếng sóng biển xa đập vào lòng chị nỗi xót đau. Sao anh vô tình đến vậy? Làm sao em khỏe mạnh được khi lòng em còn nhức nhối một vết thương. Năm tháng dần qua, trái tim của chị đã trở nên vô hồn, mất cảm giác, nó hoàn toàn là một cơ quan bơm máu, một phút đập 80 lần đều đặn như bài “Hệ Tuần Hoàn” trở thành một điệp khúc mà hai mươi năm qua chị đã giảng đi giảng lại cho các em học sinh.

Chị vào nhà, sửa soạn đi dạy, nhưng bắt đầu từ buổi sáng hôm đó, tâm hồn chị không còn bình thản nữa. Chị luôn luôn lẫn lộn quá khứ với hiện tại. Đôi lúc chị ngỡ mình đang tuổi đôi mươi, chị mặc những kiểu áo rất trẻ, chải tóc rất mát, chị chăm chút đến nhan sắc của mình nhiều hơn và có một lần, chị đã đi thẩm mỹ viện. Các đồng nghiệp khen chị đẹp hẳn ra, các em học sinh thì xuýt xoa mỗi lần chị bước lên bục giảng: “Cô đẹp quá cô ơi.” Những chiếc áo dài thêu hoa tươi mát đã làm cho da chị thêm căng, môi chị thêm hồng, chị đã quên đi cái tuổi bốn mươi ba của mình.

Anh vẫn đến thăm chị thường xuyên, họ đã lại tìm thấy mùa xuân trong đời nhau. Bây giờ thì cuộc sống của anh đã ổn định. Anh đi dạy Anh văn cho những người sắp xuất cảnh, càng ngày càng khá, anh sắm được xe và thuê được một căn phòng đầy đủ tiện nghi. Ngày sinh

nhật chị, anh đã đem đến cho chị 44 đóa hoa hồng đỏ thắm và ngỏ lời cầu hôn. Chị đã khổ sở rất nhiều trước sự ngăn cản của gia đình. Mẹ chị bảo:

-Lớn tuổi rồi, sinh đẻ rất nguy hiểm, con hãy suy nghĩ kỹ đi.

Ba chị thì lắc đầu:

-Lấy gì cái đứa đã phụ bạc con một lần rồi, lòng dạ của nó không thật đâu.

Các em của chị đưa ra lý lẽ thực tế nhất:

-Mai một vợ của anh trở thành Việt kiều về nước, liệu chị có đủ sức giữ anh không?

Chị vẫn làm theo lý lẽ của con tim. Lễ cưới được tổ chức đơn giản nhưng tuần trăng mật của anh chị là cả một chuỗi ngày mê đắm chơi vơi. Vòng tay anh ấm áp như ngọn lửa hồng xua tan băng tuyết vây quanh đời chị, đôi môi anh nồng nàn cháy bỏng đã đánh thức từng văng rung cảm những nơi sâu kín nhất, chị đắm chìm vào nguồn hạnh phúc bao la. Hơn nửa đời người, chị mới biết thế nào là mật ngọt tình yêu, là mặn nồng ân ái. Bên chị, bản tình ca năm nào đã được anh hát lại vẫn đầy xúc cảm như thuở ban đầu.

oOo

Sau ngày chị có thai Bé, anh thường mệt bất chợt. Những lần đi dạy về, gương mặt anh tái xanh, anh ăn ít cơm và sức khỏe xuống dần. Lúc đầu, chị ngỡ anh bị mất sức vì làm việc quá nhiều, chị khuyên anh nên bớt giờ dạy lại, ở nhà nghỉ ngơi hoặc chiều chiều cùng chị đi dạo dọc theo bờ biển hít thở không khí trong lành. Anh đã nghe lời chị, dành nhiều thời gian bên chị, hát cho chị nghe, làm thơ tặng chị... Nhưng tạo hóa đã ghét ghen với hạnh phúc của anh chị. Khi thấy những giòng máu ứa qua kẽ răng của anh, chị đã đưa anh đi thử máu và bàng hoàng khi nghe người bạn bác sĩ báo tin, số hồng cầu của anh đã giảm xuống đến độ báo động, chị cố không tin, trời ơi, anh đã mắc phải bệnh nan y đáng sợ: Ung thư máu!

Anh gục đầu vào ngực chị, đầu hàng số phận. Thai Bé đã đến tháng thứ tư, bụng của chị hơi nâng lên tròn trịa nuôi mầm sống. Giọt máu của anh đang hình thành đứa con bé bỏng trong chị. Tội nghiệp con tôi, ngày mở mắt chào đời có kịp thấy mặt cha không?

Anh đã nghỉ dạy nhưng không cho chị chạy chữa. Anh đã nói và chị cũng đã hiểu, tiền bạc không còn nhiều nữa, phải để dành đón Bé ra đời, có đổ vào thuốc thang cũng chỉ kéo dài cái chết phải đến mà thôi. Anh mất trước ngày chị sinh một tháng. Chị chuẩn bị tất cả tinh thần để chờ đón cái ngày bi thảm này. Chị nhất quyết không đau đớn thái quá để tránh sự dao động ảnh hưởng đến thai nhi. Đến tháng này, hệ thần kinh của Bé đã hoàn chỉnh, Bé phải là một đứa trẻ thông minh tuyệt vời như ao ước của anh chị.

Bốn mươi lăm tuổi sinh con đầu lòng, không có anh bên cạnh để chia sẻ nỗi mừng vui. Con đau kéo dài suốt hai ngày làm chị muốn

tắt thở. Chị níu chặt lấy những song giường bằng sắt, hơi lạnh thấm vào da chị, buốt lên đầu làm bộ não chị như tan biến thành mây. Chị chao đảo, chị hụt hơi, chị chìm vào vũng buồn lạnh lẽo. Biển động, biển gầm rú, những đợt sóng màu đen tràn lên bờ... đừng bỏ em một mình...

Tiếng khóc oa oa của Bé đã hồi sinh chị. Tay chân chị mệt mỏi rã rời nhưng bụng không còn đau nữa. Cơn đau chấm dứt thật bất ngờ, thật đột ngột, đến nỗi chị có cảm tưởng rằng chị chưa hề bị đau như vậy, rằng đó chỉ là một giấc mơ thôi.

Bây giờ thì Bé kháu khỉnh đang nằm bên cạnh chị, mẹ chị đang dùng khăn ẩm lau sạch mồ hôi trên trán chị và lau cả dòng nước mắt chưa ráo ở khóe mi. Chị ôm lấy cánh tay gầy guộc của mẹ, dụi má vào lòng bàn tay nhăn nheo của mẹ như ngày nào còn thơ dại. Đúng như lời mẹ nói, càng lớn tuổi, sinh nở càng khó khăn, nhưng chị đã vượt qua để được có anh trong đời. Dù anh không còn nữa, nhưng Bé là một nối tiếp của anh, Bé sẽ thay anh làm mùa xuân của chị.

oOo

Bên ngoài trời đã hoàng hôn. Chị ngồi dậy bật đèn. Ánh đèn ấm áp tỏa sáng căn phòng nhỏ, soi hồng đôi má Bé. Bé đã thức giấc, đôi mi hé mở, chị nhận thấy tròng đen rất nhiều trong mắt con. Đúng là đôi mắt của anh, to và dài. Mai một, khi bà mụ dạy Bé cười, thế nào mắt cũng có đuôi. Chị tháo chiếc mũ lụa ra khỏi đầu Bé, say sưa ngắm vầng trán rộng và cao, cả chiếc mũi nữa, cũng giống anh như đúc. Chỉ có cái miệng là của chị, nhỏ nhắn gọn gàng. Thật là may cho Bé, Bé là con gái mà, có chiếc miệng rộng của ba sao được, phải không con? Chị bế Bé lên, mặt Bé nhăn lại, Bé vịn mình trong tay chị, hai bàn tay nhỏ xíu hương hươ.

Ngoài khung cửa, trăng mười sáu tròn xoe. Bất giác, chị với tay tắt đèn cho ánh trăng tha hồ tràn lên tóc, lên vai chị. Chị có cảm giác như anh đang nương theo hơi biển mặn phả lên mặt môi chị làn gió ngọt lành.

THÙY AN – 1993



TRIỀU HOA ĐẠI
vết đậm cánh tay trái

Tìm tôi qua vết đậm
dấu bấm còn đọng lại
đưa thêm cánh tay trái
buổi chiều bỗng xụi lơ
giọt máu rất ngu ngơ
bãi hoang buồn như thể
cánh chim nào về trễ
mênh mang chiều mênh mang!

mây trôi trời u ám
tuổi người sao hữu hạn
linh hồn ngồi chấp tay
ơi! chiều nơi biển rộng
thủ thả hồn đi xa
cõi đời này thế a?
lớn. nhỏ mấy người biết
biển rời chân đi biệt
hiếu được lòng ta không
bao la sóng trong lòng
trôi giạt dào cuối bãi
hồn vẫn ngồi chờ đợi
biển ời đừng bao la

sóng ời và biển ời
chấp tay mà quỳ lạy
chắc linh hồn ai đấy
có bay về cùng chim
vết máu vẫn còn nguyên
ở nơi cánh tay trái
ta vẫn còn ngồi đợi
những lớp sóng trôi xa
giải đất ngày hôm qua
bỗng dưng ôm mặt khóc

chim ời và chiều ời
hãy ở cùng ta với
mây vẫn trôi một trời
mà lòng này ngăn ngủi
linh hồn nào ngoài cõi
chẳng về kịp thu, đông
ta vẫn còn chờ đợi
mênh mang chiều mênh mang?

TRIỀU HOA ĐẠI

TRIỀU HOA ĐẠI

oOo

PHÒNG VẤN VĂN HỌC
(trích trong cuốn Trăm Cây Nghìn Cảnh
Do NXB Văn Học Mới ấn loát & Phát hành)



**Nhà Biên Khảo
Phê Bình Văn Học
NGUYỄN VY KHANH**

Sinh ngày 5-3-1951 (28-1 Tân Mão), tại Vĩnh Phước, Quảng Trạch, Quảng-Bình. Cử nhân giáo-khoa Triết Tây (1973), Cao học Triết Tây (1975) đại-học Văn khoa Sài-Gòn, và tốt nghiệp thủ khoa ban Việt-Hán khoá 13 (1971-1974) đại học Sư phạm Sài Gòn. Sau khi tị nạn chính trị tại Canada, tốt nghiệp Cao-học Thư viện và Khoa học Thông tin (đại học Montréal, 1978). Hai nghề chính thức: giáo chức trước 1975, và chuyên viên thư viện ở Quốc hội và chính phủ Québec từ 1978 ở Quebec City và Montréal; ngoài ra chuyên nghiên cứu lịch sử và nhân-văn liên hệ đến Việt Nam, với quan niệm: “Kiến thức cũng như nghề nghiệp chính thức và nghiệp dư, sau nhiều thập niên hoạt động, cho chúng tôi tâm niệm và ý chí, trong khả năng khiêm tốn và khả thể, đi tìm sự thực và ghi lại cho các thế hệ sau, với hy vọng rằng chỉ có thống nhất nhân tâm và địa lý khi nào những khúc mắc và vấn nạn lịch sử đã được nhìn nhận và giải tỏa”. Hiện sống hưu ở Toronto, Canada.

Tác-phẩm đã xuất-bản

1. Khung Cửa (thơ, in ronéo; Sài-Gòn, 1972)
2. Ngô Đình Diệm Và Nỗ Lực Hoà Bình Dang Dở (dịch-thuật, “Ngo Dinh Diem En 1963” của Nguyễn Văn Châu; Los Alamitos CA: Xuân Thu, 1989)
3. Lỗ Tấn Và Truyện Xưa Viết Lại (biên khảo và dịch-thuật; Xuân Thu, 1997)
4. Bốn Mươi Năm Văn Học Chiến Tranh 1957-1997 (Glendale CA: Đại Nam, 1997)
5. Văn Học Và Thời Gian (Westminster CA: Văn Nghệ, 2000)
6. Văn Học Việt Nam Thế Kỷ XX: Một Số Hiện Tượng Và Thể Loại (Glendale CA: Đại Nam, 2004).
7. 33 Nhà Văn Nhà Thơ Hải-Ngoại: tuyển tập nhận-định văn-học (ebook; Montréal: TGXB, 2008; tái-bản Toronto: Nguyễn Publishings, 2016).
8. Văn Học Miền Nam 1954-1975: nhận-định, biên-khảo và thữtích; 2 tập (Toronto: Nguyễn Publishings, 2016; tb, Nguyễn Publishings, 2018; tb, San Jose CA: Nhân Ảnh, 2019).
9. Trương Vĩnh Ký: Tinh-Hoa Nước Việt (Toronto: Nguyễn Publishings, 2018).
10. 44 Năm Văn Học Việt-Nam Hải Ngoại (7 tập, thực hiện chung với Khánh Trường và Luân Hoán; San Jose CA: Mở Nguồn, 2019).
11. Nhà Văn Việt Nam Hải-Ngoại: tuyển tập nhận-định văn-học (San Jose CA: Nhân Ảnh, 2019).

Thử tìm hiểu văn học từ bên trong và bên ngoài Tổ Quốc!



Gặp nhau chỉ trong một thời gian quá ngắn, uống với nhau một ly café buổi sáng rồi chia tay, chúng ta đã hẹn với nhau một ngày đẹp trời nào đó sẽ dành ra một khoảng thời giờ để nói về văn chương, chữ nghĩa. Vâng thế thì còn gì hạnh phúc cho bằng, được ngồi nghe anh nói về những điều mà bấy lâu nay tôi vẫn hằng ao ước: VĂN HỌC của người Việt chúng ta ở bên trong và bên ngoài Tổ Quốc.

Hôm nay cơ may đã đến thế thì chúng ta nên bắt đầu câu chuyện được chăng?

Vậy thì thưa anh trong bốn mươi bốn năm (44) đã qua kể từ ngày chúng ta bỏ xứ mà đi ngoảnh nhìn lại quãng thời gian ấy nghĩ mà kinh, thoáng chốc bay vèo theo anh chỉ trong lãnh vực văn Học của những người làm văn chương nghệ thuật có những điểm nào để khích lệ hay không?

Nguyễn Vy Khanh: Điều đầu tiên chúng ta có thể đồng thuận, đó là gần 45 năm sau thì không còn ai còn có thể đặt nghi vấn rằng có chăng một nền văn-học hải-ngoại! Thật vậy, văn học của người Việt ở ngoài nước sau gần 45 năm đó đã và vẫn chứng tỏ sức sống và sự phong phú đa dạng nhất là về thể loại và kỹ thuật!

Nhìn chung và theo thiện ý, khi tìm hiểu về văn-học Việt-Nam hải-ngoại, có thể nói rằng thực sự có một nền văn-học hải-ngoại, và văn-học này có nhiều đặc tính và sinh động. Và cái còn lại của 45 năm văn học hải-ngoại là tính cách dân tộc, hiện đại, khai phóng và nhân bản cũng như định nghĩa mới về hội nhập, dự phóng, mà một số tác giả đã thành công để lại qua tác-phẩm và toàn bộ tác-phẩm đã để lại trong lòng người đọc! Sau đó có thể nói đến các đặc tính khác như văn-học di dân, văn-học miền Nam nối dài, hậu hiện-đại, nhân bản, tự do sáng-tác,... Hải-ngoại tự do, dân-chủ, là đất khai phóng và là nơi thử nghiệm cái mới (thơ Tân hình-thức, hậu hiện-đại, dục-tính, nữ quyền,...).

Văn học trong nước nhờ gắn liền với đất nước có lợi thế dân số phát triển, có đa số người đọc, tưởng đã lấn át văn học ở ngoài; nhưng những năm qua lại thêm một lần chứng minh văn học sẽ chỉ phát triển tốt nếu môi trường văn hóa và nhân tố thích hợp. Văn học hải-ngoại hiện đang ở vào một tình cảnh đặc biệt: so với trong nước, hải ngoại có thể dần dần yếu thế về nhân sự - tác-giả và người đọc, nhưng nội-dung và sản-phẩm sẽ cung cấp cho người đến sau cũng như người sinh hoạt văn-học nghệ thuật trong nước những cô-động thành tựu, kết thành chất xám, chất tủy văn-hóa, từ một truyền thống, một nguồn!

Nhưng rồi hải-ngoại đã và sẽ dần yếu, theo nhân sự và khuynh hướng cùng sở thích của thời thượng, bớt đa dạng và sẽ dồn về một số thể-loại trội bật hoặc còn hơi sức; ngọn đèn sẽ tỏa dịu lại, không thoi thóp thì cũng chỉ lóe ở một vài hướng gió thuận, được chờ đợi và chấp nhận như là hy-vọng, thực tại! Không ai có thể tiên đoán tương lai văn hóa ở hải ngoại đứng (vững) hay nằm (xuống)?

Dù gì thì hành trình của văn học hải-ngoại cũng là hành trình của người Việt nói chung đứng trước hiểm họa vong thân và ngoại xâm, lãnh thổ cũng như tâm hồn, đã đi từ kiểm tìm căn bản dân - tộc đến với hiện đại, nhân bản, từ cái lõi chung dân-tộc đến lõi chung của gia tài văn hóa nhân loại! Một cách dũng mãnh, năng động và tự tin!

Trước tiên chúng ta nên nói sơ qua về bộ sách “44 năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại” mà mới đây đã do các anh gồm Khánh Trường, Luân Hoán và cả anh đã trình làng, đó là một công trình dài hơi, vậy thì do đâu và bởi đâu mà chúng ta có bộ sách này?

Chúng ta biết vào thời cực thịnh của sinh hoạt văn học hải ngoại, các anh Khánh Trường, Cao Xuân Huy và Trương Đình Luân đã hình thành bộ sách 20 Năm Văn Học Việt-Nam Hải Ngoại 1975- 1995 do nhà Đại Nam xuất-bản. Trong ba người thì chỉ còn anh Khánh Trường là còn mặn nồng với chuyện văn học và xuất bản. Khoảng tháng Tư năm 2018, anh Khánh Trường đã liên lạc mời tôi và nhà thơ Luân Hoán cùng anh thực hiện bộ sách 44 Năm Văn Học Việt-Nam Hải Ngoại (1975-2019) cập nhật và tiếp nối bộ sách vừa kể. Tôi nhận lời vì tôi biết tình trạng sức khỏe của anh Khánh Trường không cho phép anh làm công việc như gần 25 năm trước và ước muốn chính đáng của anh cũng có thể là của nhiều người khác: ghi nhận toàn cảnh sinh hoạt văn-học ở hải-ngoại trong 44 năm qua. Có thắc mắc tại sao 44 mà không phải 45 hay đợi đến 50 năm, chung quy vì sức khỏe người chủ trương Khánh Trường từ gần 20 năm nay ngày càng yếu hơn.

Thời gian chuẩn bị và hoàn tất thì ra sao?

Chúng tôi loan báo dự án “44 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại (1975-2019)” sớm từ tháng 4-2018 bằng các phương tiện truyền thông

(báo giấy, báo Internet) và truyền thông xã hội Facebook cũng như điện thư và điện thoại cũng như nhờ các văn hữu thông tin cho những người quen biết.

Sau hơn 8 tháng thì ngưng nhận bài, 2 tháng lên trang, dàn trang, thêm phụ bản và đến đầu năm 2019 thì bộ sách hoàn thành và khoảng tháng 3-2019 nhà Mở Nguồn ở San Jose CA xuất bản thành 7 tập.

Chúng tôi khởi đi từ số các tác-giả của bộ sách 20 Năm Văn Học Việt-Nam Hải Ngoại (giữ lại đa số các nhà văn thơ hoặc văn thơ của các văn-nghệ sĩ đa ngành), đón nhận cập nhật của các tác-giả này cùng các tác-giả mới sau khi đã kêu gọi và loan báo dự án. Cơ may nữa là nhờ tiến bộ khoa học, các anh Thành Tôn, Nguyễn Vũ đã scan toàn bộ 20 Năm Văn Học Việt-Nam Hải Ngoại gần 1580 trang và nhờ kỹ sư Tạ Quốc Quang chuyển đổi ra Word và chỉnh sửa kỹ thuật. Nhờ thành công này mà ban thực hiện cùng vài thân hữu chỉnh sửa lại thành bản cuối để có thể xuất bản được.

Đây là một công trình “mở”, ban thực hiện không quyết định con số tác-giả; tuy nhiên chúng tôi đã cố gắng khách quan trong việc lựa chọn và bổ khuyết, đặc-biệt các tác-giả mới hoặc trẻ. Ban thực hiện cũng vì tính văn-học đã phải từ chối một số người muốn tham gia. Các tác-giả gửi đến chúng tôi bài của họ, phần lớn chúng tôi giữ nguyên, phần còn lại chúng tôi đã liên lạc lại để thay bài, kể cả các tác-giả đã thành danh. Các tác-giả chúng tôi không liên lạc được hoặc đã qua đời, chúng tôi tự chọn lựa và bổ sung cũng như đã hỏi ý kiến của một vài văn hữu. Ngoài ra, chúng tôi có mời một số tác-giả tham gia nhưng những người này hoặc không hưởng ứng hoặc chỉ trả lời xuông “cảm ơn”!

Tôi cứ thắc mắc mãi về tên của bộ sách: “44 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại (1975-2019)” lẽ thường tình thì đọc giả hiểu rằng bộ sách ấy hoàn toàn là đóng góp của những người viết lưu vong nhưng lại không phải thế bởi vì có rất nhiều tác giả góp bài vẫn còn ở trong nước vậy thì sao lại gọi là HẢI NGOẠI?

Trong lời Tựa bộ sách, chúng tôi đã trình bày: “Tuyển tập 43 Năm Văn Học Việt-Nam Hải Ngoại được thực hiện với mục-đích ghi dấu lịch sử và những thăng trầm, biến đổi của dòng văn học Việt Nam vì hoàn cảnh đã phải thiên cư ra khỏi nước. Dòng văn-học này với nội dung cá biệt và những nhân tố rõ rệt, đã góp phần gìn giữ văn hóa Việt Nam. Chúng tôi đã có những tiêu chuẩn khi thực hiện tuyển tập văn học này. Các nhà văn thơ góp mặt là những người đã từng hoặc đang sinh hoạt văn học nghệ thuật ở hải ngoại và một phần những vị sinh sống ở trong nước nhưng đã cộng tác, đăng bài hoặc xuất bản tác phẩm ở ngoài nước. Vì trọng tâm của Tuyển tập là văn học hải ngoại nên mảng văn học quốc nội sẽ chỉ nhỏ, rất nhỏ, hoàn toàn không mang tính tiêu biểu”. “Ngay từ thập niên đầu của văn-học hải-ngoại đã có những tác-phẩm của nhà

văn thơ sống trong nước được kín đáo chuyển ra xuất-bản ở hải-ngoại và dĩ nhiên đổi danh tánh như *Đi* (1982) của Hồ Khanh tức Doãn Quốc Sỹ, một số thơ của Trần Kha tức Thanh Tâm Tuyền, Hoàng Hải Thủy, Tạ Chí Đại Trường, Nguyễn Thụy Long, v.v. Trong số đó nhiều người sau này được ra đi qua các chương trình H.O và đoàn tụ gia-đình. Các nhà văn trưởng thành trong chế độ cộng-sản cũng bí mật gửi tác-phẩm in ở ngoài nước. Đến đầu thiên niên kỷ mới, việc chuyển tác-phẩm ra xuất bản ở hải-ngoại bình thường hơn”.

Thưa anh, những Hồ Khanh - Doãn Quốc Sỹ, Trần Kha - Thanh Tâm Tuyền, Hoàng Hải Thủy, Tạ Chí Đại Trường, Cung Tích Biền và một số khác như Bùi Ngọc Tấn, Dương Nghiễm Mậu, Khoa Hữu, Khuất Dầu, Nguyễn Minh, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Lê Uyên, Nguyễn Thụy Long, Nguyễn Viện, Phạm Ngọc Lữ, Phùng Cung, Tiêu Dao Bảo Cự, Trần Dạ Lữ, Trần Mạnh Hảo, Trần Thị Ng.H., Trần Vàng Sao, Văn Quang, v.v. trong tập 7 theo ban chủ trương đều có những đóng góp hoặc hòa nhịp với “tiếng nói” của văn học nghệ thuật ở hải ngoại nếu không muốn nói đến việc cùng “chính nghĩa” với cộng đồng người Việt lưu vong và di tản hải ngoại. Vài văn hữu còn lại đáp ứng định nghĩa có cộng tác với các truyền thông báo chí và xuất bản ở ngoài nước. Tóm lại, gần 50 tác-giả trong nước (tập 7) đều đã xuất-bản hoặc đăng bài ở hải-ngoại, có người đã từ lâu, có người mới hơn.

Như anh đã trả lời trong một cuộc phỏng vấn thì:” ...quá trình hình thành và phát triển của văn học này trong 44 năm, sẽ thấy đã có nhiều giai đoạn: Di tản, lưu vong “rời thì” hợp lưu, hoài niệm và rời thì sau cùng là lão hoá” thế thì mắc mớ chỉ đến những người viết ở trong nước vì rằng họ có DI TẢN và LƯU VONG như chúng ta đâu để mà HOÀI NIỆM?

Tiếp câu trả lời kể trên, chúng tôi có thể nói đa số các nhà văn trong Tập 7-Trong nước nếu không mang tính “lưu vong” ngay trên đất nước mình thì cũng “hoài niệm” những nếp văn hóa, xã hội và chính trị nay không còn trên đất nước Việt Nam. Thí dụ nhà văn Cung Tích Biền đã có những tác phẩm viết sau biến cố 1975 trình bày khá rõ tâm trạng và ý thức này, thưa anh. Dĩ nhiên các đặc tính anh vừa nhắc nhở áp dụng sát hơn khi phân chia các thời kỳ của văn học hải ngoại. Vả lại, biên giới địa lý trong-ngoại trải qua gần 45 năm đã có những thay đổi: một số tác-giả mới định cư sau này đã xuất-bản ở hải-ngoại trước khi rời Việt-Nam. Các tác-giả trong nước khác đã phải xuất-bản, đăng báo ở ngoài trước rồi mới được xuất-bản chính thức trong nước, trong khi có người (hoặc tác-phẩm) vẫn tiếp tục bị cấm đoán.

Sau khi “44 NĂM VĂN HỌC VIỆT NAM HẢI NGOẠI” được gửi đi kết quả thu về thì ra sao, ý tôi muốn đề cập đến cách đón nhận và phản ứng từ phía người đọc?

Tình hình xuất bản ở hải ngoại từ những năm gần đây không được khả quan cho lắm. Trong tình cảnh đó, có thể xem bộ 44 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại (1975-2019) gồm 7 tập, như một thành công về số sách bán được dù giá bán không nhẹ. Phản ứng tích cực vẫn nhiều hơn phê phán tiêu cực. Chúng tôi đã cố gắng và đã cống hiến cho độc giả người Việt và văn học sử công trình đó. Dĩ nhiên, chúng ta vẫn cần những công trình văn hóa khác, những việc lúc nào cũng đáng được hoan nghênh tiếp nhận, cho tập thể người Việt nói chung.

Thế rồi, sau 1954 khi chiến tranh đã “tạm thời” ngưng nghỉ, hơn một triệu đồng bào đã bỗng bẽ nhau từ miền Bắc di cư vào Nam sản nghiệp không còn gì, may mắn thay là chỉ còn lại một bó rau và một sợi giây thừng (từ Bắc vô Nam tay cầm bó rau/ tay kia cầm sợi giây để bắt con cây) ấy vậy mà trong số một triệu người di cư ngày ấy đã có biết bao nhà văn, nhà thơ lấy lòng họ đã đóng góp rất nhiều cho Văn Học miền Nam, theo anh giai đoạn này sự đóng góp ấy có đáng kể ít, nhiều hay không? Và rồi thời kỳ tiếp theo ngót nghét gần hai mươi năm những nhà văn, nhà thơ, nghiên cứu văn học ..v...v.. họ đã làm được những gì?

Sự đóng góp ấy khá đặc biệt và đáng kể chứ anh. Biến cố 20-7-1954 với Hiệp định Geneve, Cộng-sản Hà-Nội và các cường quốc thực dân chia đôi đất nước, đã đẩy đưa nhiều văn-nghệ sĩ miền Bắc di cư thử nghiệm mới, những lên đường mới, ngày càng vững mạnh trong tin tưởng và quyết tâm. Từ những Người Việt, Sáng Tạo, Hiện-Đại, Thế Kỷ Hai Mươi, v.v. đến những Văn, Văn Học, Nghệ Thuật của thế giới văn-chương, rồi những dẫn thân đối đầu với chiến-tranh của những Hành Trình, Trình Bày, Vấn-Đề, Ý Thức,... chứng minh sự dẫn thân can đảm của người làm cũng như người thưởng thức văn-nghệ, mở đường cho văn-học nghệ-thuật mới, hiện đại, cập nhật với thời đại và con người. Suốt gần 21 năm của giai đoạn, văn-chương luôn có mục-đích hoặc làm phương tiện cho vấn nạn về con người, thời-gian đầu sau 1954 là con người thần tính, chuyển sang con người hiện sinh và kế đó là con người dẫn thân, sống động một cách hiện thực nhất khi chiến-tranh vượt quá những suy tính và sức chịu đựng của con người!

Trong cùng thời gian đó, văn học miền Bắc đã có thành quả gì để so sánh? Sau khi đàn áp những văn nghệ sĩ chân chính của Nhân Văn và những vị không chịu bẻ cong ngòi bút theo chỉ thị và quyền lực, các “văn nghệ sĩ” của Đảng Cộng sản đã phát triển một nền “văn học” dựa theo lý thuyết “văn nghệ tập thể chuyên chính vô sản” rồi thuyết “chiến tranh chống tư bản và chống “chiến lược hoàn cầu” của thực dân Mỹ” và chủ thuyết “dân tộc” để chiếm miền Nam, đã sản sinh ra nhiều sản phẩm văn thơ ngang ngửa đồng loại. Ở miền Bắc – cũng như cả nước sau này, không hề có “trường phái”, “nhóm văn nghệ” và văn nghệ sĩ ... độc lập!

Có chăng là “những kiếp hoa dại”, nói như Vương Trí Nhàn, một nhà phê bình văn nghệ trong nước khi tổng quát hóa văn học cộng sản chỉ là “những kiếp hoa dại” điều động bởi những người lang chạ.

Như anh đã nói” Nhìn lại cuộc chiến cuối cùng đã xảy ra trên đất nước Việt Nam khởi từ 1957 cho đến nay (1997), đạn bom chiến trường đã tạm ngưng nhưng trong VĂN CHƯƠNG tiếng đạn và khói súng vẫn còn âm ỷ” là bởi vì sao có phải vì chúng ta “quá thủ cù,” khép kín và một đôi khi quá tự mãn, hoặc quá tự ti?

Đó chỉ là hậu quả đương nhiên, về tâm lý cũng như chính trị. Hải ngoại chưa yên tiếng súng khi nào vẫn còn tập đoàn cưỡng chiếm miền Nam, do mưu lược và thời cơ, chiếm xong, xóa con cờ MTGPMN, ra tay xóa bỏ văn hóa, văn học miền Nam, và tiếp tục đàn áp, bóc lột người dân trong nước. Trong nước thì súng lúc nào cũng lên nòng (văn nghệ chỉ huy, có tướng có lính và luôn có “lính gác”!), có thể vì nếu chấp nhận buông súng, “hôn loạn” và “thành tích” sẽ lung lay tất cả chăng?

Tuy vậy, trong giới văn nghệ sĩ, đã có những thay đổi. Sau 1975, ngoài thứ văn học của chính quyền và tập đoàn chủ trì chiến tranh, đã có những tác giả trong cũng như ngoài nước để tâm hồn nhìn lại cuộc chiến đó. Người đọc bắt phải tìm thấy thắng thua trong bộ phận văn học mới này. Các nhà văn thơ sau này thường nói đến những cay đắng thua thiệt của con người vì chiến tranh. Cái thắng thua nếu có là tình người, là tình yêu không biên giới quốc cộng, là sự sống còn, là nguyện vọng sống bình an, thanh thản.

Rồi thì sau 1957 cho mãi tận đến bây giờ theo anh cái nền văn chương Việt Nam cả trong lẫn bên ngoài Tổ Quốc tiến triển ra sao, mức độ tiến triển ấy nhanh, chậm ở khoảng thời gian nào?

Văn học Việt Nam trong-ngoài đã có những thời kỳ đặc sắc, trăm hoa đua nở mỗi khi có biến cố quan trọng cho đất nước, dân tộc. Ngay sau 1954, văn học miền Nam khởi sắc, đa dạng hơn trước đó với sự có mặt của các văn nghệ sĩ di cư tham gia văn nghệ với các nhà văn miền Nam như đã vừa trình bày. Rồi sau 1964, thời hậu đảo chánh, xuất hiện một thế hệ trẻ hơn như Thảo Trường, Dương Nghiễm Mậu, Duyên Anh, Văn Quang, Phan Nhật Nam, Tuấn Huy, Nguyễn Thị Hoàng, Thế Nguyên, Thế Uyên, Ngô Thế Vinh, Nhất Hạnh,...

Trong nước thì có thời “Cởi trói” từ 1987 văn nghệ khởi sắc dù không kéo dài, với những Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Ngọc, Nguyễn Khắc Trường, ... Hải ngoại cũng có thời văn học cực thịnh, những năm 1980 đến 1992.

Hiện nay, hải ngoại đã “lão hóa” nhưng đang có những dấu hiệu tích cực với cách xuất bản và phát hành qua Internet. Một số nhà văn

sáng tác trở lại hoặc thử nghiệm một số cách tân văn chương hậu-hiện-đại, tân-hình-thức, v.v. Tạp chí văn học giấy cũng lần lượt xuất hiện.

Nghe đầu anh đã soạn xong một biên khảo về văn học Việt Nam hải ngoại nhưng vì một lý do nào đó anh đã “ngần ngại” chưa cho xuất bản vậy thì vì lý do gì mà anh lại “ngần ngại”?

Thưa anh, chúng tôi đã bắt đầu nghiên cứu từ những năm 1995 và đã soạn biên-khảo về văn-học Việt-Nam hải-ngoại từ sau biến cố 30-4-1975, khởi đầu với tổng quan “Nhìn lại 30 Năm Văn học Hải ngoại” đăng trên tạp-chí Văn Học (số 225) năm 2005 và tập biênkhảo đã xem như hoàn thành, nhưng chúng tôi hãy còn ngần ngại xuất-bản. Ngần ngại vì - chúng tôi cảm nhận có những biến chuyển cần thời gian để có thể suy xét thêm, cũng như về một số nhà văn thơ đang sinh hoạt và ... chuyển hướng, và cuối cùng có một số hiện tượng chúng tôi nghĩ có can thiệp của “âm mưu” nào đó, cũng cần thời gian để “nhận chân”. Chúng tôi nghĩ có thể khi văn học hải ngoại được 50 năm, biên khảo ấy có thể xuất bản. Tuy vậy, chúng tôi cũng đã phổ biến một số chương đoạn trên các tạp chí và trong những ngày sắp tới, nhà Nhân Ảnh sẽ xuất bản Quyển Hạ của biên khảo khoảng 800 trang với 73 tác giả: Nhà Văn Việt Nam Hải Ngoại.

Cái ngần ngại ấy (nếu có) phải chăng như lời của Phạm Đức tóm lược trong những “con đường đau khổ” mà một tác phẩm văn học phải trải qua để đến được với quần chúng....mỗi quyển sách ra được ra đời đều đã qua khá nhiều “cửa ải” vậy thì những nhà văn hải ngoại nói chung và riêng với anh thì đó những cửa ải nào?

Tôi nghĩ “cửa ải” đầu tiên là chính tác phẩm đã sẵn sàng, xứng đáng để xuất bản chưa, cũng có nghĩa là đã có “độc giả” sẵn sàng chưa. Còn trong thực tế thì hiện nay, với việc xuất bản theo cách book-on-demand của các công ty như amazon, lulu, barnes&noble, v.v. “cửa ải” không còn bao nhiêu, chỉ việc trả toll là sách báo đã có thể in, không phải bỏ vốn nhiều như trước.

Giữa CHÍNH TRỊ và VĂN HỌC theo anh những người làm chính trị chuyên nghiệp nên hay không nên “lấn sân” vào một lãnh vực mà họ chẳng mấy am tường và cũng thế những nhà văn, nhà thơ hay nói đúng ra những người làm nghệ thuật cũng chẳng nên “dấn thân” vào lãnh “địa gió tanh mưa máu” là chính trị, ý kiến của anh về vấn đề này?

Hai lãnh vực có lúc liên quan, có lúc không, và việc ai nấy làm, nhưng người Việt Nam làm văn hóa nên thường trực để cao cảnh giác

Anh thì cho rằng:” Hai lãnh vực (chính trị & văn học) có liên quan”, và “việc ai nấy làm”, thế nhưng theo Phan Khôi thì:” đành rằng văn nghệ phục vụ chính trị, cho nên chính trị phải lãnh đạo văn nghệ” nhưng” trả lời cho thành thật, e rằng chính trị phải vỗ vai văn nghệ mà nói rằng:” Sở dĩ tao tha thiết đến mày là tao muốn lợi dụng cái nghệ thuật của mày”, ý kiến của anh ra sao về việc này?

Tôi cũng hiểu tại sao Phan Khôi nói như vậy và cũng biết những chuyện như vậy đã từng xảy ra ở Việt Nam trước nay. Vỗ vai chưa hết, còn chuyện sờ gáy nữa anh!

Tuy nhiên, khi trả lời như vậy, ý tôi muốn vạch lằn ranh giữa việc chính trị và công việc của người làm văn học. Có văn học bị sử dụng như là phương tiện cho chính trị, nhưng cũng có văn học thuần văn chương của con người sống trong một hoàn cảnh chính trị. Ý tôi muốn nói những nhà văn này nhập cuộc khi làm văn học (chứ không làm chính trị), cũng có nghĩa là không làm văn chương viễn mơ, xa lìa thực tại.

Trong một cuộc phỏng vấn cũng g khá lâu mà tôi đọc được nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đã phát biểu như sau:” Tôi thấy văn học Việt Nam hải ngoại giữ gìn được tiếng nói dân tộc. Và cũng làm giàu thêm cho đời sống tinh thần của người Việt, trong và ngoài nước” anh nghĩ sao về lời phát biểu này?

Người Việt cũng như đa phần các dân tộc, vì hoàn cảnh phải thiên cư, di cư, đem theo ngôn ngữ và văn hóa gốc nguồn, như người tộc Việt ở đảo Hải Nam và ở Thái Lan, tuy vậy yếu tố thời gian nhiều thế-kỷ và hội nhập đã khiến cho hai nhóm này ngày nay không còn giữ được nhiều di sản Việt. Người Việt hiện đại sau biến cố 30-4-1975, đã phải di tản, vượt biên, vượt biển, từ vài ngàn người ban đầu sau lên đến khoảng 3 triệu người ngày nay ở khắp năm châu. Chúng ta khi rời bỏ đất nước đã mang theo và tiếp tục gìn giữ tiếng Việt cũng như văn hóa của tổ tiên, từ đó mà hình thành một nền Văn học hải ngoại. Tiếng nói, chữ viết chúng ta mang theo là ngôn ngữ của miền Nam lúc đó đã là một tổng hợp Nam-Trung-Bắc và là một hình thành từ nhiều thế kỷ di dân Đàng Trong - Đàng Ngoài.

Anh thử tưởng tượng nếu năm 1975 và sau đó, tất cả người Việt ở lại chịu trận hết thì ngày nay ai cũng phải ăn nói như “bên thắng” nghĩa là một thứ tiếng Việt ít Việt-tính nhất vì phải du nhập chữ dùng và suy nghĩ (vì con chữ ảnh hưởng đến suy luận và diễn tả, hành văn!) của Trung Cộng và đó là một thứ tiếng Việt lai căng, không hồn Việt, vì đã bị bóp méo, nội dung con chữ bị ép nhận một ý cưỡng bách, sai lạc. Như từ “tuyên truyền” bị xem như đồng nghĩa với “thông tin” của người Việt không Cộng sản, cái xấu đã trở nên đồng nghĩa với cái hay cái tốt.

Và như vậy thì:” Hai nền văn học trong và ngoài nước cần liên hệ với nhau để có được tiến bộ trong nước” cứ theo như nhận định ấy thì hoá ra chúng ta những người làm văn hoá ở hải ngoại này chắc là phải có “bốn phận” mang đến sự “tiến bộ” cho trong nước, và nếu như vậy thì chúng ta có vui lòng làm cái công chuyện này không, chúng ta đã sẵn sàng chưa?

Vô tình chúng ta đã làm việc này khi hình thành một nền văn học nhân bản, không cộng sản và đã thành công trong gần 45 năm nay. Người hải ngoại làm cho chính họ sinh sống ở ngoài và thời gian đã cho thấy chúng ta đã làm đúng cho sự trường tồn của dân tộc, của văn học và văn hóa cội nguồn.

Trong Văn Học Miền Nam 1954-1975, chúng tôi có nói rằng: “Toàn bộ của hơn 20 năm dù vẫn là gia tài văn-hóa dân-tộc, nhưng nay tiếc thay vẫn phải xem là di sản văn-hóa văn-học của miền Nam và của cả nước Việt Nam!”. Nền văn học đó cũng như văn học hải ngoại sẽ phải là của cả dân tộc, đã, sẽ vẫn và phải là của nước Việt Nam. Tuy nhiên trong hiện tình, chính quyền trong nước vì cố chấp và ảo tưởng, vẫn chưa chính thức và công khai chấp nhận hai nền Văn học miền Nam và Văn học hải ngoại, đã vậy còn đang mưu đồ tìm cách “định nghĩa” hai chữ “hải ngoại” theo dân số bỏ đi trở về gốc XHCN của họ!

Anh có cho rằng với đọc giả họ là nguồn cảm hứng và là nguồn động viên cho người sáng tác hay không, và nhà văn thông qua tác phẩm là nỗi động viên vô hạn với bản thân bởi vì nếu mất đi “tiếng nói” của chữ nghĩa thì đời sống này sẽ trở thành vô nghĩa, chúng ta sống đâu chỉ cần có cơm để ăn và có áo để mặc phải thế không thưa anh?

Nơi không có nước thì con cá không thể sống còn, người sáng tác cũng vậy. Có thể vẫn có những “tiếng nói trong sa mạc” nhưng có đến được ai đó thì thiếu nghĩ vẫn là hơn. Còn chuyện đồng cảm, tri âm nữa...

Câu hỏi tiếp theo mà tôi xin gửi đến anh (câu hỏi này tôi đã hỏi một văn hữu khác để xem ý kiến khác biệt của các vị về vấn đề này ra sao) Giữa đọc giả và nhà văn (nói chung) ai CẦN ai hơn ai? Lấy một ví dụ: Có sông, có biển thì người ta mới đóng tàu bè để qua lại nhưng giả dụ tàu bè thì có đấy nhưng không có nước , hoặc nước bị cạn dòng thì sao? Thuyền bè đi lại bằng cách nào?. Từ đó cho phép tôi nghĩ rằng: Có người đọc thì có nhà văn, nhưng nếu chỉ có nhà văn với nhau mà không có người đọc thì chuyện gì xảy ra. Và, có người đọc mà không có nhà văn thì chuyện sẽ ra sao đây?

Theo tôi thì cả hai cần đến nhau, nhưng không như mua bán; văn chương cần người tiếp nhận, đồng điệu. Ngoài ra cũng nên có những

nhà có thẩm quyền về thưởng thức văn chương, về văn hóa, để can thiệp, khi cần, như ở miền Nam trước 1975. Như thẩm định về làm mới, tổng kết, điểm sách cuối năm. Sống là “sống với” vẫn vui và đáng sống hơn, tôi vẫn nghĩ vậy!

Ở phần trả lời ở trên anh có đề cập đến một vài tạp chí ở hải ngoại hiện nay, nhân đây xin anh làm ơn “BÓI” cho một quẻ là trong tương lai rồi ra số phận của những tạp chí này sẽ đi đến đâu và về đâu?

Điều này tùy ở người viết ngày nào còn sáng tác được và độc giả có thích đọc và ủng hộ hay không. Bản thân tôi thì không lạc quan lắm, hy vọng là tôi sai.

Là một người theo sát về lãnh vực văn học chắc anh hiểu rõ về những người viết ở bên ngoài tổ quốc ngày nay, viết lách cùng những sinh hoạt của họ ra sao lúc này LÊN, XUỐNG có đều tay không, những nhà văn nữ như: Miêng, Mai Ninh, Phan Thị Trọng Tuyến, Lê Minh Hà, Lê Thị Thấm Vân v...v... giờ này “em ở nơi đâu” sao mà im ắng quá, tại sao và vì sao?

Phan Thị Trọng Tuyến vừa có tập truyện Hồng Đăng tại Amsterdam do Văn Học Press xuất bản tại Quận Cam CA năm ngoái, 2018. Lê Thị Thấm Vân thì tiếp tục làm mới tiểu thuyết và khai phóng tình dục với Thời Hậu Chiến (Mở Nguồn, 2019); tôi có viết về tác phẩm hậu-hiện-đại này trong cuốn Nhà Văn Việt Nam Hải Ngoại sắp phát hành. Lê Minh Hà những năm gần đây xuất bản và tái bản trên 10 tập truyện và “tản văn” ở trong nước. Miêng, Mai Ninh thì tôi không rõ.

Trước khi chia tay anh có cần góp thêm ý kiến gì không cho buổi nói chuyện hôm nay giữa hai chúng ta?

Về phần tôi nghĩ mình đã làm phiền và mất thì giờ của anh nhiều quá, rất mong được đánh chữ đại xá cho, xin anh nhận nơi đây lòng biết ơn và lời cầu chúc của tôi xin gửi đến anh và gia quyến vạn sự như ý, bắt chước người xưa xin cầu chúc anh chị: Đầu năm sinh con trai, cuối năm sinh con gái cho nó vui cửa vui nhà.

Chúng tôi phải cảm ơn anh Triều Hoa Đại đã cho cơ hội để trình bày về một số công trình biên khảo và đóng góp ý kiến về một số đề tài văn học. Lời chúc thì đã về hưu nên chỉ có khả năng lai rai vài đứa con tinh thần đóng góp với người cho vui thôi mà anh. Thân kính chúc anh chị và gia đình luôn bình an và hạnh phúc!

Nguyễn Vy Khanh

Về cách-tân tiểu-thuyết

Nguyễn Vy Khanh

Những năm gần đây, giới sáng-tác và thưởng thức văn chương đã hơn một lần nghe nói đến “cách-tân”. Dĩ nhiên, sáng tạo cũng có nghĩa là phá hủy sáng tạo, và văn chương có đòi hỏi thử nghiệm, tìm tòi, cái mới, cái lạ, thì cũng là chuyện bình thường, nên có và phải có. Vấn đề muôn thuở vốn là sáng tạo và đi tìm hình thức thích hợp với con người thời đại, hợp tâm tình và cảm hứng mới! Các chủ nghĩa Hậu-hiện-đại, Tân-hình-thức, Hậu-thực-dân, thơ Cụ thể, Văn chương liên mạng, siêu-văn-bản, liên-văn-bản,... đã được tìm đến và được thử nghiệm trong thơ văn. Thật vậy, yếu tính của văn chương nằm ở khả năng tưởng tượng, ở phẩm chất “tiểu thuyết” mà phẩm chất này có được do ở quyền lực của tưởng tượng, sáng tạo. Nhà văn có cái quyền lực sáng tạo một thế giới theo cái nhìn của ông/bà ấy, có thể bắt nguồn từ thực tại, đời thật, nhưng thế giới sáng tạo đó nhiều khi thật hơn cả đời thật ngoài kia, thế giới mà tư duy con người có thể bay bổng, lội bơi,... Có thể dị thường, siêu thực, viễn kiến, không giống ai hôm nay! Văn chương được gọi là một nghệ thuật tái dựng cuộc đời, dựng thế giới mới. Thứ nữa, văn chương phải có tính truyền thông, đạt đến, của thời đại hôm nay, thời hypertext, liên mạng, ...! Trong bài này, chúng tôi thử tìm hiểu những cách-tân gần đây về tiểu thuyết và lược qua những tác giả đã sáng tác theo chiều hướng mới này.

Đặng Phùng Quân có thể là người mở đầu cách tân tiểu thuyết với tập Tự Truyện xuất bản năm 1997 (Houston TX: NGL), khi đề nghị một “phá thể tiểu thuyết”, một hình-thức tiểu-thuyết mới, khác; một lối viết tự truyện, nội truyện, ngoại truyện và phá truyện. Đối với tác giả, đây là một đóng góp, tìm kiếm cái mới để đương đầu với cuộc sống; đồng thời tác giả như đòi hỏi người đọc phải quên quá khứ và lên đường với hành trang mới. *Theo tác giả, “như tất cả những cuộc đổi mới, tiểu thuyết phá thể hủy tạo mọi quy ước về ngôn ngữ, quy phạm, tu từ, phong cách, tư duy, nhân vật, thế giới, khoa học...”* (tr. 119). Một phá thể triết lý cũng như hình thức tiểu thuyết. Một kiếm tìm triết lý ở cuối một lối mòn, một đặt lại vấn đề triết lý đối với nhân sinh, với một loại người, vai trò của tiểu thuyết đối với nhân sinh. Tình dục và ít tình yêu xen lẫn giữa những đường kiếm tìm.

Sau này, trong Phỏng vấn của Hồ Trường-An (“Đặng Phùng Quân: Viết trước hết đem lại sự bất ổn cho đời sống”

<http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=3422&rb=0102>), họ Đặng giải thích: “Phá truyện nhằm giải mã cho người đọc Tự truyện

với đúng danh xưng của nó, phá thể tiểu thuyết. Đọc và đọc lại, thoát khỏi những tư kiến, người đọc sẽ thấy mình, thấy người trong đó, chỉ còn những nhân vật, những diễn ngôn và tác giả biến mất. Tôi muốn dẫn trang 116 của *Tự truyện*: đọc tiểu thuyết phá thể là lịch sử của một người (tôi/bạn/họ bất kỳ) đọc câu truyện của người đọc lịch sử của người đọc câu truyện về người đọc lịch sử người đọc câu truyện của người đọc câu truyện đọc lịch sử người đọc truyện.

Trong *Phá truyện*, tôi đưa ra hai mô hình, một của Robbe-Grillet, *Topologie d'une cité fantôme*, một của Claude Simon, *Tryptique* để minh họa tính phá thể trong Tiểu thuyết mới – những phân đoạn hoạt cảnh như trong điện ảnh hậu-hiện-đại, ở tiểu thuyết là quyền năng đa chiều của chữ, ở điện ảnh là hình ảnh. ... Theo tôi, Claude Simon cùng với Samuel Beckett đã có một ảnh hưởng sâu đậm cho văn chương từ nhóm *Tel Quel* trở về sau với cách thể văn tự dàn trải qua tiểu thuyết của họ. Trong *Phá truyện* ở *Tự Truyện*, tôi viết tiếp nơi trang 111: một lối tư duy mới xây dựng trên thực tại kỹ thuật đưa vào phá thể tiểu thuyết... chúng ta phải học tập cách nghĩ về tiểu thuyết như một cấu trúc cụ thể hơn là một ẩn dụ, tồn tại trong trường kinh nghiệm hơn là ý nghĩa biện luận...".

Đăng Thơ Thơ qua tuyển tập *Khả Thể* (Westminster CA: Người Việt Books, 2014) theo thiển nghĩ cứ xem như là một tổng-thể sáng tác, có thể đọc khởi từ hư vô để đi đến / tìm thấy “khả thể”; đọc như một từ chối hiện sinh, hiện tồn để đến hiện thành; đọc như một sáng tác chưa thành, đọc giả cùng lên đường đi cùng đường với “tác giả”; và mỗ xê một số giả thuyết/sự việc đã xảy ra mà “tác giả” không tin đã là 100% như vậy (biến cố 30-4-1975, thiển sư làng Sen về Việt-Nam, tư tưởng Hoàng Đạo, v.v.), nên nghiên cứu, tìm hiểu những khía cạnh, chứng liệu khác hoặc “đọc lại”/“lý giải lại” dưới ánh sáng thời đại mới, hoàn cảnh mới, khác (lưu vong, không lệ thuộc một chế độ nào chẳng hạn) và đề nghị những kết luận “khả thể”. Tóm, **Đăng Thơ Thơ** muốn đi xa hơn, muốn và đã rời bỏ chỗ cư trú an toàn như Nguyên Sa thời thập niên 1960 đã quay trở lại phê phán và từ khước (một số) những cách tân của văn-học ‘hôm nay’ của Sáng Tạo ngay trước đó.

Phần 1- Khả thể của Mơ khởi từ đời sống hiện thực, để khuấy nhiễu, với hoài nghi, châm chọc, và có thể khiến hiện thực sẽ không hiển nhiên còn là trung tâm điểm, từ đó phát sinh những khả thể mới cho những đối tượng của mơ. Lịch Sử Nhìn Từ Âm Bản nhìn ngược lịch sử, ký ức về biến cố 30-4-1975 và những người miền Nam đã tuần tiết ngay sau biến cố hay sau đó tự sát và chết trong lao tù cũng như những người lính của cả hai bên đã hy sinh trong cuộc chiến. Một thứ lịch sử tâm thức qua đó các thế hệ tương lai cần biết về những gian xảo của chế độ toàn trị độc tài Cộng sản, về những sự thật bị che đậy và xuyên tạc, về “bịa sử” xảo trá về anh hùng và thù địch của “tổ quốc”.

Phần 2 - Khả thể của Viết xoay quanh khả-tính của ngôn ngữ và văn bản: những Khả Thể của Viết có thể vượt ra ngoài những hình thức, nội dung, thể loại, cú pháp, một không gian Viết, nơi ranh giới không dễ nhận ra. Với Bản Nháp Cho Một Tình Yêu là chuyện hai văn bản của một “văn bản” - một loại “bản nháp” mở. Yêu để có kinh nghiệm mà viết, yêu theo lập trình kiểu dàn bài cho một tác phẩm, nhưng không khỏi có những bất ngờ: *“Tôi sợ mình sẽ yêu anh mất. Tình yêu bắt đầu trở thành một vấn đề nan giải. Bởi nó không chấp nhận công việc tôi đang làm. Có lúc tôi mong mỏi cho chóng xong câu chuyện. Có lúc tôi sợ hãi ngày kết thúc câu chuyện. Bởi đó cũng là ngày tình yêu tận”* (tr. 123). Lý Lịch Hoang Tưởng Của Tôi: Vượt biển, vượt biên đồng nghĩa với tự tử, ra đi là hết rồi, là chấp nhận không ngày về. Rồi lưu vong cũng là một cách tự tử. Tương tự, qua truyện Lý Lịch Hoang Tưởng Của Tôi, Đặng Thơ Thơ đã dùng ẩn dụ “tự tử” để khai phá những góc cạnh mới, tái tạo những gì đã mất, từ những hiện tượng tưởng đã bị xuyên tạc hoặc xóa nhòa bởi chính trị, thời gian và sự mất tin cậy của ký ức. Cây Óc là chuyện Đặng Thơ Thơ viết như một “khả thể Viết” từ những tài liệu, chứng từ, vật chứng... còn khả thể giữ được về Hoàng Đạo, nhà chính trị, cách mạng, tranh đấu cho độc lập cũng là ông ngoại của bà. Hoàng Đạo đã bất ngờ mất sớm – cái Chết đến nay vẫn còn tồn nghi, còn vai trò vô tình/cố ý vẫn được người đời xem như đã xong; nay bà đi tìm những khả thể từ suy tưởng và không tránh được có đôi chút chủ quan (huyết thống), để chứng minh những khả tín từ những “tang vật”, “hồ sơ” của “phòng Nhì” và của thời gian ấy, cũng như từ cái khả thể “Thật” được khai quật trong câu văn và ý tưởng như là một tác giả có sự nghiệp chính trị, xã hội và đã có nhiều điều muốn cải lương, nhả nhủ người đương thời (cả guồng máy thực dân Pháp đang cai trị Việt-Nam) và hậu thế.

Muốn cách tân còn có nghĩa là phải vượt qua sự có mặt thường trực và trội bật của những bóng ma và cái chết của lịch sử văn-học như hể nói đến thơ là những Xuân Diệu, Nguyễn Sa, v.v.; văn thì phải như ông A bà B, v.v. cứ phải xuất hiện để chặn tầm nhìn. Rồi nào những ‘gánh nặng’ lịch sử, văn hóa,... Muốn sáng tạo, làm mới, phải ra khỏi những vũng lầy đó! Đặng Thơ Thơ sáng tạo cách khác, bà trở về với những bóng ma nhưng tiên thiên muốn tránh bị đê. Chúng tôi tin họ Đặng viết vì nhu cầu... viết và tự cho mình một sứ mạng có thể văn nghệ, có thể chính trị. Rốt cùng thì ngay lịch-sử cũng là sản phẩm của tưởng tượng, của những ‘mode’ tưởng tượng, của những cách cắt nghĩa, viết lại, và thường được nhìn với cặp kính màu. Chính lịch-sử hay văn học sử vẫn luôn được viết lại, nghĩ lại.

Sáng tạo, viết truyện ở đây là công việc tâm thức và ý chí, cho nên con chữ, kỹ thuật văn chương chỉ là phương tiện. Nghĩ và viết về Hoàng Đạo, vợ Khổng Tử, họ Hồ ở Khả Thể, trở thành một sự suy nghĩ, tra vấn, đưa đẩy đến đối thoại với nhân vật và những vây quanh

đồng thời tác giả tự tra hỏi và độc thoại. Các truyện trong Khả Thể hoặc thuần ý niệm hoặc mang tính hiện thực, liên quan đến những vấn nạn của đời sống và lịch sử. Ý niệm thì tự do cấu thành, còn hiện thực thì trở nên đối tượng điều nghiên, đi sâu,... Tác giả tỏ ra cấp bách như bị thôi thúc, khi ngược dòng lịch sử cũng như khi chứng tỏ sáng tạo mang ý thức giới tính kể cả khi muốn phi giới tính. Thành công của nhà văn, theo tôi là biết cách bỏ rơi độc giả của mình và để cho họ tự xoay sở cả với lý trí cũng như cảm xúc trong trạng huống của truyện.

oOo

Nguyễn Thị Hoàng Bắc với *Gió Mỗi Ngày Một Chiều Thổi*, truyện vừa - tác giả gọi là novella dài 182 trang, trong tuyển tập cùng tựa *Gió Mỗi Ngày Một Chiều Thổi* (Sống, CA, 2015), phải chăng đây là “kỹ thuật tiểu thuyết” mới, “hậu hiện đại”? Nguyễn Thị Hoàng Bắc chính yếu là kể chuyện nhưng khi viết thành tác phẩm lại không chỉ kể chuyện, mà còn làm văn và nhảy chuyện tức không cứ phải theo trình tự, mạch lạc nghĩa là làm khó người đọc – phải chăng vì cuộc đời và lòng người – và cả quá khứ, cũng biến đổi khôn lường, sớm nắng chiều mưa, nay rày mai khác, nếu không “chạy theo”, “chặn trước” “đón sau” thì hậu quả sẽ tệ, xấu, hay không như ...tác giả mong muốn! - chính tác giả cũng gọi là “thử nghiệm” khi trả lời phỏng vấn của Đặng Thơ Thơ (<https://damau.org/42177/noichuyen-voi-nha-van-nguyen-thi-hong-bac-ve-gio-moi-ngay-motchieu-thoi>).

Truyện vừa *Gió Mỗi Ngày Một Chiều Thổi* kết cấu như tự sự đứt quãng: những mảnh đời của tác giả từ những ngày thơ ấu, tuổi trẻ cho đến những ngày sống xa quê hương và khi tuổi đời chông chất, viết lại thành truyện. *Gió Mỗi Ngày Một Chiều Thổi* với những chủ đề quen thuộc của cuộc làm người và một Nguyễn Thị Hoàng Bắc chín hơn – nhà văn từng bị chụp mũ, “tấn công” về chính trị. Nha Trang vẫn chiếm nhiều trang ký ức trong tập này, như trong các tập khác. *Gió Mỗi Ngày Một Chiều Thổi*, như là truyện, đã thổi tứ phương tám hướng chứ đâu hẳn một chiều, và như là tự truyện, đã thổi về vùng quá vãng xa xăm qua bao thăng trầm thổi qua xứ người, nhưng gió hồi hương để người và cảnh được sống lại và sống mãi ít ra trong lòng người viết. Các nhân vật không hẳn rõ ràng nếu phải nói đến sự mạch lạc giữa các chương, nhưng dần rõ ra với dòng tự sự, ám ảnh quá khứ và kỹ thuật sáng tác; chính tác giả cũng cất công ghi thành danh sách sau chương cuối – nhưng không chắc đã thông thường dễ hiểu! Quá khứ cũng không hẳn là cái gì đã qua đi, chúng vẫn vờn qua vờn lại ở hôm nay và can dự cả với tương lai. Từ cái “quá khứ”, người cô đơn dễ sống chung vì nghĩ rằng “Quá khứ, dầu có đốt vàng hương cầu siêu, vẫn không chịu siêu thoát! Quá khứ, tương lai, hôm qua, ngày mai nhào trộn, lẫn lộn, vật vã, hành hạ, hạnh phúc, đau thương và vô lý” (Vàng Hương).

Ấm ảnh thứ hai của tác giả Gió Mỗi Ngày... là cái Chết. Cái chết của người cha, người mẹ và của người em gái được nhắc đến nhiều lần như ám ảnh và hoang mang. Bên cạnh những cái chết của Chúc Nị vì phá thai, Vinh vì dịch tả, dì Oanh tự tử sau mỗi tình loạn luân, Hoa Ban tự tử hai lần không chết mà rốt cùng chết vì bệnh nan y, v.v. Xoay quanh những cái chết đó là các chuyện thời thế của một khu phố, của một thành phố và cũng là một phần lịch sử của nước Việt Nam qua nhiều chế độ và biến cố.

oOo

Lê Thị Thẩm Vân vào đầu năm 2019, đã cho xuất bản tiểu thuyết Thời Hậu Chiến (Mở Nguồn, 2019) gồm 3 “tiểu thuyết” Thất Lạc, Bóng Người Trên Thiên Đường và Mùa Trứng Rụng. Tác phẩm này thiếu nghĩ cũng không dễ đọc: cấu trúc gồm nhiều mảnh văn và thơ từ nhiều cảm hứng và câu chuyện và thời khắc sáng tác có thể và có vẻ khác nhau, dù người đọc vẫn có thể “tự” nối kết thành câu chuyện của “một thời” gọi là “hậu chiến”. Một liên-văn-bản của một liên-thời-gian!

Thất Lạc là chuyện của Ngân “*chứng tích của loạn luân, ra đời bởi một cơn nứng*”, là “*kẻ phiêu lưu tình dục của mẹ và tàn khốc của bố tạo thành cơn Tsunami kinh hoàng phá hủy mọi quy củ, nề nếp, gia phong. Máu biến thành nước lã*” (tr. 34). Ngân có người mẹ “có nét đẹp cực kỳ súc vật”, hai mẹ con thù ghét nhau, luôn tìm cách bôi xóa sự hiện hữu của nhau. Một đời sống cuồng loạn, có “tri âm” - không hoàn hảo, nhưng buồn thiu, bất thường, sinh bệnh, tự hào tự tạo. Một hiện hữu không nên có, mà đã có và lê thê kéo dài đến gây chán... Bóng Người Trên Thiên Đường, một số nhân vật (Hòa, Lan,...) đi tiếp, “ở với” một số người của cộng đồng người Việt từ tị nạn ra. Chuyện kéo dài bằng chuyện của từng nhân vật tiếp nối nhau, chuyện một người trong tương quan với những người khác trong câu chuyện. Mỗi người đều có quá khứ, có bí mật phải giữ kín, nhưng họ share phòng chung nhà, và hay nghe nhạc vàng,... Lưỡng nhân cách và danh tính là số phận của nhiều người trong bọn họ, đến phải quên mình là ai, đa phần nhờ biến cố 30-4 giúp trốn, đổi đời hoặc “thoát được khỏi thằng tôi”. Mùa Trứng Rụng, các nhân vật từ hai tiểu thuyết trước đi tiếp trong thời gian và “nhân vật xưng tôi/ em trong tiểu thuyết là lê thị thẩm vân” (tr. 213).

Văn-chương khai phóng nữ quyền và dục tính nay đã là một hình-thức hậu hiện-đại. Nhà văn nữ lên tiếng về những âu lo, tâm tình mà lâu nay nhất là ở Việt Nam ít thấy, nói thẳng những lo âu thực tế, sờ mó được, cảm được, không cần nhiều ngõ quanh, đi vòng. Sinh lý hết được xem như cấm đoán, lại được xem như đòi hỏi chính đáng, tình dục trở thành nhu cầu tự nhiên, phải có, không thiên kiến và mặc cảm phạm tội, cả có khi ngây thơ trong tìm kiếm. Tình dục trước khi là hiện tượng xã hội, văn hóa, đã là thân xác. Trong Thời Hậu Chiến

cũng như trong *Âm Vọng và Bóng Gây Của Thần Tích*, mọi sự liên quan, biểu hiệu của sinh dục, tính dục rất hiện diện, có khi là những kinh nghiệm chia xẻ, sống sượng,... của bản năng, tự nhiên. Người nữ hết bị bắt phải câm nín; họ nói, họ hét, cả những điều thầm kín và rất riêng tư, cho tha nhân nghe, biết. Cao giọng, công khai, để tự giải phóng! Nhà văn nữ muốn làm chủ câu chuyện cũng như tác động hành xử bị xem là dâm dăng, muốn đưa ra ánh sáng cái khuất chìm – như bàn đạp đòi quyền sống, hiện diện công khai, chính thức!

Lê Thị Thấm Vân từ thử nghiệm đã đi đến lựa chọn một phong cách viết-sống không giới hạn và đã chứng minh nhà văn nữ có thể viết như sống và sống như tự cảm, tự chọn!

Đỗ Quyên qua *Đẻ Sách* (Westminster CA: Người Việt Books, 2018) với tiểu tựa “*tiểu-thuyết châm biếm*”, đã cho biết là “cuốn truyện đầu lòng” sau các tập thơ và “tiểu-thuyết thời sự” đã xuất bản. Ý chính nếu nói ngay là chuyện “người ăn thịt người đẻ sách” thì khó hiểu, khó hình dung, tưởng tượng, nhưng nếu đọc giả sẵn sàng nhập cuộc sanh đẻ thì có thể phong cho tác giả là một “chiến sĩ văn hóa” ... dũng cảm nhờ đa ngôn lênh láng, thuần lý, phi lý, vô lý và lắm lời khiêu khích, châm biếm.

Chương Mở “Thai phụ” như một món khai vị cho những món chính có thể ... khó nuốt đến sau.

Chương này kể chuyện đi ... phá thai của nhân vật có cái dương vật “*chút núi non da thịt gọn ghẽ ... không muốn đưa ra ánh sáng những giấc mơ thai phụ*”. Nhân vật “tôi” thích thú và quen ăn món “*nhau bà đẻ*”, “*bởi miệng hợp vị thôi chứ không hẳn vì nghe người lớn xui dụ ăn nhau bổ máu. Tin tôi đi, nhờ chịu được chất bổ kỳ dị đó tôi sớm hiểu biết và từng trải nhất nhà, tới nay đã thành nhà văn*” (tr. 13).

Chương 1 “*Tim của ai cũng được*”, nhà-văn-tim – gọi thế vì y “*ăn tim*” nghĩa là lấy cảm tình người ta để có thể đi sâu, moi móc, khai thác chất liệu đời tư và tầng sâu tư tưởng. “Tôi” rồi cũng có nhận xét về ăn-tim: “*Những người viết ăn tim người đẻ ra sách văn học không nhiều bằng các loại người viết tương tự khác. Thoạt tiên, cứ tưởng có thể suy luận giản đơn rằng công việc văn chương chủ yếu xuất phát từ con tim, nên cần tim hơn; số lượng nhà văn ăn tim sẽ nhiều hơn. Nếu thế hai với hai đã thành năm từ thời Pythagoras! Thực tế ngược lại. Trong cái làng văn ăn thịt người đẻ sách, có phải cứ muốn ăn tim là ăn được, muốn không ăn tóc thì không ăn đầu! Hoặc đó là cái nghiệp mạng; hoặc đó là sự khó hiểu đáng nể của giới cầm bút*” (tr. 36).

Chương 2 “*Theo chân những người tỵ nạn*”: bà luật sư “*ăn chân*” - ăn chân người tỵ nạn, tức ăn-theo hồ sơ của những người di dân, lao động. Còn David O'Donovan (danh tính gọi tên tác giả ĐQ), ông nhà văn ăn-tim, bỏ viết và hành nghề nhà báo chuyên làm phỏng vấn. Ông ta và bà luật sư di trú thay nhau châm biếm dân tỵ nạn, giới làm báo viết văn ở hải ngoại, giới phê bình văn học, vài lãnh tụ, rồi vài

biến cố lịch sử. Đặc biệt làng báo, làng văn và giới phóng văn, phê bình văn học ở hải ngoại, được chiếu cố tận tình, như Nguyễn Hưng Nước. Chương 3 “Diễn đàn tóc” với nhà viết kịch ăn-tóc. “Ăn tóc” lâu hơn “ăn chân”, vì khó tiêu hóa! Đó cũng là thảm họa của giới nhà văn và cả Văn bút thế giới PEN (!): “tất cả các ông bà văn sĩ đều thủ dâm dưới mọi hình thức khi hành nghề. Chúng tôi còn hay tin đồn thổi thậm chí có trường phái cho rằng bản thân việc viết đã là hành động thủ dâm suy tư, ý tưởng bằng ngôn ngữ, chữ viết” (tr. 158). Thi ca qua “nhà thơ Tự-ăn-tóc” và phê bình văn học cũng được “chăm sóc” tận tình!

Chương 4 “Người từ lòng bàn tay mà ra” thêm một lần “ăn” ý luận phê bình văn học vì có thể để “để sách”. Từ những câu có vẻ lảm thường được giới lý luận phê bình chiếu cố, như câu thơ “Bàn tay ta làm nên tất cả” rồi đi sang vấn đề “Mút”.

Chương 5 “Độc giả ăn tác giả” hay “người-ăn-theo-tác-giả”, chuyển tải thư của độc giả hoặc Đỗ Quyên đứng (giả và thực!?) về phía độc giả để phê bình nhiều “nhà” trong tương quan xa gần với cuốn Để Sách: “*Để Sách mới là cái bàn để cho độc giả vào để chung!*” (tr. 272).

Toàn tập tiểu thuyết tả chân theo trường phái hiện thực thô tả, bên cạnh những lối bóng gió, ẩn dụ, châm biếm, và lý lẽ trí thức đậm đà; tất cả liên tục tiếp nối nhau như một liên-văn-bản. Truyện còn cho thấy tác giả có khả năng tự trào đáng kể. *Để Sách* đã như một toàn tập *tiểu sử và sự nghiệp* đời làm văn và làm báo cùng du lịch của ông Đỗ Quyên. Tuy “đại truyện” và có vẻ toàn cầu nhưng hơi tiếc là ông thiên về các sinh hoạt và nhân sự trong nước “hôm nay”, có thể vì đó vốn là nơi ông xuất thân và vẫn đi về. Đọc Đỗ Quyên không dễ; ông làm khó người đọc. Không dễ theo dõi, cần có kiến thức văn hóa, lịch sử... Thơ văn Đỗ Quyên vẫn được biết tới như những trò đùa chữ nghĩa – đùa nhưng con chữ và ý nặng nề; nay với *Để Sách*, đặc tính này xem như đã đạt cao điểm. Một công trình đã xong, đã đóng nhưng vẫn mang tính *hậu-hiện-đại* mời gọi, khiêu khích và mở – tác giả vẫn để chỗ cho độc giả can thiệp tùy nghi. *Để Sách* mang đồng tính “hôm nay” và “hiện sinh” có trách nhiệm, Đỗ Quyên muốn cải cách sáng tác, chúng tôi nghĩ thành công có phần hạn chế, thiếu người đọc hiểu được trò chơi văn hoa và hình thức thể loại của tác giả; hơn nữa ông có vẻ lạm dụng “tác phẩm” này để làm rối mọi chuyện liên quan và quảng cáo cho vài người khác đứng ngoài “tập”. Người đọc sẽ có ấn tượng Đỗ Quyên tự giải tỏa uẩn ức hơn là sáng tác văn chương!

Cùng theo hậu-hiện-đại, nhưng Đỗ Quyên, Lê Thị Thấm Vân, Đặng Thơ Thơ,... mỗi tác giả một vẻ đặc thù riêng. Sức mạnh của bài thơ, bài văn hay tác-phẩm nghệ thuật là ở ý tưởng, mục đích, ở hình ảnh và ở nội dung, sứ điệp được chuyên chở hay nhắm tới. Một tác phẩm thành công theo thiện ý là khi có thể giúp người thưởng ngoạn hiểu biết, yêu mến và thực thi được những lý tưởng Chân Thiện Mỹ

trong cuộc đời. Nhưng trước khi viết hay sáng tác, văn nghệ sĩ nên biết mình là ai, việc đó tùy thuộc vào việc nhận diện thực-thể, nội dung nền tảng là cái luôn hiện đại hóa, cập nhật hóa. Cơ cấu xã hội, văn hóa luôn sinh hóa, tiến tới phía trước để sống còn, trường tồn, vượt qua được những bế tắc và vấn đề trực diện. Nhà làm văn-nghệ cũng không thoát ra được vòng vây hiện-đại đó. Viết và làm nghệ thuật, là sống cuộc sống hiện thực, dù ở hải-ngoại hay trong nước, hôm nay và sau này! Viết là một biểu hiện cụ thể cái sống sinh động, biểu hiện của cuộc đi tìm ý nghĩa cho cuộc sống con người, cũng là cuộc tìm kiếm Chân Thiện Mỹ - như một sứ mạng. Sống như một người Việt hiện đại, hôm nay và như một người có văn hóa. Sống và truyền đạt lại cho đời những rung động, tình cảm, tư tưởng xuôi cùng chiều với chân lý của đời sống hoặc đáp ứng, phản hồi lại thực tại và con người: có thể kết luận đó chính là sứ mệnh của nhà văn Việt-Nam hiện nay!

Nhà văn thường viết vì nhu cầu... viết hoặc vì một mục đích nhưng ít thấy vì sứ mạng thực sự văn nghệ. Đỗ Quyên cũng có vẻ để ý nhưng đến trang cuối của Đẻ Sách, ông vẫn như chưa thuyết phục được sứ mạng của ông. Văn-chương chết vì ngoài những ám ảnh, vũng lầy còn là vì văn hóa chết, tinh thần chết, nhường chỗ cho vật chất và tính toán, tham vọng của con người. Mà văn-chương chết sẽ đưa đến kiệt quệ tinh thần! Vậy thì văn-chương có còn là thứ cần thiết không và cần thiết cho ai? Văn-chương có giá trị hay có thể hiện hữu tự tại không?

oOo

Cách tân, hậu-hiện-đại theo nghĩa 'hôm nay', là đặc điểm cần có cho sinh hoạt văn-chương cũng như cho mọi canh tân: hiện thực, hôm nay về đề tài, về thể loại hình thức, về nội dung và một số nguyên lý (cứu cánh) của chính nền văn-học. Phá bỏ luật thường hay đã quen, viết hoa viết thường, chấm câu hoặc không, pha trộn thể loại, châm biếm bên cạnh lãng mạn, cổ điển nhà trường, khuấy nhiễu, hoài nghi cạnh bộc lộ tâm can, v.v. tức khác, làm khác! Những trường-phái tư tưởng và văn-học Hậu hiện-đại, Hậu thực dân, Tân Hình thức, Tân Tự-do, Nữ quyền, v.v.; tất cả theo thiên nghĩ là những phương tiện tốt cho công việc làm văn-học nghệ thuật, đã và sẽ có những công trình tuyệt vời về nghệ thuật. Với vài tối thiểu của môi trường văn chương hay làm nên! Ngôn-ngữ và kỹ thuật văn-chương trở nên quan trọng, là cái riêng của mỗi tác giả, trong cách kể, cách viết, trong không khí mà tác phẩm tạo nên được! Sức mạnh của bài thơ, bài văn hay tác-phẩm nghệ thuật là ở ý tưởng, mục đích, ở hình thức, hình ảnh và ở nội dung, sứ điệp được chuyên chở hay nhắm tới. Một tác phẩm thành công theo thiên ý là khi có thể giúp người thưởng ngoạn hiểu biết, yêu mến và thực thi được những lý tưởng Chân Thiện Mỹ trong cuộc đời.

Tính hậu-hiện-đại cũng được hiểu là rời bỏ, là đối chọi với truyền thống, cổ điển, nhưng cái Đẹp thường là phổ quát, như một giá trị ‘bền vững’. Hậu-hiện-đại hóa phải mang nội dung văn hoá (một cách nào đó), chứ không thì sẽ là tân-hoá đa tạp, giả tạo. Nhưng không phải cái gì mới cũng hay và thời gian là vị giám khảo công bằng nhất. Nói cho cùng, một tác phẩm dù theo cổ điển, lãng mạn, cấu trúc, hiện-đại rồi hậu-hiện-đại, tân-hình-thức, tân-tự-do, nữ-quyền, hậu v.v. đều là tác phẩm nghệ thuật; sống còn, sống mãi với thời gian, thế hệ hay không, lại là một vấn nạn khác!

Nguyễn Vy Khanh

Danh Ngôn

Văn chương không phải hơi thở của xã hội đương thời, không dám nói lên nỗi đau và sợ hãi của xã hội đó, không cảnh báo kịp thời những mối nguy hại đe dọa đạo đức và xã hội - *thứ văn chương đó không xứng đáng với cái tên của văn chương; nó chỉ có cái mã ngoài. Thứ văn chương đó đánh mất lòng tin của nhân dân, và những tác phẩm của nó được phát hành bị dùng như giấy lộn thay vì được đọc.*

Literature that is not the breath of contemporary society, that dares not transmit the pains and fears of that society, that does not warn in time against threatening moral and social dangers — such literature does not deserve the name of literature; it is only a façade. Such literature loses the confidence of its own people, and its published works are used as wastepaper instead of being read.

Aleksandr Solzhenitsyn

(1918 – 2008) Nhà văn, nhà viết kịch của Liên Bang Xô Viết và Liên Bang Nga đoạt giải Nobel Văn học năm 1970

Mục đích của người viết văn là giữ cho nền văn minh không tự hủy diệt.
The purpose of a writer is to keep civilization from destroying itself.

Albert Camus



PHAM NHẢ DỤ
khúc hoan ca sóng sánh

Xanh một chút râu trên môi
là ta có thể đuổi những con ruồi buồn nản bay tứ tán

Có phải không em
những nường nà con gái nàng
đã bày ra tận cùng cái háng
đã đẻ ra những đứa con
(những danh nhân và những tên khốn nạn)
cùng những cuộc phiêu lưu đầy sâu thẳm

Ta không thể dung tục như những thằng đàn ông tận mạng
nên suốt đời chỉ làm thằng-nhà-thơ-thần-lang-bang
(để chút râu và nghênh ngang dõm)

Không thể hiểu cái nào là đầu cái nào là đuôi
ta ngó ngược ngó xuôi
ta đuổi theo những chuyến tàu kỹ nữ
gõ nhịp lên lưng ta và hát
tiếng còi thét vang

Sự sống đục ngầu tiếng động
 Vang lừng khắp thính không
 Khàn giọng nổi hoang mang
 Một nhòai những thất vọng

Ta trải chiếu đêm trăng đối bóng
 Khúc hoan ca sóng sánh
 Những ngày đen

Đêm tận cạn của những thằng hết lảng
 đập nát khuôn trăng
 uống sương tan ngắt ngưỡng
 hò hét cùng lặng im
 Em lỏa thể trong em dưới bóng

Có phải không em
 những kỳ quặc con gái nàg
 đã đẻ ra những trò quái đản
 (những tục tằn và những ăn năn)
 ta hết đường tiến thoái

Ngày để một chút râu trên môi
 là đêm ta có thể đuổi ta tận cùng ảo tưởng.

PHẠM NHÃ DỰ



LÊ HỮU MINH TOÁN

mặt trời khuya

Hãy thức trắng đêm nay để lắng nghe từng âm thanh vỡ vụn cào xé
Hãy ngồi đây đếm từng phiên buồn qua cửa
Hãy gọi tên Phượng lần cuối trước khi nằm xuống tìm an vui ở thế
giới ươm đầy mộng mị

Phượng ơi ! Phượng ơi !
Xuân đã tàn và hạ đến rồi
Giờ này bên kia bờ đại dương chắc em còn say ngủ

Còn suy tư vất vưởng và khóc thầm nữa không em
Hãy để phút giây nào đó gọi những kỷ niệm hôn mê về sưởi ấm
Hãy cùng anh dịu hờn tủi đi vào vùng tưởng niệm

Xa rồi Phượng ơi !
Từng đợt nhớ thương dạt dào hoá kiếp
Anh bây giờ mỗi một nhìn con buồn lở loét mù loà
Ngày tháng cao bay không một lần đậu lại

Ký ức dội về trả anh những đam mê cháy bỏng
 Và em , còn chứng tích nào để lại trên mắt mỗi người thiếu phụ
 Còn cuộc tình nào dung dưỡng làm quà cho tương lai nữa không ?

Hãy chấm dứt những vụng về tuổi muộn
 Hãy nhìn về một hướng có mặt trời mọc giữa khuya
 Ở đó không có hờn ghen đổ kỵ
 Không gian trá lọc lừa

Không có lũ người xô đẩy nhau để tranh giành quyền sống
 Còn chủ nghĩa nào đẹp hơn chủ nghĩa tình yêu
 Còn ước vọng nào hơn khi nằm bên một thân xác gầy mòn dò
 dẫm từng đốt tay phù thủy

Hạnh phúc đó
 Cuộc đời đó
 Trả lại em vòng tay chờ đợi
 Hãy ngủ yên để quên tất cả
 Quên muộn màng
 Quên hết

LÊ HỮU MINH TOÁN



BT ÁO TÍM
như dòng sông nhỏ

Em hiền lành
như dòng sông nhỏ
Ngày gặp nhau
anh như biển cả mênh mông
Ánh mắt anh nhìn
cuốn hút nhánh sông
Em khao khát
muốn hoà vào lòng biển.

Em cứ trôi
trôi về trời lạ
Khát vọng tình yêu,
hạnh phúc thật nhiều
Mặt nắng lên cao
mặt gió gào, sấm chớp
Cứ thế, dòng sông nhỏ ra khơi.

Nhưng...
Ai biết được cuộc đời
Có những khúc quanh
Không định trước
Dòng hải lưu xuôi, ngược
Mình nào có hoà nhập vào nhau.

Anh xa rồi...
dòng sông xưa cạn nước
Em lặn vào kênh, rạch buồn tênh
Ôi! Ánh mắt biển xanh
Anh đã đi qua nhánh sông cạn kiệt....

BT ÁO TÍM



NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI
(Nhật Nguyễn)
thương

Em thương lắm những ngón tay anh gầy guộc.
Đôi chỗ sần sùi, đôi chỗ nứt khô
Những cái xiết tay ngày ta mới gặp
Nước mắt em rơi, rơi thật tình cờ

Những ngón tay nường cuộc tình ngang đời lặn đạn
Che nắng che mưa che cả nỗi đau
Ở đó, trong bóng mát tình nhân em thu mình bé dại
Mặc ngoài trời kia gió đổ mưa mau.

Em thương lắm đôi mắt anh đong đầy nắng ấm
Đôi chút bang khuâng thoáng chút ngọt ngào.
Em nường theo đời có tình anh dỗi theo quán quýt
Ta khao khát một chỗ ngồi ngày tàn lửa bình đao.

Em thương lắm ngày đôi mắt anh nhìn em tuyệt vọng
Ta chênh vênh bên bờ vực sinh tử đảo điên
Em lẻ loi giữa đời thường muôn ngàn bất trắc
Anh tả tơi trong đoàn tù rên xiết xích xiềng

Ký ức kinh hoàng của bốn mươi năm nhìn lại
Vẫn dang đẳng một nỗi buồn, bầm dập kiếp phù du
Vết thương khép miệng chưa, sao vẫn còn nhức nhối
Tủi nhục theo cùng những giọt lệ tháng Tư

Nên em thương lắm những ngón tay anh lẻ bạn
Bỏ lại trên chiến trường đau đớn tang thương
Thương. Không biết làm sao cho anh hiểu thấu,
Rằng em vẫn luôn cùng anh chia xẻ những tai ương

NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI



NGUYỄN KHÔI VIỆT
ngồi nhớ chuyện xưa.
và trung uý Donaldson

Em hay mua mấy hộp luncheon meat hiệu Spam để dùng khi ăn sáng. Thằng út Năm thích món này lắm. Với một khúc bánh mì nó có thể ăn hết nguyên một hộp. Ăn trưa hay tối nó cũng chỉ cần vài lát thịt này là xong bữa cơm. Tánh nó giản dị, ăn uống dễ - chắc giống bố - nhưng bố nó lại chẳng thích ăn món này. Có lẽ tại ngày xưa phải ăn nó ngày này qua tháng kia.

Ngày xưa - lại ngày xưa - trong số đồ hộp dùng khi đi hành quân như thịt ba lát, tức là hộp thịt khi khai ra có 3 miếng thịt heo tròn đầy gần đốt ngón tay. Thịt bò hầm khoai tây. Xúc xích Hot dog thường được lính gọi bằng cái tên không đẹp để cho lắm. Hộp luncheon meat này làm tôi nhớ tới nó nhiều nhất vì lính thường gọi là “heo chồm, hoặc là heo nút lưỡi” vì ngoài hộp có hình hai chú heo châu đầu vào nhau. Đồ hộp quân tiếp vụ không được lính mình ưa thích cho lắm, ăn vào nóng nẩy trong người, táo bón v.v. Dân biệt kích được ưu đãi hơn, lý do là các toán xâm nhập thường nhảy vùng biên giới hoặc mật khu, không thể mang đồ đặc, nồi niêu xoong chảo ra nấu nướng um xùm như dân bộ binh, nên đồ lương khô cũng gọn nhẹ và phong phú hơn, khẩu phần cho mỗi ngày đều có bịch rau khô, trong cơm sấy cũng vậy. Có kẹo, có một cây xúc xích khô ăn cũng khá ngon. Nói vậy chứ ăn lương khô chỉ hai ngày là ớn tới óc rồi. Chỉ có những hộp trái cây như Apricot, Pear, và bánh như Pecan cake roll, White bread, và nhất là hộp Fruit cake rất được ưa chuộng, tôi vô cùng ghiền hộp bánh này.

Vì thế phe bộ binh đi hành quân nếu đi quá xa, nhà bếp không mang đồ ăn tới được thì cũng ráng nuốt cơm sấy với thịt hộp thôi. Đôi khi nghĩ thương mấy chàng Hỏa đầu quân, còn gọi nôm na là nhà bếp. Lúc hậu trạm không xa điểm hành quân thì các chàng cũng gánh gồng cơm gói cá kho, thịt kho cho đơn vị có chút đồ tươi.

Hàng năm vào những dịp lễ Tết hoặc có chiến thắng, thường là có mổ heo, hoặc bò. Thịt Bê được ưa chuộng, vì dễ ăn, dễ nhai hơn. Đơn vị tôi có một lần tổ chức làm thịt một con Bê, mời ca sĩ Hùng Cường và Duy Khánh tới, có các cô nữ huấn đạo của tiểu đoàn 50 chiến tranh chính trị, có “lính hát, lính nghe”. Hôm ấy thật là huy hoàng rôm rả. Đời lính sống nay chết mai, vui được lúc nào hay lúc đó. Ăn cơm ghi sổ câu lạc bộ, cuối tháng lãnh lương nhiều tên chẳng còn đồng nào. Và rồi lại ghi sổ tiếp.

Cho nên dù có căm hận những người lính phương Bắc mấy đi nữa cũng không khỏi chạnh lòng khi thấy họ đã ăn uống như thế nào. Sống ra sao thì khỏi cần nói nhiều, lang thang phiêu bạt từ ngoài Bắc, theo đường mòn Hồ chí Minh vào Nam. Cực khổ dong ruổi, trốn rừng chui bụi dưới bom đạn theo một lý tưởng sắt máu hoang đường mà họ bị nhồi nhét vào trong đầu từ còn tấm bé. Sống sót vào đến chiến trường Tây Nguyên hoặc miền Nam là một kỳ tích rồi, vì ngoài bom đạn mà họ phải chịu, còn có bệnh tật nữa, mà ghê gớm nhất là Sốt rét. Bệnh này giết chết những người bộ đội Bắc Việt rất nhiều trong khi thuốc men chữa trị thì hạn hẹp thiếu kém. Tôi đã thấy những viên thuốc ký ninh (Quinine) và sinh tố B1 ở một dạng không biết gọi thế nào cho đúng, hình như nó đã được đóng thành viên bằng một dụng cụ thủ công rất thô sơ.

Trong chiến lợi phẩm tịch thu được, ngoài súng ống đạn dược là những thùng bằng thiếc sơn màu nâu xám có 2 hàng chữ Việt và Tàu. Đó là thùng lương khô của họ. Được làm bên “Nhân Dân Trung Hoa Cộng Hoà Quốc”. Mở ra bên trong có những thỏi bánh bột trắng vàng nhờ được nén chặt, gói trong giấy bóng như bánh in của miền Nam, ăn nghe có vị đậu xanh, hơi ngọt và mặn. Dài gần gang tay, ngang khoảng hai đốt ngón tay. Hỏi người tù binh là “các anh chỉ ăn một thứ này thôi sao?”, anh ta trả lời “chúng tôi chỉ ăn có vậy, trong những lúc không có gạo”. Chỉ có vậy thôi, không có thịt thà cá mú để cung cấp chất đạm cho con người vượt Trường Sơn đi cứu miền Nam. Ngoài món bánh in ra, là những túi nilon trong có miếng giấy in chữ: kẹo giải khát- té ra là kẹo Chanh. Mà chỉ hơi chua một chút, chắc để tiết kiệm nguyên liệu. Gói thứ hai ghi: kẹo chống lạnh. Là kẹo Gừng, ngậm chẳng cay mấy, và không có mùi Gừng là mấy. Gói thứ ba là “viên tăng lực”. Lần đầu mở ra, cả đám nhìn nhau nghi ngại, có thằng muốn thử nhưng sợ nổi điên phát chạy khắp nơi, nên đẩy đưa qua lại

cho nhau. Cuối cùng có thằng em lấy một viên bỏ vô miệng, ngậm một chút rồi nhổ ra, chửi toáng lên: ĐM nó, vitamine C, tăng lực chỗ nào. Họ xử dụng ngôn từ xảo quyết, khéo léo lừa gạt lính của họ thật tinh vi. Nếu chỉ nói là kẹo Gừng, kẹo Chanh, sinh tố C, người dùng cũng chỉ có cảm giác bình thường. Nhưng khi nói “kẹo chống lạnh, kẹo giải khát, viên tăng lực”, những chữ đó gây nên một ấn tượng, tạo một ảo tưởng lên người dùng nó. Lúc ấy họ sẽ cảm thấy đỡ lạnh, đỡ khát, sức khoẻ lên cao, phấn chấn vì những ngôn từ lừa gạt đó. Và cả một thế hệ trai trẻ lên đường, lao vào miền Nam như những con thiêu thân, quên cả mạng sống mình, bỏ lại đằng sau gia đình, cha mẹ. Những người Bắc di cư năm 54, có kinh nghiệm đau thương với chế độ cộng sản gọi sự tuyên truyền lừa gạt đó là “luận điệu xúi trẻ ăn cứt gà”.

Loại bánh in lương khô ấy, ngồi ăn nói dóc uống nước trà cũng tạm được. Đôi khi gặp mấy thùng bánh cũ, thì vứt hết vì cứng ăn không nổi. Nhưng chắc lính Bắc họ cũng phải ăn thôi, dù rằng họ chỉ được ăn rất hạn chế trong những lúc thiếu gạo. Gạo của họ dùng toàn là một thứ gạo rất cũ, chắc đã nằm lâu năm trong những trạm giao liên. Tôi đã đổ những ruột tượng đựng gạo ra coi, và thấy thường là gạo Lức, chắc do mang trên người, thấm mồ hôi, nắng mưa, nên đã sỗ ảm mốc. Ăn gạo mốc vào thì chắc chắn sẽ mắc bệnh xơ gan do chất độc của mốc. Vì vậy những tù binh Bắc Việt khi bị bắt tại mặt trận đều xanh mướt, hoặc vàng bủng. Do sốt rét, hoặc bệnh gan, hay phù thũng vì ăn uống quá thiếu thốn. Trong khi đó, lính Việt Nam Cộng Hoà khi được phát multivitamin của quân đội (đa sinh tố-giống như one-a-day bây giờ) thì vứt hết, với lý do “uống vô nóng, táo bón, không thích hợp”.

Người cán binh Bắc Việt họ phải chiến đấu hết mình, vì họ ở trong tình trạng không còn gì để mất. Người lính miền Nam nếu đào ngũ, họ có gia đình nơi thành phố sau lưng. Người cán binh Bắc Việt không thể một mình một thân chạy ngược lại mấy ngàn cây số về nhà. Mà giả dụ họ có về đến nhà được, thì trại tù sẽ đón họ, và họ sẽ chết rục xương nơi đó. Chưa kể thân nhân ở nhà sẽ phải đối mặt với một tương lai trù dập vô cùng khắc nghiệt. Không dám nghĩ đến chuyện bỏ trốn để đi đầu hàng vì đã bị nhồi sọ “những thương binh bị bắt sẽ bị bọn Mỹ, Ngụy bỏ lên máy bay lên thẳng vứt xuống biển hết”. Họ chiến đấu để hân hoan nhận những huân chương chống Mỹ cứu nước, bây giờ không đủ giá trị để giữ lại những ngôi nhà nhỏ bé mà gia đình họ đã sống nhiều thế hệ đến nay, đã và đang bị cướp đi bởi chính quyền độc ác vô nhân tính mà ngày xưa họ đã đổ máu gầy dựng. Qua báo chí tôi có đôi lần thấy những bà mẹ liệt sĩ, lưng còng tóc bạc, vai gầy trơ xương, ốm yếu run rẩy với những tấm huân chương liệt sĩ của nhiều người con, khổ sở bất lực ngồi trên nền nhà ngổn ngang gạch ngói vì đã bị ủi sập.

Ngày xưa khoảng năm 60, lúc ấy tôi mặc đầu nhỏ nhưng thích đọc sách báo của người lớn như báo Trinh Thám (sau đó mấy năm bị đóng cửa vì có dính líu với Việt Cộng) và đặc san Chỉ Đạo của quân đội- của ba tôi mang về. Có một truyện tên “Cái chảo” trong Chỉ Đạo, kể về một viên sĩ quan sau một trận giao chiến tại một mặt khu, ông ta để ý có một cái chảo rất lạ, vì nắp vung có tay cầm bên ngoài, nhưng bên trong cũng có một vật giống như tay cầm. Ông vì tò mò muốn tìm hiểu, nên sau khi thẩm vấn một tù binh, người này cho biết anh ta là một trong hai cần vụ (nấu ăn, người hầu) của một cố vấn “Trung Quốc vĩ đại”. Đi đâu hai người cũng gánh cái chảo đi theo đơn vị. Khi ông hỏi họ rằng: luộc vịt thì đâu cần chảo to hai người khiêng như vậy. Anh ta nói chảo ấy không dùng để luộc chín thịt vịt, hoặc chiên xào như chảo thường. Con vịt phải còn sống, cột túm hai cánh của nó vào tay cầm bên trong chảo, để nó ở vị trí đứng chỉ chạm chân vào đáy chảo. Nước đổ vào chỉ đủ ngập hai chân và một chút ở bụng, đốt lửa rất nhỏ chứ không để lửa to. Con vịt bị nóng từ từ bắt đầu dẫy dụa, nhưng không thoát ra được vì hai cánh đã bị cột cứng vào tay cầm bên trong rồi. Nó sẽ chết trong tư thế “chết đứng” và như vậy, trước khi chết bao nhiêu máu và chất bổ sẽ tụ xuống hai đùi. Khi tới thời gian nấu đã vừa đủ, anh ta sẽ cắt hai đùi vịt ra chế biến, nấu nướng theo ý của “cố vấn vĩ đại”.

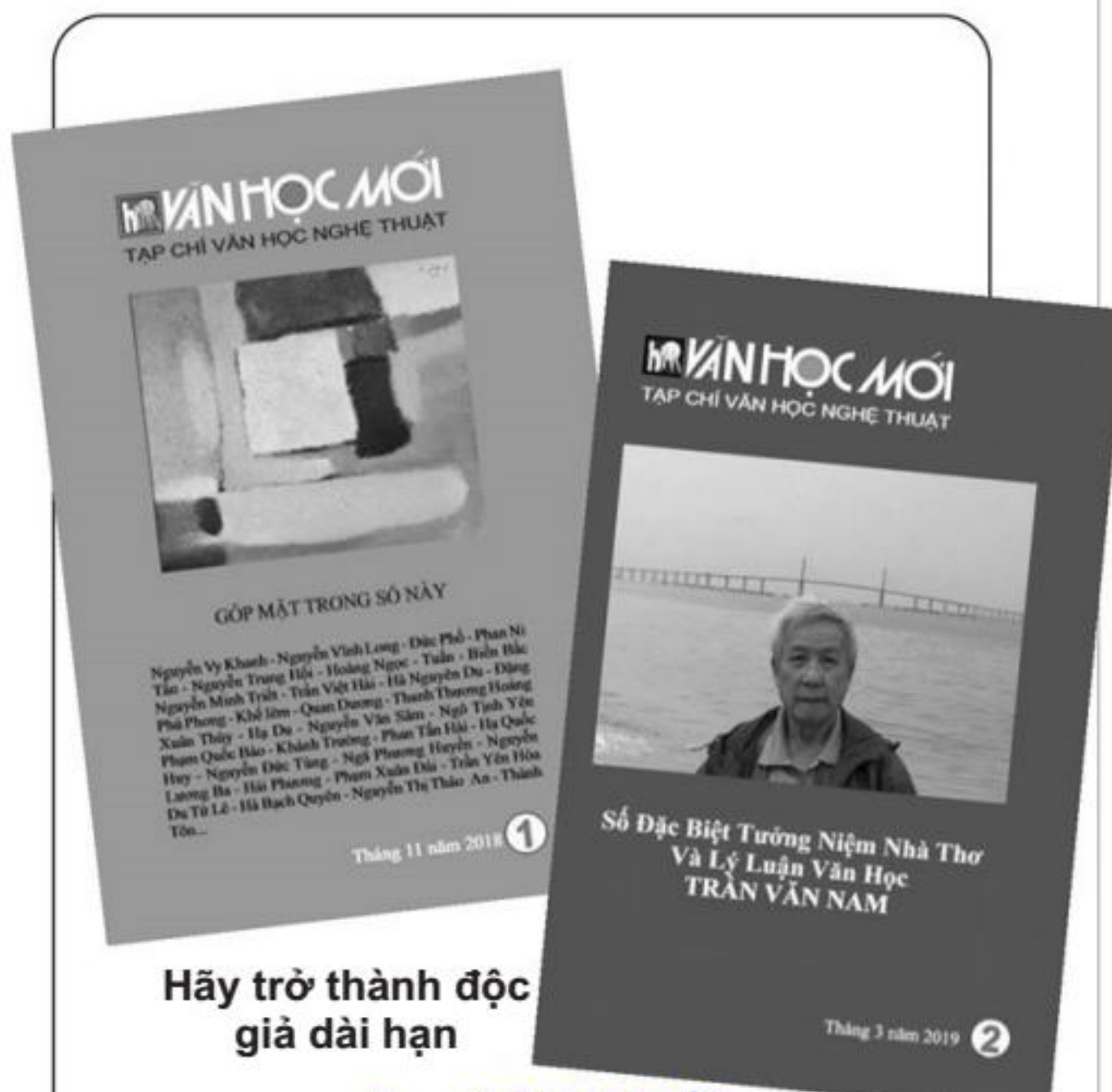
Tôi đã đọc lại truyện đó nhiều lần, và càng đọc càng cảm thấy ghê sợ, vì chỉ trong cách ăn uống thôi, người cộng sản Tàu cũng đầy tinh vi, hưởng thụ, và tàn bạo độc ác một cách bệnh hoạn. Vì nhu cầu ăn uống của mình mà hành hạ con vịt một cách thương tâm như vậy. Vị sĩ quan hỏi người cần vụ rằng anh có được ăn thử món đùi vịt đó chưa, chắc là ngon lắm? Thì anh ta trả lời là không bao giờ có chuyện đó. Có muốn ăn cũng không được vì luôn có hai người cần vụ đi chung với nhau. Và lại đó là đồ ăn để cho ngài “cố vấn” có sức khỏe giúp quân dân ta đánh đuổi đế quốc Mỹ.

Bây giờ ngồi nhớ lại thấy thương đám cố vấn Mỹ phải đi theo đơn vị tôi quá. Họ rất tốt, sốt sắng giúp đỡ chúng tôi (tôi nghĩ những đơn vị khác cũng vậy) nhưng lúc đi hành quân hoặc ở trại, ít có lính tráng Việt Nam tiếp xúc trò chuyện thân thiện. Có lẽ vì hàng rào ngôn ngữ, không nói được tiếng Mỹ nên lính mình từ cảm giác tự ti thành tự tôn là “ghét Mỹ, coi thường Mỹ”. Hay nói với nhau là tội Mỹ đánh giặc dờ ọc, chỉ y lại vào phi pháo. Tôi thì không nghĩ thế, đất nước Việt Nam không phải của họ, chết tại một xứ sở xa lạ là một điều không ai muốn, họ phải dùng hỏa lực của phi pháo để thanh toán mục tiêu. Mạng người là quan trọng hơn cả. Nhớ Trung úy Donaldson, tánh tình nhân hậu thương người Việt vô cùng, đi đâu cũng có một túi xách, và trong túi quần túi áo đầy kẹo cho con nít. Nói được cũng khá nhiều tiếng Việt :chào má, chào ông mạnh giỏi.... Có một đêm dân đốt đuốc tới

trước trại kêu la không biết chuyện gì. Sau nghe tiếng la văng vẳng “cứu người mấy ông ơi” cũng liều mạng kéo rào đi ra coi sao. Mới biết họ khiêng đến một ông già đêm tối không đi ngủ, lại đi bổ củi bị bạt búa vào chân gãy xương ống quyển. Gọi vào cho Donaldson, anh lật đật chạy ra hốt hải lo lắng. Sau khi băng bó tạm, Donaldson nói với tôi, hỏi người nhà nếu bằng lòng thì anh gọi trực thăng tải thương chở về bệnh viện 3 dã chiến Mỹ (US Army 3rd Field hospital), không để đây được vì vết thương rất nặng. Tất nhiên họ đồng ý. Donaldson những ngày sau đó thường xuyên đi thăm ông già nọ. Mỗi khi đi thường tấp qua tôi hỏi có gì gởi cho ông già đó không. Mấy tuần sau chẳng biết Donaldson liên lạc ra sao mà trực thăng chở ông già với chân bó bột về ngay bãi đáp trực thăng cổng trại.

Sau đó vài tháng, Donaldson và người tài xế chết khi bị phục kích, cách trại khoảng gần cây số, lúc anh ngồi trên chiếc xe Jeep ra hộp ở trung tâm hành quân. Chết ngay trên vùng quê nghèo khổ mà anh rất yêu thương.

NGUYỄN KHÔI VIỆT



VĂN HỌC MỚI
TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

GÓP MẶT TRONG SỐ NÀY

Nguyễn Vy Khanh - Nguyễn Vĩnh Long - Đức Phổ - Phan Ni Tấn - Nguyễn Trung Hòa - Hoàng Ngọc - Tuấn - Trần Bắc - Nguyễn Minh Trí - Trần Việt Hải - Hà Nguyễn Du - Đặng Phú Phong - Khế Iêm - Quan Dương - Thanh Thương Hoàng - Xuân Thủy - Hà Du - Nguyễn Văn Sơn - Ngô Tinh Yên - Phạm Quốc Bảo - Khánh Trường - Phan Tấn Hải - Hà Quốc Huy - Nguyễn Đức Tùng - Ngô Phương Huyền - Nguyễn Lương Ba - Hải Phương - Phạm Xuân Diá - Trần Yên Hòa - Du Tử Lê - Hà Bạch Quyên - Nguyễn Thị Thảo An - Thành Tôn...

Tháng 11 năm 2018 ①

Hãy trở thành độc giả dài hạn

VĂN HỌC MỚI
TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Số Đặc Biệt Tưởng Niệm Nhà Thơ Và Lý Luận Văn Học TRẦN VĂN NAM

Tháng 3 năm 2019 ②

Tạp chí **VĂN HỌC MỚI**
Phát hành **2** tháng một số
Một năm **6** số
Liên lạc:
vanhocmoi68@gmail.com
hanguyendu@gmail.com



TRAN HA VI
ngọn gió phương nam

Tháng hai.

Những ngày tháng hai, cô luôn nhớ anh da diết. Và cô không hiểu tại sao. Một cơ sở năm về trước, cũng vào một ngày tháng hai, cô đã bắt đầu một câu chuyện về anh trên blog của mình, tựa đề “Mối tình thứ nhất”, nhưng với tính đông dài tỉ mỉ cố gắng ghi lại như nhật ký của mình cô chưa bao giờ kể được qua cái lần họ đi Crown xem phim với nhau, bộ phim “Một vụ giết người hoàn hảo” dù cô vẫn nhớ như in bầu trời Melbourne trắng nhợt lúc mười hai giờ đêm đó. Như nhớ cuộc điện thoại ‘sách vở’ của anh sau khi đưa cô về nhà bằng taxi và lập tức gọi cho cô khi vừa đặt chân vào nhà mình để thể hiện là anh đang theo đuổi cô, theo lý thuyết anh học được từ quyển “Đàn ông sao Hỏa, đàn bà sao Kim” của John Gray. Như nhiều thứ trong đời cô, tạt ngang túm lấy thọt lét cô hoặc cọ quảy dựa vào tâm hồn mịn như nhung của cô trong một phút giây rồi lại im lặng chìm vào những âm ào ồn ã bận bịu ngày thường cuộc sống. Anh là thế. Anh đã ghé qua đời cô, xuất hiện rất bất ngờ, biến mất bất ngờ, lại xuất hiện bất ngờ và lại biến mất. Anh còn xuất hiện một lần nữa, để cuối cùng là biến mất vĩnh viễn.

Đôi khi cô vẫn còn ngỡ ngàng. Có phải là vĩnh viễn. Cô đã nói gì sai ở email cuối cùng cô gửi cho anh. Rất đơn giản lúc đó cô bảo cô sẽ đi Thụy Sĩ và mong có thể gặp anh. Anh im lặng. Và từ đó không trả lời email cô nữa. Cô cũng không biết bây giờ anh có còn xài hộp mail đó nữa hay không. Qua bạn bè mình cô biết anh vẫn giữ liên lạc với người anh học cùng trường đã tình cờ giới thiệu cô với anh, nhưng không còn liên lạc với cô nữa. Thi thoảng đôi lần nhớ quá cô lên mạng tìm anh, thảng hoặc tìm được một thông tin anh tham gia một giải cầu lông-cờ vua nào đó, một tấm ảnh nhỏ xíu anh cười hiền hiền nhưng đã mập ra hơn nhiều so với anh chàng dong dỏng cao chuyên nói ‘chập cái, chập cái’ và ngớ ra không hiểu bài thơ bậc võ lòng ‘làm anh

khó lắm' mà cô đọc cho nghe. Cô tìm được một dòng tên anh trong một bảng sơ đồ của một công ty lớn đa quốc gia, anh vẫn làm ở đó đến giờ. Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ. Bạn cô bảo rằng vị trí đó ở tập đoàn đó lương phải 500 ngàn franc Thụy Sĩ một năm. Cô cười. Ừ thì lương 500K/năm. Thì sao. Bạn cô ở Thụy Sĩ đã bảy năm, nhưng chưa bao giờ gặp anh dù Thụy Sĩ rất nhỏ. Cô bảo "chắc là không có đủ duyên". Cũng như cô, có lẽ duyên đã dứt từ khi cô dự định đi Thụy Sĩ lần thứ nhất, mà vẫn mãi là dự định.

Những cơn gió lạc loài của Châu Âu, giữa mùa covid, chở bao nhiêu con virus nhớ thương, chở đến cho cô một hoài niệm xa xăm về những ngày ngổ ngàng trên sân trường đại học, từ một buổi gặp mặt định mệnh trên chiếc cầu lộng kính ba mặt vắt vẻo treo trên đầu hai con đường như một sợi dây giăng, nối hai tòa nhà cũ kỹ trường Đại học M. ngày xưa, nhà T và nhà B. Cô, đứng đó, cùng anh, và anh bạn mà anh vẫn còn giữ liên lạc ấy, và nhìn mỗi tình trước đó của mình tung tăng đi cùng cô bạn gái bên dưới đường. Gần nhau quá, mà xa nhau quá. Như một đám rêu dĩ vãng mượt mềm vừa nhẹ nhàng chuôi khỏi tay cô hòa theo dòng nước uốn lượn chảy về cuối nguồn, còn cô băng khuâng bám vào một tảng đá gồ ghề vững chãi nhô ra bên lòng suối. Bấu víu, tựa nương chằng.

Họ chưa bao giờ hôn nhau. Hơn thế, thậm chí, họ chưa bao giờ nắm tay nhau. Một lần đi mua áo veste, anh bảo "nếu người ta gặp em đi với anh như thế này, hỏi anh có phải bạn trai em thì sao?". Cô đáp ứng "Không phải, em sẽ nói là bạn thôi." Nếu mà cô thông minh hơn một chút, nếu mà cô từng trải hơn một chút. Nếu mà cô bớt ngại ngùng bên lên một chút. Cô đã hiểu được anh, hiểu được cái ham muốn rừng rục từ cặp mắt nóng rẫy cạnh cô trong rạp chiếu phim Crown năm đó. Cô có lẽ chỉ cần ngả đầu vào vai anh, họ sẽ có một chuyện tình không biết mặn nồng bao lâu nhưng chắc cũng thấm đẫm nước mắt. Sau này cô nghĩ, với nhiều người con gái, có lẽ, khoảng cách giữa trinh trắng và từng trải chỉ nằm ở một cái nắm tay, hay một cái ngả đầu vào vai nhẹ nhàng như một hôm nào say nắng. Cô không biết, cô đã không dám. Cô sợ hãi. Cô không biết làm sao đối diện với tình cảm của mình. Có nhiều năm sau cô vẫn còn nhớ, tiếc, luyến thương và thậm chí 'giá mà', 'giá mà'. Cô nói 'giá mà' nhiều lắm, với nhiều cuộc tình lắm, nhưng có lẽ 'giá mà' với anh là nhiều nhất, mỗi tình trong sáng nhất của cô, mỗi tình làm cho cô hăng đi vài nhịp tim, nhiều lần.

Thụy Sĩ, từ đó, trở thành một đất nước thân thiết với cô. Xa lạ, mà gần gũi. Vì anh sống ở Thụy Sĩ. Vì anh đã từng đi vượt biên lúc 5 tuổi trên một con tàu không cơm ăn nước uống 3 ngày liền mà vẫn sống sót. Anh bảo "số mệnh cho anh sống để làm một điều gì đó to

tát hơn.” Cô tin là như thế. Bây giờ, anh có làm điều gì to tát hơn hay không, cô không biết được. Họ đã đi bên cạnh nhau một đoạn đời rất ngắn ngủi, anh đã viết vào lòng cô một dấu khắc không quên, cho dấu, chỉ là một vết khắc vô hình.

Anh chưa bao giờ cố gắng theo đuổi cô quá dài, trong tất cả những lần gặp mặt. Anh gọi điện cho cô, rất khuya, nói chuyện rất dài. Một lần ngay trước khi cô thi. Họ nói cười rúc rích. Cô thấy anh lạ. Lạ vì không rành tiếng Việt. Lạ vì cái tính bộc trực bông khơi, muốn gì nói nấy. Lạ vì quan điểm sống. Lạ về tất cả. Rất, rất lâu sau này, cô mới biết là chỉ cần một người đàn ông có thể gọi cho cô cảm giác ‘lạ’ tức là họ đã đi được nửa đường đến trái tim cô, một trái tim cởi mở và tò mò một cách vô thức, ngây thơ háo hức ham vui ham mới mẻ như một đứa bé cho dầu tuổi đời cứ tăng dần lên theo số hoa hồng nhận được vào ngày sinh nhật. Anh cứ cố gắng theo đuổi cô, chiều chuộng cô một chút, khi thấy cô không đáp trả điều gì thân mật hơn thì lại không chịu nổi, phải đi tìm một vài cô bạn gái khác, để thỏa mãn nhu cầu bản năng. Và vẫn gọi điện cho cô, kể là vừa đi chơi vui lắm, gặp nhiều cô gái lắm. Cô vẫn ngồi nghe, vẫn hờn hờ bất cứ khi nào anh gọi điện. Trước khi anh bay về Thụy Sĩ, lần nào anh cũng dùng những đồng xu cuối cùng bỏ vào cái máy điện thoại xài tiền xu phổ biến hồi ấy ở sân bay Melbourne để gọi cho cô, trước khi boarding. Cô biết, đó là một trong những cách thức ‘của gái’ mà anh học được trong sách vở nào đó. Sau này, cô có áp dụng ngược lại với một anh người yêu khác, và nghe rõ sự cảm động trong giọng nói của anh ấy. Chính xác mà, vì mình ngày xưa đã cảm động đến bao nhiêu, cô thấm thía.

Anh đã rủ cô đi chơi xa hai lần. Một lần, ở Úc. Đi Cairns. Cô không đi. Cô nghèo. Học bổng sinh viên, tuy dư tiền nhưng cô cố gắng chắt bóp gửi tiền cho gia đình. Và cô không biết xài tiền. Không dám xài tiền thì đúng hơn. Và nếu cô đã không dám nắm tay anh hay ngả đầu vào vai anh thì làm sao cô dám đi chơi xa với anh. Cho dù trong lòng vô cùng mong muốn. Để rồi, một năm sau, cô nhất quyết phải đi Cairns. Với một người bạn nam. Không phải bạn trai. Khi bạn đó chịu không nổi cảnh ngủ dưới đất trong cùng một căn phòng với cô và bỏ về nhà theo tiếng gọi tình yêu thì cô vẫn đi thơ thẩn trong cái thành phố biển đó mà tưởng tượng nó vô cùng thân thuộc vì một năm trước người con trai cô yêu đã đến đây vài ngày.

Một lần. Phú Quốc. Cô không đi được. Cô vừa chia tay một người yêu lúc đó. Cô vừa hết bệnh, ra khỏi bệnh viện, lập đập đi làm, chúi đầu trong một đồng tài liệu và một chương trình huấn luyện nghiêm khắc. Anh dẫn cô và ‘lính’ cô đi ăn. Anh hồn nhiên bảo anh tuổi con bò. Con bò. Năm nay, Tân Sửu. Ủ, năm nay anh đã bốn mươi tám

tuổi. Có lẽ vì vậy, mà cô nhớ anh chẳng. Cô không biết. Chỉ biết là, lần đó, cô cũng đã không thể đi Phú Quốc cùng anh. Vì cô không thể bỏ công việc này. Không thể vì anh. Khi anh bảo anh sẽ cưới vợ cuối năm nay, bên cạnh tô phở 2000 nghi ngút khói mà anh muốn đi ăn cho biết nơi Bill Clinton đã từng đến ăn khi đến Việt Nam, cô nghe đất trời sụp đổ. Tim rơi thêm một nhịp. Sét nổ trước mắt. Cô chớp mắt. Không thấy gì cả. Mất thêm mấy giây. Vẽ ra một nụ cười. Rồi cúi xuống bát phở. Rồi vẫn ngơ ra nghe anh nói cười tiếp tục. Như vậy, và vẫn bảo cô đi Phú Quốc với anh. Vẫn bảo cô lên phòng khách sạn với anh, mà cuối cùng, bảo vệ chặn họ lại bảo là đã quá giờ thăm viếng nên khách không được lên phòng. Cô không biết mình nên trách cái khách sạn năm sao có cái tên như truyền thuyết với những quy định ngặt nghèo đó hay nên cảm ơn nó. Khi cô còn trẻ, cô cảm ơn. Khi cô lớn hơn một chút, cô thậm tiếc 'giá mà'. Bây giờ, cô lại ngậm ngùi "vì không đủ duyên thôi". Nhưng, vũ trụ vẫn thương ta, hay là, thương đàn ông, vì, nếu đã có chuyện gì giữa họ, có lẽ, cô đã hận đàn ông thêm nhiều đến bao nhiêu, cô nghĩ.

Cô đã từng dùng một đêm hôn một anh chàng khác đến từ Thụy Sĩ, cũng chỉ vì hai chữ Thụy Sĩ, vào một đêm giữa tháng mười hai một năm nào đó. Đã gửi cho anh ta một tấm thiệp nhẹ nhàng, nhận lại một email nhẹ nhàng, vài tấm ảnh, và kết thúc một chút lãng mạn vu vơ, một chút mơ màng. Cô đã dùng tuổi trẻ của mình để yêu những tình cảm không kết quả lãng đãng như sương khói như vậy. Ký ức về anh đọng lại. Hôm nay cô gặp một anh chàng khác, hoàn toàn khác, nhưng anh ấy gợi nhớ đến anh. Không rõ vì sao. Vì lạ. Vì cô cảm được cái mềm yếu bên trong cái rắn rỏi, hay là vì cô tưởng tượng anh có phần mềm yếu bên trong cái rắn rỏi của bản thân. Cô có thể lầm. Lầm với anh. Và lầm với cả anh chàng chiều hôm nay nữa. Nhưng không quan trọng. Cô đã bước qua cái tuổi chất vấn dần vặt mình vì một vài lầm lẫn, giờ có biết mình lầm cô vẫn chọn tiếp tục lầm lạc, đôi khi.

Cô đẩy cánh cửa, một cơn gió ào ngang. Những bông tuyết nhỏ li ti Bắc Mỹ trượt dài trên chiếc áo khoác màu trắng tuyết trơn tuột. Ngọn gió có mang theo covid? Ngọn gió thành Hồ phương Nam. Anh.

TRẦN HẠ VI

22.02.2021/Trần Hạ Vi



TRẦN DZA LỮ

đêm ở b'lao

Đêm đêm anh gõ cửa
Trái tim em đáp lời
Thị trấn có xa xôi
Mình đo bằng nỗi nhớ...

Hoa quỳ vàng còn nở
Tháng 10 trên đồi cao
Hoa Hoàng Hậu vẫn đỏ
Sao mình vội xa nhau?

Mù sương một tinh cầu
Mưa nghiêng một hồn nhỏ
B'Lao ơi B'Lao
Yêu một người thật khó...

Thương một người sao nở
Hái vầng trăng trên đầu ?
Cắt chiều, cho dẫu thỏ
Lạc qua miền thương đau !

Đêm đêm không còn nữa
Tiếng gõ cửa lòng nhau
Đứng một mình ngơ ngợ
Quên...mà quên được đâu?

tôi

Muốn thả nghìn nỗi nhớ
Vào mái tóc mun em
Để nghe hương Bồ Kết
Thơm lũng một trời quen...

Ước là sợi dây thun
Thân thương em cột tóc
Ước mình là tấm gương
Để em soi nhan sắc !

Ước chi tình là thật
Để em tựa bờ vai
Ngày long lanh con mắt
Đêm lên cơn yêu dài...

Ước chi mười ngón tay
thiên thần em cài nốt
Vào tay tôi ,bất biến
Nở niềm vui suốt đời ?

Ước chỉ là ước thôi
Tôi vẫn tôi khờ khạo
Trộm nhớ... em phôi áo
Bên chiều mòn chiêm bao !

Để về nhật nỗi đau
Người tình si lắm lỡ
Gửi lòng vào tiếng sáo
Giấc mộng đời chênh chao...

TRẦN DZA LỮ



PHAN HẠ DU
chờ anh với mùa thu

Sáng nay trời trong xanh
Nắng đổ vàng muôn ngả
Em lại nhớ về anh
Xôn xao ngàn mắt lá

Em mơ có phép lạ
Thu củ vàng xốn xang
Những đêm mưa lã chã
Bên anh em mơ màng

Chiều thu vàng khắp lối
Góc phố nhỏ năm xưa
Lặng ngời bên cửa sổ
Em chấp thành ước mơ

Heo may tràn nỗi nhớ
Gió ơ đừng vuốt ve
Em như người mắc nợ
Nỗi nhớ đưa anh về

Anh ơi anh có thấy
Đà Lạt lạnh tái tê !



như là sương khói

Từ dạo
gởi nụ hôn thầm cho gió
Nương theo mây về tận nẻo
đợi chờ

Tình cẩn thận niềm phong
đóng gói
Dây phiêu bông cột chặt
gói trời mơ

Nụ hôn buồn lãng đãng
xứ ngàn thơ
Đêm giá lạnh mịt mù
sương pha muối

Nụ hôn ngủ trên nhành cây
không tuổi
Ngàn lá xanh nương nấu
chốn đại khờ

Đêm trở về
nghe con suối hoang sơ
Suối vu vơ bản tình ca
muôn thuở
Nụ hôn chết giữa ngàn thông
nhưng nhớ
Giả biệt nụ hôn thầm
và thơ cũng bơ vơ !

PHAN HẠ DU



MÃ LAM
mặt trời

Mặt trời xé rách đêm
Bò dẫn lên đỉnh
Sóng vỗ tay
Cười

Dã tràng se cát từng viên
Lưng còng gập
Hoang tưởng niềm tin

Ông già gần qua kiếp người
Kiếm kê quyền lực
Nghĩ về thời dã tràng

Mặt trời rơi vào đêm
Méo mó lơ mờ
Khuất./.

MÃ LAM



SA CHI LỆ thơ là em

Mưa lất phất giăng nghiêng cầu tình tự
Thoáng ai trầm tóc lộng gió sân ga
Như chờ đợi bước chân về cố xứ
dáng rồi bởi e ấp đẩy thuyền xa

sóng nhấp nhô xô giấc ngủ ngọc ngà
lời nói dối bỗng kết hoa ngoài phố

Khi đời ghim nhiều vết tích trên vai
Mọi người hỏi anh thơ là gì?
Tiếng trả lời thanh thót như chuông ngân,
từ nóc giáo đường buổi sáng chủ nhật:
Thơ là em!
Lung linh như ánh nến
Soi đường em đi
Nghe mặt trời múa hát
Trái đất ngoạm dòn cơn đau...

Bốn mùa rộn ràng, giao hoan sinh tử
Sinh em ra nhằm giờ: Thơ lên ngôi hoàng vị
Thơ cũng là anh, truyền lệnh:
Ân xá cuộc đời. Mở cửa mười cung
Hòa nhập vạn vật rong chơi...
vận chuyển thời gian sinh mệnh vô thường

Anh hóa ra em theo dòng thiên sứ
Cuốn cuộn giấc mê luân hồi thánh thiện,
Vạn vật mãi đi tìm hầm trú ẩn,
Kẻ thơ cuốn tiêu mộng mị phi thường...

SA CHI LỆ



SA CHI LÊ

nhật ký: tháng tư học máu

một đời cúi mặt

22-4-1975

chi khu PHƯỚC NINH

Trong hầm trú ẩn, nằm trên chiếc ghế bố nhà binh tôi đang đọc lại cuốn “Nghĩ trong một xã hội tan rã” thì Sĩ bước vào, nói trỏ:

- Đường Tây ninh - Saigon bị cắt rồi!

Đoạn hấn ngồi phịch xuống chiếc giường gần đó với tiếng thở dài chán nản, tôi buông sách, bật dậy hỏi:

- Ai nói thế? Sĩ uể oải trả lời:

- Chẳng ai cả. Hồi sáng sớm, tớ dù về nhà, mới đến Trà Võ, từ xa đã thấy một số xe chạy ngược lại, tớ nghe mấy tràng AK nổ dòn, họ la lớn: -Trở lại đi, chết đây đằng kia kìa! Ghê quá, tớ phóng về Long Hoa hỏi thăm. Được biết, VC đóng 3 chốt từ Trà Võ đến Suối Sâu, không cho một xe nào qua. Biết như vậy, tuần trước tớ đi là ổn rồi. Hấn có vẻ bức bối. Như chợt nhớ ra điều gì, tôi vội lấy nón sắt bên đầu nằm, ra văn phòng lấy xe còn nghe tiếng Sĩ nói với theo gì đó...

Chạy khoảng một cây số, hai bên đường là rừng cao su, lạnh tanh, tôi nhấn thêm ga, bất ngờ gặp Thụy ngược chiều, tôi đưa tay chỉ về hướng thị xã, hấn quay xe đi song song, Thụy vốn vả:

- Ta lên nhà người đây. Tôi thoáng ngạc nhiên:

- Có chuyện gì không? Hấn cười:

- Mình kiếm gì lai rai cho quên mớ đời.

- Bộ mi mới lãnh lương hả ?

- Còn phải hỏi, 22 rồi mà!

- À! Lính hành chánh tài chánh có khác .

Hai đứa tôi như mặt trời mặt trăng. Một đứa trầm, chậm rãi, đứa kia sống động xông xáo. Thế mà thật chí thân. Nhiều lúc giận nhau có thể đâm vào mặt được, nhưng rồi cũng xí xóa vì cả hai đều

mê làm văn nghệ. Hấn, Dạ Sầu Vĩnh Thuy trong Hội văn nghệ sĩ Quân Đội. Trời khéo cho hấn có mã đẹp trai và sớm kênh đời .

Quán Dịch Thuy sáng nay vắng khách. Cô chủ ngồi buồn nhìn xuống dòng sông, nước lững lờ trôi. Chúng tôi bước vào, cô tươi hấn nét mặt, nhoẻn miệng cười, nói:

-Ồ! Lâu nay mấy anh biệt tích đâu nhỉ? Thuy tươi tắn đáp:

-Tiền lính tính liền em ơi! Ba mươi ngày chỉ có một, muốn gặp em thường lắm chứ. Hồng vừa tiến lại chúng tôi, vừa tiếp:

-Thôi đi! Em sợ mấy ông nhà văn khéo nói lắm!

Tôi nhìn Thuy ngăm hỏi, hấn hiểu ý, gọi bia. Trong lòng không vui, uống từng ngụm, tôi nghe đắng ngắt, im lặng một chút, Thuy giục:

- 100% đi! Nhà người say với ta một bữa coi. Biết ngày mai còn được như vậy không? Tôi lan man nghĩ ngợi:

-Ừ! Ta cũng lo quá! Bây giờ miền Trung đã bỏ ngõ, không khéo thì tất cả... rơi vào tay cộng sản, nhà người có thấy sự tính toán sai lầm của cấp lãnh đạo không?

Thuy nốc cạn ly, hùng chí:

- Qua đài phát thanh và báo chí, ta tức quá. Tại sao dễ dàng buông súng, chạy như vịt vậy? Theo ta, nếu cố thủ vùng 3 + 4 thì VC cũng khó nuốt.

-Ta e chẳng kịp nữa! Thuy như ngờ ngác hỏi:

- Nhà người nói sao?

Có gì lạ đâu, cứ nhận xét tình hình toàn bộ, sẽ tiên đoán được tương lai...Ta chán quá rồi, mình đang sống trong một xã hội bệnh hoạn, mừng mủ, nhiều tướng lãnh bất tài lại tham nhũng cùng những chính khách xoi thịt, quan liêu, chỉ đánh giấc mồm trên ghế salon, trong phòng trà, tổ chức buôn lậu tiếp tế cho địch, giàu trên xương máu đồng bào. Hơn nữa, Mỹ có thực sự giúp chúng ta không hay coi miền nam như con chốt thí trên bàn cờ quốc tế? Chiến trường trung đông đang lên cao điểm, Mỹ có thể đổi VN để lấy Trung Đông vì ở đây là mạch máu của họ. Vả lại nền kinh tế Mỹ đã kiệt quệ bởi chiến tranh VN làm phong trào phản chiến ở Mỹ bùng phát dữ dội. Do đó, Mẽo áp lực T.T Thiệu ngồi vào bàn Hiệp Định Paris. Người không hiểu sẽ cho ông Thiệu ngu, nhưng thực tế thật là đau lòng ...

Thuy ngà ngà say như một gã thắm đờn gian lận. Tôi chua chát:

- Mỹ là kẻ phản bội! Ai bảo trí khôn con người không có lúc bị nhiễm độc? Nguy hiểm cho cả một dân tộc và nhiều thế hệ...Vụ Watergate đã làm họ chơi với, chưa bao giờ chính trường Mỹ gặp cơn bão thế này... Thuy chột vồ vai tôi:

- Mình là con kiến trong bàn tay ác quỷ, cứ sống nốt đời phu phen và chấp nhận tình trạng khốn nạn nếu nó đến...

- Không! Tao không thể làm tên nô lệ. Tao chấp nhận cái chết, một khi cuộc sống chẳng còn ý nghĩa...

24-4-1975

Sáng tinh sương, vùng thượng biên đẹp tuyệt vời. Tôi và thiếu uý Tân thuộc TTHQ ra quán café trước Chi Khu, Tân cho hay Tiểu Đoàn 350 đã bỏ Bến Sỏi, về bố trí làng Cao Xá sát nách mình rồi vì áp lực địch quá mạnh. Như vậy, vòng đai an ninh ở đây bị thất lại, địch chỉ cách ta 2km, bên kia sông Vàm Cỏ Đông.

Làng Cao Xá, một thời được sáng danh, nhờ dân di cư đoàn kết mà 2 trung đội Nghĩa Quân đánh bật một Tiểu Đoàn VC. Trời lành lạnh thơm mùi gió núi nhưng tôi tưởng chừng mồ hôi tươm khắp mình. Trên đường, người người gồng gánh, bồng bế, hối hả tản cư, họ nói không kịp thở:

- Có nhiều tàu...của mấy ông đội nón cối, dép râu, mấy ông bảo chúng tôi đừng đi...Hòa bình tới nơi rồi!...

BBC & VOA bình luận Đông Dương sắp rơi vào tay CS. Ai ai cũng xôn xao bàn tán, mặt mày biến sắc mất hồn, chỉ những chủ xe hàng hí hửng được dịp hốt bạc. Lên giá bao nhiêu người ta cũng thuê, miễn di chuyển tài sản của họ khỏi vùng lửa đạn. Họ nghĩ cùng lắm là mất Tây Ninh, Saigon khó sụp đổ. Họ đâu biết gần 2000 cô nhi đã đến đất Mỹ. Ý đồ gì đây của lâu năm góc? Có lẽ đang thực hiện lời khuyên của ARAFAT, CT phong trào GP Palestin:

- MUỐN THẮNG CS PHẢI THUA CHÚNG!

Tôi đứng trước cổng Chi Khu nhìn bốn phương trời. Đường về thị xã người đi như trẩy hội. Nét mặt nào cũng bơ phờ sợ hãi. Thị xã nằm trong tầm pháo của “người anh em phía bên kia”. Mỗi ngày điểm tâm, trưa, chiều dăm mười quả để đồng bào té khói chơi. Những trạm kiểm soát buôn lậu biến dạng. Tha hồ nhu yếu phẩm tiếp tế cho VC dồn dập. Tiền làm cho con người mù quáng, bất chấp hậu quả dù có mất nước...

25-4-1975

Nghe radio loan báo về tình hình miền Trung, di tản và di tản...cấp chỉ huy chạy trước...làng nước theo sau, hỗn loạn, chết vì pháo VC, thịt, xác văng tứ tung, chết đói, khát, tạo thành bức tranh rùn rợn nhất trong lịch sử dân tộc. Miền quốc đang trả thù tàn bạo hơn thời Đức Quốc Xã. Rồi đây miền Nam sẽ lãnh bản án chung thân hoặc tử hình do VC trả thù??? Tôi không muốn tưởng nổi cảnh hãi hùng đó...

25-4-1975

Tổng thống Hương đọc diễn văn trước lưỡng viện Quốc Hội. Giọng ông run run chất chứa đầy uất ức, khác nào lời di chúc của một người đang hấp hối, lìa đời.

Ông cho biết súng đạn còn có thể chiến đấu 2 năm, lương thực 3 năm. Trước đó trong một cuộc họp báo, tướng Dương văn Minh

khẩn khoản yêu cầu:

- Để kịp thời cứu nguy đất nước, xin thầy hy sinh một lần cuối cùng giao quyền tổng thống cho tôi, tôi sẽ lãnh sứ mạng thương thuyết với người anh em phía bên kia. Thời gian đó, làn sóng radio không gọi VC hay CS mà dùng những từ thân mật “người anh em phía bên kia” ?!

T.T Hương từ chối và khẳng khái nhất định: KHÔNG ĐAU HÀNG CS SẴN SÀNG CHẾT THEO QUÊ HƯƠNG!

28-4-1975

Những giờ phút nghiêm trọng của lịch sử nóng bỏng... mặc dù T.T Hương sức đã cùng lực kiệt, nhưng ông cố chiến đấu mãnh liệt với chính mình về vấn đề: Nên bàn giao quyền TT cho DVM hay không? Tiếng nói không của ông, Saigon biến thành biển máu ?! Cuối cùng, lúc 17:15pm, ông ngậm ngùi bàn giao cho DVM mưu tìm một giải pháp hữu hiệu thương nghị với CS. Cựu CT/TNV Huyền làm phó Tổng Thống.

Đêm.VP/Tổng trấn Saigon – Gia Định đọc thông báo 14/75 Lệnh giới nghiêm 24/24, phi trường TSN bị 3 chiếc A37 dội bom. Đường SG – Biên Hòa bị VC khống chế ...

Dân tư sản mại bản, thượng lưu trí thức, quân nhân cao cấp ùn ùn kéo đến TSN, bến Bạch Đằng xô đẩy, đạp nhau leo lên phi cơ, tàu ra ngoại quốc. Biết bao nhiêu xác nổi lềnh bềnh trên sông Saigon khi bước chân giặc cộng chưa tới ...

29-4-1975

VC pháo từng chập vào căn cứ Trảng Lớn Tây Ninh, nơi TTYT Tiếp Vận Tiểu Khu và hậu cứ Trung Đoàn 49/SĐ 25 bộ binh, hướng tây bắc cách thị xã 5km. Một bồn xăng cháy lửa cao ngùn ngụt. Khoảng 3 giờ chiều, một chiếc F5 bị hỏa tiễn Sam đuổi kịp bốc cháy đâm nhào xuống khu rừng Dương Minh Châu. Tôi tê tái nhìn ánh nắng chiều run rẩy ... Bất ngờ gặp Hoàng từ Huế về, hân hỉ thao thao:

-Thỉnh thoảng tao đi xe và chạy bộ trời chết. Tao vừa tái sinh mày ạ! Cửa Hội An, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha Trang, Vũng Tàu, Saigon đã diễn ra những bi kịch trốn chạy chưa từng có...nhiều người bị đạp rơi từ trên phi cơ xuống như khúc củi mục, kẻ đeo dưới lườn trực thăng như đóng phim, chen lấn nhau xuống tàu, rớt xuống biển, trước khi chìm lịm kêu, khóc, la, hét vang cả một góc trời ...bỏ lại hết, rồi cũng bỏ mạng...

30-4-1975

Rạng đông. Tôi đứng trên hầm trú ẩn. Một cột khói phía thị xã từ chiều hôm qua vẫn còn ngạo nghễ cao thêm giống con quái vật khổng lồ điên cuồng vùng vẫy . Trên đỉnh núi Bà Đen cũng thế. Khói

ngùn ngụt đùn mây đen cả một góc trời.



Các đơn vị hỗn hợp báo về, đài Viễn Thông ở đó đã di tản mấy ngày qua. Họ phá huỷ toàn bộ hệ thống máy móc và đài ra-đa vì chịu không nổi chiến thuật tấn công đánh lấn phối hợp đặc công VC. Gần 20 chiếc trực thăng tiếp vận chiến đấu sợ hãi né tránh hỏa tiễn Sam phóng ra từ sườn núi...

Nắng hè trở nên gay gắt. Gọi rừng chát chứa náo nùng. Nổi chết không rời quanh tôi. Tuổi trẻ bất lực, tôi muốn đâm vào ngực mình và thêm một chút yên bình trong đời. Bận bè lần lượt đi về hư vô, còn ta lâm chiến chắt chiu. Bỗng trung úy Minh tìm tôi nói nhỏ:

- Chuẩn bị di tản ! Nhanh lên!...Tôi bàng hoàng hỏi:
- Về đâu? Hắn có vẻ nghiêm trọng :
- Chưa biết! Phải sẵn sàng chờ lệnh.

Tôi định hỏi thêm, nhưng hắn đã vội đi. Tôi xếp đồ, tự hỏi: Khiêm Hanh bị bao vây. CSBV cô lập Gò Dầu . Bến Cầu mất. Đồn Mỏ Công bị tràn ngập. VC bên kia sông Bến Sỏi. Suối Đá, Trường Lưu đang dần co. Xung quanh như thế. Di tản đi mô ??? Chịu chết thôi! Đầu óc lan man rối bời suy tính, tôi nhét vội quân trang vào ba lô rồi ra ngoài nghe ngóng. Phòng TTHQ trực máy khẩn trương. Thỉnh thoảng Tiểu Khu gọi, bảo chờ lệnh...

Đại úy Sơn trưởng ban 2, quân phục gọn ghẽ trong văn phòng, đứng cạnh chiếc radio nhỏ vang tiếng hát thật lạc lõng. Dường như không ai chăm chú nghe, nét mặt dàu dàu mệt mỏi ... Đột nhiên, tiếng radio kêu rè rè ...Anh lấy làm lạ tưởng hư, định chỉnh nó, thì một giọng nói bệnh hoạn phát ra, kêu gọi toàn bộ Quân, Cán, Chính Miền Nam bàn giao chính quyền trong vòng trật tự ... Tôi và anh Sơn đánh thót người, nhưng chưa tin là sự thật. Đến khi Dương văn Minh lặp lại lần thứ ba, anh em mới nhìn nhau nghẹn ngào. Tôi cảm thấy mình đang rơi xuống vực thẳm. Lần đầu tiên tôi buông tiếng chửi thề trước mặt nhiều người, kêu lên như người vừa bị trúng đạn:

- Đầu hàng vô điều kiện! Khốn nạn! DVM là tên phản quốc! Tham sinh uỷ tử!

Lịch sử VN không chấp nhận một tên tướng đê hèn như thế!!! Anh em bút tóc, đập bàn văng tục...

- Đồ khốn ! Lê Chiêu Thống tái sinh...

Chỉ có anh Sơn là người biến sắc hơn cả, lớn tiếng hỏi : - Có ai đi không hãy theo tôi!...

- Đi đâu ???

Anh không đáp, tuy nhiên nhìn ánh mắt rực lửa của anh cũng đủ hiểu ý . Mọi người im lặng phân vân...rồi vút ba lô, thay đồ dân sự ...Một trái bom hạch tâm nổ trong đầu khi tôi thấy thiếu tá Thà CKT ngoan ngoãn lo bàn giao, sợ sệt đủ thứ, còn Đ/U Sơn đã âm thầm mất dạng...

Chợt có tiếng anh Đ/U Trưởng Chi ANQĐ phòng bên cạnh, đọc lập đi lập lại vang vang hai câu thơ ngẫu hứng của tôi :

Thôi rồi trời đã ngủ mê

Để bầy quỷ dữ xuống đê quê hương !...

15:00PM . Đám du kích MTGPMN cầm cờ “cách mạng” kéo ra đường đứng trước Chi Khu cách 100m. Chúng đeo băng đỏ ...

Nổi uất hận dâng trào , tôi cúi mặt lầm lũi đi ...Một con én làm sao dệt nổi mùa xuân ?...

30 – 4 - 1975

Ngày Hòa Bình hay ngày tang dân tộc?!

Ngày lên thiên đàng hay xuống địa ngục

Hỡi đồng bào ơi! Hỡi bạn bè ơi!

Cúi mặt mà đi như bóng ma Hời!...



SA CHI LỆ

Danh ngôn

- Ai kiểm soát truyền thông đại chúng, người đó kiểm soát văn hóa.
Whoever controls the media, the images, controls the culture.

- Nước Mỹ, tại sao tự do của người lại tràn đầy nước mắt?
America, why are your libraries full of tears?

Allen Ginsberg



HỒ XOA
ra giếng

Rồi mùa xuân ra đi
Chiều bỗng vàng
và buồn như nắng
Khắc khoải
chim kêu
Nước ròng
nước lớn
Đời như bến sông
chết một con đò

Ra giếng
Những loài hoa
vội tàn
Vườn ai lên
ngõng hoa cải
Nở đầy trong tôi
màu hoàng hôn
Những kỉ niệm tan tành
như xác pháo
Như gió bên trời
Mòn mỏi ra giếng

Ra giếng
Mây trôi
trên mắt chờ thiếu phụ
Mòn mỏi mấy phương trời
Em chín vàng trong tôi

HỒ XOA



TRẦN THANH TRÚC
ru trắng

Ta ở bên này
Em ở bên kia
Trắng cứ lênh đênh
Ru hai đầu vông

Ta ru đời mình, mà hồn viễn xứ
Sầu thiếu phụ trắng soi
Những vì sao xa xôi lời miên viễn
Chập chùng chiêm bao
Bóng ngàn năm nước chảy hoa trôi

Ta với người hai đầu viễn xứ
Âm thầm đêm môi nở hoa thơm
Những sông xa ôm lời ru rất tím
Hồn mơ lục bình trôi dạt về nhau

Dưới rừng đêm cất giữ lời Tiên nữ
Đêm ru trắng ngọt ngào
Ru em qua mùa thiếu nữ
Trôi qua tháng ngày trần gian tội lỗi
Ru tình về, trắng lặn phía đời nhau

Loài người ngủ, loài người đã chết...
Còn tình yêu thức ở hai đầu
Ôi ta say ngút trời dâu biển
Lênh đênh tình móc vông ru trắng

TRẦN THANH TRÚC



TRẦN VIỆT HẢI chiến tranh & hoài niệm

Mỗi năm dịp 30 tháng Tư đến, những hoài niệm Việt Nam Cộng Hòa vẫn hiện về không nguôi ngoai, trong ý nghĩ của tôi, buồn lắm. Có lẽ vết thương cũ vẫn chưa lành. Máu thù uất hận trong tôi vẫn còn đầy. Nước VNCH đã mất. VNCH vẫn đẹp trong tôi. Nhìn về dĩ vãng một thuở, VNCH được tôn vinh như một tiền đồn chống Cộng hăng say ở Đông Nam Á. Nhìn lại “tuổi thơ” của VNCH không dài, người ta ép nó trưởng thành nhanh quá. Trưởng thành trong nhiệm vụ nhiều khê, khó khăn, như ngăn làn sóng đỏ, chặn vết dầu loang của chủ nghĩa Cộng Sản lan tràn đến xứ tôi. Người ta phòng xa hiệu ứng do yếu tố domino. Cuối cùng thì VNCH bị bách hại, bị bức tử oan khiên. VNCH bị yếu mệnh, vong mạng đáng thương!



Sau đây là bài ghi nhận cô đọng từ nhiều nguồn sách vở, từ nhiều nguồn websites từ những người từng bảo vệ cho lý tưởng Quốc Gia Dân Tộc, chiến đấu để bảo vệ giang sơn.... Xin mời xem bài viết sau.

* Xem qua bài Quốc Hận 30-4-1975: Viết về Người Lính Bất Hạnh VNCH đã qua gần nửa thế kỷ, của tác giả Mường Giang viết về Người Lính Bất Hạnh VNCH nhân Quốc Hận 30-4-1975:

“Hai mươi năm chinh chiến, QLVNCH đã có 250.000 người gục ngã trước đạn thù và nửa triệu thương binh chịu đời bất hạnh vì một phần cơ thể đã gửi lại sa trường. Tuy nay chính phủ cũng như QLVNCH không còn nữa, nhưng trong tâm tư của mọi người được sống sót qua cuộc đời mạt kiếp, thì lý tưởng và danh dự của Người Lính càng được sáng tỏ, trong niềm hãnh diện chung của quân dân Miền Nam.

Đau đớn nhất là trận Hạ Lào 1971, cho dù các đơn vị đã tham chiến như Sư Đoàn Dù, TQLC, Sư Đoàn 1 BB, Lữ Đoàn 1 Thiết Kỵ và Liên Đoàn 1 BĐQ có bị tổn thất nặng nề. Nhưng cuối cùng QLVNCH cũng đã đạt được mục đích của cuộc hành quân, là phá hủy gần như toàn bộ các cơ sở hậu cần, tiếp liệu tại các mật khu, binh trạm tại đây. Lúc đó, chỉ có Đại Úy Trương Duy Hy, pháo đội trưởng PDC/44, tham dự cuộc hành quân, tại căn cứ Hỏa Lực 30, là tác giả quyển hồi ký “Tử thủ Căn Cứ Hỏa Lực 30, Hạ Lào” là viết sự thật. Ngoài ra tất cả bọn phóng viên Mỹ & Tây phương đều ở Khe Sanh, hằng ngày nhìn cảnh máy bay tải thương xác lính và thương binh về tới tập. Từ đó chụp hình, diễn dịch rồi gửi về nước, nói là QLVNCH đã thảm bại tại Hạ Lào, giống như hồi Tết Mậu Thân (1968).

Chính bọn trí thức thiên tả này đã lợi dụng quyền tự do báo chí ngôn luận của VNCH, để viết lách, bôi nhọ, xuyên tạc, tuyên truyền phá nát hậu phương, đâm sau lưng chiến sĩ tiền tuyến, đang liều chết để bảo vệ đồng bào, trong đó có cả sinh mạng ký sinh của chúng. Cuối cùng, VNCH đã sụp đổ, kéo theo sự mất mát toàn diện mà người Việt QG đã tổn xương máu xây dựng. Người chạy thoát ra nước ngoài tuy không bị đau đớn thể xác nhưng tinh thần và sự dằn vặt, cũng đã làm cho họ điên đảo suốt quãng đời lưu vong nơi xứ người. Tội nghiệp nhất, cũng vẫn là Lính phải còng lưng cúi đầu gánh chịu những thảm tuyệt của kẻ thù man rợ, những điều mà chắc chắn thế giới tự do không hề nghĩ tới, vậy mà vẫn tới trong địa ngục trần gian của các nước Cộng Sản, trong đó có CSVN”.

Sau đây là trích đoạn thơ Mường Giang:

*“... đem xác người đi phá núi đồi non
 đem mạng sống để gỡ mìn tháo đạn
 thay trời dẫn nước vào sông đã cạn
 thay trâu kéo cấy phá vỡ ruộng hoang
 buổi sáng gương vui nhìn lúa trở bông
 nửa đêm khóc thầm đời lính bất hạnh
 tôi đã sống qua những ngày đói lạnh
 tôi đã nhét đầy túi liệu buồn nôn
 kiểm điểm nghìn câu cho tốt tốt hơn
 để theo đảng biến người thành khỉ vượn “.*
 (thơ Mường Giang).

* Tác giả Nguyễn Phúc Sông Hương, tên thật là Nguyễn Hồng Phúc. Vào tháng Tư, 1975, ông là tiểu đoàn trưởng thuộc Sư Đoàn 18 BB, người trực tiếp cầm tiểu đoàn dự trận Xuân Lộc ngày 29 tháng Tư. Sau 30 tháng Tư, đi tù gần 10 năm. Hiện định cư tại Hoa Kỳ. Nguyễn

Phúc Sông Hương đóng quân ở Xuân Lộc. Trong lúc các miền Trung và cao nguyên chạy thì phòng tuyến Xuân Lộc vẫn còn đứng vững. Lính vẫn còn cầm súng, chưa đi theo dòng người di tản hỗn loạn. Nhưng rồi, đến những ngày cuối tháng Tư, trong cơn vật vã đau thương của lịch sử miền Nam, đơn vị ông cũng đành ôm hận, lui quân. Nếu “Tháng Tư Bẻ Súng” là một bút ký thì “Nửa Hồn Xuân Lộc” là một tùy bút, vừa tình yêu, vừa tình đất, vừa tình lính. Cả mấy thứ tình chen lộn lẫn nhau. Hơi thơ lúc đầu nghe vẫn còn bình tĩnh, chừng mực nhưng chứa chan ân hận. Sau đây là trích đoạn thơ Nguyễn Phúc Sông Hương,...

*“Còn ta nhận lệnh rời Xuân Lộc
Lại muốn tìm em nói ít lời,
Nhưng sợ áo mình đầy khói súng
Cay nồng mắt người gục trên vai.
Vì chắc ôm nhau em sẽ khóc,
Khóc theo, vợ lính cả trăm người!
Em biết dù tim ta sắt đá
Cũng vỡ theo ngàn giọt lệ rơi....
... Nếu được đưa quân lên Định Quán
Cuối cùng một trận cũng là vui
Núi Chúa Chan kia sừng sững đứng
Sư Đoàn 18 sao quân lui?*

*Thân ta là ngựa sao không hí
Cho nổi đau lan rộng đất trời.
Hồn ta là kiếm sao không chém
Rập ngã rừng xanh, bạt núi đồi.
(...)
Chân bước, nửa hồn chinh chiến giục
Nửa hồn Xuân Lộc gọi quay lui!”
Bài thơ kết thúc bằng một hình ảnh bi ái và buồn thảm:
“Ta biết dưới hầm em đang khóc
Thét gầm pháo địch đập không thôi
Em ơi Xuân Lộc, em Xuân Lộc
Xích sắt nghiền qua những xác người.”*

* Rồi đến cái ngày định mệnh tàn nhẫn ấy: 30 tháng Tư! Đọc Trang Châu, trích đoạn từ Y Sĩ Tiền Tuyến các trang 51-53,...

“... Cánh quân được lệnh di chuyển. Phải di tản thương binh theo. Chỉ có hai người đi được, ba phải dìu, hai phải khiêng cáng, một xác chết phải gánh theo. Một số binh sĩ được huy động giúp di tản. Tôi phụ khiêng cáng ông Thiếu Úy Toàn nằm. Trông ông co quắp, rên rỉ thật tội nghiệp... Quần áo ướt đầm làm tôi lạnh run. Súng vẫn nổ

nhưng thừa và xa dần. Trời đã tối hẳn, mưa vẫn không ngừng. Chúng tôi khó nhọc theo đuôi toán quân. Bờ đê ruộng bùn trơn hết người này trượt chân đến người khác. Hết bờ đê đến một căn nhà sàn. Trạm cứu thương được chỉ định đóng đêm tại đó... Đại Đội 64 ngoài Trung Úy Vân còn thêm bảy binh sĩ thiệt mạng, hai bị thương. Phía Tiểu Đoàn 5 Dù, sáu binh sĩ tử thương, ba bị thương. Bên Thiết Vận Xa, hai xạ thủ đại liên tử trận, năm bị thương. Tất cả thương binh được trạm cứu thương của Tiểu Đoàn 5 săn sóc.....”

* Kể là Bình Long Anh Dũng - Thiên Thu Còn Mãi...

Mùa Hè Đỏ Lửa với Phan Nhật Nam; Bom đạn, khói lửa chiến trường chưa phải là điều đáng sợ, và nó không thể giết chết niềm tin, và lẽ sống của người lính trận Phan Nhật Nam:

“Khi tôi bước ra đằng sau nhà thờ, qua khu nhà ở của những người chết, một chiếc áo tím chắc hẳn của cô gái còn phơi phơi bay trong gió... Nhìn ra xa, xác cô gái nằm thẳng trên sàn gạch, nắng thật sáng rọi lên rực rỡ. Người tôi ai cầm một lưỡi dao oan nghiệt vào tim, thật buồn. Tôi loay hoay đốt một điếu thuốc. Cái chết quá bi thảm, nhưng hình ảnh của cô gái nằm chết khi chiếc áo còn bay trong gió vang vang nơi trí não tôi như một tiếng kêu thê thảm không dứt âm” (Dấu Binh Lửa).

Bài Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và cuộc chiến Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972:

“Mùa Hè Đỏ Lửa,” trước hết, là nhan đề một thiên ký sự chiến trường của nhà văn quân đội Phan Nhật Nam, xuất bản tại Sài Gòn hồi năm 1972-1973, viết về những trận đánh long trời, lở đất và khốc liệt nhất trong Chiến Tranh Việt Nam từ mùa Hè cho tới mùa Thu năm 1972. “Mùa Hè Đỏ Lửa,” trước hết, là nhan đề một thiên ký sự chiến trường của nhà văn quân đội Phan Nhật Nam, xuất bản tại Sài Gòn hồi năm 1972-1973.

Cuộc chiến Mùa Hè Đỏ Lửa chứng tỏ Quân Lực VNCH trưởng thành vượt bậc. Những trận chiến long trời, lở đất và khốc liệt nhất trong suốt cuộc Chiến Tranh Việt Nam đã diễn ra trong Mùa Hè Đỏ Lửa, lúc giới lãnh đạo Cộng Sản Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam quyết định tung ra các đơn vị tinh nhuệ nhất và được trang bị bằng những vũ khí tối tân nhất, từ chiến xa, trọng pháo cho đến hỏa tiễn phòng không, nhằm đè bẹp Quân Lực VNCH tại ba mặt trận lớn trên bốn vùng chiến thuật là Bình Long, Quảng Trị và Kon Tum. Dụng ý của họ rõ ràng là để phân định ngôi thứ đoàn quân nào là thiện chiến nhất và dũng mãnh nhất trong chiến tranh. Tuy nhiên, sau nửa năm trời giao tranh ác liệt, tất cả các lực lượng tham chiến của Cộng Sản Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đều thảm bại, tan vỡ

luôn giấc mộng “lấn đất, giành dân” với những tổn thất nặng nề cả về nhân sự lẫn khí tài. (Vann Phan/NV).

* Bài viết Dak-Séang 1970, của tác giả Vương Mộng Long:

“Có lẽ chúng tôi đang đi trên vùng diễn ra các cuộc giao tranh từ cuối tháng Ba giữa các đơn vị Việt-Cộng và lực lượng Dân-Sự Chiến-Đấu. Sau vài cơn mưa đầu mùa, là những ngày nắng kế tiếp nhau, tử thi bỏ lại của cả hai bên đã sinh trương thối rữa....Sáu người của Alpha tạo thành đội hình vòng tròn, di chuyển như đèn kéo quân. Chúng tôi như những con mèo đang rình mồi. Chầm chậm từng bước một, tiến dần lên đỉnh đồi. Trên tuyến phòng thủ bên ngoài, hầu như không có xác người lính nào. Tuyến phòng ngự thứ nhì thì thật là tang thương. Trên mặt đất, máu đen đọng từng vũng. Xác Biệt Động Quân nằm bên nhau từng nhóm hai, hoặc ba người một. Loài mối đã đắp mô quanh vài cái xác. Chỉ có tiếng ong và ruồi nhặng vo ve. Giữa phòng tuyến, tôi tìm được xác Đại Úy cố vấn Mỹ của Tiểu Đoàn 23. Anh cố vấn này người da đen, đã phục vụ ở Liên đoàn nửa năm rồi. Xác anh nằm ngửa, nửa trên mặt đất, nửa kia còn trong hố cá nhân. Đầu anh bị Việt-Cộng chặt rời khỏi cổ, nằm bên cạnh cái bản đồ. Người bạn Đồng-Minh này từ vạn dặm xa xôi đã tình nguyện sang đây giúp đỡ chúng tôi bảo vệ nền độc lập, tự do của đất nước tôi. Sự hy sinh của anh, là một món nợ suốt đời tôi không trả được.

...

Con sông Pơ-Kô nước trong xanh, nhìn thấu đáy. Dãy Trường-Sơn cũng xanh, sừng sững bên trời, với những đỉnh núi nhấp nhô, cao ngút tới mây. Tháng Ba, tháng Tư là thời kỳ hoa nở rộ. Từ ven suối tới vách núi, chỗ nào cũng có hoa. Trên Cao-Nguyên, mùa Xuân đến trễ hơn dưới đồng bằng, còn mùa Hạ thì ngắn lắm. Chiếc trực thăng bay trên một thung lũng đầy hoa. Nhưng lòng tôi lại mang một nỗi buồn khôn tả. Trại Dak Séang do Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ và Dân Sự Chiến Đấu trấn giữ. Trại có một toán Lực Lượng Đặc Biệt Hoa-Kỳ và một toán Lực Lượng Đặc Biệt Việt-Nam cùng với hơn 400 tay súng dân sự người sắc tộc do Mỹ thuê, và huấn luyện. Lực lượng Dân Sự Chiến Đấu này được tổ chức thành đội ngũ: tiểu đội, trung đội và đại đội, trang bị giống như quân chính quy VNCH. Cuối năm 1970 toán Lực Lượng Hoa-Kỳ Trại Dak Séang rút đi. Trại này chuyển sang Biệt Động Quân và mang tên là Tiểu Đoàn 90 Biệt Động Quân Biên Phòng. Các đại đội trưởng, trung đội trưởng được mang cấp sĩ quan, gọi là Sĩ Quan Cải Tuyến (thiếu úy, chuẩn úy) hưởng quyền lợi như các sĩ quan khác trong QLVNCH”. (Vương Mộng Long).

Bây giờ đã nửa thế kỷ sau cuộc chiến mùa hè 72. Sự hào hùng ngày nào “Bình Long Anh Dũng, Kontum Kiêu Hùng & Trị Thiên Vùng Dậy” vẫn thể hiện tinh thần chiến đấu của người lính VNCH

với quân thù.

“Chiến trận xảy ra ngày 05/4/1972. Quân Việt cộng đã dùng 200 ngàn quả đạn đại bác để chụp xuống tỉnh lỵ An Lộc rộng khoảng 10 ngàn cây số. Cuộc bao vây kéo dài đến ngày 13/6/1972 và Việt cộng thực hiện bằng pháo binh. Quân số bao vây khoảng 40 ngàn người. Với quân số trên dưới 10 ngàn binh sĩ, cùng với các lực lượng tăng viện, Quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã anh dũng chiến đấu trong suốt mấy mươi ngày đêm dưới mưa pháo, cuối cùng đã đánh bật quân Việt cộng và tỉnh lỵ An Lộc đã hoàn toàn được giải tỏa. Tầm vóc của trận Bình Long An Lộc tương đương với trận Stalingrad (thời đệ nhị thế chiến) khi quân Đức quốc xã bao vây quân Liên Xô vào đầu thập niên 40. Thật xứng với danh xưng An Lộc Bình Long anh dũng, là trang sử sáng chói của quân dân miền Nam Việt Nam và Quân sử thế giới hiện đại trong thập niên 70 cũng như mãi mãi về sau.

*“Lửa khói điêu linh xương trắng tứ bề
Làm sao khóc khi không còn nước mắt
Quê mẹ Bình Long xót xa cùng khắp
Đã một thời chinh chiến khóc thương nhau”.*
(theo Phạm Ngọc Phi, Mùa hè 2000).

* Tiếp sau đây, nhà văn Vương Trùng Dương ghi nhận tác phẩm Vòng Đai Xanh của BS MX Ngô Thế Vinh, trong đó ghi lại qua các nhận định như:

Nhà văn Phan Nhật Nam: “Nỗi đau thương của đất và người – người Việt Nam, người sắc tộc thiểu số ở Tây Nguyên luôn giữ nguyên sắc đột từ bao đời nay. Vận mệnh nước Việt miền Nam chỉ trong vòng 50 năm qua đã được quyết định từ những lần thất thủ, bỏ mất Tây Nguyên. Với tác lòng tha thiết trung hậu, từ viễn kiến sắc sảo của kẻ sĩ dụng văn, Ngô Thế Vinh trong những năm xa xôi, lúc tuổi còn rất trẻ, đã thấy ra điều bất hạnh của 29 sắc dân thiểu số, viết nên cuốn sách về một vòng đai không hề nối kết được ở Tây Nguyên, “về một cuộc chiến bị lãng quên giữa chiến tranh Việt Nam, được nhắc nhở nhiều nhất trong lịch sử báo chí Mỹ”.

Còn nhà văn Nhật Tiến: “Đọc Vòng Đai Xanh, để thấy từ hơn ba thập niên trước, Ngô Thế Vinh đã vẽ lại khung cảnh một Cao Nguyên Trung phần Việt Nam với tất cả những khía cạnh bi thảm trong thời chiến, đã phơi bày đâu là cội nguồn của sự bất an và soi rọi ánh sáng của từ tâm vào thân phận của các sắc dân Thượng. Trên 30 năm đã trôi qua, tình cảnh của người Thượng hầu như không đổi khác nếu không muốn nói là tồi tệ hơn. Thế giới bên ngoài hầu như vẫn chưa nhận ra hết hệ quả của những định kiến sai lầm vốn đã góp phần vào những thảm kịch đó.”

* Chiến tranh dưới mắt của nhà văn quân đội Phạm Phong Dinh...

Độc Thiên Hùng Ca vinh danh QLVNCH: “Chúng ta đã xác tín một điều: Ngày nào mà những người lính QLVNCH còn một hơi thở, thì ngày ấy chúng ta còn tiếp tục chiến đấu dưới Lá Quốc Kỳ đại nghĩa Ba Sọc Đỏ cùng lá Quân Kỳ QLVNCH và còn cất cao bài hát Tiếng Gọi Công Dân bùng bùng hào khí. Những lá cờ linh thiêng ấy cùng bài hát uy nghi ấy sẽ được trân trọng trao lại cho những thế hệ kế tiếp, tiếp tục chiến đấu cho đến khi nào lật đổ được chế độ hà khắc bạo quyền Hà Nội, để đem ánh bình minh chói chang trở lại cho dân tộc Việt Nam chúng ta.”

* Nào chiến tranh với ghi nhận từ mặt trận sôi động do ký giả Kiều Mỹ Duyên chuyển tin, với bài Viên đạn đã lên nòng:

Giữa tháng giêng năm 1972, trong khi người dân miền Nam đang chuẩn bị đón xuân Nhâm Tý thì những giới chức thẩm quyền từ Vùng I xa xôi cho đến Dinh Độc Lập đang ngày đêm theo dõi những biến chuyển hoạt động quân sự của Cộng quân. Đã có nhiều bằng chứng cho thấy địch đang gia tăng tiềm lực quân sự vào miền Nam với mức độ đáng kể. Các nguồn tin tình báo ghi nhận, cho đến hôm nay, đã có 3 sư đoàn Cộng quân tiến sát vùng phi quân sự, 15.000 quân đã xâm nhập vào Cao Nguyên Trung Phần và 2 trung đoàn bộ binh đã xâm nhập Vùng III, gồm 11 tỉnh chung quanh Sài Gòn.

Theo các tin tức tình báo thu thập được, Bộ Tư Lệnh Quân Khu II cho rằng Cộng Quân sẽ mở một cuộc tấn công mà mục tiêu cuối cùng là thành phố Kontum. Cuộc tấn công này sẽ kéo dài trong một tháng, từ khoảng cuối tháng giêng đến cuối tháng hai và gồm ba giai đoạn: tấn công vùng Pleiku để kiểm soát các sắc dân Thượng; tấn công vùng Bình Định để chiếm Quốc Lộ 19, từ Pleiku xuống Qui Nhơn và như vậy sẽ cắt Miền Nam ra làm đôi; và giai đoạn thứ ba là cô lập Kontum rồi đánh chiếm thành phố này. Tuy nhiên, Bộ Tổng Tham Mưu của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa còn nghĩ rằng Cộng Quân vào phút chót có thể chuyển hướng mà mục tiêu là thị xã Đông Hà, thuộc tỉnh Quảng Trị. Lợi thế của Cộng Quân khi mở mặt trận tại đây là thị xã Đông Hà nằm trong tầm đại pháo, hỏa tiễn trí sẵn bên kia bờ Bến Hải, phần tiếp vận cũng không quá khó khăn và thêm vào đó Sư Đoàn 3 Bộ Binh đang trấn ải địa đầu là một đơn vị mới thành lập, chưa đủ khả năng để chịu được một cuộc tấn công lớn. Theo các quan sát viên chính trị, nếu chiếm và giữ được Đông Hà, Cộng Quân có thể dùng làm thủ đô cho một chính phủ gọi là Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời để đòi ngưng bắn và thương thuyết.

Đoạn kết cục bi thảm của bài sau:
Cuộc triệt thoái bi thảm của QLVNCH khỏi Cao Nguyên năm 1975.

Về cuộc di tản hỗn độn và đầy chết chóc của quân và dân Vùng 2 Chiến Thuật trên liên tỉnh lộ 7B từ Pleiku về Tuy Hòa, nhà văn quân đội Phan Nhật Nam, trong bài viết nhan đề “44 Năm Sau, Nhìn Lại Mối Đau” đăng trên nhật báo Người Việt, kể lại: “Súng nổ... 105, 155 pháo binh, XM72 của phía Cộng Hòa; 130 ly, 122 ly, B40, B41 Cộng Sản, tất cả cùng hòa vào nhau thành một luồng hỗn âm tan tác làm rung rinh sắc núi mờ đục ánh nắng... Sư Đoàn 320 Điện Biên bắn thẳng xuống đoàn di tản không sai trật một viên đạn. Lính còn rõ phản ứng trú ẩn, chống cự, người dân chỉ biết đưa mắt nhìn lên nơi đặt súng, nơi có những tiếng nổ khô, ngăn trước khi bị bùng vỡ phá toang. Xác người tung lên theo đất bay bay...”

* Theo “Cuộc Di Tản Đầy Máu và Nước Mắt” của Mũ Xanh Lưu Văn Phúc, chỉ có xấp xỉ 60,000 người dân đến đích, trong khi hai phần ba trong số người dân di tản, tức hơn 100,000 người, bị chết hoặc bị thương phải bỏ lại dọc đường. Về phía quân đội, gồm khoảng 20,000 quân tiếp vận và yểm trợ, chỉ còn 5,000 người đến nơi. Sáu tiểu đoàn Biệt Động Quân, gồm 7,000 người, chỉ còn 900 người đến trình diện Bộ Tư Lệnh Tiền Phương Quân Đoàn 2 ở Nha Trang. Theo “The World Almanac of The Viet Nam War,” các kho đạn dược và quân nhu tại Kon Tum và Pleiku đã bị bỏ ngỏ, và tất cả quân trang, quân dụng cũng như vũ khí trị giá khoảng \$253 triệu đều lọt vào tay Cộng Quân.

Cuộc lui binh của Quân Đoàn 2 trên liên tỉnh lộ 7B được coi là một cuộc lui binh bi thảm nhất trong suốt cuộc Chiến Tranh Việt Nam. Liên tỉnh lộ 7B từ đó được mệnh danh là “Hành Lang Máu,” con đường đầy nước mắt và xương máu của quân và dân Quân Khu 2 trong suốt chín ngày đêm từ Pleiku xuống Tuy Hòa. (Vann Phan).

* Bây giờ xét qua một bài thơ từ tội oan khiên được chuyển thể ra nhạc Ai Trở Về Xứ Việt, (do tác giả: NS Phan Văn Hưng. Nhạc của Phan Văn Hưng), hình như đa số là những bức tranh xã hội, mờ ảo nhưng có thật. Những bức tranh màu đen, những hình ảnh cực tối của những con người Việt Nam điển hình, những người thật. Những người Việt trong nhạc của họ Phan là những nhân vật có thật, họ đã chết tuyệt vọng, hay họ đang và sẽ bám víu vào tương lai mờ mịt...

Nhạc Phan Văn Hưng cũng có những người Việt đang sống sót một cách trầm, hùng, anh dũng... trong trận cuồng phong phủ kín bao tối tăm của nước Việt Nam, sau những ngày cuối của tháng Tư Đen 1975. Đây cũng còn là tâm sự của những người Việt ly hương, những người đã phải đau đớn bỏ lại một đất nước đen tối, bỏ lại gia đình, tài sản, bỏ lại bạn bè trong những trại học tập, những trại tù, những địa ngục của nhân loại (ghi nhận của NS. Phạm Anh Dũng)... Trích đoạn sau...

*“... Ai trở về xứ Việt
Nhấn giùm ta, người ấy ở trong tù
Nghe đâu đây vang giọng hồn rên xiết
Dài lắm không, đằng đằng mấy mùa Thu
Ai đi về xứ Việt
Thăm giùm ta người ấy ở trong tù
Cho ta gửi một mảnh trời xanh biếc
Thay giùm ai màu trời ngục âm u
Các bạn ta ơi, bao giờ được thả
Đến bao giờ ăn được bát cơm tươi
Được lắng nghe tiếng chim cười
Đến bao giờ, đến bao giờ?...”*

(Ai Trở Về Xứ Việt - thơ Minh Đức Hoài Trinh, Nhạc Phan Văn Hưng).

* Kể về Sư Đoàn 23 Bộ Binh và Cuộc Quyết Chiến Ban Mê Thuột Tháng 3.1975

Cuộc chiến đấu giữa hai bên tạm lắng đọng đôi chút trong đêm, để đến 7 giờ sáng hôm 11.3.1975 pháo địch tiếp tục ồ ạt dội xuống Bộ Tư Lệnh Hành Quân của Đại Tá Vũ Thế Quang. Chiếc xe Jeep của Đại Tá Nguyễn Trọng Luật bị trúng một trái đạn nổ tung. Là một chiến binh Nhảy Dù từng xông pha trăm trận, Đại Tá Quang vẫn ung dung điều động tất cả đơn vị chống trả hữu hiệu mọi cuộc tấn công của quân Cộng. Những Sư đoàn gọi là thiện chiến của Hà Nội như Sư đoàn 320 mệnh danh là Sư đoàn Điện Biên, giờ đây chỉ còn là cái bóng của chính nó. Đã hội được đầy đủ yếu tố bất ngờ mà binh đội và chiến xa của chúng vẫn không làm chủ nổi tình hình trong ngày đầu cuộc chiến. Giả sử nếu Trung Đoàn 45 Bộ Binh không bị đình hoãn ở Pleiku và vẫn tiếp tục di chuyển xuống Ban Mê Thuột, thì số phận của Sư Đoàn 320 trong thành phố càng tệ hại hơn.

Chưa hay biết tin vị Tư Lệnh chiến trường đã bị bắt, Trung Tá Võ Ân và Trung Đoàn 53 vẫn kháng cự quyết liệt tại Phi Trường Phụng Dực sang đến ngày 12.3. 1975. Tinh thần chiến đấu của quân ta vẫn lên cao, Sư đoàn 316 Bắc Việt đánh không thủng nổi chiến tuyến Phụng Dực. Trung Tá Võ Ân gọi điện về xin gửi thêm đạn dược và viện binh, nhưng ông không bao giờ còn có thể bắt liên lạc được với Đại Tá Quang nữa. Phía mặt trận của Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân, chiến sĩ Mũ Nâu đang đối đầu với các thành phần của Sư đoàn 320 Bắc Việt đang rùng rùng chuyển quân xuống, sau khi đã làm chủ tỉnh lỵ Ban Mê Thuột. Trước tình hình nguy ngập đó, Bộ Tổng Tham Mưu buộc phải ném vào chiến trường cao nguyên Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân, để thay chân Trung Đoàn 44 Bộ Binh trấn giữ Pleiku. Các

Sư Đoàn Không Quân Quân Khu II cung cấp nhiều trực thăng vận tải CH 47 Chinook, nhưng số lượng phi cơ thiếu hụt quá nhiều cho những mặt trận, chỉ có một Tiểu Đoàn và Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn 44 Bộ Binh được chuyển đến Chi Khu Phước An ở phía Đông Nam và cách Ban Mê Thuột chừng 30 cây số.

Kết cuộc di tản Cam Ranh ngày 2.4.1975 cũng viết đến những dòng chữ cuối cùng của chương sử Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Đại Tá Đức và chiến binh của ông ngậm ngùi chia tay nhau. Không ai có thể hẹn với nhau ngày tái ngộ trên một vùng đất nào đó ở phương Nam. Không ai biết được cái gì đang chờ đợi họ trên con đường dài thăm thẳm ở phía trước. Những chiến binh của một thời Mùa Hè Kontum 1972 được mệnh danh là những Người Lính Kontum Kiêu Hùng giờ đây cũng tan tác theo vận nước và sẽ nổi trôi theo cùng với định mệnh tang tóc của cả một dân tộc.

(Phạm Phong Dinh).



* Những chiến binh ưu tú mũ xanh - Cao Xuân Huy, tôi nhớ khi viết về nhà văn TQLC này. Lịch sử cần sự thật, sự thật có giá trị cao quý của nó. Cao Xuân Huy viết sự thật với “Tháng Ba Gãy Súng”, những sự kiện không pha chế, những ý tưởng không hư cấu, anh cam kết một câu chuyện thật một trăm phần trăm:

“Tôi không phải là một nhà văn, mà tôi chỉ là một người lính, lính tác chiến đúng nghĩa của danh từ, và những điều tôi viết trong quyển sách này chỉ là một câu chuyện, câu chuyện thật một trăm phần trăm được kể lại bằng chữ. Tôi viết những điều mà những thằng lính chúng tôi đã trực tiếp tham dự nhưng không ai viết lại, trong khi nhiều người đã viết về những chuyện chiến trường thì hình như chẳng có ai dự”. Tôi nhớ câu ngạn ngữ Pháp cho là: “Thường thường rất khó nói sự thật cho người khác nghe, càng khó khăn hơn khi phải tự thú với mình”, Cao Xuân Huy cho lời nói từ lương tâm, anh yêu nghiệp làm lính tác chiến không bỏ bạn bè, anh trân quý màu cờ sắc áo mũ xanh cộp biển: “Tuy nhiên, vì ở một đơn vị thường xuyên tác chiến, cùng gian nguy, cùng sống chết với nhau nên tôi đã gắn bó với bạn bè, đồng

đội trong đơn vị như với anh em ruột thịt. Tôi yêu đơn vị tôi, tôi yêu màu mũ, màu áo tôi, tôi yêu thuộc cấp tôi và tôi kính trọng thượng cấp tôi. Tôi bình thản chấp nhận mọi thói hư tật xấu của thượng cấp và thuộc cấp, và chính tôi cũng có quá nhiều thói hư tật xấu.”

Anh giải thích tên tựa sách, vì sao anh đặt tên cho đứa con tinh thần của anh. Hầu như giới văn chương và báo chí dùng tựa đề quyển sách này khi đề cập đến sự bức tử của Việt Nam Cộng Hòa như quân cờ bị người bạn đồng minh bỏ rơi: “Quyển sách này không hề là một tiểu thuyết mà là một hồi ký. Bởi vì tôi chưa từng là một người cầm bút và tôi cũng không biết cách sắp xếp câu chuyện như thế nào. Tháng Ba thì mọi người đã rõ, còn Gãy Súng, tôi muốn nói lên một điều đau lòng cho những thằng lính cầm súng, khẩu súng mà không có đạn thì giá trị không bằng một khúc củi mục, chính tôi đã dẫn đại đội xung phong lên chiếm mục tiêu mà chỉ bắn bằng mồi. Súng của chúng tôi có phải là đã bị bẻ gãy không khi mà vẫn có thể tiếp tế đạn cho chúng tôi để chúng tôi chiến đấu? Ai đã bẻ gãy súng của chúng tôi? Tôi đặt chữ Gãy Súng cho quyển sách này là như vậy.”

* Lan Man Tháng Ba khi nhà văn Nhảy Dù Trương Văn Ut viết về dịp tháng 3 gãy súng. Mỗi năm có một tháng ba, đời tôi đã qua hơn 70 cái tháng ba nhưng không có tháng ba nào ghi lại một dấu ấn sâu đậm vào tiềm thức của tôi như tháng ba năm 1975. Tháng Ba Gãy Súng, một tác phẩm nổi tiếng đã tái bản 10 lần của nhà văn trẻ Cố Trung Ủy Thủy Quân Lục Chiến Cao Xuân Huy...

... “25 tháng Ba, 1975 Huế rơi vào tay cộng sản Bắc Việt. Những người lính không được lệnh bảo vệ mà phải rút lui, trong đó có đơn vị của trung úy Cao Xuân Huy đang nằm chờ ở bờ biển để được di tản vào Đà Nẵng. Đêm 26 rạng ngày 27 tháng Ba, ông và những người lính còn lại của đơn vị bị bắt làm tù binh. Được dẫn đi dọc Quốc lộ 1 từ Huế về hướng bắc và trên đoạn đường đó nhiều tù binh đã bị bộ đội xử bắn tại chỗ. Cao Xuân Huy thoát chết là nhờ số mệnh, nhờ ông ngoại phù hộ như tác giả đã kêu cầu nhiều lần khi đối diện với tử thần.

Ông đã sống để kể lại những gì mình chứng kiến trong 12 ngày đêm ở tuyến đầu miền Nam Việt Nam qua cách viết chân thực, trong đó rồn rang những tiếng chửi thề, ngáp hơi rượu, tình đồng đội và những cái chết nhẹ tựa lông hồng là điều rất thực về người chiến binh trong đơn vị của ông. Vào những ngày đầu tháng 3 năm đó, cái năm khởi điểm của toàn thể quân cán chính miền Nam Việt Nam bước vào con đường oan khiên tức tử để rồi sau đó kéo dài cuộc sống lê thê của một kẻ hờn vong quốc, đơn vị tôi được lệnh triệt xuất khỏi vùng núi đồi trùng điệp phía tây Huế để di chuyển vào Đà Nẵng giải tỏa áp lực địch quân phía tây của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I. Mặt trận Thường Đức đầm máu khốc liệt bùng nổ chôn vùi hàng vạn quân của cả hai

bên nam bắc. Trong khi đó thì lệnh bỏ ngổ Quảng Trị, và chẳng bao lâu sau đó lệnh rút quân bỏ Huế tạo nên sự hỗn loạn tang tóc không biết cơ man nào kể cho xiết. (Trương Văn Út - Út Bạch Lan K.22).

* 30-4: Ngày Tháng Sau Cùng, Anh Ở Đâu?

Bài do TQLC Tô Văn Cấp K.19, phần Tháng 3-1975, rút quân khỏi Cao nguyên...

Bãi biển Thuận An! Khi bỏ Huế, Tướng Thi cho lệnh rút quân ra bãi biển Thuận An, xuôi Nam vào Đà Nẵng bằng cách dùng cầu hay tàu thuyền vượt qua cửa biển Tư Hiền, nhưng đi nửa đường thì ông tướng cho lệnh dừng lại để chờ tàu Hải Quân vào đón, vì cầu qua cửa Tư Hiền không làm được. (?). Nhưng than ôi! Không có tàu nào vào đón quân dân ta, trừ con tàu ma*, thế mới kỳ! Kỳ ời là Kỳ! Do kỳ cục hay kỳ đà nào cản mũi mà tàu không vào bốc quân được, cũng không vào tiếp tế, quân trên bờ hết đạn, hết lương thực, hết nước uống, địch bao vây tấn công, Cọp Biển đánh xút móng, đánh bị hy sinh “oan uổng”, chết đủ kiểu, chết trên bờ, chết dưới nước, chết trong lòng “con tàu ma”, chết tức tử, chết vì hỏa lực từ trên các đồi cát xả xuống, chết vì chửi thề rồi ôm nhau rút chốt lựu đạn mini! Trong số này có Th/Tá Nguyễn Trí Nam và Đ/Úy Tô Thanh Chiêu, em tôi!

“Con tàu ma” là một chiếc tàu vào bốc quân, nhưng vì số lượng đông quá sức chứa, tàu mắc cạn đang loay hoay tìm cách lui ra biển thì bị VC chơi B40, B41, người chết trong lòng tàu, người chết trên boong, người rơi xuống biển “chết vì nước”... nên tôi gọi đó là con tàu ma còn Tháng Ba Gãy Súng Cao Xuân Huy gọi là quan tài sắt.

Năm 2011, đồng bào thôn An Dương và các thôn dọc theo bờ biển Thuận An đã và đang mới chỉ thu gom được 132 bộ xương trôi dạt vào bờ, trôi lên mặt cát rồi các ân nhân này đem tập trung vào một khu gọi là nghĩa trang với bia đá:

“Thập Loại Cô Hồn Hiển Hách Chi Mộ”.
(Tô Văn Cấp)

* Kế nữa là nhà văn Dương Viết Điền và tác phẩm Những Anh Hùng Vị Quốc Vong Thân.

Tôi xem sách ở Chương III: (Trang 264-426) ghi nhận là ngoài những vị tướng lãnh đã tự vẫn nói trên, còn có rất nhiều sĩ quan cấp tá, cấp úy, cấp hạ sĩ quan, binh lính và một số công chức, cảnh sát, cán bộ trong chính phủ Việt Nam Cộng Hòa trước đây cũng đã tự sát trong biến cố đau buồn này. Cho đến hôm nay người ta mới chỉ biết tổng quát khoảng 22 Trung Đoàn Trưởng, Liên Đoàn Trưởng và hơn 100 sĩ quan đã tự sát sau khi miền Nam Việt Nam rơi vào tay cộng sản. Trên thực tế con số có thể cao hơn. Sau đây tôi cũng xin được trích ra hai trường hợp mà tác giả Dương Viết Điền ghi nhận trong chương này sự

uy dũng của các chiến binh mũ đỏ.

* The Seven Samurai in VietNam: Theo tài liệu 30-04 trong kho dữ liệu của hãng Thông tấn Nhật bản Kyodo về “Bảy Hiệp Sĩ Việt Nam”. Ngày 30-04-1975 là ngày đau thương vì QLVNCH bị bức tử, người lính bị bẻ gãy súng bởi chiến lược toàn cầu của Mỹ thay đổi. Bảy người lính Dù mà trưởng toán là thiếu úy Hoàng Văn Thái tụ họp tại một bùng binh trong Chợ Lớn, và họ chọn lựa sự buông súng trong danh dự khi tự kết liễu đời mình sau khi hát xong bài quốc ca VNCH, họ xếp thành vòng tròn, mỗi người tay trong tay một quả lựu đạn, mở chốt một lượt. Một tiếng nổ chát chúa tiễn biệt họ ra đi vì danh dự.

* Một trường hợp thứ hai tang thương không kém. theo lời tường thuật của anh Trung úy Cảnh sát Nguyễn Văn Đình định cư ở Houston chứng kiến tại hiện trường sự tự sát tập thể của 9 quân nhân Nhảy Dù, họ nằm trong toán bảo vệ Đài Phát Thanh và Đài Truyền Hình. Khi lệnh buông súng ban ra toán quân nhân này đã xả súng bắn vào nhau, xác thân họ tan nát cho sự ra đi nhuộm màu máu anh hùng nhất, đáng kính nhất của QLVNCH.

Như đã bàn, chương này được kéo dài khi tác giả nêu ra vô số những gương anh dũng của các chiến binh khắp các binh chủng, và các cán bộ, viên chức VNCH. Họ là những người con yêu, trung thành với lý tưởng QG, họ nêu cao những nguyên tắc: Tổ Quốc – Danh Dự – Trách Nhiệm. Một khi sứ mạng bảo vệ non sông đất nước không vẹn toàn, họ chọn sự ra đi trong danh dự. Họ mang cái dũng khí như những Samurai Nhật Bản, họ trọng danh dự cá nhân. Quân sử VNCH muôn đời sẽ vinh danh họ.

30-4-2004 này, tôi chọn 2 quyển sách “Trại Ái Tử và Bình Điền” và “Những Anh Hùng Vị Quốc Vong Thân” của tác giả Dương Viết Điền để tưởng niệm gương hy sinh của nhiều nhiều anh hùng tử sĩ của VNCH. Họ chiến đấu bảo vệ quê hương, họ không hèn, dù bạn bè đồng minh bỏ họ, người chiến sĩ can trường Hồ Ngọc Cẩn cũng như vô số anh hùng vô danh từ Sư Đoàn Bộ Binh, Nhảy Dù, BĐQ, TQLC, Biệt Kích, LLDB, Thiết Giáp..., Địa Phương Quân, Cảnh Sát QG và cả Nghĩa Quân vẫn còn chiến đấu. Họ biên những trang sử cuối cùng hào hùng nhất cho VNCH, lòng dũng cảm, cái hào khí “Chết Vinh Hơn Sống Nhục” này của họ chắc chắn sẽ được ghi nhớ và lưu danh muôn thuở....

* Đọc Hồi Ký Những Người Từ Cuối Cùng của Phạm Gia Đại Xem Những Người Từ Cuối Cùng của nhà văn Phạm Gia Đại, anh là dân sự, làm việc cho Tòa Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn, trong suốt tháng ngày lao tù với nhau để thấy rằng khí phách của người quân nhân QLVNCH dù bị sa cơ thất thế nhưng sức chịu đựng thật bền bỉ những đòn thù của kẻ thù đẩy đọa lên xác thân và tinh thần của họ, những

nhục hình trong các trại lao động khổ sai của người CSVN. Điển hình những Ba Sao Nam Hà và Hàm Tân Z-30D, những mảnh hổ bị sa cơ như Lê Minh Đảo, Trần Bá Di, Lê Văn Thân và Đỗ Kế Giai,... đều có bị giam cầm nhưng hùng khí đã bất tử:

... “Ý thức hệ miền Nam kiếp nạn
Chín năm (1984) cố quốc dạ nào quên.
Không xoay thế cuộc, anh hùng lụy
Hào kiệt ngục trung, nợ nước đền.
Anh hùng mưu sự chẳng nên
Cúi xuống then Đất, ngược lên then Trời.
Mài gươm rồi để hận đời
Chôn vùi thế hệ lụy người tù chung.
Oán thế nhân, xin đừng trách nữa
Lỗi lầm này hãy sửa sai chung.
Đem xương máu học bài đắt giá
Chi đem thành bại luận anh hùng.”
(thơ Đỗ Kế Giai - 1984)

Tôi ghi về những mảnh hổ sa cơ này như chiến tranh có thắng có thua, có thành có bại, trong quân sử thế giới cổ kim với những chiến tích Waterloo, Austerlitz, Normandie, Alamo, Bataille de Verdun, Bataille de Somme hay Bataille de Xuân Lộc, Long Khánh... Trang sử bi thương 30 tháng 4, năm 1975, mà trước đó QLVNCH đã hào hùng vẽ nên trang sử vẻ vang để những nhận xét quốc tế ghi nhận lại về trận đánh vang danh tại Xuân Lộc.... Do vậy, cuốn hồi ký “Những Người Tù Cuối Cùng” nói lên tinh thần bất khuất, sức chịu đựng phi thường cùng sự kiên người tù giữ vững khí trước cai tù và sự tương thân tương ái của những quân dân cán chính Việt Nam Cộng Hòa đã bị giam giữ, lưu đầy trong các trại tù dưới tên hoa mỹ mà CS gọi là “Trại Tập Trung Cải Tạo”. Cuốn hồi ký này cũng nêu lên những sự diệu kỳ và linh thiêng của Ông Trời, của Trời Phật, của Mẹ Việt Nam đã che chở cho những người tù chính trị trong nhà tù oan khiên “Xã Hội Chủ Nghĩa”. Đọc tiếp để tìm hiểu sách này, chúng ta sẽ thấy những âm mưu thâm độc tuyên truyền xuyên tạc của Cộng Sản nhằm vào chế độ VNCH để trả thù tàn bạo của Cộng Sản nhằm giết dần mòn những người tù chế độ cũ từng ngày một trong trại giam đã không thành công như ý họ muốn và thế cờ đã được lật ngược như thế nào. (Trần Việt Hải).

*** Bài ca... Nhớ Mẹ, Nhớ Tướng Lê Minh Đảo.**

(Sáng Tác: Lê Minh Đảo - Đỗ Trọng Huề), trích đoạn...

“Những chiều buồn trên đất Bắc con hướng về Nam con nhớ
mẹ nhiều
Mẹ ơi bao nhiêu năm tháng cứ trôi, cứ trôi cho bạc mái đầu

*Không gian rừng rưng như sắp đứt
Gió về nghẹn ngào như tím ngắt
Còn đâu quê hương hoa gấm thơm làn tóc
Giã từ Miền Nam tang tóc, con sống trăm luân kiếp sống lưu
đày*

*Hằng đêm con nghe thương tiếc xót xa đắng cay dâng ngạt
tháng ngày
Trăng sao tin yêu ai dối trá
Đất trời hiền hòa ai đốt phá
Và đem thê lương che kín núi sông này
Mẹ ơi, mẹ biết không!
Còn cháy mãi trong con những lời mẹ cầm tay nói
Nắng sẽ về đẩy lùi bóng tối*

*Và yêu thương, và tự do sẽ còn mãi mãi, nhé con !
Giờ này hoàng hôn sắp tắt, con nghĩ gì đây, con nhớ mẹ nhiều
Mẹ ơi bao nhiêu năm tháng cứ trôi, cứ trôi phiêu dạt mái đầu
Quê hương điêu linh con vẫn khóc*

*Trông chờ ngày về con vẫn thấp
Từng đôi sao đêm như ánh mắt mẹ hiền
Trời mây lung linh soi ánh mắt mẹ hiền
Hồn con lửng lửng con nhớ mắt mẹ hiền
Mẹ mến yêu con thương nhớ nhiều...*

Nhớ Mẹ để nhớ Tuyến thép Xuân Lộc (Long Khánh) với 12 ngày đêm ác chiến với quân CSBV (từ 8/4/1975 đến 20/4/1975 liên tục quần thảo tại trận địa).



* Đại úy KQ Trần Thế Vinh

Trong trận chiến Mùa Hè Đỏ Lửa 1972 khi cùng cả nước cố gắng ngăn chặn cuộc xâm lăng của Bắc quân trên cả ba mặt trận chính Quảng Trị, Komtum và Bình Long, các đơn vị và chiến sĩ KQVNCH

đã tạo được nhiều thành tích chói ngời cho quân sử Không Quân Việt Nam Cộng Hòa góp phần quan trọng trong những chiến công giữ vững miền Nam. Tuy nhiên trong năm này Không Quân VNCH cũng phải chịu nhiều mất mát và một trong những cái tang gây nhiều tiếc thương cho cả trong lẫn ngoài Quân Chung là sự ra đi của Đại Úy Trần Thế Vinh Phi Đoàn 518 Phi Long trên vùng trời Quảng Trị.

Khi chiến cuộc vùng Trị Thiên sôi động vì Bắc quân vượt vĩ tuyến mở cuộc tấn công đại quy mô vào Quảng Trị. Ngày 01-4-1972 Phi đoàn 518 được biệt phái ra Sư Đoàn 1 KQ để trực tiếp yểm trợ cho các cánh quân vùng địa đầu giới tuyến, và ngay lập tức Trần Thế Vinh hăng say tình nguyện tham dự tất cả các phi vụ không ngại bất kể thời tiết xấu như thế nào và phòng không địch đạn kín bầu trời.

Ngày 2-4-1972 Trần Thế Vinh thực hiện phi vụ đầu tiên tại vùng giới tuyến, hạ 5 chiến xa Bắc quân ở phía bắc Đông Hà, phi cơ của anh bị trúng đạn phòng không 12 ly 7 bên cánh trái nhưng anh vẫn trở về căn cứ an toàn. Liên tiếp 3 ngày bay tiếp theo sau đó, ngày nào Đại úy Vinh cũng cất cánh bay và ngày nào cũng bắn hạ được xe tăng địch. Tổng cộng chỉ trong vòng 3 ngày 2, 3 và 4-7-1972 anh hạ tất cả 20 chiến xa Cộng quân, nhiều lần phi cơ bị trúng đạn phòng không nhưng anh vẫn trở về căn cứ an toàn. Để động viên tinh thần chiến đấu của quân đội, bộ Tư Lệnh KQ/VNCH đã phối hợp với Cục Tâm Lý Chiến thực hiện một chương trình truyền hình về các chiến công của quân chung phát trên đài truyền hình quốc gia tại Sài Gòn vào hai ngày 7 và 8-4-1972. Trong chương trình này Thiếu Tá Lê Quốc Hùng, phi đoàn trưởng PĐ 518 đã giới thiệu Đại úy Trần Thế Vinh là phi công anh dũng và xuất sắc nhất của đơn vị. Ông hứa với khán giả rằng trong tuần lễ kế tiếp sẽ đưa Đại úy Vinh về giới thiệu trực tiếp với công chúng. Trong khi mọi người hân hoan và nóng lòng chờ đợi được thấy mặt viên phi công anh dũng một mình trong ba ngày liên tiếp bắn hạ 20 chiến xa CS Bắc Việt tại Quảng Trị thì bất ngờ sáng ngày 9-4 Đại úy Trần Thế Vinh gặp cánh trong khi thi hành phi vụ khẩn cấp giải vây cho căn cứ Phượng Hoàng lúc ấy do Tiểu Đoàn 6 Thủy Quân Lục Chiến phòng thủ đang bị Cộng quân vây chặt và tấn công dữ dội bằng pháo binh, chiến xa và bộ binh. Cùng Phi tuần viên Đại úy Phan Công Định, phi tuần trưởng Đại úy Trần Thế Vinh cất cánh rời phi trường Đà Nẵng vào lúc 8 giờ sáng Chủ nhật 9-4 trong lúc thời tiết rất xấu, trần mây rất thấp. Tầm nhìn xa không quá 50 mét khiến Đại úy Vinh đã quyết định áp dụng chiến thuật táo bạo là cả hai phi cơ bay rất thấp gần đến mục tiêu mới bốc lên cao và từ đó lách mây đâm xuống oanh kích để tạo yếu tố bất ngờ. Chiến thuật gan dạ nhưng đầy liều lĩnh này đã khiến địch quân không kịp trở tay và các chiến xa Cộng sản không thể tránh kịp phơi mình làm mục tiêu ăn bom và có 4 chiến xa trúng bom từ phi cơ của Đại úy Vinh ngay khi anh vừa đâm bổ xuống.

Tuy nhiên vì xuống quá thấp, phi cơ của anh đã bị trúng đạn phòng không và bốc cháy không kịp bay ra khỏi khu vực nguy hiểm. Đại úy Phan Công Định đã báo cáo phi cơ của Đại úy Vinh đâm xuống đất và không thấy có chiếc dù nào bay ra.

Đại úy Trần Vinh đã anh dũng hy sinh đền nợ nước khi tuổi đời chưa tròn 26. Anh ra đi trong sự xúc động của cả nước, từ dân đến quân, cả trong lẫn ngoài quân chủng. Chiến tích một mình trong một tuần lễ hạ 21 chiến xa địch đã khiến anh trở nên một huyền thoại có thực của Không Lực VNCH. Ngay sau đó chân dung Đại úy Trần Thế Vinh xuất hiện trên những tấm bích chương cổ động nhằm nâng cao tinh thần chiến đấu của quân dân được trưng bày khắp mọi ngã đường trên toàn quốc. Chưa bao giờ hình ảnh và tên tuổi một phi công được nhắc đến với lòng tiếc thương yêu mến mãnh liệt như thế! Đại úy Trần Thế Vinh sống mãi trong Quân Sử hào hùng của Không Quân VNCH và Quân Lực VNCH! (theo Bạch Mã, Cánh Thép).

* Tuổi Thơ Trong Bom Đạn (Lê Thi Ngọc Lan - Thụy Lan).

Vào đêm 30 biến cố Tết Mậu Thân 1968, đang cùng gia đình ăn Tết, tình thế cấp bách cha tôi vội vàng trở lại căn cứ Quảng Trị để phòng thủ vì nghe tin Cộng sản đang tấn công thành phố Huế. Trong thời gian gia đình tôi bỏ nhà chạy tản cư đến nơi an toàn hơn thì ngôi nhà đã bị pháo kích của CS tiêu hủy hoàn toàn. Gia đình đành phải ra trú tạm tại căn cứ đóng quân của cha tôi ở Quảng Trị và trở lại Huế vài tháng sau đó khi tình hình chiến sự đã yên ổn. Tháng 9/1969, cha tôi được thăng chức Tham Mưu Trưởng Bộ Chỉ Huy Tiền Phương Sư Đoàn 1 để nhận bàn giao căn cứ Đông Hà của Sư Đoàn 3 TQLC Hoa Kỳ triệt thoái về nước. Tháng 1/1971, lại phải đi yểm trợ cho cuộc hành quân tại chiến trận Hạ Lào. Khi trở về từ Hạ Lào, Cha tôi lại tiếp tục lớp học Tham mưu cao cấp tại Đà Lạt thêm 6 tháng. Mãn khóa học, trở về nhận chức Chỉ Huy Trưởng PB Sư Đoàn 2 Bộ Binh ở căn cứ Chu Lai, nơi doanh trại cuối cùng đóng sát bờ biển Quảng Ngãi.

Ghi nhận thêm:

Đại Tá Lê Thương: thân phụ của nhà văn Thụy Lan, ông xuất thân Khóa 5 Vì Dân Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, chỉ huy trưởng Pháo Binh Sư Đoàn 2 BB. Phi trường Phan Rang bị chọc thủng, Đại Tá Thương và một số quân nhân chạy về hướng quận An Phước bị địch vây ngăn chặn nổ súng. Ông và 2 thuộc cấp chạy vào Cà Ná, rồi chạy ngược về Phan Rang. Vào những ngày cuối tháng Ba, 1975, trên Quốc lộ 1 có quá nhiều xe cộ từ Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Định rồi Nha Trang... xuôi Nam. Đủ loại xe cộ chất đầy đồ đạc. Các thường dân cao niên, phụ nữ, trẻ con cùng binh sĩ rã ngũ và công chức bỏ nhiệm sở. Đoàn xe nối đuôi nhau chạy qua thành phố Phan Rang. Đại Tá Lê Thương sau nhiều ngày phiêu bạt, ông về đến Saigon. Ông bị 13

năm trong lao tù CS.

* Người tù khổ sai Vũ Đức Nghiêm:

Ông là Trung tá QLVNCH, bị đi tù CSVN 13 năm, chịu hình phạt nhục nhằn, trong một buổi đi lao động mệt mỏi và đói bụng về, ông tước một nhánh lúa non trong cánh đồng ngậm đờ, bọn lính canh CS bắt được đem ông ra đánh đập hội đồng trừng phạt vì tội ăn cắp. Mang thân phận hàng binh hay người tù CS, chỉ có Thượng Đế mới cứu giúp họ được mà thôi. Oái oăm thay bọn lính CS đó lại non choẹt chừng 18, 19 tuổi đã nhẫn tâm đánh đập người tù nghệ sĩ tuổi gần 60 vốn ốm yếu. Chúng đấm đá, thoi thụi ông đến khi anh ngất xỉu.

Người tù nhân với lòng trung tình ái quốc:

Trong trại tù, khi ông nhìn thấy lá cờ đỏ sao vàng của bọn CSVN ngạo nghễ tung bay trong nắng sớm. Ông chua xót cho thân phận lưu đầy biệt xứ của người tù khổ sai, gia đình tan nát, vợ con nheo nhóc, quê hương đồng bào quần quai dưới gót giầy bạo tàn của kẻ chiến thắng, chạnh lòng ông lấy một chiếc lá sắn úa, màu vàng như màu nghệ, đặt lên lòng bàn tay; trên lá sắn vàng, anh đặt ba cọng lá sắn đỏ rực rỡ song song, thành hình ảnh lá cờ vàng ba sọc đỏ, lá quốc kỳ của miền Nam thân yêu, giờ đã bị giặc chiếm đóng, và đồng bào vô tội bị đọa đầy, bao nhiêu người đã chết trên đường vượt biên và bị giam giữ trong trại tù khổ sai. Xúc động đến cùng cực, ông nghẹn ngào mà nước mắt tuôn trào ra. Chị phỏng vấn Hương Kiều Loan cũng chia sẻ tâm trạng của năm di tản 75, nỗi vui mừng trước khi rời tàu lên đất liền của hải đảo Guam, mọi người đứng nghiêm chào quốc kỳ từ già cũng trong nghẹn ngào.

* Người viết bài, Việt Hải, tôi còn nhớ vì đã mang cùng tâm trạng như vậy, khi tàu vào hải phận Subic Bay xin tị nạn, chính quyền Phi Luật Tân yêu cầu tàu VNCH phải hạ cờ VNCH mới cho vào, đứng trước tình thế mới của kẻ tị nạn lưu vong hàng ngàn đồng bào đồng ca quốc ca VNCH trước khi hạ kỳ, bài quốc ca thân yêu vang dội cả một góc trời Subic Bay, người tị nạn nghẹn ngào chia sẻ tâm tư như Vũ Đức Nghiêm, như Hương Kiều Loan. Dù chúng ta đứng ở chân trời góc biển nào, dù từ miền rừng Việt Bắc hay hải đảo Guam hay căn cứ quân sự của Đồng Minh Subic Bay, chúng ta nghẹn ngào vì miền nam thân yêu tức VNCH đã bị xóa tên trên bản đồ thế giới.
(Bài phỏng vấn của Hương Kiều Loan).

* Hải đảo Hoàng Sa mãi mãi là của Việt Nam. Đọc tác phẩm “Can Trường Trong Chiến Bại” của Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại. Trích phần kết luận trong phần này tác giả viết:

“Như các hàng cuối của bản phúc trình tôi gởi lên đại tướng Tổng Tham Mưu Trưởng, tất cả quân nhân Hải Quân trên các chiến hạm, chiến đỉnh, hải thuyền cũng như trên các căn cứ đều thi hành bốn

phận của mình một cách can trường và xứng đáng với màu áo, trong cuộc thất thủ của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa tại Quân Khu 1. Đó không phải là một sự ngẫu nhiên hay may mắn mà nhờ Hải Quân có một truyền thống đẹp, một tổ chức vững vàng, một kế hoạch tuyển mộ và huấn luyện cho nhân viên rất tốt và nhờ tài lãnh đạo của sáu vị tư lệnh Hải Quân, mỗi người một cách, đã biến tinh thần kỷ luật và lương tâm nghề nghiệp của người chiến sĩ áo trắng thành một thói quen.” (Trích trang. 286).

Can Trường Trong Chiến Bại, tác giả Hồ Văn Kỳ Thoại đã vinh danh các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa ngày trước... vì Việt Nam chúng ta là một quốc gia của các chiến sĩ can trường và của ngàn năm chinh chiến. Và chính vì thế chúng ta luôn luôn tôn trọng người chiến sĩ, dù là khác giới tuyến, dù ai thắng hay ai thua. Đó là do tinh thần Võ Sĩ Đạo, hay Chiến Sĩ Đạo. Nguyên tắc văn minh, nhân đạo hãy cứ xử đúng đạo nghĩa con người. Đó là giữa các chiến binh sau chiến tranh.

* Một tác giả HQ khác, Phạm Mạnh Khuê ghi nhận như sau:

Về trận Hải Chiến Hoàng Sa kết thúc. Giai đoạn di tản và tiếp cứu bắt đầu. Trận Hải Chiến Hoàng Sa là một trận hải chiến mang một sắc thái đặc biệt trong đó Hải Quân Việt Nam đã anh dũng một mình chiến đấu với hải quân bá quyền Trung Cộng. Với Hải Chiến Hoàng Sa, Việt Nam đã, một lần nữa xác nhận rõ ràng chủ quyền của Việt Nam Cộng Hoà trên quần đảo này trước thế giới. Trên phương diện chiến thuật, Hải Quân Việt Nam đã phải chiến đấu trong một tình thế rất bất lợi, thiếu thời gian chuẩn bị, thiếu lực lượng đổ bộ thích hợp, rất xa căn cứ và không có không trợ. Trong khi đó Hải Quân Trung Cộng có đủ thời gian chuẩn bị, đầy đủ lực lượng đổ bộ và trú phòng, gần căn cứ là đảo Phú Lâm và có không trợ từ đảo Hải Nam. Mặc dầu vậy, nhờ ở sự lựa chọn thời gian và không gian thích hợp và nhất là nhờ vào yếu tố “chủ động khai hoả” nên Hải Quân Việt Nam đã tạo được thành tích vẻ vang. Trung Cộng đã sử dụng một lực lượng Hải, Lục Không Quân hùng hậu để cưỡng chiếm tất cả các đảo thuộc Quần Đảo Hoàng Sa.... Từ năm 1974 cho đến hiện nay, Trung Cộng với âm mưu thôn tính trên biển Đông nên luôn luôn tăng cường vũ lực vẫn là một nước có vũ khí nguyên tử và Hải Quân Trung Cộng vẫn là một trong những Hải Quân hùng mạnh nhất thế giới. Trong lịch sử Hải Quân hiện đại, chưa có một hải quân nào trên thế giới dám ngang nhiên tấn công trước chiến hạm của Hải Quân Trung Cộng, ngoại trừ Hải Quân Việt Nam Cộng Hoà. Trận Hải Chiến Hoàng Sa là một trận Hải Chiến thật sự đầu tiên và cuối cùng của Hải Quân Việt Nam Cộng Hoà.

(Trích Hải Sử Tuyển Tập, Hải quân VNCH. Trận hải chiến giữa hải quân VNCH và hải quân Trung Cộng tại đảo Hoàng Sa.)

* Bây giờ hãy xem bài viết Tạp ghi sau 40 năm, theo Ngô Không Phi Ngọc Hùng...

Ai đã gây ra biến cố 30-4-1975 ?

“Thế lực Do Thái còn đưa được thêm nhân sự vào trong guồng máy cầm quyền Hoa Kỳ. Đáng kể là Bộ trưởng quốc phòng James Schlesinger, cố vấn đặc trách nội vụ John Ehrlichmann. Với những chức vụ then chốt này, họ đã thúc đẩy Nixon bỏ rơi miền Nam. Bắt đầu với chương trình Việt Nam hóa chiến tranh sau biến cố Tết Mậu Thân 1968 để từng bước giảm sự hiện diện của Hoa Kỳ tại miền Nam. Năm 1971, Kissinger bí mật qua Trung Cộng tìm cách tái bang giao với chính quyền Bắc Kinh và đưa đến thỏa hiệp Thượng Hải 1972 giữa Mao Trạch Đông và Nixon. Thỏa hiệp này chỉ công nhận một nước Trung Hoa cho thấy Hoa Kỳ bỏ rơi Đài Loan trên chính trường thế giới, nhưng bên trong thực tế Kissinger nhằm sửa soạn sự rút lui an toàn cho quân đội Mỹ ra khỏi miền Nam với sự bảo đảm của Trung Cộng. Chính ngay Kissinger cũng đã tiết lộ bề trái của bản hiệp định cho John Ehrlichman như sau: “Tôi nghĩ rằng nếu họ (chính phủ miền Nam) may mắn thì được 1 năm rưỡi mới mất”. Tương tự, Kissinger đã trấn an Nixon:

“Hoa Kỳ phải tìm ra một công thức nào đó để làm cho yên bề mọi chuyện trong một hay hai năm sau, sau đó thì...chẳng ai cần đến gì nữa. Vì lúc ấy, Việt Nam sẽ chỉ còn là bãi hoang vắng”.

Bởi vậy biến cố 30-4-1975 xảy ra là điều tất nhiên đúng như tính toán dự trù của Kissinger và thế lực Do Thái.

Chỉ sau Hiệp định Paris khoảng 9 tháng, cuộc chiến Jom Kippur vào ngày 6-10-1973 giữa Do Thái và các quốc gia Ả Rập láng giềng xảy ra. Lần đầu tiên trong lịch sử tái lập quốc, Do Thái bị thua trận và mất một số lớn phần đất chiếm đóng trước đây. Đáng lẽ Do Thái còn có thể bị thua nặng nề hơn nữa, nhưng giờ chót nhờ có Kissinger thuyết phục được Nixon nỗ lực can thiệp giúp Do Thái nên tình thế không còn bi đát nhiều (sau đó Tướng độc nhãn Moshe Dayan phải từ chức bộ trưởng quốc phòng vì chịu trách nhiệm bị thua trận). Biến cố thua trận lần đầu tiên Jom Kippur năm 1973 cho thấy thế lực Do Thái nhìn rất xa và rất có lý với nỗi lo sợ Hoa Kỳ vì bị sa lầy ở chiến trường Việt Nam nên không còn có thể chuyên tâm giúp cho Do Thái thắng trận như trước đây. Cho nên không gì ngạc nhiên khi thế lực Do Thái phải vận dụng toàn diện từ trong lẫn ngoài để thúc đẩy và buộc giới lãnh đạo Hoa Kỳ phải bỏ rơi miền Nam.

Bởi vậy mới xảy ra biến cố tang thương 30-4-1975.

Sau cùng, xem qua các bài viết trên đây đi từ các tác giả Mường Giang, Nguyễn Phúc Sông Hương, Trang Châu, Phan Nhật Nam, Vann Phan, Vương Mộng Long, Phạm Ngọc Phi, Ngô Thế Vinh, Vương Trùng Dương, Kiều Mỹ Duyên, Minh Đức Hoài Trinh - Phan Văn Hưng, Phạm Phong Dinh, Vũ Đức Nghiêm - Hương Kiều Loan, Cao Xuân Huy, Tô Văn Cấp, Dương Viết Điền, Lưu Văn Phúc, Phạm Gia Đại, Đỗ Kế Giai, Lê Minh Đảo, Đỗ Trọng Huề, Hồ Văn Kỳ Thoại, Phạm Mạnh Khuê, Phi Ngọc Hùng, Bạch Mã, Út Bạch Lan, Thụy Lan; tất cả bài viết liên quan đến hoài niệm một thuở chiến tranh, như những vần thơ mà ngày trước Bà Huyện Thanh Quan ngâm ngùi: “Tạo hóa gây chi cuộc hý trường, Đến nay thắm thoát mấy tinh sương”, hay “Ngàn năm gương cũ soi kim cổ, Cảnh ấy người đây luống đoạn trường”. Chiến tranh qua đi, nhưng nỗi u hoài vẫn da diết khôn nguôi với tâm thức của người VNCH.

Kết bài: Nếu yếu tố quốc tế xoay vần vận mệnh VNCH hôm nào, biết đâu chừng yếu tố quốc tế cũng sẽ biến thiên cục diện nước nhà Việt Nam tươi sáng cho mai sau, bởi vì cũng chính lập luận của Moshe Dayan linh ứng chẳng? “Pour gagner les communistes, vous devez d’abord les perdre”...

Dân tộc Việt Nam đã sống trong chế độ độc tài đảng trị, người dân trong nước đã là nạn nhân trong suốt những thập niên qua chịu quá nhiều bất công! Chỉ mong đến lúc ngọn lửa thối bùng sau khi bị thua trước sẽ được chiến thắng.

TRẦN VIỆT HẢI

*Los Angeles, viết cho ngày Quân Lực
19 Tháng 6 Năm 2021. (Văn Học Mới -
Hà Nguyên Du, 19/06/2021)*





NGUYỄN ĐÌNH TỪ LAM
bồi bồi nhớ thương*

”**Đ**i vô nhà với mẹ! Chẳng bao lâu nữa anh Bốn con được nghỉ lễ, lại trở về vui chơi với con, chứ có chi mô mà buồn”

Em theo mẹ tôi vào nhà, lại bộ phận nhà ngang đắp chiếu nằm suốt ngày, bỏ ăn luôn bữa cơm trưa hôm ấy.

Lúc tôi mười một tuổi, được cha mẹ gởi ra Đà Nẵng đi học. Khi có dịp nghỉ từ hai ngày trở lên, tôi liền đón xe đò về nhà. Có lần nghe tiếng xe ngừng trước ngõ, em trai tôi liền chạy vụt ra, thấy tôi vừa bước xuống xe, em chẳng nói chẳng rằng, vội đến giăng lấy cặp sách vở trên tay tôi mang choàng lên vai mình. Lúc ấy em còn nhỏ nhít, tánh hay mắc cở, dù là anh mình lâu ngày đi xa về; mới gặp nhau, em một mực làm thinh, chẳng dám hỏi thăm tiếng nào, nhưng gương mặt thì rạng rỡ, miệng cười cười mím mím. Em nhường tôi bước trước lên ngõ, em leo đèo theo sau cùng vào nhà. Những ngày tôi nghỉ học, sống gần gũi gia đình cha mẹ; em bày ra việc làm nầy, trò chơi nọ để anh em cùng làm cùng vui đùa.

Lần ấy, lúc cả nhà ăn cơm sáng vừa xong, thấy em chạy vụt ra phía sau vườn Đới, một hồi sau quay trở về, tới nắm tay tôi, em nói:

“Anh Bốn! Có ưng** đi bới dế với em đem về nướng ăn không?”

Tôi đưa mắt nhìn ra ngoài sân, nói :

“Buổi mai trời đang nắng chang. Hãy chờ đến chiều chiều rồi hai đứa cùng đi, cho mát.”

Nghe vậy, em liền năn nỉ:

“Không răng mô**. Ở ngoài, trên trời có đám mây che rợp hơn nửa đám đất Lớn, lại có gió, mát đáo để.”

Ngừng một lúc, như để tìm lời, em lại nói tiếp để cù rủ tôi:

“Ở ngoài em thấy nhiều hang dế lắm. Mau ra đào, không, mấy đứa choai choai ở xóm sau biết được đến đào sạch, tiếc lắm.”

“Ừ, thì đi!” Tôi chiều ý em.

Tôi vác cuốc bừa, em vác cuốc vỡ. Hai đứa đi thẳng ra đám đất Lớn ngoài vườn Đợi. Lúc ấy tôi đã lớn mẹ còn em thì mới lên sáu tuổi.

Tôi giành cầm cuốc đào hang bắt dế, bảo em cầm dục. Mỗi lần bắt được con nào, tôi đưa cho em xâu. Tôi có sức nên hì hục đào bới không biết mệt, còn em xách dục để chạy lon ton khắp cùng đám đất Lớn. Mỗi lần tìm thấy hang dế nào em liền bẻ những cây nhơn trần dài khoảng vài ba gang tay, cắm bên cạnh hang, cứ hang mẹ bầu cầm hai cây, hang cha quẩn một cây. Tôi không hiểu ý em, nên hỏi:

“Cớ sao làm dấu khác nhau như rứa?”

Thay vì trả lời, em lại ngâm nga giọng ngòng ngọng hai câu thơ thần, em học lóm được ở đâu đó:

*“Mẹ bầu đi sâu đất cái.
Cha quẩn ở cạn lắm khi dế đào.”*

Ngâm nga xong, em lại nói tiếp:

“Anh Bốn biết không, dế mẹ bầu đào hang sâu để ở, để đẻ. Em làm dấu hai cây nhơn trần để anh biết, anh cứ lấy cuốc vỡ cứng mạnh đào mới bắt được; còn hang cha quẩn thì cạn nên cuốc bừa đào là được liền”...

Mới chừng đó tuổi em đã có sáng kiến, tôi chẳng hề nghĩ ra. Tôi chỉ hơn cái sức lực, em nhỏ yếu mà lại có trí trá, thế nên mới già nửa buổi mai, anh em đã đào bắt được ba dục để dài, hầu hết là dế mẹ bầu ruột đầy trứng no nường mập ú ừ, xen lẫn ít dế đực cha quẩn đầu to, chân khỏe, bụng teo, ốm tong.

Tôi đang say sưa đào bới, bỗng nghe ở nhà có tiếng mẹ gọi:

“Xin bơi! Tri bơi! Sắp sửa trưa rồi, về nhà lo tắm rửa đi con. Dừng ở lâu lắt ngoài nứ.”

Người ta đồn khu vườn Đợi nhà tôi có nhiều ma cỏ. Mẹ lo sợ, lúc đứng bóng, hồn ma bóng quế hay hiện ra lảng vảng, nên bắt chúng tôi phải về trước buổi đứng trưa.

Hai anh em rời vườn Đợi, men dục theo mé vườn Ngoài về nhà. Lối đi nầy quang đãng, ít cây cối rậm rạp. Khi hai đứa đi ngang qua đám đậu gạo ông Bốn, một người chú họ của cha, nhà ở cạnh nhà tôi. Đám đậu của ông sai trái, dày đặc, xanh mơn, non mướt. Bọn tôi đang khi khát nước thèm đậu gạo non quá chừng, cầm lòng không đậu, nên vừa đưa mắt lảo liên ngó trước ngó sau, vừa lệ làng đưa tay ngắt những trái đậu tơ ăn ngấu nghiến ngon lành, ngọt mát đến ruột. Chẳng ngờ, lúc ấy ông Bốn ra thăm vườn, ông núp kín sau bụi tre rậm,

rình bắt quả tang anh em tôi hái trộm đậu. Ông giận dữ, mắt trợn trắng, miệng vừa nói vừa hét:

“Tụi bây** ăn trộm đậu của tau, hai đứa bây bây bạ quá chừng. Mau đi theo tau về, tau nói lại với cha tụi bây.”

Cha tôi lấy dây thèo trâu trói hai anh em tôi, mỗi đứa vào một gốc cột cái ở nhà trên. Ông ra vườn bẻ hai nhánh dâu tằm làm roi, cứ mỗi lần cha đánh tụi tôi một roi, ông đều la to lên chỉ một câu một:

“Nầy, tau đánh cho tụi bây chừa thói hư tật xấu, đi ăn trộm đậu của người ta.”

Cả hai bị trói mãi cho đến xế trưa. Thấy thế, mẹ can, xin cha mở trói, cho phép hai đứa xuống ăn cơm trưa, mẹ đã dọn sẵn để phần ở nhà dưới. Anh em tôi bùng chén cơm vừa ăn vừa khóc. Mẹ đứng bên, mắt mẹ cũng rưng rưng đỏ hoe. Mẹ đưa tay vò vò đầu tóc em, dỗ dành:

“Thôi nín đi, cha la rầy, đánh đòn các con là để hả lòng, hả dạ ông Bồn, để ông hết giận. Các con từ nay trở đi chừa bỏ thói héo lánh của cái người ta, tánh đó xấu lắm. Các con có nghe không?”

Hai đứa tôi vội đưa tay áo quạt nước mắt. Em tôi đầu gật gật, không nói được lời, còn tôi cuối gằm, miệng mếu máo nói nhỏ nhỏ vừa đủ mẹ nghe:

“Con biết rồi, hai đứa con lỡ dại quá mẹ ôi.”

Không biết tự lúc nào, cha từ nhà trên xuống ngồi ở bộ phản nhà ngang, lặng thinh hút thuốc. Ngồi một hồi lâu, ông xuống bếp rang mấy mẻ cám, xong, gọi hai anh em tôi theo cha xuống búng sông ở Vực Tròn gần dãy Đá Giăng, cắt như cá găng.

Ba cha con ngồi trên bờ sông. Cha móc lưới nhứ vào gọng, bó cần nhứ vào giữa hai gọng. Xong xuôi đầu vào đấy, hai tay cha nhấc cần, bỏ nhứ xuống nước. Lúc lưới đã chìm sâu hẳn dưới lòng sông, chờ đến khi mặt nước trở lại bình lặng, cha bảo hai đứa tôi, bốc vài nắm cám rang vàng thơm phức đem trộn ít nước cho cám ẩm ẩm dẻo dẻo, vo lại thành những viên nhỏ, rồi quăng xuống nước khoảng giữa mặt nhứ. Những viên cám nổi lên bềnh một lúc rồi tan ra thành đám bụi vàng vàng, nổi dập dờn trên mặt nước. Cha con ngồi chờ, chẳng bao lâu một bầy cá găng độ vài mươi con xúm tới, con nào con nấy to dài cỡ ngón tay trở, thân mình cá găng trắng trong. Chúng vừa bơi loạn xạ tứ tung vừa tranh nhau đớp bột cám. Chờ một lúc, cha liệng thêm vài viên cám nữa xuống nước ngay giữa mặt nhứ, bầy cá tất cả châu đầu vào tranh ăn. Thế là hai tay ông nắm chặt cần nhứ,

nhẹ nhàng và hết sức đều tay, cha cất gong lên cao, mảnh như vừa nổi khỏi mặt nước, là đã tóm gọn được bầy cá gang, chúng rớt nhanh xuống đáy như. Cha lấy vợt xúc sạch bầy cá, rồi bảo em trai tôi chia rổ như tới gần cho cha đổ cá vào. Cha lại tiếp tục bỏ như xuống sông, anh em tôi lo vãi cá xuống nước... Cứ làm thế, mãi đến khi già nửa buổi chiều, cá gang cất được đầy lưng lưng một rổ như.

Lúc này mặt trời đã xuống gần kề đỉnh núi Hòn Nhón, bầu trời chồng chất những vầng ráng chiều vàng hường, trôi cuộn cuộn bênh bồng trên trời dưới nước. Ánh chiều nhuộm vàng cảnh trời đất sông núi, nhuộm vàng lên tóc, lên chiếc áo thao của cha, lên chiếc áo lụa nu của em; ánh chiều vàng nhuộm luôn chiếc áo vải ta màu chàm phai của tôi mất đi màu buồn thảm. Cha con tôi chiều ấy tưởng chừng lạc vào cõi thần tiên như trong chuyện đời xưa “Ông quan huyện Từ Thức”, mẹ nhiều lần kể cho chị em tôi nghe vào những lúc tiết trời đông giá, trong khi chúng tôi ngồi quây quần bên bếp lửa ấm nơi ngôi nhà dưới. Ở thác Vực Tròn, hai chiếc ghe chài đã lên đèn đang ngược dòng thác bương bả đi đánh cá đêm ở đâu trên vực sông Ba nấc, Vực Dài hay Nà cò chi đó. Trời đã chiều lắm rồi, cha vội thâu giàn như lên bờ cột lại thành bó, rồi bảo anh em tôi:

“Hai con theo cha xuống bãi, cha tắm cho, để còn lo về kéo trời tối.”

Ba cha con tắm táp xong, mát mẻ. Trên đường về, cha vừa vác giàn như vừa cõng em sau lưng, còn tôi bưng rổ cá gang nặng nặng leo đèo theo sau. Vừa về đến sân, mẹ đang ở nhà dưới nhìn ra thấy, mẹ mỉm cười hờn hờ nói:

“Cha con ông giờ đã làm lành lại được rồi. Chừ**, vô nhà, nghỉ một lát cho khỏe, để tôi lo kho cá gang, xong, cả nhà ăn cơm luôn thế.”

Trong lúc chờ mẹ và chị Hai lo sửa soạn bữa cơm tối, cha lại vớ văng nằm rồi bảo:

“Con Tri của cha lại đây, đưa vớ văng với cha cho mát.”

Em chần chừ đến bên vớ văng, cha bèn vói hai tay bồng em để nằm ngửa trên bụng, ông thả một chân chống đất lấy đà đưa vớ văng qua lại, một tay choàng qua em giữ, để em khỏi té, tay kia cha ra điệu múa may, miệng ngâm nga bài “Lưu Biệt” của cụ Huỳnh: “Trăng trên trời có khi tròn, khi khuyết. Người ở đời có khi thanh khi suy...”

Em tôi được cha đưa vớ văng mát mẻ, lại được nghe cha hát ru êm tai làm em mắt lim dim, thiu thiu buồn ngủ...

(Khi biết em không còn trên cõi đời, tôi ít khi dám xuống búng sông Vực Tròn, mặc dầu lúc ấy chắc gì sông nước không đổi thay so với khi ba cha con đi cất như cá gang năm xưa. Thế đấy, lúc em còn

sống, cha mẹ, anh chị em hết mực thương yêu em. Thử hỏi, khi em chết rồi, mấy ai không đứt ruột.)

Sau ngày anh em tôi ra vườn Đới đào dế và theo cha đi sông cát nhứ, tôi lại xa nhà ra Đà Nẵng tiếp tục đi học. Sáng ấy, em dậy thật sớm, xuống ngồi ở bộ phản nhà ngang, dõi mắt nhìn hoài ra sân, ra ngõ, im lặng buồn xo. Mãi đến khi mẹ và chị Hai dọn xong bữa cơm sáng, gọi em xuống ăn, em lắc đầu từ chối. Lúc tôi xách cặp sách vở ra đầu ngõ đứng, em chạy vụt theo đến bên, đưa tay nắm chặt vạt áo tôi, trong lúc tôi chờ đón xe đò ông Lý đi đường Tiên Phước - Đà Nẵng từ trên chợ huyện chạy xuống. Khi tôi vừa bước lên xe, em đứng dưới đường nói với lên:

“Nhớ, có bữa mô nghỉ học, nhớ...về nghe.”

Nói vừa xong em liền quay mặt sang hướng khác không dám nhìn tôi. Xe chạy khuất đã lâu, em vẫn ngồi mãi nơi hòn đá đen ở đầu ngõ, dõi mắt ngó dọc theo con lộ. Thấy vậy, mẹ ra nắm tay em dỗ dành:

“Đi vô nhà với mẹ. Chẳng bao lâu nữa, anh Bốn con được nghỉ lễ, lại trở về vui chơi với con chứ có chi mô mà buồn.”

Vào nhà, em lại bộ phản nhà ngang đắp chiếu nằm suốt ngày, bỏ ăn luôn bữa cơm trưa hôm ấy.

Năm 1968 em lên mười bốn tuổi. Tết ấy hai bên chiến tranh Quốc gia và Cộng sản đồng ý ngưng đánh nhau ba ngày, nên ban đêm em không tìm đến nơi an toàn để ngủ như thường lệ, em ở lại cùng Thắm người con gái em thân thương và bạn bè vui chơi tết. Thành lính đêm mồng hai Tết, bộ đội cộng sản tấn công vào làng, em bị bắt đem đi giam cầm ở các trại tù cải tạo; độ sáu tháng sau em chết trong nhà tù kỷ luật, bỏ thây không biết ở đâu nơi trùng trùng núi rừng Tiên Lập, gia đình cố công mãi tìm kiếm nhưng chẳng thấy xác em .

“... Chẳng bao lâu nữa, anh Bốn con được nghỉ lễ, lại về vui chơi với con, chứ có chi mô mà buồn.” Nhưng tôi không trở lại nhà được để cùng em vui chơi, như lời mẹ dỗ dành em lúc trước, bởi vì cuộc nội chiến Nam Bắc đất nước, chiến trận Quốc-Cộng cắt đứt đường về. Tôi phải tha phương cầu thực, lang bạt kỳ hồ; rồi phải chịu cảnh tù tội, sau bao năm được thả ra khỏi trại giam, trở về thì cha mẹ già không còn nữa, thằng em chết đã lâu, chết oan ức không tìm được thân xác. Em mất trong cảnh tù đầy lúc mới mười bốn tuổi; cái tuổi mười bốn còn măng non trong sạch, em có tội tình chi, nữ nào lại đành đoạn xén đứt mạng em. Em lìa bỏ gia đình để lại cho người thân bao kỷ niệm yêu thương chẳng lúc nào nguôi ngoai. Em vĩnh biệt

chúng tôi. Ôi! Có cảnh chia lìa nào đớn đau hơn không?

“... Chẳng bao lâu nữa, anh Bốn con được nghỉ lễ lại về vui chơi với con, chứ có chi mô mà buồn.” Và, cuối cùng rồi tôi cũng về lại được nhà. Nhưng hỡi ôi! em đã chết mất...

Tôi đành đoạn sống lây lất nơi quê xưa cổ quận gần tám năm trời, tôi muốn tránh không xuống búng sông Vực Tròn thêm một lần nào nữa. Thế mà tôi lại xuống. Số là vào một buổi chiều, hai thằng con nhỏ của tôi cứ nằng nặc đòi ba dẫn xuống Vực Tròn tắm sông. Tính tôi hay nuông con nên phải chiều chúng. Đứa nhỏ tôi cõng trên vai và dắt tay đứa lớn; khi ba cha con vừa tới bãi sông chúng liền cởi sạch quần áo, nhảy bùm xuống nước lặn xúng ngụp tắm. Cũng nơi bến nước này, một buổi chiều năm xưa tôi cùng cha và em trai sau một buổi cật nhứ cá găng đã xuống tắm ở đây. Bây giờ tôi đang ngồi trên bờ nhìn hai con tung tăng dưới sông, trên trời rắng vàng buổi chiều chống chọi bay chầm chậm bỗng bênh. Bỗng dưng nước mắt tôi chảy trào ra, hai con tôi nhìn thấy, chúng liền chạy lên bờ, hỏi:

“ Khi không, sao ba lại khóc, hả ba?”

Tôi vội đánh trống lảng:



“Không, không! Ba đâu có khóc. Vì lũ bộ mắt bay đây, tấp vào mắt ba làm xốn xang nên nước mắt chảy ra, vậy thôi.”

Nghe nói thế, chúng hớn hờ chạy ào xuống nước, lại cùng nhau đùa giỡn, lặn ngụp.

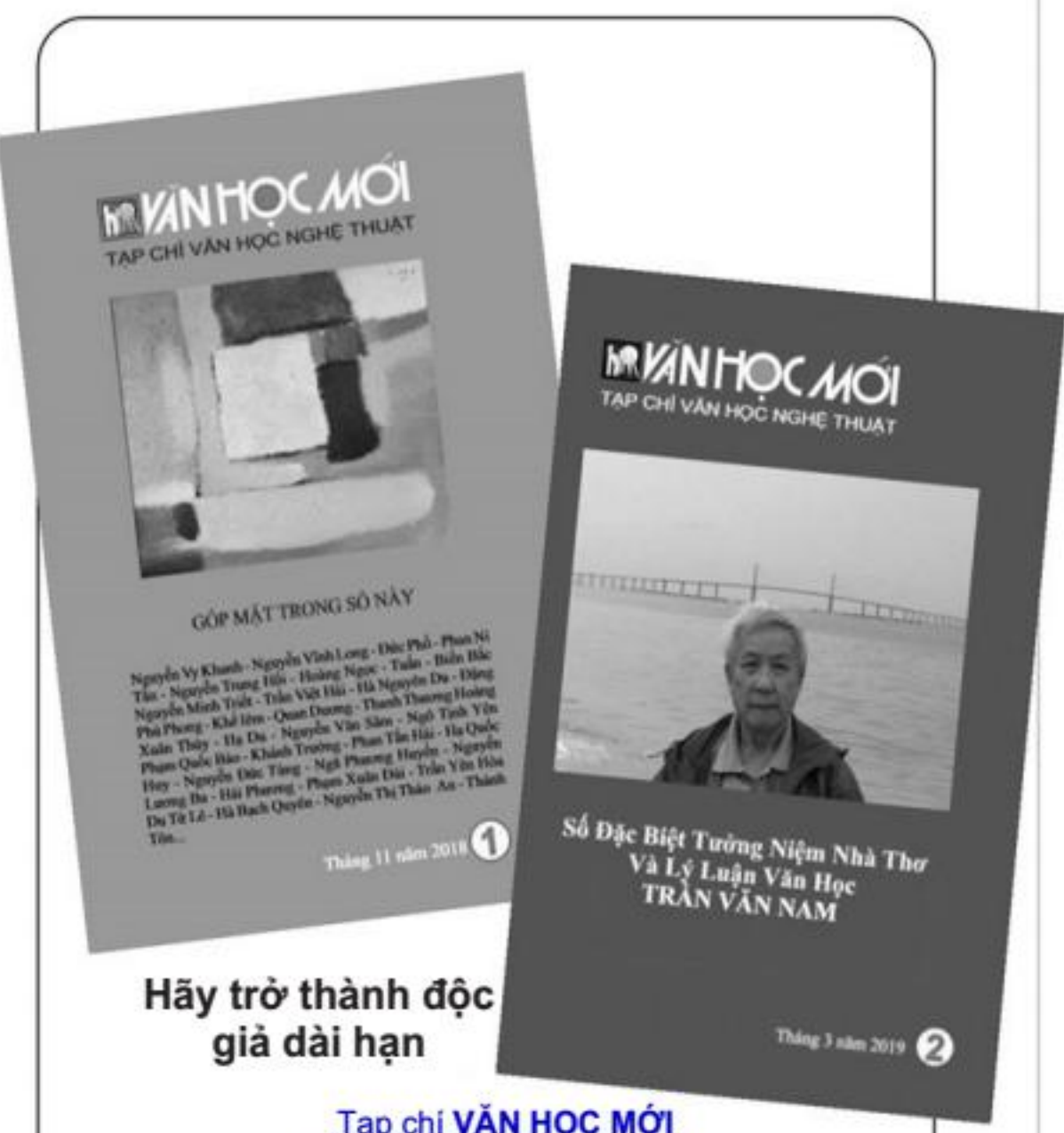
Nhìn cảnh hai con tắm sông lúc này, tôi chạnh lòng nhớ cảnh củ người xưa, nghe lòng mình quặn thắt, bởi bởi thương cha, nhớ mẹ, nhớ thương em trai tôi quá chừng. Tôi tâm nguyện nuôi nấng các con tôi chu đáo để chúng chóng khôn lớn trưởng thành hồng đôi xử được với cái cuộc trần thế ô trọc, và thậm khẩn xin trời phạt phò trợ cho chúng tránh gặp phải cảnh chia lìa đau lòng như hai anh em tôi ngày xưa./.

NGUYỄN ĐÌNH TỪ LAM

*: Đây là truyện ngắn trích từ truyện dài EM TRAI TÔI, cùng một tác giả.

** : Những từ địa phương:

- Tụi bây: Bọn mày, bọn mày. -Tau: Tôi, tao.
- Không răng mô: Không sao đâu. -Ứng: Thích, muốn.
- Chừ: Lúc này, bây giờ. -Bới dể: Đào hang(ổ, tổ) để bắt dể.



Hãy trở thành độc giả dài hạn

Tap chí **VĂN HỌC MỚI**
Phát hành 2 tháng một số
Một năm 6 số
 Liên lạc:
vanhocmoi68@gmail.com
hanguyendu@gmail.com



LÊ VĂN HIẾU
lau giọt mồ hôi

• *Tặng vợ...!*

Chẳng cần tổng kết những ngày tháng làm vợ làm chồng của mình
Có gì ngoài những chuyện vụn vặt đời thường và lặng lẽ

Đói thì ăn khát thì uống
Quê nhà trồng cây không bén rễ thì tha phương
Không chịu được sóng biển thì leo lên tựa núi

Có vui thì cả cười
Có buồn thì cùng chặm khô nước mắt

Ta lau mồ hôi bằng thơ bằng chữ
Vợ lau mồ hôi bằng cách trồng rau trồng hoa

Nhìn bước chân các con đi mà ta rung đùi uống rượu
Vợ hiểu ta làm cho chút mỗi
Ngồi chuyện cho ta nhắm

Rượu có hương hoa của vợ
Có vị đắng vị bùi
Có vị cay vị chát ...

Giờ lằng lằng lằng ta viết
Ta lau mồ hôi...

cõi thơ bay

Anh đã nhìn thấy vẻ đẹp của người con gái tắm Sông
Từ nhiều - nhiều năm về trước
Anh còn nhận ra mùi nồng của Sen
Mùi nồng của tóc
Cả da thịt đượm chảy

Khói sóng phiêu phiêu bên nếp nhà xưa
 Mặt trăng non dát vàng trên lá
“Tiếng gọi đò căng chèo
*Mồ hôi xương” **
 Nhều dài trên ngực nhỏ

Thời gian tự vỡ
 Không gian tự xích lại gần nhau
 Anh là người của trăm năm sau
 Yêu người trăm năm trước

Như trùng trùng núi trùng trùng sông anh đã vượt
 Anh yêu

Như trùng trùng anh trùng trùng em
 Anh tìm ra bóng nhỏ

Đêm em trở trăn đêm anh không ngủ
 Nghe hơi thở căng dài từ em

Nghe giường chiếu em rung
 Nghe thơ anh thao thức

Nghe chữ anh trói cột
 Nghe tóc em rơi

Nghe thơ anh bay đầy trời
 Tóc em kéo thành câu thành sợi

Nghe lời em thủ thi
 Em nằm trên ngực anh ...

LÊ VĂN HIẾU
 (*ý thơ Phùng Cung)



KHÁNH LAN
thủy chung

Uyển Diễm soi bóng mình trong gương một lần cuối trước khi bước ra cửa, chiều nay nàng có hẹn cùng Vy Hương đi xem buổi diễn binh nhân ngày Quân Lực 19 tháng 06 tại đại lộ Trần Hưng Đạo. Anh Hùng, anh của Diễm đang theo học khóa 27 của trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt. Vy Hương là bạn thân của Diễm từ khi còn học lớp đệ tam trường Thiên Phước. Ba má Vy Hương là bạn của bố mẹ Diễm nên ông bà coi nàng như con cháu trong nhà và nàng thường xuyên đến nhà Vy Hương chơi. Trái hẳn với bản tính ngổ ngáo, vui vẻ, mạnh mẽ và lạnh lẹn của Vy Hương, Uyển Diễm lại quá nhút nhát, hay mắc cỡ và yếu đuối nên Vy Hương luôn luôn là người “bảo vệ” Diễm những lúc có ai đó “ăn hiếp” nàng. Hai đứa thân nhau như hình với bóng, nơi đâu có Vy Hương là nơi ấy có Diễm, có nhiều lúc anh Hùng nói, “Lạ thật, hai đứa bay tính tình như mặt trời với mặt trăng mà sao lại có thể thân nhau như thế nhỉ?”

Vừa queo chiếc xe Yamaha vào sân nhà Vy Hương, Diễm đã nghe cô nàng la lên.

- Nhanh lên Diễm, đi sớm dành được chỗ tốt.”
- Ba má Hương không đi à? Diễm hỏi.
- Không, nắng quá, bà “Bô” sợ bệnh, còn ông “Bô” tao còn phải đi đặt tiệc cho bữa chiều, anh Hùng được phép về nhà chơi tối nay.

Nói xong, hai đứa chạy ra đường rồi nhảy vội vào chiếc taxi đang đậu chờ khách bên đường. Đúng như Vy Hương nói, hai đứa đến sớm nên dành được chỗ đứng xem thật tốt, ngay phía đằng trước. Vy Hương nói như hét vào tai Diễm.

- Tí nữa thấy ông Hùng, mày hét phải hét to lên nhé.

Càng gần đến giờ diễn hành, con đường Trần Hưng Đạo chật cứng người đến xem, chen chúc xô đẩy nhau, Diễm như càng lúc càng bị đẩy lùi ra phía sau. Vy Hương nắm chặt tay Diễm kéo ngược về phía nàng, miệng lẩm bẩm, giọng đánh đấm.

- Mấy người này làm gì mà chen lấn dữ vậy. Đến sau thì ra sau mà đứng, tôi xí chỗ này từ sáng sớm mà.

Một tiếng sau, từng binh chủng diễn hành chen lấn tiếng nhạc quân hành nối tiếp nhau đi qua chỗ Hương và Diễm đứng. Những lá cờ tung bay trong gió, những tiếng hát vang trời và những tiếng giầy oai hùng nện vang trên đường, Diễm thấy lòng mình xúc động trong niềm hân hoan. Diễm ngẩn người nhìn theo đoàn thanh niên đang đi theo tiếng gọi của tổ quốc làm nhiệm vụ của người trai trong thời loạn, chấp nhận thử thách lớn lao trong giai đoạn đầu của cuộc đời binh nghiệp. Diễm bùi ngùi nhớ câu thơ trong Chinh Phụ Ngâm.

*“Chàng trẻ tuổi vốn dòng hào kiệt
Xếp bút nghiên theo việc đao cung.”*

Khi trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt đi ngang, Diễm không rõ là Vy Hương có nhìn thấy anh Hùng không, nhưng miệng cô la to nhất. Diễm đưa mắt nhìn theo những chàng trai trẻ oai hùng trong bộ quân phục của trường, màu trắng oai nghiêm với cầu vai và giầy lưng viền đỏ kiên cường, nét mặt cương quyết khiến nàng như bị mê hoặc. Có lẽ đây là lần đầu tiên Diễm bị thu hút bởi hình ảnh của người chiến sĩ. Tấm huy hiệu của trường Võ Bị thật đẹp với hình thể dải đất hình chữ S nổi bật trên một tấm kiền màu xanh đậm. Ôm vòng theo bản đồ Việt Nam là hình một con rồng màu vàng trên khung viền màu đỏ, hàm răng con rồng ngậm chặt thanh kiếm. Thật là một huy hiệu rất có ý nghĩa.



Diễn binh nhân ngày Quân Lực 19 tháng 06, 1973 tại đại lộ Trần Hưng Đạo

Sau buổi diễn hành, Vy Hương rủ Diễm ở lại để dự bữa cơm gia đình tại nhà hàng Đồng Khánh và cũng chính bữa tiệc này đã là chiếc cầu định mệnh nối liền cuộc đời của nàng và Bảo. Buổi chiều hôm ấy, anh Hùng về nhà mang theo một người bạn cùng khóa, Trịnh Gia Bảo với ý định giới thiệu cho em gái Vy Hương. Chiều hôm ấy, Vy Hương và Diễm đang ngồi trong phòng học nghe nhạc và tâm sự thì anh Hùng và Bảo bước vào. Vy Hương thật tự nhiên, nàng đứng lên tươi cười bắt tay Bảo theo lối tây phương vì Vy Hương theo học chương trình pháp thời trung học đệ nhất cấp nên rất dạn.

Trái ngược hẳn với Diễm, nàng được giáo dục bởi gia đình nho giáo nên rụt rè và nhút nhát. Diễm đứng dậy, mặt đỏ gay, cúi đầu chào anh Hùng và Bảo rồi e thẹn ngồi xuống, thu gọn người vào một góc ghế sa-lông. Suốt cả buổi chiều hôm ấy, Diễm chẳng biết nói gì nên ngồi cười trừ để Vy Hương tha hồ ngồi đầu khẩu cùng Bảo và anh Hùng... Và sau lần gặp gỡ ấy, Diễm lần lượt nhận được những lá thư của Bảo từ Đà Lạt gửi về và chẳng bao lâu, Diễm trở thành người yêu của Bảo. Đó là lý do Vy Hương thường đùa với Diễm câu: "*Tình Hương duyên Diễm*" là thế.

Từ đầu năm thứ ba, trường Võ Bị bắt đầu phân chia thành ba quân chủng, Hải, Lục và Không quân. Anh Hùng và Bảo chọn đại đội Lục Quân đảm nhiệm công tác thông tin chiến tranh chính trị tại quân khu 1. Chương trình rút gọn trong 4 tháng để có thể tốt nghiệp đúng ngày đã quy định nên các sinh viên phải học cả ngày thứ Bảy và Chủ Nhật. Chương trình gồm chiến thuật và vũ khí trang bị cấp đại đội, súng cối, pháo binh, viễn thám, huấn luyện nhảy dù, hành quân không trợ, v.v...nên Bảo rất bận rộn và không có thì giờ nhiều dành cho người yêu. Diễm đón nhận những lá thư viết vội, ngắn nhưng chan chứa yêu thương và nhung nhớ mà không hề kêu ca hay trách móc người yêu. Cuối năm 1973, Diễm thi đậu tú tài toàn phần và xin bố mẹ lên Đà Lạt học trường Chính Trị Kinh Doanh, có lẽ lý do chính là để được ở gần Bảo.

Năm thứ ba cũng là năm mà các sinh viên sĩ quan của trường Võ Bị tổ chức lễ trao nhận truyền thống kỷ niệm thời gian thụ huấn tại trường. Trong ngày hôm ấy các sinh viên sĩ quan được quyền chọn người trao nhận cho mình. Diễm như chìm đắm trong niềm hân hoan và xúc động khi Bảo báo tin và mời nàng lãnh nhận nhiệm vụ cao quý ấy. Tháng 02, 1974, khóa 27 tiểu đoàn 1 về Sài Gòn học khóa 329 nhảy dù và nhảy biểu diễn tại sân Cù Đà Lạt. Nhưng Diễm và Bảo ít được gặp nhau vì Bảo bận học. Tuy nhiên, những dịp đặc biệt như thế, Diễm và Vy Hương luôn có mặt để khích lệ Bảo và anh Hùng.

Ngày lễ tốt nghiệp và mãn khóa

Ngày 27 tháng 12, 1974 là ngày lễ tốt nghiệp và mãn khóa của các sinh viên Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt tại Vũ Đình Trường Lê Lợi dưới sự chủ tọa của cố TT Nguyễn Văn Thiệu và được đặt tên là khóa Chuẩn Tướng Trương Hữu Đức. 182 tân sĩ quan tốt nghiệp, được cấp bằng cử nhân khoa học ứng dụng và văn bằng tốt nghiệp trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, gồm 24 sĩ quan Hải Quân, 148 sĩ quan Lục Quân và 10 sĩ quan Không Quân. Trong ngày mãn khóa, các sinh viên sĩ quan được gắn cấp bậc Thiếu Úy, trao kiếm và cung tên, được tuyên dương công trạng trước quân đội Võ Bị Quốc Gia Việt Nam và gắn anh dũng bội tinh với nhành dương liễu cho quân kỳ của trường. Ngày Bào tốt nghiệp trường Võ Bị, Diễm là khách mời danh dự của trường vì Bào đậu thủ khoa. Bào bước ra nhận lon thiếu úy và đại diện cho khóa 27 sĩ quan Võ Bị đọc bài diễn văn khai mạc. Bào oai phong, chững chạc trong bộ quân phục đại lễ. Còn Diễm, nàng như chìm đắm trong niềm hân hoan. Những sinh viên tốt nghiệp trong lãnh vực văn hóa, quân sự, thể chất và lãnh đạo chỉ huy, họ sẵn sàng lên đường phục vụ tổ quốc, quân đội và dân tộc. Diễm bỗng rùng mình qua bốn chữ “sẵn sàng phục vụ”, nó có nghĩa là nàng có thể mất Bào qua hòn tên mũi đạn. Hai câu thơ trong bài thơ “Phận Làm Trai” của Nguyễn Công Trứ như xoáy vào tim óc Diễm, khiến Diễm không ngăn được xúc động, hai hàng nước mắt lăn dài trên má từ bao giờ.

*“ Có trung hiếu nên đứng trong trời đất
Không công danh thà nát với cỏ cây.”*

Diễm giật mình quay lại khi nhận thấy một bàn tay đặt nhẹ lên vai nàng, Bào đã đứng sau lưng nàng từ bao giờ, thấy mắt Diễm mờ lệ, anh ôm bờ vai gầy của Diễm, hôn nhẹ lên tóc người yêu, thì thầm như chỉ đủ để nàng nghe.

- Em khóc đấy à?

Diễm lau vội những giọt nước mắt, quay lại nhìn Bào, nàng tựa đầu vào vai Bào, mặc cho con tim mình thổn thức...

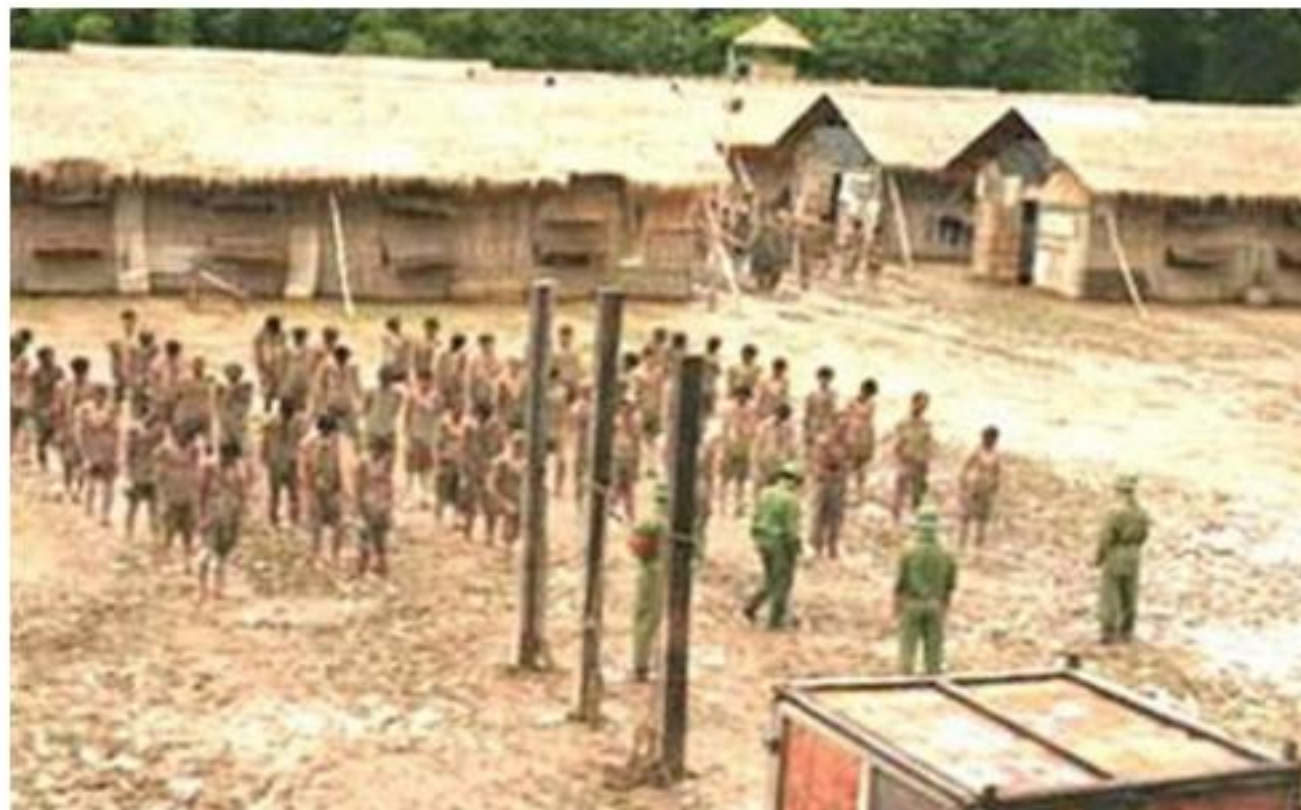
...Bào chọn Sư Đoàn 25/Bộ Binh, 06 Biệt Cách 81 nhảy dù và sau khi thụ huấn những khóa huấn luyện có liên quan đến binh chủng của mình. Ngày 31 tháng 12, 1974 Bào cùng 144 tân binh sĩ Lục Quân lên đường đến Dục Mỹ, Nha Trang để thụ huấn một khóa hành quân biệt động rừng núi, sinh lũy trong vòng 4 tuần và khóa bảo trì quân trang quân dụng thêm một tuần trước khi kết thúc khóa học ngày 04 tháng 01, 1975. Rời Dục Mỹ, Nha Trang các sĩ quan khóa 27 Lục Quân trở về Sài Gòn tham dự khóa phát triển hiệu năng quân lực thêm ba

tuần nữa từ ngày 20 tháng 02 đến ngày 12 tháng 03, 1975. Tại đây, các khóa sinh được phát bằng cử nhân khoa học ứng dụng, chứng chỉ tốt nghiệp trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, Bằng nhảy dù. Sau ngày ra trường, Diễm run lên vì sợ khi nghe Bảo quyết định gia nhập binh chủng “BIỆT HẢI”, phòng 7, nha kỹ thuật, nhưng đó là giấc mơ của Bảo, nên nàng đành in lặng. Chỉ vài ngày sau, Bảo từ giã gia đình và Diễm để ra đơn vị.

*“Ra trường danh lợi vinh liền nhục
Vào cuộc trần ai khóc trước cười”*
(Con đường làm quan, Nguyễn Công Trứ.)

...Đầu tháng tư năm 1975, tình hình chiến tranh càng ngày càng căng thẳng. Những trận chiến ác liệt diễn ra hàng ngày và khắp nơi. Bố mẹ Diễm muốn nàng trở về Sài Gòn và khi miền Nam Việt Nam thất thủ, đơn vị của Bảo cũng được lệnh tan hàng, anh tìm đường trở về Sài Gòn gặp Diễm. Đám cưới của Bảo và Diễm tổ chức giản dị trong lúc đất nước đang trong cơn loạn lạc, chỉ hai tuần trước ngày biến cố 1975. Diễm lại chính là người khuyên chồng nên ra trình diện vì nàng tưởng Bảo chỉ phải đi học tập cải tạo có một tháng rồi về, như lời hứa của chính phủ Bắc Việt trên máy phóng thanh. Diễm có ngờ đâu, đó cũng là lần cuối cùng hai vợ chồng được ở bên cạnh nhau...

...Lần cuối cùng Diễm đi thăm chồng ở trại tù cải tạo tỉnh Thanh Hóa, Bắc Việt, Diễm làm một cái bánh ga-tô, nàng nhét vào đó một ít tiền và vài chỉ vàng để Bảo tiêu dùng trong thời gian xa vắng Diễm. Bảo ra hiệu cho Diễm nên theo gia đình đi vượt biên và hẹn gặp lại nàng sau khi mãn tù. Bảo trao cho Diễm một chiếc lược bằng nhôm mà anh đã khéo léo mài gọt trong những ngày trong lao lý, trên cán của chiếc lược, anh khắc hai chữ Bảo & Diễm. Đó là kỷ vật và cũng là lần cuối cùng Diễm gặp chồng trước khi rời Việt Nam...



Trại tù cải tạo sau 1975

...15 năm chờ đợi đã được đền bù thật xứng đáng. Diễm như người sống trong mộng ảo khi nghe tin Bảo trốn thoát khỏi trại tù cải tạo, vượt biên và đang ở trại tị nạn bên Philippine. Diễm vội vã đáp máy bay đi thẳng qua Philippine để làm thủ tục bảo lãnh cho chồng. Gặp chồng, Diễm đứng lặng người, Bảo sau bao năm tù đầy, chàng đã thay đổi khá nhiều.

Ba tháng trôi qua, Diễm đếm từng ngày, mong từng giờ, sửa soạn và chuẩn bị từ tâm hồn đến thể xác, chờ ngày ra phi trường đón Bảo. Nghĩ đến ngày đoàn tụ, Diễm thầm cảm ơn Thượng Đế, nàng nhắm mắt để tận hưởng những giây phút hạnh phúc tuyệt vời sắp sửa đến cho cuộc đời mình.

Mùa xuân đến thật đúng lúc, những bông hoa muôn màu nở rộ trên khắp đường phố, cũng như những cánh hoa yêu thương đang nháy múa trong lòng Diễm, khi nàng được tin Bảo sẽ đáp chuyến bay quốc tế Boeing 747, rời Philippine và sẽ đến phi trường LAX lúc 11 giờ sáng ngày mai. Diễm muốn hét lên thật to, “Thôi nhé Uyển Diễm, già từ những ngày cô đơn lẻ bóng.” Diễm lục tung tủ áo, cẩn thận chọn cho mình một cái áo dài thật đẹp, màu tím hoa tigon nhạt mà cả hai đứa vẫn yêu. Cả đêm hôm ấy, Diễm thao thức và không thể nào nhắm mắt được, nàng chỉ mong trời mau sáng để được ngã vào vòng tay yêu thương của Bảo, đền bù cho những ngày xa cách...

...Một năm sau, Bảo và Diễm hân hoan chào đón đứa con trai đầu lòng, cả hai đều đồng ý đặt tên con là Trịnh Bảo Gia Đoàn, có nghĩa là sự kết hợp giữa hai dòng họ Trịnh & Đoàn và cũng là để ghi nhớ ngày đoàn tụ (Gia Đoàn là gia đình đoàn tụ) của vợ chồng Diễm và Bảo.

20 năm trôi qua, Gia Đoàn đã 20 tuổi và đang theo học ngành y khoa tại trường đại học UCLA. Diễm không còn muốn ao ước thêm gì nữa, vì nàng biết, vợ chồng nàng đang chìm đắm trong hồng phúc mà Thượng Đế đã ban cho gia đình nàng. Nào ngờ, hai tháng sau ngày kỷ niệm ngày cưới của hai vợ chồng, Diễm bàng hoàng khi nghe bệnh viện báo hung tin là Bảo bị đột quỵ ngay trong sở làm và đang nằm trong phòng hồi sinh (ICU). Diễm vội vã bỏ sở chạy thẳng đến bệnh viện. Trong phòng hồi sinh, Bảo nằm bất động trên giường, hai mắt nhắm chặt, trên người chàng chằng chịt những dây, máy thở, máy trợ tim. Diễm lao người đến bên giường của Bảo, nâng bàn tay của chồng lên, áp nhẹ vào má, hai hàng nước tuôn trào trên má như một dòng suối.

Hơn sáu tháng điều dưỡng ở trung tâm phục hồi, sức khỏe của Bảo có phần khả quan hơn, nhưng cơn tai biến mạch máu đã ảnh hưởng đến một phần thân thể và trí nhớ của Bảo, chàng trở nên ngây

ngô như một đứa trẻ thơ. Diễm quyết định mang Bảo về nhà, nàng xin nghỉ việc và ở nhà để tự mình chăm sóc cho chồng...

...Đã bao năm trôi qua, sáng nào Diễm cũng đẩy chồng trên chiếc xe lăn, đưa chồng tới một công viên gần nhà, đến bờ hồ năm xưa, nơi mà Diễm và Bảo thường hay đi dạo mỗi buổi chiều để ngắm hàng cây phượng tím cạnh bờ hồ, để nhìn theo đàn thiên nga tung tăng bơi lội, đùa vui trên mặt hồ. Đây cũng là nơi đã chôn vùi bao nhiêu kỷ niệm của hai vợ chồng khi Bảo còn khỏe. Diễm đưa Bảo đến đây mỗi ngày với hy vọng phục hồi lại trí nhớ của Bảo, nhưng có lẽ đó chỉ là một giấc mơ trong Diễm vì càng ngày bệnh mất trí nhớ của Bảo lại càng nặng thêm. Phải, chứng bệnh “Alzheimer” quái ác kia đã tàn phá hoàn toàn bộ óc của Bảo, chàng không nhận biết những gì xảy ra quanh mình. Thậm trí, Bảo không còn nhớ Diễm là vợ của anh nữa...

Tiếng hát của cô ca sĩ hàng xóm, Tuyết Hồng từ phía nhà bên cạnh vọng ra bài nhạc kích động.

*”Nếu có yêu tôi
Thì yêu tôi bây giờ
Đừng để ngày mai
Đến lúc tôi qua đời...”*

Bảo đang ngồi trên ghế chờ vợ, anh lắng tai nghe, mắt nhìn về hướng có tiếng hát vọng lại, thỉnh thoảng mỉm cười một mình. Diễm từ trong phòng ngủ bước ra, nàng đỡ Bảo ngồi lên chiếc xe lăn rồi với tay lấy cái mũ “phốt” đội lên đầu chồng, xong nói nhỏ vào tai Bảo.

- Em đưa mình đi dạo mát nhé.
- Đi chơi à.
- Vâng, đi xuống đồi hóng gió cho khỏe anh ạ.

Không thấy Bảo trả lời, Diễm với tay lấy cái giỏ trên bàn, khoác lên vai, rồi đẩy chiếc xe lăn của chồng ra khỏi nhà. Chỉ khoảng năm phút sau là họ đến một công viên ở gần đấy. Diễm đẩy chiếc xe lăn về hướng hồ sen, tiến gần đến một băng ghế dài đặt dưới gốc cây phượng tím. Diễm dừng chiếc xe lăn lại, rồi đi vòng ra phía trước của chiếc xe lăn, nàng cẩn thận khóa cái thắng của xe lăn lại trước khi ngồi xuống cạnh bên chồng. Diễm đưa tay gỡ cái nón trên đầu Bảo, vuốt mấy sợi tóc lòa xòa trên trán chồng, nàng cầm nón, phe phẩy trước mặt chồng cho mát, rồi ghé tai Bảo, nhẹ nhàng nói:

- Mình ngồi đây cho mát, anh nhé.
Bảo ngược mặt lên nhìn vợ, tay chàng giữ chặt lấy cánh tay Diễm, với một giọng run run, lo lắng, Bảo hỏi.

- Chỗ này là chỗ nào vậy chị? Tôi chưa đến đây bao giờ.
Diễm mỉm cười, gỡ tay Bảo ra, rồi với tay lấy trong giỏ sách một bình nước lọc nhỏ, đưa cho Bảo. Giọng dịu dàng.
- Anh uống nước cho đỡ khát.
Bảo đưa tay đỡ lấy chai nước, đưa lên miệng.
- Đây là Parata park gần nhà, mình ra đây mỗi buổi sáng, anh không nhớ sao?
- Thế à...
Rồi Bảo quay mặt ra phía hồ nước, không nói gì, mắt nhìn đắm đắm vào khoảng không. Diễm đưa mắt nhìn dọc theo con đường nhỏ chạy vòng quanh bờ hồ, hàng cây phượng tím vẫn nở rộ, phản chiếu trên mặt hồ tạo nên một bức tranh thủy mặc tuyệt đẹp. Trên mặt hồ, từng cặp thiên nga đang bơi cạnh nhau như những cặp tình nhân đang thưởng ngoạn phong cảnh hữu tình, gợi nhớ trong tâm trí Diễm những ngày thơ mộng và hạnh phúc của hai vợ chồng tựa như một cuốn phim đang quay chậm, nàng buông tiếng thở dài. Bỗng tiếng nói của Bảo, khiến Diễm giật mình quay lại.
- Đây là đâu vậy chị?
- Mình đang ở ngoài công viên gần nhà, anh không nhớ à?
- Thế à.
- Vâng, anh có nhớ chúng mình vẫn hay đi dạo ở đây mỗi buổi chiều để ngắm hàng cây phượng tím.
Diễm chỉ tay về phía hàng cây phượng vĩ. Bảo nhìn theo chỉ tay của Diễm.
- Thế à...
- Có khi, đúng ngày rằm, khoảng 15 tháng 10, rằm Trung Thu, anh hay đưa em ra đây ngắm trăng.
Ngừng một chút, Diễm nói tiếp giọng nàng nghẹn lại như muốn khóc.
- Hoặc ngày Bốn tháng Bảy là ngày lễ Độc Lập, mình cũng hay ra xem pháo bông ở đây.
- Thế à.
- Vâng, anh có nhớ chúng mình hay ngồi ở cái ghế này, ngắm đàn thiên nga đang bơi đó...
- Thế à.
Hai người lại ngồi yên trong lặng lẽ, bỗng dưng Bảo quay lại, đập nhẹ nhẹ vào tay Diễm hỏi.
- Chị ơi, chỗ này là ở đâu?
Như đã quen với những câu hỏi của Bảo và như đã thuộc lòng câu trả lời. Diễm trả lời chồng như một cái máy đã được ghi âm sẵn.
- À, mình đang ngồi tại bờ hồ của Parata Park đấy.

- Thế à.
Ngừng một chút, Diễm quay sang Bảo, khẽ nói.

- Năng đã lên cao, mình về thôi anh ạ.

Không thấy Bảo nói gì, Diễm đứng dậy, đội cái mũ lên đầu cho chồng, rồi đẩy chiếc xe lăn hướng về nhà. Về gần đến nhà, Diễm gặp hai vợ chồng hàng xóm cũng trên đường ra công viên. Họ dừng lại chào Diễm và Bảo. Người vợ vui vẻ chào Diễm

- Chào chị Diễm, chị đưa anh đi hóng gió?

Diễm mỉm cười, đứng lại trả lời hai vợ chồng Hưng và Tuyết Hồng, nàng nói.

- Vâng, hôm nay ông bà được nghỉ làm hay sao mà đi “dung giảng dung dể” thế này?

- Vâng, lâu lâu tụi em lấy một ngày nghỉ ở nhà cho thoải mái.

Trong lúc Diễm đang nói chuyện với người vợ, Hưng đi vòng lên phía trước xe lăn của Bảo, anh cúi hẳn người xuống, bắt tay Bảo. Họ chào hỏi và trao đổi một vài câu chuyện xong từ giã Diễm và Bảo rồi tiếp tục đi về phía bờ hồ. Diễm cũng đi lại sau lưng Bảo, đẩy nhẹ chiếc xe lăn đi về nhà.

Về đến nhà, Bảo quay lại nhìn Diễm, hỏi.

- Lúc nãy chị nói chuyện với ai vậy?
- À, anh Hưng và cô ca sĩ Tuyết Hồng ở cạnh nhà mình đấy.
- Thế à.
- Cô bé ấy ca hay đáo để, anh vẫn nghe cô ta ngheu ngao mỗi ngày ngoài patio sau nhà đấy thôi.
- Thế à, tôi chưa nghe cô ấy hát bao giờ?
- Ồ, tại anh không nhớ đấy thôi.

Hơn 10 năm chăm sóc cho Bảo, Diễm không còn nghĩ đến mình, cả ngày nàng quanh quẩn bên Bảo và cắt đứt tất cả liên lạc với bạn bè. Diễm muốn dành tất cả thời gian còn lại ở bên chồng và không nhờ sự giúp đỡ của gia đình. Có lẽ chính vì vậy mà sức khỏe của Diễm càng ngày càng kiệt quệ, nàng không còn đủ sức để lo cho chính mình. Diễm điện thoại gọi cho con, nhắn Gia Đoàn về gấp. Diễm nhờ vợ chồng một người bạn HO của Bảo, anh Tâm chăm sóc cho Bảo và vợ anh, chị Thu giúp việc nhà. Tin Diễm bệnh nặng đã làm

gia đình Diễm và bạn bè từ xúng xốt đến bàng hoàng. Chỉ vồn vện vài tháng sau, Diễm qua đời...

Từ ngày Diễm qua đời, Gia Đoàn trở về sống với bố, những khi anh phải đến trường hoặc vắng nhà, vợ chồng anh Tâm ở lại coi sóc Bảo. Phần Bảo, sự ra đi vĩnh viễn của Diễm cũng không có gì khác lạ đối với anh, thỉnh thoảng, anh nhìn tấm di ảnh của Diễm nhưng chẳng nói năng gì. Có lẽ Bảo cũng không biết tại sao Diễm không đến đưa anh đi dạo mát mỗi buổi sáng.

Cũng như mọi ngày, Bảo ngồi bất động trên chiếc xe lăn, mắt chàng như dán chặt vào tấm di ảnh của Diễm, bỗng nhiên hôm nay, anh lăn chiếc xe tiến đến gần bàn thờ của vợ. Khi chiếc xe chạm vào mép bàn, Bảo đưa tay với lấy tấm ảnh của Diễm trên bàn thờ, ngắm nhìn tấm ảnh một lúc thật lâu, rồi ôm vào lòng. Một lúc sau, Bảo như chợt nhớ ra điều gì, anh lăm bắm thật nhỏ trong miệng, xong anh đặt tấm di ảnh của Diễm xuống đùi, lăn bánh xe thẳng về phía cửa ra vào. Bảo dừng xe lại trước ngưỡng cửa, hai tay ôm chặt tấm di ảnh của Diễm, mắt nhìn ra hướng bờ hồ, đoạn anh đưa tấm ảnh lên môi, hôn nhẹ lên mặt kiếng của tấm hình rồi hạ tấm hình xuống ngực. Bảo ghì chặt tấm ảnh vào lòng, anh nhắm mắt lại, hai giọt nước mắt lăn dài trên má. Bảo đưa hai tay ôm lấy ngực, có lẽ cơn đau tim kéo đến dồn dập, tấm di ảnh của Diễm rơi xuống đất, mặt kiếng vỡ tan tạc nên âm thanh dòn dã. Đầu Bảo từ từ gục xuống, rồi ngã hẳn về phía trước, hai tay anh buông thõng, bất động...

Chiều nay, ông Tâm vừa nấu xong bữa cơm chiều, từ dưới bếp chạy lên nhà trên mời Bảo vào ăn cơm chiều, nhưng quá trễ, Bảo đã gục chết từ bao giờ...

Bên nhà hàng xóm, tiếng hát của ca sĩ Vũ Khanh vang lên, ngẹn ngào như tiếng khóc.

*Yêu em như thuở nào
Tình yêu còn biên đầy trang giấy
Yêu em như thuở nào
Tình yêu còn đọng đầy trang sách.*

*Dù biết trái tim đã già
Mà những thiết tha chẳng nhòa
Tình cũ vẫn nghe ấm nồng
Gọi tên nhau lúc cô đơn
Để nghe sưởi ấm tâm hồn.*

*Em ơi đây tiếng đàn,
Lời ca dệt ân tình năm tháng
Câu ca hay khúc nhạc*

Tình yêu còn đông đầy khao khát.

*Dù có cách xa mỗi mòn
Mà những dấu yêu mãi còn
Sưởi ấm xác thân héo gầy
Tình yêu như gió đem mây
Gọi mưa giăng kín khung trời.*

*Này em hỡi, ta mơ ngày sẽ tới
Khi tương phùng, em khóc cho niềm vui vì hạnh phúc.
Ngọt hay đắng, trong cuộc đời mưa nắng
Ta luôn cười trong giấc mơ hạnh phúc xưa tuyệt vời
Riêng ta nơi núi rừng
Về đêm càng nghe hồn băng giá
Câu ca hay khúc nhạc
Càng thêm sâu cho tình tan nát.*

*Dù biết cách xa với đời
Dù biết thủy chung chẳng rời
Mà vẫn xót xa tháng ngày
Chờ ta chi nữa em ơi
Còn đâu giây phút tuyệt vời.*

KHÁNH LAN

California, November 2020

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Văn Hóa Vụ trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.
2. Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt Wikipedia.
3. Hai người đấu thủ khoa khóa 27 là sinh viên sĩ quan Hoàng văn Nhuận và Lê

Danh ngôn

Các nhà thơ bị nguyền rủa nhưng họ không mù, họ nhìn với đôi mắt của thiên thần.

Poets are damned but they are not blind, they see with the eyes of the angels.

William Carlos Williams



TRANG THANH TRÚC Café mùa Thu

Rời con hẻm nhỏ. Dừng chân ở phố Latin. Chiều mùa Thu thừa nắng. Chút mây mù hăm dọa trên cao. Cà phê quán thú bảy từng giọt rơi ngọt ngào. Niềm hạnh phúc bất chợt ngã vào nhau (cũng như anh bất chợt vòng tay phía sau lưng em, gõ nhẹ nhẹ từng ngón, gõ lên những nốt vui hiển hòa). Em im lặng lắng nghe. Em im lặng đón nhận. Bởi có cảm tưởng như nếu mình lên tiếng vì một sự xúc động nào đó, sẽ đánh thức những chú chim sẽ còn mê ngủ nướng trên các cành cây, sẽ làm xáo động con đường mang đầy gió, và sẽ làm thức giấc cả mùa Thu

Anh vẫn mỗi ngày lo lắng, săn sóc em, ân cần hơn hôm qua.

Em im lặng không lên tiếng. Em im lặng không viết điều gì.

Chúng ta cùng chọn một quán ngoài hành lang, biết rằng giữ chỗ ngồi như thế thì sẽ phải chờ đợi lâu lắm, nhưng chiếc bàn có hai ghế mây xinh xắn này, khó mà đi ngang rồi bỏ mắt không nhìn thấy được.

Từ chỗ ngồi ở đây, có thể ngắm người đi bộ tấp nập qua lại. Hầu như họ đến cuối con đường, đứng chờ đèn xanh để băng qua nhà thờ Notre-Dame de Paris thì phải. Đoán thôi chứ chưa chắc là đúng. Cũng có thể họ băng qua đó để tìm mua vài tấm thiệp chụp Paris phố cổ trưng bày trên các sạp gỗ, chạy dọc theo bờ sông Seine. Hoặc họ đứng trên này đường chờ xem có chiếc tàu nào đó chở du khách ngang qua hay không. Những gợn sóng nhỏ đẩy đưa êm đềm tựa như khi ta nhìn thấy màu trắng ngà trong chén đậu hũ được thả nước gừng vậy! Nhẹ tênh và mộng mên. Cái cảm giác thụ hưởng này thật hạnh phúc. Nó không là điều gì to tát cả, chỉ bình dị bởi trời đã vào giữa Thu mà chúng ta vẫn còn có thể ngồi cà kê ngoài quán, gọi kem, uống nước, cà phê, thuốc lá.

Chúng ta ngồi xích lại gần nhau hơn.

- Anh hút bao nhiêu điếu hôm nay rồi vậy?
- Chi vậy em?
- Hỏi cho biết chứ làm chi!

Không có tiếng trả lời, chỉ có màu khói thuốc bay ngang. Lát sau, người ngồi bên kia hỏi lại:

- Em có muốn nếm thử chút vị cà phê trong ly anh không?
- Thử để làm gì?
- Thử để biết chứ để làm gì em! Cà phê pha ở quán này ngon quá...

Ánh mắt hai chúng ta bất chợt bắt gặp nhau. Người này nhìn người kia cười, ngây thơ như hai trẻ nhỏ lạc lõng, nhút nhát, để rồi tình cờ tìm thấy nhau giữa giờ chơi của sân trường.

Em bẻ từng miếng bánh “ngọt vừa” chia bớt cho anh. Hạnh phúc giản dị lắm. Ví dụ như hương thơm đến từ chiếc bánh men này.

Trang Thanh Trúc

Khấp khểnh

- Cháu ơi...
 - Dạ.
 - Sáng nay cháu có bạn đi đâu không?
 - Dạ cháu có chút việc phải xuống chợ thôi. Bác cần cháu mua gì không bác?
 - Trời, may quá! Bác nhờ cháu chuyện này nha cháu?
 - Dạ, bác cứ nói.
 - Cháu à...
- Bà cụ lại gọi giật ngược. Cái nốt ời à nghe mà bùi tai.
- Sao bác đau xương chậu quá cháu à. Nằm trên tấm nệm này cần cái lưng ngủ không được.
 - Sao bác không đổi tấm nệm khác vậy bác?
 - Hồi trước bác đã đổi một lần rồi. Hồi lúc bác trai còn đó. Nay bác trai mất rồi...

Thôi, thua! Không để bà cụ quay về chuyện cũ được. Cô bẻ chiếc ghe, lèo lái về hướng trái. Và chèo cho lẹ:

- Bác ơi, bây giờ bác muốn cháu xuống chợ mua gì cho bác nè?
- Bà cụ ngừng ngay câu chuyện (mà cô đã từng nghe qua không biết lần thứ bao nhiêu) :
- À, cháu tìm coi có tấm chăn bông nào thật dày cháu mua giúp bác, để bác lót trên tấm nệm, nằm cho êm.
- Ồ tưởng chuyện gì. Cô hăng hái :
- Cháu mua được mà. Bác còn cần gì nữa không bác?

– Nhiều được rồi cháu. Bác phiền cháu, cả gia đình cháu, bác không biết làm sao mà trả ơn đây...

Rồi, lại nước mắt sắp tuôn trào. Không được. Cô kéo chiếc ghe bẻ sang hướng phải. Cứ thế mà ngắm sông ngắm nước sáng nay.

– Bác còn da-ua mạn, hành tây, khoai lang không? Cháu mua thêm cho bác nghe?

– Bộ cháu mua thêm cho bác « bao nhiêu đồ thứ » được hả!

– Trời, gì mà không được bác!

– Ô, bác hết từ hôm qua rồi cháu à. Mà cháu xách cái chăn bông dày như vậy nặng lắm rồi.

– Cháu có xe kéo. Mà bác cần gì nữa không bác?

– Thôi cháu. Vậy là nhiều lắm rồi. À, suýt chút lại quên rồi thấy không! Cháu lựa giúp bác cái bao chăn bông luôn nghe cháu. Cái bao có mầu xanh hạnh nhân đó. Hôm trước mẹ cháu chỉ cho bác coi. Đẹp thiệt là đẹp, vải lại mềm. Bác thương tấm đó quá!

Xong thôi, « Bác thương tấm đó quá » thì cô sẽ mua thôi. Chỉ hy vọng lúc xuống chợ tấm chăn bông ấy người ta còn bày bán. Không thì cô sẽ một mình ngồi nghe nguyên bản tình ca đầy tiếc nuối!

Trong chợ, lựa một lúc cô cũng chọn ra được một tấm chăn rộng cỡ 240cm x 240cm. Cụ tha hồ mà xếp lại làm đôi rồi nằm trên tấm chăn bông ấy chắc chắn sẽ « siêu êm ». Cô hí ha hí hửng mang ra quày trả tiền rồi ngay sau đó cô mang thẳng đến nhà cụ luôn. Nhưng tấm chăn bông này không nhẹ như cô tưởng. Đường bộ đi càng ngoằn ngoèo, càng phê (phê ở đây hiểu theo nghĩa bóng là mệt chứ không phải là sướng). Đến nơi, cô nhận chuông. Cụ thò đầu ra mở cửa rồi ra dấu cho cô im lặng đi theo cụ vào phòng.

– Tụi nó đang ở ngoài phòng khách, cháu đừng để tụi nó thấy cháu cầm cái chăn bông này nghe.

Cô ngạc nhiên nhìn cụ. Đo lường từng lời cụ vừa nói. Nhưng cụ nói sao thì nghe vậy cho rồi. Hỏi ra biết đâu cụ lại kể tỉ mỉ nguồn gốc nguyên nhân thì dài lắm, phiền lắm. Cô đề nghị cụ ngồi trên cái bực gỗ kê cạnh chiếc truyền hình. Cô loay hoay lấy chiếc gối ôm, chiếc gối nằm rồi đặt tất cả trên bàn viết. Cô luồn chiếc áo đóm hoa mầu hạnh nhân vào chăn bông mới. Cụ khen, đẹp quá, rồi dịu mắt quá, cái mầu hạnh nhân này. Đôi mắt cụ rưng rưng. Cái dáng gầy gò của người đàn bà hơn 80, con, cháu, dâu, rể không thiếu mà sao người ta có thể để cụ côi cút trong căn phòng với bốn bức tường vô cảm như thế này.

Thôi, hãy gắng đừng suy nghĩ nữa. Hãy tập bỏ ngoài tai! Những gì mình có thể làm được, mình cứ làm. Phân tích chi cho mệt. Ai xử tệ ai cũng mặc kệ. Nhưng mà mình có phải là Thần Thánh đâu chứ. Mình là phó thường dân mà! Phó thường dân thì có trái tim lãng mạn, lúc vui, lúc buồn, làm sao không biết xúc động chứ. Nhưng không phải chuyện gia đình mình mà. Nhớ thế nhé! Chuyện gia đình

thiên hạ. Và ai nhờ gì, mình giúp. Rồi chấm xuống hàng ở đó. Mình không cần phải tìm hiểu nguyên do tại sao người ấy nhờ mình. Cứ hiểu một cách đơn thuần có yếu thế vô phương người ta mới nhờ. Nhớ thế đi!

Cô lẳng lẳng tiếp tục công việc của cô là đặt chiếc áo mới, tấm chăn bông mới trên kệ sách cạnh giường của cụ. Trong phòng cụ giờ nơi nào cũng được sở hữu! Xong, cô kéo tấm chăn bông cũ mềm cụ đắp thường ngày ra. Rồi cô kéo luôn tấm mền mỏng dính cụ kê dưới lưng ra. Sao cái gì cũng mỏng mảnh thế này không biết! Khi tấm mền mỏng dính lột lưng rời khỏi chiếc giường cô tưởng cô từ trên mây vừa rớt xuống. Cô nói không thành lời. Cô đứng chết lẳng nhìn « kho tàng » cô vừa khám phá. Cái gì mà đầy ứ, đầy ắp như thế này hỡi Trời. Trái tim cô đau nhói lên như chính cô là thân chủ của chiếc giường lâu năm này vậy. Cô để mặc cụ ập a ập úng, cụ phân trần, cụ giải thích. Tai cô lùm bùm. Những ngón tay cô run run. Cô lòi ra: từng khúc vải thừa, cái khăn bàn, chiếc khăn lông, khăn lau chén, từng miếng vải lau nhà, kể cả tấm thảm lót bàn cầu! Thì ra tấm nệm cụ ngủ bấy lâu nay có khác gì con đường đổ nát đầy vết bom đạn. Tùy chỗ trũng sâu, cạn như thế nào, cụ tìm cách lấp cho bằng phẳng bằng cách nhét và trong đó mọi thứ khăn lông, vải khúc, áo quần gì đó.

Đầu óc cô lằng lằng. Không phải cảm giác hạnh phúc mà là cảm giác của người không biết uống rượu mà dám bung ly rượu lên nốc một hơi. Cảm giác chua, chát, đắng.

Mình đang ở Pháp mà, phải vậy không? Con người có trình độ văn hóa lắm mà, phải vậy không?

Cô đau nhói. Cái đau nghẹn ngào không tả được. Hèn chi cụ than đau xương chậu quá, rồi đau lưng quá. Chỗ lót lưng mà lụp xụp, khắp khểnh như thế này thì xương sống ai mà chịu cho thấu chứ.

Cụ không muốn cho đám con của cụ biết cô là người hay mua giúp cụ nửa ổ bánh mì, vài củ khoai, vài cọng hành tây, da-ua mặn cho đến cái chăn bông bành ki 240cm x 240cm. Cụ không muốn đám con cụ xấu hổ vì không lo được cho mẹ già mà phải để mẹ nhờ cậy ở người dung khác họ. Cụ thương con, cụ lo lắng cho con như vậy mà sao những người con của cụ đó, chúng ở đâu?

TRANG THANH TRÚC



LÊ TUYẾT LAN

lầm lỡ

Tôi đã đi qua những cuộc dở dang đem lầm lỡ về xâu gác bóng
 Xót xa đôi mắt buồn đan chiều vào tím lạng
 Biết về đâu khi chân trời người hiu hắt
 Biết tìm đâu trái tình chết bên lề những cuộc vui

Tôi vẫn xuôi ngược lòng nghe nổi niềm trôi nổi
 Hỏi thời gian nào hư ảo
 Người tình nào ôm ấp cuộc trăm năm
 Cho tôi cùng xếp lại mảnh lòng ngổn ngang

Mai người về bên những đam mê
 Còn tôi với sợi ê chề tầm tợ
 Tôi tô lại môi hồng
 Ôm câu thơ cũ thả rong nổi buồn

chấp vá

Những mảnh vỡ da thịt được lớp keo thời gian kết dính
 Từng vết nứt điểm tô cuộc đời
 Từng bước lẻ loi buông lời
 Cứ đi để sửa lại những điều trái ngang đã lỡ

Buông bàn tay ghì lấy xa xôi
 Đưa lại chiếc nôi còn thiếu tiếng ru hời
 Từ ngọn cải chưa muốn về trời
 Mà cát chân mình sâu vào đất cứng

Chấp vá lại mảnh đời đã rách những mùa sâu
 Ve vuốt từng cái nhức nhối
 Nghe ấm từng kẻ lỗi
 Để chào mong manh
 Để quờ từ xanh xao.

LÊ TUYẾT LAN



THIÊN DI
hát đi em

Những ngọn buồn thổi qua vách mỏng
Run rẩy hàng tơ mong manh
Lay giọt đắng trong tim sắp ứa
Hóa giai điệu xanh

Những cung tơ dệt từ kí ức
Những lần tim lạc đến bờ đau
Từ tiếng vọng đêm dài thao thức
Hoá những nốt sầu

Hát đi em
Những câu thơ mềm như lá cỏ
Những lời yêu gõ cửa vườn trăng mở
Xoa dịu đời nhau

Giọt nắng chênh vênh trên đáy vực sâu
Tình người mong manh nào biết nông, sâu
Bên vực thăm đen hơn đêm
Ngại ngừng bước tim chẳng lại

Hát đi em
Vạn lời thương cho đài hoa hé nụ
Cho nỗi buồn trượt theo cơn gió
Thêm vị nồng cay chén rượu tương phùng

Những câu hát nho nhỏ
Theo bước chân lá vàng

Ngày đắm say ngã vào lòng đêm bỏ ngỏ
 Dốc cạn chén thời gian

Men không say khi lòng ta trống vắng
 Bến bờ cuộc đời tràn những hương mê
Hát đi em
 Cho tròn lại mảnh trăng thề
 Cho môi kề môi nụ hôn sau cuối...

bức tranh mới

Tôi quét lớp mạng nhện
 phủ đầy trên ô cửa
 tay gỡ rêu phong bám
 trên mặt gương vô cảm

Chợt hiện ra ánh sáng
 nụ cười của mùa xuân
 nghe rì rào bất tận
 suối nước mắt trong ngần

Kìa dưới ánh trăng xanh
 liễu long lanh giọt lệ
 phiến lá vàng reo khẽ
 khi chạm mặt hồ trong

Tôi. Im lặng. Bâng khuâng
 tìm sắc màu trong nhất
 vẽ những điều rất thật
 một sớm mai tinh khôi

Tôi vẽ lại cuộc đời
 dấu biết rằng . sẽ mất!

THIÊN DI



VŨ UYÊN GIANG

LÊ XUYÊN kẻ sĩ đáng kính



Tôi quen anh Lê Xuyên Lê Bình Tăng qua một sự rất tình cờ, dù cùng trong làng báo, nhưng vào năm 1965-1966, tôi chỉ là một anh phóng viên trẻ, mới tập tễnh nhảy vào làng báo, nên dù truyện của anh, tôi đã được đọc nhiều, hoặc đọc trên báo anh viết feuilleton hàng ngày, hoặc đọc sách anh gửi đến toà soạn báo tôi làm để tặng cho ông chủ nhiệm; nhưng tôi chưa bao giờ gặp anh, chưa bao giờ được quen với anh dù toà soạn báo của anh và tôi không cách xa nhau là mấy. Anh làm bên tờ Thời Thế của ông Hồ Anh Nguyễn Thanh Hoàng số 77 đường Lê Lai; còn tôi làm bên Hoà Bình ở 235 Phạm Ngũ Lão. Cách nhau có hai bức tường của Sở Hoả Xa Sài Gòn.

Một hôm tôi sang tờ Thời Thế vào khoảng 1 giờ 30 trưa để tìm Anh Nhật, Thư ký phụ trách trang trong của Thời Thế để rủ đi uống cà phê. Lúc đó đang giờ nghỉ trưa nên toà soạn vắng. Cánh cửa sắt phía trước mở hờ đủ một người đi qua, cô nhân viên trị sự thường ngồi phía trước không có mặt; tôi liền đi thẳng vào phòng bên trong, nơi sắp chữ với các học khuôn chữ để thợ sắp chữ làm việc. Tôi gặp một người đàn ông ngoài 30 tuổi, hơi gầy, da ngăm, mặc một chiếc áo thun đã ngả màu và quần đùi đang ngồi hí hoáy viết. Nhìn anh ta, tôi nghĩ chắc đây là một ông thợ sắp chữ hoặc là người chef typo không chừng. Anh ta không nhìn lên, coi như không thấy tôi bước vào, vẫn hí hoáy chăm chú viết. Tôi hỏi:

- Anh Nhật có ở đây không anh?

Anh ta vẫn không nhìn lên, cũng không trả lời mà lấy tay phải đang cầm bút giơ lên trên, ngấm ra hiệu Anh Nhật ở phía trên lầu. Tôi cảm ơn anh và đi lên cầu thang. Lên trên lầu, tôi cũng chẳng thấy ai; vừa lúc đó ông Hồ Anh từ trong phòng chủ nhiệm bước ra, hỏi tôi:

- Anh kiếm ai?

Tôi cho ông biết tôi làm bên Hoà Bình, muốn gặp Anh Nhật. Ông nói hôm nay Anh Nhật xin nghỉ có việc, ngày mai sẽ trở lại làm. Tôi cảm ơn ông và quay lưng đi xuống lầu. Ông hỏi với theo:

- Khi vào anh có gặp anh Lê Xuyên ở dưới đó không?

- Dạ! Tôi không biết anh Lê Xuyên, chỉ gặp ông chef typo đang ngồi viết gì đó. Tôi nói.

Ông Hồ Anh cười, nói:

- Anh Lê Xuyên đấy. Nhờ anh nói với Lê Xuyên tôi cần bàn chút việc nhé.

- Vâng! Tôi sẽ nói.

Xuống dưới lầu, khi đến chỗ Lê Xuyên, tôi nói:

- Anh Lê Xuyên! Anh Hồ Anh nói muốn bàn với anh chút việc.

Lúc đó anh mới ngừng viết, ngược lên nhìn tôi:

- Vậy hả? Cảm ơn anh nghe. Xin lỗi anh là...

- Tôi là Vũ Uyên Giang bên nhật báo Hoà Bình.

-Ồ! Giang. Anh còn ký là Anh Giang, Vũ Giang phải không?

- Vâng!

- Tôi có đọc mấy truyện ngắn của anh trong Mỗi Ngày Một Truyện. Viết được lắm, nhưng anh phải cái tội “tham lam” quá. Viết nhiều nhưng không tập trung vào một thể loại, nên dễ bị hư ngòi bút đi.

Tôi thật thán phục anh Lê Xuyên, chỉ có một câu ngắn đã nói trúng tim đen của tôi. Nói ra thật xấu hổ, vì cần tiền để cà phê thuốc lá và nhậu nhẹt với bạn bè, bồ bịch, tôi đã phóng bút viết loạn cào cào đủ loại truyện đàn hoàng có, sến có, phóng tác có... cho các tờ Thời Thế, Ngày Nay, Chọn Lọc, Tiểu Thuyết Thứ Năm v.v... Vậy mà anh cũng nhìn ra, thế mới đúng là một người Tổng Thư Ký toà soạn một nhật báo.

Tôi cảm ơn anh về nhận xét tinh tế ấy và hứa sẽ sửa; rồi từ giả ra về.

Sau lần gặp đó, tôi trở thành bạn của anh. Mỗi lần tôi có dịp sang Thời Thế, anh đều ngồi nói chuyện với tôi và sửa đổi cho tôi những chỗ sơ hở trong truyện tôi viết. Anh có tặng cho tôi mấy quyển sách anh đã xuất bản như: Chú Tư Cầu, Vợ Thầy Hương và Rặng Trâm Bầu; nhưng tôi không dám đem về nhà vì thuở đó gia phụ rất nghiêm; ông chỉ muốn tôi chăm chỉ học hành đỗ đạt và nối nghiệp

con đường công chức của ông. Nhưng lúc đó tôi là một thanh niên mới vừa tuổi trưởng thành, tâm hồn còn muốn “nổi loạn” nên đã đi ngược lại ý muốn của ông: nhảy vào con đường văn nghệ văn gừng chông gai. Sách của anh tặng, tôi phải đem gửi ở nhà một người bạn. Tuy trong các truyện anh viết rất “bạo” nhưng ngoài đời anh là một con người hiền lành; ngay cả những chỗ ăn chơi trác táng của cánh đàn ông, anh cũng không biết ở đâu. Anh rất nhút nhát mỗi khi phải đi đến những chỗ tụ tập đông đảo...

Đêm Giao Thừa Mậu Thân 1968, nhà tôi ở Đình Cầu Sơn, phía trong Ngã Ba Hàng Xanh; nửa đêm VC từ nhiều hướng xâm nhập vào thành phố Sài Gòn, tấn công ở một số nơi và chiếm đóng ngay Ngã Ba Hàng Xanh. Tôi phải lợi con kinh Cầu Sơn để trốn ra ngoài xa lộ. Tất cả giấy tờ tùy thân gồm có thẻ căn cước, Thẻ Báo Chí của Toà báo và 1 Thẻ Báo Chí của Phòng Báo Chí Bộ Quốc Phòng do Ông Nguyễn Đình Tuyển, Giám đốc Báo chí Bộ Quốc Phòng cấp, tôi gói trong nhiều lớp bao nylon và giấu trong quần. Mờ sáng ngày mùng 1 Tết Nguyên Đán, tôi lóp ngóp bò lên Xa Lộ Biên Hoà và bị 1 đơn vị Thủy Quân Lục Chiến bắt giữ. Tôi nhìn thấy huy hiệu con Trâu trên cánh tay những người lính thì biết đó là Tiểu đoàn 2 Trâu Diên TQLC, một đơn vị thiện chiến của QLVNCH. Tôi xin được nói chuyện với cấp chỉ huy và một viên Trung úy tên Quang, Đại đội trưởng đến gặp tôi. Tôi nói cho anh biết tôi là ký giả báo chí bị kẹt trong khu Cầu Sơn khi VC chiếm Ngã Ba Hàng Xanh, không còn lối ra nên tôi phải lợi ruộng để trốn đi. Tôi có giấy tờ giấu trong quần. Anh cho tôi lấy giấy tờ xuất trình cho anh. Sau khi xem, anh gọi máy trình cho cấp trên và có lệnh thả cho tôi đi. Anh còn cho tôi 1 bộ quần phục TQLC và cho xe chở tôi về toà soạn Hoà Bình. Tôi và anh Hoàng Sơn, cùng Đàm Phong đã cấp tốc phát hành tờ báo có 2 trang tường thuật về chiến cuộc Mậu Thân ở Sài Gòn. Lúc đó ở Sài Gòn chỉ có 2 tờ báo phát hành kịp báo tường thuật trận Tết Mậu Thân là tờ Trắng Đen của ông Việt Định Phương, toà soạn trên đường Lê Thánh Tôn do anh Thái Châu phụ trách ra được 4 trang và Hoà Bình được 2 trang. Các báo khác vì nghỉ Tết hoặc các anh chị em ký giả bị kẹt trong các vùng chiến sự nên không ra báo kịp.

Mấy ngày sau, khi tình hình đã tạm ổn định, các báo đã trở lại hoạt động bình thường, anh Lê Xuyên gọi điện thoại cho tôi nói: “Anh làm khá lắm. Đúng tác phong và tiêu chuẩn con nhà báo”. Phải nói vai trò của tôi lúc đó trong tờ báo chẳng ra làm sao cả. Tổng thư ký toà soạn trước năm 1967 là Mặc Giao Phạm Hữu Giáo; khi Mặc Giao đắc cử Dân biểu Hạ Nghị Viện thì Viên Linh về thay thế vào ghế Tổng Thư ký Toà soạn. Tôi từ Thư ký trang trong được đưa lên làm phụ tá cho Viên Linh. Trước Tết Nguyên Đán Mậu Thân Viên Linh đã tự

nghỉ việc vì cãi nhau với Trần Hữu Quỳnh, Quản lý Toà soạn về vấn đề tiền nong. Ghế TTK toà soạn còn trống chẳng có ai. Sau Tết vài tháng, chính tôi cũng có xích mích với Trần Hữu Quỳnh khi trong báo Xuân Hoà Bình, tôi có viết một bài phóng sự về việc làm pháo lậu và chạy pháo lậu qua nhân vật Cả Quỳnh; không ngờ nhân vật này lại trùng hợp nhiều chi tiết với đời tư của Trần Hữu Quỳnh như cũng làm y tá đạo không có bằng chích đút con nít làm liệt 1 đứa trẻ trong Xóm Mới và chết 1 đứa khác nên phải xoay qua làm pháo lậu. Quỳnh nói nhân vật Cả Quỳnh chính là tôi nói ông ta (dù tôi không hề biết gì về đời tư ông ta) nên cãi nhau với tôi một trận kịch liệt. Tôi cũng nghỉ làm và gia nhập vào Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức từ đó tôi giã từ báo chí.

Bẵng đi một thời gian dài, tôi ít khi gặp giới văn nghệ và báo chí Sài Gòn vì chức năng của tôi trong ngành Quân Báo, cấp chỉ huy của tôi không cho phép tôi tiếp xúc với báo chí sợ bị lộ các tin tức bí mật. Tôi cũng không gặp anh Lê Xuyên lần nào nữa... cho đến sau 1975, khi nằm trong tù đầy của VC, tôi được nghe một anh em bạn tù mà tôi đã không còn nhớ được tên, nói là đã có lần gặp được tác giả Chú Tư Cầu tức nhà văn Lê Xuyên trong tù...

Thời gian trôi đi, tôi được định cư tại Hoa kỳ sau khi vượt biển trên một chiếc ghe loại chạy sông, đến Thái Lan. Năm 2000, khi ở thành phố Charlotte, North Carolina, tôi chủ trương Nguyệt san Đất Sống và chủ trương Quỹ Tương Trợ Văn Nghệ Sĩ do Đất Sống thành lập bằng quỹ riêng không quyên góp của bất cứ ai, một số văn nghệ sĩ viết bài cho Đất Sống khi nhận nhuận bút đã đóng góp tiền này như anh Phương Triều, Thanh Thương Hoàng, Hoàng Ngọc Liên, MH.Hoài Linh Phương, Sơn Tùng, Tạ Quang Khôi v.v... vào quỹ để giúp anh em bên nhà qua anh Văn Quang. Anh Văn Quang cho tôi địa chỉ của anh Lê Xuyên ở Sài Gòn; anh cũng cho tôi biết hoàn cảnh chật vật của anh chị Lê Xuyên sau 75, sau khi bị tù đầy một thời gian, bây giờ già yếu, ngồi bán thuốc lá lẻ để kiếm từng đồng bạc lương thiện. Tôi đã liên lạc được với anh Lê Xuyên và gửi thẳng về cho anh 200 Mỹ kim coi như là chút quà để anh chi dụng trong cơn thiếu thốn. Sau đó hàng năm tôi đều gửi về cho anh 100 Mỹ kim làm chút quà xuân vào dịp gần Tết Nguyên Đán.

Có một lần anh chị Lê Xuyên Lê Bình Tăng gửi cho tôi một lá thư, trong đó anh có kèm 1 danh thiếp cũ đã vàng ố có ghi bút hiệu Lê Xuyên của anh và mấy hàng chữ nguệch ngoạc, run run thăm hỏi. Chị Lê Xuyên (nhũ danh là Đặng Thị Bạch) viết cho tôi 1 lá thư ngắn để cho biết là "...từ sau ngày 30/4/1975, anh Lê Xuyên đã hoàn toàn bỏ viết, nghĩa là anh hoàn toàn không cầm bút viết bất cứ một điều gì, lâu

ngày tay đã thành cứng và viết rất khó khăn. Sau khi đi cải tạo về, dù phải sống chật vật, anh vẫn luôn nói với mọi người là “Lê Xuyên đã chết”. Những hàng chữ này anh LX cố gắng viết cho anh có lẽ là những hàng chữ cuối cùng của anh ấy...”

Đọc thư của anh chị mà tôi cảm động và thương cho một kẻ sĩ giữ được tiết tháo của mình trong một xã hội gian manh, xảo quyệt của cộng sản.

Vài tháng sau, nhân khi có một anh bạn ở cùng thành phố Charlotte, North Carolina của tôi là Lê Văn Cường, cựu sĩ quan binh chủng Công Binh QLVNCH và cũng là một thành viên của Tạp chí Đất Sống của tôi có dịp về Việt Nam. Tôi đã gửi Cường cầm 100 Mỹ kim về ghé đưa cho anh ở 238/146 Nguyễn Tri Phương, Phường 8, Quận 10 Sài Gòn. Khi trở về Mỹ, Cường đã kể cho tôi nghe câu chuyện đi tìm gặp anh. Như sự mô tả của tôi, Cường cũng đến nơi, thấy một ông già gầy ốm như tôi nói đang ngồi bán thuốc lá lẻ thì nghĩ đúng là Lê Xuyên nên đến gần hỏi:

- Xin lỗi! Anh có phải là Lê Xuyên không?

Ông già không nhìn lên, đáp:

- Lê Xuyên chết rồi. Xong lơ đãng nhìn trời mây.

Cường liền cười nói:

- Tôi là bạn của Vũ Uyên Giang... Cường chưa dứt lời, Lê Xuyên đã hỏi:

- Sao? Vũ Uyên Giang làm sao? Giang có khoẻ không?

- Khỏe! Vũ Uyên Giang dẫn tôi đến tìm gặp anh để chuyển cho anh chút quà và gửi lời thăm anh chị.

Anh Lê Xuyên mừng rỡ hỏi han Cường về tôi. Anh cũng kể cho Cường nghe là có một số báo của VC cũng cho người đến gặp anh để xin anh viết cho họ, có nhà xuất bản của VC cũng xin anh cho tái bản những quyển sách cũ của anh; nhưng anh đều từ chối tất cả dù vẫn phải sống nghèo túng và anh cũng nói với họ rằng Lê Xuyên đã chết.

Khi nghe Cường kể về thái độ của anh, tôi vừa thương cảm, vừa quý trọng và ngưỡng phục thái độ của một kẻ sĩ giữ được dũng khí, sự chính trực và tiết tháo của mình khi nước đã mất thà chấp nhận nghèo đói, khổ sở nhưng quyết không cộng tác với giặc. Thái độ đó chỉ thấy ở những kẻ sĩ thời xưa. Có lẽ anh là một trong những người rất hiếm hoi còn lại giữa thời buổi nhiễu nhương hỗn mang này. Anh đúng là một kẻ sĩ thời đại đáng kính. Tôi rất lấy làm tiếc là khi anh qua đời, tôi đã không về tiễn đưa anh đến nơi an nghỉ sau cùng để tỏ lòng ngưỡng mộ một người anh trong nghề báo, một kẻ sĩ mà tôi hằng kính phục. Xin mượn những giọng chữ này như những nén nhang thấp muện để kính điệu hương hồn anh; mong hương linh anh được an bình nơi cõi vĩnh hằng.

VŨ UYÊN GIANG



VÕ CÔNG DIÊN MẸ

Ba mươi tháng tư
Mẹ vẫn ngồi chờ
Bên thắng và bên thua cuộc
Tiếng đại bác dội về thành phố

Co ro buồn - Mẹ trốn bỏ quê hương.
Cây thánh giá
Nghiêng mình chịu khổ
Cứu chuộc loài người sao bỏ mặc mẹ đi

Trên đài sen Phật ngự những gì ?
Mẹ cầu kinh sám hối
Đăm chiêu nhìn nhánh nhang tàn cúi đầu cong lạnh.
Mưa lay phay ướt hồn mẹ đau buốt

Có đất nước tượng hình chữ S
Bên thắng cuộc, hay bên thua cuộc

Xé nát tim gan, bầm hai khúc ruột,
Còng lưng Mẹ gánh - mỗi đứa ở hai đầu...
Tiếng loa oang oang báo tin ngày chiến thắng
Mẹ khóc thảng con bên thắng cuộc

Chưa kịp về đạn pháo nổ phanh thây...
Rồi cứ thế...
Mẹ lại khóc thảng con bên thua cuộc.
Trên chốn rừng thiêng chịu cảnh tù đầy...

Ừ! chiến tranh, chiến tranh
Mẹ sinh ra nhằm thế cuộc
Trên bàn thờ, bóng hình con hóa đá
Không biết chúng có nhận nhau anh em nối liền khúc ruột...

Mẹ...
Mẹ của hai bên - thắng và thua cuộc.
Có ai muốn giành phần
Mẹ của tôi không ???...
Có ai muốn...giành phần ...!!!

VÕ CÔNG DIÊN

TDHV Tối 30 - 04 - 2020



NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

hải tặc thái lan (kỳ 1)

Ở miền Nam, trời tháng chín, bắt đầu có mưa dầm, mây xuống thấp che kín cả bầu trời, mùi ẩm thấp của rừng lá hòa với những hạt mưa nhỏ lất phất trên mặt nước. Hai bên bờ sông Gành Hào, chẳng chịt những cây Lức và dây Cóc Kèn đan vào nhau trải dài.... lâu lâu lại gặp một hàng dừa nước, lá xanh um nằm lấp xấp trên mặt nước, vài cây Mắm nằm trườn ra dòng sông, thả từng chùm lá tròn nhỏ, ửng nước, trông lạnh cả hồn....

Sông Gành Hào rộng và khá sâu, nước chảy xiết, con sông được Nhà văn Sơn Nam nói đến rất nhiều trong “Hương rừng Cà Mau” với những huyền thoại kỳ bí, với những chuyện bắt cá sấu... với những cảnh rừng thiêng nước độc.... Có đi trên con sông Gành Hào mới cảm hết được nỗi hoang vu của nó....

Sông Gành Hào là cửa ngõ vượt biên nổi tiếng của miền Nam, với hàng loạt tàu đăng ký đi chính thức vào năm 78-79. Làn sóng vượt biên làm hồi sinh sức sống của dân Gành Hào, hàng quán nhà cửa mọc lên như nấm, những ghe tàu đánh cá cũ được sửa chữa, hàng trăm tàu mới được bổ sung, người từ khắp nơi đổ về..., để đăng ký và chờ đợi chuyến đi, để vượt biên, để buôn bán sinh sống.

Có những người suốt ngày lang thang ở những bãi kín đáo, chờ ghe ghé vào rước khách là trà trộn vào nhảy lên tàu, vượt biên kè.... Dân chúng sống dọc theo bờ sông Gành Hào kéo ra tận biển. Buổi chiều, nhìn ra phía cửa biển, người ta thấy hàng trăm chiếc xuồng con, như những chiếc lá nhỏ, chơi vơi chập chùng ven theo cửa Gành Hào trôi ra biển, họ là đám người lang bạt nghèo khó sống bằng nghề vớt củi tận ven biển, họ vớt những nhánh mắm khô, những cây Đước, những thân ván mục, về làm củi.

Trong đám người trôi nổi đó, cũng có rất nhiều người vượt biên. Họ giả dạng tiểu phu, thoát ra cửa biển bằng xuồng nhỏ, ở ngoài kia đã có chiếc ghe lớn đợi họ.

Chiều nay, lẫn trong đám xuồng ba lá, có hai chiếc xuồng nhỏ ngỗ ngang vì lần đầu tiên họ ra biển, họ cầu mong được vượt thoát ra khỏi đồn công an trấn ngay cửa biển.

- Mình đến đâu rồi hở Hùng?
- Liên hỏi làm gì?
- Để biết, nếu gần đến cửa biển, Liên còn phải ôn lại những gì anh Danh dặn, khi công an chặn lại hỏi.

Thôi không cần, Liên làm ơn giấu giùm mái tóc, và gương mặt trắng nõn là yên.

- Lỡ công an chặn lại hỏi, thì Liên trả lời sao?

Hùng ậm ừ:

- Thì bảo rằng, thấy người ta ra biển vớt củi vui quá, nên đi vớt thử cho biết...

Cả bọn phá lên cười giòn giã... Cô giáo Ngọc cứ quần đi quần lại chiếc khăn rằn mới tinh trên đầu, vừa vui vẻ càu nhàu:

- Không hiểu sao mấy cô mấy bà ở đây, cuốn cái khăn rằn một nháy mắt là xong, mình cũng cuốn vậy mà nó cứ rớt xuống hoài.

Cô Ngọc, với vóc dáng thanh thanh của gái thành phố, và Liên, với mái tóc dài, mềm mại buông thõng nhẹ nhàng, khuôn mặt bầu tròn, lúc nào cũng như đang cười, trông rất trẻ con, mặc dù Liên đã được mười chín tuổi, khuôn mặt mà thoáng nhìn Hùng đã biết là tiểu thư liền. Nhìn Cô Ngọc và Liên, không thể lẫn vào đâu được, mà biết ngay, là những người con gái hiền lành, phố thị, và Hùng thoáng có cảm tưởng như đang đóng một khúc phim mà nó thủ vai anh lái đò.

Có tiếng nói của một người nào đó:

- Cặp xuồng vào mé sông đi, ở phía trước xuồng của anh Danh đang dừng lại đợi kìa.

Cả bọn tấp vào bờ dưới bóng cây Mắm ngồi nghỉ, tính toán, anh Danh nói:

- Mình còn khoảng một tiếng nữa là ra đến Cửa, nhớ bơi sát bờ bên phải cửa biển, phải bình tĩnh chèo ra khỏi hàng đáy, đừng liếc qua phía đồn Công An, nó có ống dòm theo dõi đó, Liên và cô Ngọc không được ló đầu ra khỏi mái lá, Dững bơi trước mũi tiếp Hùng, nước chảy xiết lắm, ráng sức mà bơi. Nhớ là mình có hai chiếc xuồng, mỗi chiếc bốn người, lỡ có chiếc nào bị Công An bắt, thì chiếc kia cứ bình tĩnh mà bơi, đừng tỏ ra lo sợ mà bế ồ, ra tới cửa biển sẽ có ghe lớn.

Nước sông Gành Hào đang đứng, chuẩn bị cho một cơn nước lớn. Hùng nghe mỗi dư ở hai đầu cổ tay, nó bơi từ Quận Hộ Phòng, rờn rả bảy tiếng đồng hồ, bằng sự kiên nhẫn vô biên, nó hiểu đây là trận bơi xuồng quyết định, vả lại trong mái lá, có đôi mắt của Liên nhìn nó từng hồi, như cảm ơn, như gởi gắm, như ghi sâu một điều gì đó. Nó chỉ mới gặp Liên từ khi bước lên xuồng, nhưng nhìn dáng Liên

bơ vơ tội nghiệp một mình trên khoang thuyền nhỏ, và ngay từ tiếng chào cùng hai đôi mắt gặp nhau lần đầu tiên, là Hùng đã cảm thấy nó có bốn phận phải cứu mang người con gái đó rồi. Hùng có khuôn mặt chữ điền, nước da ngăm đen, người gầy và cao dong dong, quê nó ở Cần Thơ, năm mười tám tuổi, trốn nghĩa vụ, trôi nổi đến tận xã Trùng Khánh, thuộc tỉnh Sóc Trăng, sống bằng đủ thứ nghề lang bạt, mẹ có mỗi mình nó, ba đã mất trong trại cải tạo, nó có một ông cậu đang ở Mỹ, nên mẹ nó nhất quyết tìm mối cho nó đi vượt biên, đã đi duột mấy lần, làm hao tổn gần hết sản nghiệp của mẹ, lần này mẹ run run giao vàng cho nó, nó biết đây là chuyến cuối cùng mẹ có thể lo được cho nó. Tính nó vốn thâm trầm chịu đựng, cả ngày hôm nay lại càng dăm chiêu ít nói hơn, chắc nó đang mang nặng hình ảnh mẹ, vì lúc sáng nó kể với Liên rằng, mẹ đã vừa đi vừa cúi mặt khóc trong vành nón, lúc tiễn nó đến Hộ Phòng.

Đến xế chiều thì ghe đã tiến đến cửa biển, trà trộn trong đám xuống đi vớt củi cả mấy trăm chiếc, đang dừng lại ở cửa biển chờ con nước lên, một vài chiếc xuống tấp vào những quán cóc hai bên bờ sông Gành Hào uống cà phê, ăn quà vặt, một số khác thì neo thuyền ngay cửa biển, xúm lại trò chuyện giỡn hớt. Liên chồm người tới phía trước đưa cho Hùng ly nước chanh, mấy cái bánh:

- Anh Hùng chắc bơi rã tay rồi, uống nước với ăn ít bánh nghe.
- Thôi nói Dũng cho anh điều thuốc.
- Anh Dũng châm thuốc đi để Liên chuyển ra sau cho anh Hùng

Rồi Liên liếc thoáng nói đủ thứ chuyện với Hùng:

- Biển đẹp quá anh hả?
- Ờ, chút nữa nhìn người ta vớt củi Liên sẽ thấy vui lắm.
- Củi ở đâu giữa biển mà họ vớt vậy anh.
- Củi là những nhánh cây khô từ những cây Mắm, cây Đước, mọc ven rừng, gặp con nước lên, nước ủa vào rừng, rồi sóng đánh cuốn những cành cây ra biển, và người ta vớt về phơi khô bán, hay để xài, cũng có người lén vào rừng chặt cây chở về, khỏi vớt.
- Ừa, cây rừng mà sao phải lén chặt, công khai không được à!
- Không được, chỉ có nước sông nước biển là tự do, ai muốn uống bao nhiêu cũng được, nhưng chặt một cành cây là vi phạm tài nguyên quốc gia, ở tù đó.
- Bộ anh có đi vớt củi rồi hay sao mà sành quá vậy
- Có chứ, anh sống lang thang, việc gì anh cũng có làm qua.

Liên an ủi:

- Tội nghiệp anh quá há! Liên mong anh sẽ không phải sống lang thang nữa

Giọng cô bé rất thành thật, Hùng cảm động nhìn sâu trong mắt Liên.

- Liên sẽ nuôi anh trong những ngày tới phải không?
- Anh có nuôi Liên thì nuôi, chứ Liên vừa ngu vừa dại vậy, làm sao

nuôi được anh!

- Ở mình nuôi nhau, nói theo kiểu kiếm hiệp, là “có phúc cùng hưởng, có họa cùng chia”.

- Liên chỉ sợ anh nói dóc, Liên chưa bao giờ sống xa ba mẹ cả, bây giờ nghĩ đến sống một mình Liên sợ ghê.

- Không sợ gì hết, có anh đây.

Bỗng Liên hoảng hốt, níu chặt bờ vai Hùng,

- Gì vậy anh, gì mà người ta lao xao quá chừng kia, bộ công an bắt hả?

- Liên có tật rồi giật mình, nước bắt đầu lên, người ta chuẩn bị bơi ra biển vớt củi đó mà.

Liên nhìn ra cửa biển, từng đoàn xuồng nhỏ đổ ra biển, như đám vịt được xổ chuồng. Hai chiếc xuồng nhỏ của bọn Hùng cũng theo họ bơi ra, có tiếng mái dầm bì bõm, san sát bên nhau, tiếng kêu nhau, tiếng cười đùa từ đám người vớt củi thật. Cảnh sống động làm lòng Liên cũng xôn xao, nhìn cảnh biển chiều sao thấy êm ả lạ lùng, từng vạt ánh sáng lặn dần trên mặt biển, có một vài con chim đậu trên những cành củi khô trôi bồng bềnh trên mặt nước, cả mấy trăm chiếc xuồng trôi ra biển, giữa cảnh biển chiều thơ mộng như không có thực.

Có hai chiếc tàu của công an biên phòng đang lượn vòng vòng giữa sông, Danh cặp sát xuồng của Hùng bỏ nhỏ:

- Coi chừng hai chiếc tàu kiểm soát đó, thấy trên mũi có khẩu đại liên không? một tên thủ súng, một tên đặt ống dòm, máy tàu của họ mạnh lắm, nó chạy ngang mình có thể lật chìm thuyền, bình tĩnh, bảo hai bà cẩn thận.

Liên kéo cô Ngọc vào giữa mái, khom người xuống như trốn đạn, Hùng lại hét lên:

- Ngồi tự nhiên, ngồi tự nhiên kéo tụi nó nghi.

Hùng và Dũng hồi hộp bơi ngang qua trạm gác, cuối cùng cũng an toàn, mọi người thở phào nhẹ nhõm.

Trời vừa sập tối, thì ghe cũng vừa đến điểm hẹn. Gió lạnh từ khơi thổi vào, cộng với tiếng côn trùng, tiếng cành cây gió đưa kéo kẹt, làm nổi buồn sẵn có của mỗi người ở trong lòng, tăng thêm một chút. Vài chiếc đèn gió từ những chiếc ghe đánh cá ngoài khơi lóe lên những đốm sáng vàng vọt. Ghe anh Danh dừng lại đợi đến khi ghe bọn Dũng đến gần, anh ra dấu quẹo vào một con lạch nhỏ, ngoằn ngoèo.

- Mình cứ bơi theo con rạch này sẽ có người ra đón.

Hai bên rạch là khu rừng Đước âm u, chiếc xuồng âm thầm lướt trong đêm đen dày đặc, khoảng một tiếng đồng hồ thì vừa đến điểm hẹn. Đó là một gò đất cao ẩm ướt. Ở đó đã có một nhóm khoảng mười người cũng đang chờ ghe lớn, họ ở tạm trong hai căn chòi nhỏ được dựng sơ sài bằng cây rừng, nhóm này ra đây trước một ngày, họ đi bằng cửa sông Ông Đốc, cả bọn gom hết trong hai cái chòi nhỏ. Sau đó Dũng, Hùng và anh Danh bơi xuống ra ghe lớn gặp thuyền trưởng để thương lượng kế hoạch. Sau khi bàn thảo, thuyền trưởng quyết

định sẽ khởi hành vào lúc hai giờ sáng. Đúng giờ khởi hành, cả đám bơi xuống ra ghe lớn, thuyền trưởng thoăn thoắt đi lui đi tới chỉ huy cho đám người trên xuống nhỏ vừa cập đến. Chỉ trong một thoáng, cả bọn đã lên đủ trên ghe lớn, và ghe bắt đầu nhổ neo khởi hành. Dũng đếm được có năm người nữ, hai đứa con nít, còn lại toàn là thanh niên. Chắc cũng như Dũng, toàn những thanh niên đến tuổi đi nghĩa vụ quân sự, nếu không trốn thoát, rất có nhiều nguy cơ chết trận, mà gia đình cho là chết phi lý, nên tìm cách cho con đi vượt biên, vì đạo đó, chính quyền tuyển lính bộ đội rảo rết, bởi đang có chiến tranh với Campuchia.

Tiếng máy tàu TS 130 nổ dòn, Dũng nằm sâu dưới hầm lưới, mùi dầu máy, mùi cá mùi tanh tươi xông lên nồng nặc, Hùng ngồi kề bên trầm ngâm hút thuốc lá, bên cạnh Liên đang nằm co ro mệt mỏi vì say sóng, tàu đi được khoảng một tiếng bỗng có tiếng của Đông Âu thét lớn:

- Nó rượt, nó rượt, tắt hết đèn trong cabin. Bầy đâu, thổi cây đèn bảo, mau lên.

Dũng nằm nghe tiếng máy gầm lên lút ga, và tiếng sóng đánh nghe bình bình trên thân tàu. Biển đêm chuyển động, gió và sóng dữ dội... xa xa đèn pha của chiếc tàu tuần tiểu chiếu lên một vùng ánh sáng rộng, nhưng vẫn không đủ sáng để nhìn thấy chiếc ghe nhỏ bé của đám người vượt biên, nên sau một giờ rượt bắt, chiếc ghe nhỏ đã thoát được an toàn.

Lại có tiếng của Đông Âu:

- Thoát rồi, nhờ trời tối, chứ thuyền nó lớn và máy mạnh gấp mười lần máy mình.

Dũng gọi giùm thằng Hưng xuống đây coi, tiếp với tao định lại hướng cái la bàn, mình sẽ đi vào vịnh Thái Lan nơi gần nhất. Sau một đêm sóng gió, buổi sáng, bỗng dưng biển lặng, mặt trời đỏ ối mọc lên từ từ, tỏa ánh sáng dịu nhạt trên mặt biển xanh, cả bọn nhao nhao nhảy ra khỏi hầm tàu để nhìn biển cho thỏa mắt. Từng đàn cá nhỏ lướt trên mặt nước, đôi khi phóng tung khỏi mặt nước xanh rì, có những đám rêu xanh trôi lững lờ trong lòng biển làm cho người ta ướm lên một tia sợ hãi mơ hồ. Giữa bầu trời bình yên trong sáng, vài con Hải Âu bay lượn, thỉnh thoảng có một con cúi mũi cắm đầu thẳng xuống biển, rồi bay vút lên.

Có tiếng của thằng Sang vang lên:

- Có ai muốn tắm biển không hả?

Đám khách Sài Gòn ngồi im không hưởng ứng, còn lại mấy tên con trai Lục tỉnh nhìn nhau cười cười, Trung không nói tiếng nào, cởi áo nhảy tòm xuống nước, anh Thức, anh Danh, thằng Bảy cũng nhảy tòm xuống nước, lặn một hồi lâu, thằng Bảy nhoi người lên cười nói với Dũng:

- Sợ hả mày?

Dũng rủ thằng Hùng, rồi hai đứa, cùng nhào xuống tắm, cả đám vừa bơi lội cười giòn om xòm. Dũng bỗng liên tưởng đến những con cá mập, mà một đôi lần Dũng đã thấy trong phim, nó nổi da gà, tức khắc bơi nhanh đến chiếc ghe và phóng mình lên vừa nói:

- Thôi đừng tắm nữa, lỡ có cá mập.

Cả bọn hơi hoảng, trèo lên ghe. Thằng Sang, có giọng cười sang sảng như vui thích điều gì, quê nó ở Sóc Trăng, nó có bà chị là hoa khôi trường trung học Hoàng Diệu, gia đình nó sống bằng nghề làm tương chao, hiệu tương chao nhà nó nổi tiếng là ngon. Cả bọn ngồi phơi nắng trên khoang ghe, thằng Sang hơi ngáp ngừng nói:

- Bây giờ tui có đề nghị này, chúng mình ra đi chuyến này không có cha mẹ bà con chi hết, tui nghĩ mình nên kết nghĩa anh em, qua đến đảo tui mình cất chòi ở chung, cái gì cũng chung với nhau hết.

Giọng thằng Hùng chất phác chân thành:

- Ở phải rồi đó, giống như trong truyện, người ta nói “tứ hải giai huynh đệ” gì đó!

Thằng Bảy cãi lại,

- Không phải, tao thấy trong truyện kiếm hiệp viết là: kết nghĩa huynh đệ và cùng thể nguyên là có phúc cùng hưởng, có họa cùng chia.

Thằng Hưng thắc mắc:

- Rồi sao nữa?

- Rồi thể rằng, trên có trời dưới có đất, tui tên là Huỳnh Bảy xin nguyện kết nghĩa anh em với thằng Lâm hoàng Dũng, thằng Hà văn Hùng, thằng....

Thằng Hưng vừa cười nắc nẻ, vừa khoát tay:

- Ê đừng đem tên tao vô nghe, mày thể vậy đâu có ứng nghiệm, chỉ ứng nghiệm khi có đủ Ông Trời và Ông Đất, mà bây giờ chỉ có ông Trời, ở dưới là biển mà, đâu có ông Đất.

Thằng Bảy ngơ mặt thất vọng:

- Ủa hả, tao quên.... thôi lên đảo thể lại, vậy là nhóm mình năm thằng, thằng Hùng, thằng Dũng, thằng Sang, thằng Hưng với tao nghe.

Thằng Hưng chọc thằng Bảy:

- Mày phải nấu ăn cho bốn thằng tao, mới cho mày vô nhóm.

Giọng thằng Sang run run cảm động góp lời:

- Thôi Hưng, mày đừng chọc thằng Bảy nữa, vậy là năm thằng mình sống chết có nhau nghe, tao có nghề làm tương chao, qua đảo tui mình làm tương chao bán.

Bây giờ mới nghe thằng Hùng lên tiếng:

- Ở phải đó, qua một trận vượt biên, phần nhiều ai cũng nguyện tới được bờ bình an sẽ ăn chay cầu nguyện, bán tương chao là có lý nhất.

Dũng đưa ý kiến:

- Mình phải phân công tác rõ ràng, thằng Sang làm Giám đốc điều hành kiêm phần liệu lượng, thằng Hưng học đến lớp mười hai, học văn cao nhất trong bọn nó làm về sổ sách chi thu, thằng Bảy, thằng

Hùng có sức, thì làm thợ, tao giữ phần bán hàng.

Bàn xong, cả bọn đắc ý cười hớn hở. Để thưởng cho dự định làm ăn lớn, của cả bọn, thằng Bảy bỏ ra một gói thuốc Dunhill, năm thằng phì phà thuốc lá, trầm ngâm mơ mộng cho dự tính tương lai của mình

Phải công nhận Đông Âu là một tài công có sức chịu đựng phi thường, gã cầm lái suốt cả đêm, buổi sáng chỉ chớp mắt ngủ chưa được một tiếng, giờ lại phải lên đường, lại còn phải săn sóc cho vợ và hai con nữa. Ngọc Lệ, vợ gã, là một người đàn bà có khuôn mặt đẹp mà buồn nảo nuột, vì nghe nói, hồi trước Đông Âu bồ bịch lung tung, vợ gã héo hon buồn. Dũng nghe có tiếng ầu ơ nhỏ nhỏ của Ngọc Lệ đang ru con ngủ, thỉnh thoảng có tiếng khóc lè nhè của thằng bé. Phía dưới hầm tàu, Hùng đang xúc dầu săn sóc cho Liên, vì Liên say sóng nằm mệm nhoài trên tay Hùng. Tàu lướt chòng chành, trên mặt biển, mọi người cũng đang nghĩ đến những ước mơ thật riêng. Riêng Dũng, Dũng đang nhớ đến mẹ và buồn nảo nuột.

Cả tháng rồi, từ khi nhận được giấy báo đi nghĩa vụ quân sự, ngày nào mẹ cũng khóc, mẹ gom góp từ sợi giây chuyền, chiếc khâu, từ đôi bông tai, của mấy chị em trong nhà, kèm theo cả chiếc nhẫn cưới đã dính chặt hai mươi năm trời trên ngón tay của mẹ nó, vẫn chưa đủ cho chuyến vượt biển, mẹ phải bán thêm cả những món đồ quý giá trong nhà. Khi đã đủ vàng, và đã kiếm được mối cho Dũng đi vượt biên, mẹ lại khóc nhiều hơn, chắc là mẹ nghĩ sẽ không còn gặp lại đứa con mà mẹ đã thấy mỗi ngày, trong mười tám năm trời nữa. Mẹ đông con, mà đứa nào mẹ cũng thương yêu chăm sóc từng chút, kể cả các anh chị đã lập gia đình, gặp sóng gió gì mẹ cũng giang hai cánh tay, và một tình yêu vô bờ ra bảo bọc từng đứa.

Cuộc đời mẹ là cả một chuỗi ngày gian nan, lận đận. Bà lấy chồng rất sớm, mới hăm hai tuổi mẹ đã có ba đứa con. Một ngày, chồng đi làm, buổi chiều sao không thấy về, bà ẵm đứa con tám tháng và dắt đứa con hai tuổi trên tay ra đầu đường đón chồng, đến chập tối vẫn chưa thấy chồng về, mẹ đi ra đi vào lo lắng, chờ đợi. Một ngày, hai ngày, một tháng, hai tháng... trôi qua vẫn không thấy chồng về, mẹ khóc lóc quá nhiều, nước mắt đã cạn, và mẹ phải vùng dậy, một gánh trên vai, một nằng hai sương, đi buôn bán tảo tần nuôi ba đứa con dại, và một bà mẹ chồng đã bắt đầu lẫn trí, từ khi đứa con trai đi biệt không về. Mỗi chiều bà lại lần mò ra tận đầu làng, đón con trai, gặp ai bà cũng hỏi: “Có thấy thằng Thơ con tui không?” Mỗi ngày đi buôn bán về, mẹ còn phải lo cơm nước, tắm rửa cho con, rồi thêm một việc nữa là đi kiếm bà mẹ chồng, dỗ dành, an ủi, săn sóc....

Một năm, hai năm,... rồi tám năm trôi qua, mẹ vẫn mỗi mòn chờ đợi. Một ngày có người trong xóm đi Long Khánh về, cho hay có gặp người chồng làm nghề cạo mủ trên đó, và đã có vợ con.

Mẹ lại một phen nữa đau đớn nát lòng, thà được tin chồng chết, buồn đau chắc dễ chịu hơn cảm hận, mẹ có lỗi gì cho cam. Hồi xưa mẹ đẹp, mà đảm đang nhất xóm, người con trai đó đã khó khăn lắm mới cưới được mẹ, về làm dâu, mẹ một tay quán xuyến nhà cửa vườn tược, con cái... mẹ chưa hề có một lỗi lầm, sao người chồng lại xử sự như vậy!

Thực tình, người chồng đó, cũng không phải phản bội mẹ, chỉ vì bài bạc rồi sinh ra nợ nần, nợ nhiều quá trả không nổi, phải trốn làng mà đi, nhưng dù sao cũng quá tàn nhẫn với mẹ.

Nuôi một bảy con có đủ ăn là khá lắm rồi, nhưng chị em Dũng không được ăn diện xa hoa như người khác. Có lần xin mẹ mấy chục bạc để mời người bạn gái đi coi cải lương. Mẹ đưa tiền cho Dũng, rồi tìm bộ áo quần thơm tươm tất nhất của Dũng, ngồi giặt bên lu nước, mẹ đem phơi, đến chiều mẹ ngồi ủi áo quần cho Dũng, mẹ vuốt ve từng nếp áo, hiểu là mẹ yêu Dũng vô bờ, mà Dũng đã lớn, mẹ không còn vuốt ve, như hồi nhỏ, nên lần hẹn hò thứ nhất trong đời đứa con trai, mẹ nâng niu săn sóc từ chiếc áo đã sờn nơi cổ tay và chiếc quần đã hơi ngắn vì Dũng mau lớn quá.

Chiều hôm qua, mẹ tiễn Dũng ra tận Gành Hào, suốt đời, làm sao quên được hình ảnh đó, trời mưa lất phất, hai mẹ con lặng lẽ đi bên nhau, mà mỗi người, một niềm đau, một nỗi lo lắng khác nhau. Mẹ đau đớn vì sắp xa con, lo lắng vì sợ Dũng bị bắt, sợ sóng gió bão táp, sợ một thân một mình nơi đất khách quê người. Còn Dũng trong đầu óc đại khờ, thì chỉ mong có một sự trục trặc nào đó, để được trở về nhà, ở đó có chị em quây quần bên nhau, và nhất là có mẹ, một sự an toàn tuyệt đối. Nếu được quyết định Dũng đã không đi, nhưng đã nhiễm một thói quen, là được mẹ lo lắng định đoạt mọi sự mất rồi, cho nên mỗi lời nói của mẹ, là một mệnh lệnh, mà Dũng không bao giờ dám cãi lại. Tới bến xe Gành Hào, mẹ kêu hủ tiếu, rồi bánh trái quà cáp, hết thứ này tới thứ khác cho Dũng ăn, rồi ngồi nhìn Dũng lặng người, mẹ muốn săn sóc con trai lần cuối, hay mẹ sợ qua bên kia, sẽ chẳng bao giờ có hủ tiếu, bún mắm, bánh dừa, bánh chuối.... cho con ăn. Tới trạm cuối, chỉ một mình Dũng được lên xe đến chỗ hẹn, Dũng nói đến ba, bốn lần, “Con đi nghe má”, mà má vẫn giả vờ không nghe quay đi, cho đến lúc xe chuyển bánh, Dũng bỗng hoảng hốt, đau quặn trong lòng khi nhìn lại dáng má hao gầy, bơ vơ đứng giữa đường lộ, lạc lõng giữa một đám đông huyền ảo....

Ghe chạy đến trưa hôm sau, thì bỗng dừng tiếng máy nổ yếu dần rồi tắt ngúm. Có tiếng Đông Âu kêu thẳng Bảy:

- Mà xuống dưới hầm máy coi thử, sao nó tắt ngang vậy Bảy?

Thằng Bảy chui xuống hầm máy chừng năm phút, nó quay lên mặt hớt hải:

- Không xong rồi, máy nóng quá trào nhớt ra tràn lan.

Cả ghe nhốn nháo hẳn lên:

Hư máy rồi hả ông tài công.

- Thôi chết, có ai biết sửa máy không?

Đông Âu nhảy xuống hầm máy, vài anh thanh niên nhảy xuống phụ sửa, ba tiếng đồng hồ trôi qua, cả đám kéo lên, Đông Âu tuyên bố:

- Máy hư nặng, hết sửa nổi. Bỏ thả neo đi, nhanh lên, sóng đánh ngang sườn là lật ghe đó.

Tất cả mọi người trên ghe lo sợ điếng người, có tiếng khóc thút thít của vợ Đông Âu và cô giáo Ngọc, Liên ôm choàng lấy Hùng:

- Làm sao bây giờ hả anh?

- Đông Âu mà chịu thì không còn ai làm chi được, thôi tới đâu hay tới đó, cứ dựa vào người anh mà ngủ đi, chứ biết làm gì bây giờ.

Rồi lại có tiếng Đông Âu:

- Bỏ ơi, tiếp tao dựng đỡ cánh buồm.

Thằng Bẩy có tấm poncho dùng để choàng thân sau mỗi lần thả lưới, giờ nó và Đông Âu hì hục chế biến một hồi cũng thành một cánh buồm sơ sài. Biển xanh thăm thẳm, gió thổi mạnh, đẩy những con sóng bạc đầu đập vào lưng tàu từng đợt, chiếc buồm bị gió đánh tạo thành những tiếng kêu phùng phục, mọi người co rúm vì lạnh. Hơi lạnh từ gió biển và con tàu chết máy đã làm ngội dần đi mơ ước ban đầu....

Chiếc ghe lênh đênh được một ngày. Qua hôm sau mọi người mừng rỡ la hét om xòm, vì có một chiếc tàu lớn đang hướng về họ, mọi người tin sẽ được cứu nên ai cũng hớn hởi. Tất cả những chiếc áo, chiếc khăn hay bất cứ vật gì màu trắng đều được mọi người đưa lên vẫy, làm hiệu cho tàu lớn đến cứu. Tàu đến gần, mọi người càng hớn hởi vui vẻ tươi cười. Làm sao tả hết nỗi vui mừng của một người đã gần tuyệt vọng mà lại có kẻ đến cứu. Chiếc tàu lớn tiến đến càng gần, càng gần rồi dừng hẳn lại bên chiếc ghe lênh đênh chết máy, mọi người hướng mắt về những người ngoại quốc đang xúm lại ở lan can tàu nhìn họ, chừng một phút chiếc tàu lặng lẽ quay mũi đi thẳng, để lại những đôi mắt ngơ ngác thất vọng trên đám người vượt biên. Chiếc tàu đã chạy xa, mọi người vẫn còn bàng hoàng nhìn theo, vẫn đeo một chút hy vọng rất mong manh, họ sẽ quay lui vớt, nhưng chiếc tàu cứ tiến xa dần rồi mất hút....

Trời đang trưa, nhưng mây mù vẫn vũ che kín cả bầu trời, có tiếng Đông Âu

- Bỏ ơi, châm lửa nấu ăn đi, kéo chút trời mưa, nấu không được.

Dũng và Bẩy vừa bắc lên nồi cơm thì mưa cũng vừa đổ hột, hai đứa cầm chiếc nón thay nhau che lên nồi cơm cho nước mưa khỏi làm tắt cái bếp dầu, bỗng dưng một đợt sóng lớn, đánh mạnh vào mạn ghe, chiếc ghe nghiêng hẳn, nồi cơm đổ nghiêng xuống, và bếp cũng bị dập tắt ngúm. Trời bắt đầu mưa nặng hột, và gió thổi phùng phục, những đợt sóng lớn dần, có tiếng của Đông Âu làm mọi người náo nức thêm:

- Máy chết mà gặp bão nữa, chắc nguy to rồi.

Cả đám thanh niên thay phiên nhau tát nước, Dũng nói một câu để kích động tinh thần mọi người:

- Tui ở gần sông, gần lạch tui biết, loại ghe độc mộc này, sóng không thể đánh vỡ ghe được, vì làm bằng một thân cây lớn đẽo ra, chứ không phải bằng từng mảnh ghép lại, chỉ sợ trôi lênh đênh hoài hết thức ăn thôi.

Rồi trời tối hẳn, mưa, bão sóng vẫn đánh tới tấp vào chiếc ghe nhỏ, thằng Hưng hỏi Dũng:

- Nồi cơm khi chiều mày thổi tới đâu rồi, đứa nào cũng đói meo
- Mới sôi lên thì sóng đánh đổ me nó rồi.

Có những tiếng thở dài, mệt mỏi, chán chường của ai đó. Đến tờ mờ sáng, Dũng và cả ghe thức giấc vội vã, vì có tiếng la lớn của cô Ngọc
- Có chiếc tàu lớn kia bà con.

Mọi người ngồi nhóm dậy tỉnh táo, mừng rỡ, trong niềm hy vọng đã có một chút gì dè dặt, không òa vỡ như lần trước nữa, tuy nhiên Đông Âu vẫn hò hét:

- Mấy cái áo cái khăn màu trắng đâu, cột vào cây sào, vậy, may ra họ thấy, và cứu.

Cả đám thanh niên nhao nhao đứng vẫy. Con thuyền tiến đến gần chiếc ghe, rồi bỗng đổi hướng quay đi, cả bọn ngồi bệt xuống sàn ghe thất vọng. Bây giờ, mọi người mới thực sự là đói, mệt, và tuyệt vọng. Đông Âu nói với Dũng:

- Có cách nào nấu nướng ăn không mày, chứ ai cũng đói meo rồi.

Dũng và Bảy, hì hục lau cái lò nấu bằng dầu lửa, nhưng đêm qua sóng gió quá, mọi người quên đậy lại nên giờ nước biển thấm ướt hết, không thể nhóm lửa được nữa, Dũng buồn tênh nói:

- Chịu, lò ướt rồi không nấu được, thôi uống nước cầm hơi, chờ may ra có tàu tới cứu

- Nước cũng chỉ còn có góc thùng, ai khát lắm mới nhấp một tí thôi nghe.

Trái với hôm qua, mưa bão dầm dề, hôm nay mới có chín giờ sáng mà đã nóng dữ, mọi người cứ đòi uống nước. Dũng và Bảy được giao nhiệm vụ giữ thùng nước, và chia đồng đều cho mọi người, lúc đầu mọi người uống được một hớp trong vài giờ, sau đó thì được uống một nắp chai cho một người.

Đến xế chiều lại có hai chiếc thuyền lớn đi ngang mọi người lại nhóm lên một tia hy vọng. Dũng nói với Đông Âu:

- Thế nào họ cũng có ống dòm, anh nói chị với hai đứa bé, kêu mấy bà mấy cô lên vậy, may ra thấy đàn bà con nít họ vớt.

Vợ Đông Âu ẵm đứa con trên tay, vẫy vẫy chiếc khăn trắng cả tiếng đồng hồ, hai chiếc tàu không biết có nhìn thấy chiếc ghe tí nạn không, nhưng đã lướt đi, ra khỏi tầm nhìn của mọi người trên chiếc ghe nhỏ.

Có tiếng khóc lè nhè của hai đứa con Đông Âu.

- Đói lắm, con muốn ăn, uống nước.

Tất cả mọi người đã đói meo và khát nước, có người bốc gạo ngâm nước biển bỏ vào nhai, có người múc nước biển lên uống nhưng lại vội vàng nhổ ra, vì nước mặn đắng.

Buổi chiều, họ gặp thêm hai chiếc tàu lớn nữa, họ cũng vẫy gọi nhưng không có tàu nào dừng lại vớt họ cả. Hai đứa con Đông Âu lại khóc oằn oặt làm cái không khí đói khát trên ghe lại càng thê lương hơn.

Con tàu cứ trôi lênh đênh như thế qua một ngày nữa, cơn đói và khát của mọi người đã lên tới cùng cực, nắng vẫn gay gắt, mọi người kiệt sức nằm la liệt trên ghe.

Vậy là đã qua đến ngày thứ tư. Dũng nằm co quắp, nhớ đến mẹ, chắc cả nhà đang trông chờ tin Dũng. Và hơn bao giờ hết, Dũng thèm vô cùng, cái không khí rộn ràng trong bữa cơm chiều ở nhà. Nếu Dũng chết, chắc mẹ sẽ lăn lộn khóc lóc khổ sở lắm, Dũng chảy nước mắt thương mẹ, đến cháy lòng.

Chiếc ghe vẫn trôi lênh như thế thêm một ngày nữa, mọi người đói khát quá nên đã mệt lã, hai đứa con của Đông Âu cũng không còn sức để khóc, chúng nằm mê man trên tay mẹ.

Giữa lúc không còn một tia hy vọng nào nữa, thì bỗng có một chiếc tàu đánh cá của Thái Lan trôi tới. Trong một thoáng, sáu người đàn ông lực lưỡng bước qua ghe Dũng. Thằng Bảy đưa tay làm dấu xin nước, một người trên ghe đánh cá Thái Lan đem qua một thùng nước, cả đám xúm lại uống, Hùng lấy một ít nước đem xuống hầm máy cho Liên, cô Ngọc và mấy người ở dưới, cả bọn được uống nước phủ phê, một người ngư phủ Thái chỉ cái đồng hồ nơi tay Dũng, Dũng tưởng nó hỏi mấy giờ, nghĩ rằng, nó không hiểu tiếng Việt, Dũng đưa luôn cả cánh tay ngang mặt cho nó coi giờ, nó nhẹ nhàng lột cái đồng hồ bỏ vào túi, Dũng hơi ngạc nhiên, nhưng không thắc mắc lắm. Thằng Sang cười luôn cái đồng hồ nơi tay, đưa cho nó cười cười ra dấu đổi thuốc, tên ngư phủ lấy trong túi ra gói thuốc lá, cả bọn vui vẻ ngồi hút thuốc, một lát ông ta về ghe, xách qua hai xô cá chiên, nó để một xô trên ghe cho tụi Dũng ăn, còn một xô đem xuống dưới, chắc là cho đám người ở dưới, Dũng thoáng thấy hai người ngư phủ lục lọi gì đó trong đồng áo quần đồ đạc của gia đình người Sài Gòn, Dũng cũng chẳng quan tâm gì lắm, vì mười bảy tuổi, trai lục tỉnh, Dũng vẫn không biết gì về kẻ ác...và đang đói meo, mà được ăn cá chiên, một bữa ăn ngon nhất đời. Tên thuyền trưởng tàu đánh cá Thái vừa nói vừa ra dấu gì đó với Đông Âu.

- Nó biểu anh Đông Âu qua bên tàu nó nói chuyện

- Thì ra anh Danh hiểu được tiếng Tiểu mà tên Thái đang xử dụng.

Anh Danh theo Đông Âu qua tàu Thái thương lượng. Nhìn dáng người tiểu tụy dơ dáy, tóc tai mặt mũi dính đầy dầu nhớt của Đông Âu và anh Danh đứng bên cạnh tên thuyền trưởng Thái bánh bao, trắng trẻo, áo quần sạch sẽ thơm tất. Dũng chạnh nhớ một câu

nhạc Trịnh : một người từ đỉnh cao, một người từ vực sâu....

Tên thuyền trưởng Thái Lan tươi cười chìa gói thuốc ra mời, còn tự tay bật diêm quẹt cho hai người mỗi thuốc nửa. Tia lửa lóe lên, và tâm hồn của mười mấy người trên tàu cũng vừa lóe lên một tia hy vọng... về một tương lai sáng lạn ở một bến bờ nào đó rất tự do...

Cả bọn vui mừng hả hê khi Đông Âu thuật lại, là thuyền trưởng Thái đề nghị tất cả mọi người được lên tàu Thái ở, chờ cho xong chuyến đánh cá của họ dự trù thêm bốn ngày nữa, sau đó họ sẽ đưa cả bọn vào vào đất liền.

Buổi sáng hôm đó là buổi sáng hồi sinh, nắng dịu nhẹ sau cả đêm sóng gió, biển phẳng lặng hiền hòa sau một đêm gầm thét, vài đám rong biển trôi lênh bênh. Xa xa có vài cánh Hải Âu bay tới. Mặt trời đỏ rực ở góc trời. Một cảnh tượng thật trong sáng an lành, làm tâm hồn Dũng như lâng lâng thoát tục.

Buổi trưa, mọi người được tắm rửa ăn uống no nê, nên trông ai cũng có vẻ thoải mái dễ coi hơn, nhất là mấy cô, Liên tươi cười nhí nhảnh nói chuyện với Hùng Dũng, khuôn mặt trắng trẻo bầu bĩnh càng nổi bật hơn dưới mái tóc tơ mềm vừa mới gội, và sáng rực hằn ra dưới nắng ấm. Duyên vợ anh Thức, Ngọc Lệ vợ Đông Âu, người nào cũng duyên dáng mặn mà, hèn gì tội thủy thủ Thái cứ nhìn nhìn hoài. Trái với vóc dáng nhẹ nhàng của đám con trai tị nạn, đám thủy thủ Thái, người nào cũng vạm vỡ, mặt và người trét đầy phấn trắng bóc, có lẽ là thứ phấn chống nắng và gió biển, cho nên trông có vẻ dữ dằn làm sao.

Dũng biết một ít tiếng Triều Châu, muốn xả giao lấy cảm tình, nên đã xề lại phía phòng tài công, tính chuyện trò với tên thuyền trưởng, nhưng hắt lạnh lùng hất hàm hỏi , giọng Triều Châu lơ lửng:

- Muốn cái gì. -

Không! Tôi chỉ đến chơi.

Hắn quay đầu nơi khác tiếp tục hút thuốc. Dũng ngượng ngùng quay gót. Xuyên qua tấm cửa bằng kiếng, Dũng giật thót người, vì vừa nhìn thấy mấy bộ áo quần bà ba, loại áo quần của đàn bà con gái Việt Nam, và rải rác trên bàn, có vài tấm hình của mấy cô, dù chỉ thoáng nhìn nhưng cũng nhận ngay ra là con gái Việt, có cả thẻ căn cước, giấy tờ ngổn ngang. Một niềm sợ hãi mơ hồ nhưng mãnh liệt làm Dũng run lên bước về phía đám anh em kết nghĩa và kể lại mọi chuyện.

Liên và Ngọc Lệ cũng nghe kể, và tái xanh mặt mày, Hùng lên tiếng:

- Mày biết không, hồi nãy mấy cô ngủ trưa thôi mà còn bị hai thằng đến sờ rầm, may mà tao không ngủ, nên nhìn thấy nhào tới cản, chứ chậm một chút, không chừng nó bịt miệng ả vào phòng máy. Cha, tối nay mới căng à! Kêu hết đàn ông con trai tới đây tính kế hoạch.

Mặt Đông Âu khi thường, ngang ngạnh oai hùng thế mà giờ đây căng thẳng hải hùng đến đờ người, không thốt được một lời.

Hùng lại phải điều động:

- Mỗi người mình phải ráng kiếm một vật gì đó làm khí giới, dấu đi, đừng chuyện là nhào tới đánh liền.

Dũng cũng lên tiếng để trấn an, lên tinh thần mọi người:

- Bọn nó chỉ mười ba tên sợ gì.

- Không biết nó có súng không?

- Có hay không cũng đánh.

- Hiện tại chưa có gì đáng tiếc xảy ra, mình đừng tạo vẻ căng thẳng, làm cho nó nghi thì nguy.

- Tối nay bọn thanh niên ngủ ở ngoài chắn ngay khung cửa, nữ ngủ sâu vào phía trong, từ giờ này lúc nào cũng có một thằng canh chừng mấy cô, còn mấy cô, dứt khoát không ra khỏi cabin nghe.

Chuyện xích mích hồi trưa làm không khí giữa chủ và khách ngọt ngào hơn.

Tên thuyền trưởng đến gặp anh Danh, nó nói xin lỗi về chuyện hồi trưa, và nhờ cả bọn giúp tụi nó đánh cá cho đầy hầm chứa rồi sẽ vào bờ sớm.

Buổi tối, cả bọn dự mề lưới đầu tiên....

Lối đánh cá của Thái thật là tân tiến, họ trang bị đủ máy móc, có cả cần trục kéo lưới, máy kéo phao, máy dò cá....

Trời vừa sụp tối, họ thả 2 chiếc xuống con xuống biển, và mang theo mấy chục cây đèn măng-sông, được đặt trên những tấm phao lớn, và cứ thế những cây đèn măng-sông sáng rực trôi lênh bênh trên mặt biển, tạo thành một vùng ánh sáng giữa mặt biển đen ngòm. Sau khi thả lưới, chờ chừng ba tiếng đồng hồ, cho cá bơi vào vùng ánh sáng, xong họ thả lưới có viền chì nặng bao quanh, sau đó dùng máy thắt đáy lưới lại, và tất cả những con cá trong vùng ánh sáng đều nằm gọn vào mề lưới, rồi họ dùng cần trục kéo lưới lên, mề lưới đầy ắp cá, thấy mà mê.

Cả bọn con trai ngồi lựa cá ra từng loại riêng biệt. Hùng và Dũng thì giúp giữ lưới để sửa soạn cho mề lưới thứ hai dự trù thả vào lúc bốn giờ sáng.

Trong khoảng thời gian còn lại cả bọn được nghỉ ngơi, ngồi hút thuốc, tán dóc. Câu chuyện chỉ vây quanh vấn đề làm sao để bảo vệ các cô. Phía bên kia, bọn thủy thủ Thái cũng xúm lại thì thảo bàn tán. Gió đêm lành lạnh, nhưng Dũng cảm thấy có một cái gì đó lạnh hơn, buốt tận cuối hồn.

Rồi chuyện cũng đến, bọn Thái đã hết kiên nhẫn, chúng hung hãn cuồng loạn, đập lên người bọn con trai ủa vào cabin, để bắt mấy người nữ, cả bọn con trai tị nạn bật dậy, và chống trả mãnh liệt. Hùng Dũng và cả bọn dùng cây cào cá đập lên người từng tên, tiếng khóc thét của trẻ con và mấy cô, tiếng nện bình bịch, tiếng chửi thề bằng tiếng Thái, tiếng Việt, tiếng la hét vang dội cả con tàu. Tất cả tạo thành một âm thanh rùng rợn hải hùng....

Trận chiến xảy ra chớp nhoáng, và bọn thủy thủ Thái thất thế đã rút lui vội vàng. Chúng không ngờ bọn con trai Việt chống trả mãnh liệt đến thế. Có lẽ họ đã có kinh nghiệm bắt nạt những ghe tàu vượt biên trước, và những lần đó họ thành công dễ dàng, lần này họ cũng không cần chuẩn bị cho sự phản công của đối phương nên mới bị những cú đâm tả tơi vào người, khiến họ vừa ngỡ ngàng ngạc nhiên, vừa căm tức đám con trai Việt. Sự rạn nứt giữa hai bên lần này, thực sự là trầm trọng rồi. Bọn thủy thủ rút vào một đầu tàu ngồi chười rửa và bàn tán, phía bên kia đầu tàu đám tị nạn ngồi lặng lẽ âu sầu, có tiếng khóc thút thít của cô Ngọc và Liên. Hùng lại lên tiếng:

- Anh Danh ráng nghe thử tụi nó nói gì.
- Chúng nói bằng tiếng Thái chứ không phải tiếng Tiều, tao chịu.
- Giờ phải làm sao?
- Hay là anh Danh qua năn nỉ thuyền trưởng chở vào bờ.

Bây giờ thì quá rõ rồi, nó cứu tụi mình để vét của, và hiếp dâm các cô, chứ đâu phải vì lòng tốt.

- Hay là mình cướp tàu.
- Không được đâu, tụi nó đã đề phòng rồi, với lại, tụi nó biết rõ đường đi nước bước trên tàu, mình lại chẳng có khí giới.

Anh Danh đứng vụt dậy:

Thôi để tao qua năn nỉ thuyền trưởng coi sao, chứ hết cách rồi. Đông Âu đi với tui chứ.

- Ủ, đi.

Hai người bước vào phòng của tên thuyền trưởng, mọi người hồi hộp chờ đợi.

Lát sau, anh Danh và Đông Âu trở về mang theo cái tin không biết nên vui hay buồn, là tụi nó chịu vào đất liền, nhưng trước khi vào phải đánh thêm hai mẻ cá nữa.

Hai mẻ cá là phải qua thêm một đêm. Suốt đêm đó không ai ngủ nổi, họ đang ở giữa bờ vực giữa cái sống và cái chết, mấy chục mạng người đang treo trên một sợi dây rất mong manh, mạng tên là lương tri, nếu còn một chút tình người họ sẽ để cho sống, và nếu tình người đã cạn họ sẽ cho chết thê thảm.

Sáng hôm sau mọi người lại hồi hộp chờ đợi, không khí thật căng thẳng, bọn Thái chẳng nói năng gì tới đám tị nạn cả, cơm nước cũng không có.

Nhưng khi trời vừa sập tối, thì người tài công ngoắc anh Danh vào cabin và nói:

Thôi tụi tao không đánh cá nữa, chuẩn bị vào bờ, nhưng trước khi vào tụi bây chùi sạch boong tàu giùm, được chứ. Tao cần khoảng mười thùng, bàn chải và xà phòng đó, làm đi

Tên tài công nói xong, rút vào phòng lái. Đám con trai hì hục chà xát boong tàu cho thật sạch với hy vọng làm hài lòng tụi nó, may ra sẽ được đối xử tốt hơn.

Bảy giờ tối ngày 25 tháng chín năm 79, mây đen bao phủ bầu trời vịnh Thái Lan. Và tai ương đã thực sự sụp xuống kinh hoàng trên đám người tị nạn. Mười mấy đứa con trai chúi boong tàu bị đập xuống biển từng người, từng người, mà những người còn lại vẫn không hay biết.

Vừa chúi boong tàu Dũng vừa liếc chừng về phía phòng máy, sợ tụi nó bắn ra, nên không để ý đến anh em chung quanh, đến khi quay qua nhìn thì chỉ còn thấy có sáu người. Nó quay qua hỏi Bảy.

- Thăng Sang, thằng Tuấn đâu.

- Mới đây mà, chắc tụi nó vào trong nghỉ tay, mày vào coi sao.

Dũng men theo hông tàu lần mò bước, tay cầm chắc khung sắt ở boong tàu vừa bước, vì tốc độ tàu chạy rất nhanh nên chòng chành mạnh, mà hông tàu lại tối đen, bỗng Dũng thấy thân mình bị một tên thủy thủ ôm ngang, rồi tên nứa gỡ tay ra khỏi khung sắt. Dũng đang nắm, vừa vùng vẫy vừa la hét và cố bám tay vào khung sắt nhưng tay cứ lỏng dần vì sức mạnh của hai thằng thủy thủ. Khi Dũng điếng hồn hét lên “Chúa ôi cứu con...” là lúc, thân cũng vừa bị ném xuống biển, vừa chạm vào mặt biển, thì con tàu cũng lượn vòng vòng, để tông cho chết. Nhưng Dũng như cái phao nổi trên mặt biển và bơi ngay. Vì là dân miền nước, nên rất sành bơi lội. Dũng khóc lên nức nở, sự sợ hãi quá độ, lúc này đã làm tê liệt thần kinh, chỉ còn biết là mình sắp chết, nên vừa bơi quanh quẩn vừa khóc, nghĩ đến mẹ, đến chị đến em, Và trong cơn khốn cùng đó, Dũng bắt đầu cầu nguyện Chúa, lần đầu cầu nguyện. Bỗng có tiếng la lớn

- Dũng ơi mày đó hả.

- Hùng! Mày cũng bị đập xuống hả!

- Ráng lội tới đây, có anh Trung, thằng Hưng, anh Thức, thằng Sang nữa.

Dũng bơi tới đám anh em, và cảm thấy bình tĩnh hơn một chút, vì ít ra còn bạn bè chung quanh và đồng cảnh ngộ.

- Nó đập mày hồi nào vậy hả Hùng.

- Tao bị nó lừa, đang chà phía ngoài thì nó biểu tao chà xích vô trong một tí, rồi từ từ nó biểu vào tới trong bóng tối. Vừa vào tới chỗ tối là nó bỗng ầm tao ném xuống biển liền.

- Anh Danh và Đông Âu chắc bị trước hết, vì tao thấy nó gọi hai người vào phòng máy từ đầu nhưng không thấy ra, tao tưởng là nó sai hai anh làm gì ở trong.

- Tội nghiệp thằng Tuấn Sài Gòn, tao đang giằng co với tên mọi Thái thì thấy nó dẫn xác vào, nó lại không biết bơi, chắc chết rồi.

- Hồi đó tao la quá chừng mà sao tụi mày không hay biết.

- Có nghe gì đâu, bây giờ mới biết, nó cho máy nổ hết ga, để át tiếng la hét. Nó lại bỏ thêm đèn ở ngoài boong sáng trưng mà ở trong lại tối om để dễ hành động.

- Đám người Sài Gòn chắc chết hết rồi, còn mấy người nữ, có ai thấy họ không.

- Không thấy, nhưng chắc nó còn để lại trên tàu.

Bỗng anh Thức khóc nức lên, Duyên, vợ mới cưới của anh, không biết giờ ra sao, sau sáu năm gian truân hai người mới cưới nhau chưa đầy một tháng.

Rồi anh bỗng ngừng khóc và nói:

- Mấy em có thấy vệt sáng đằng xa đó không, chắc là đèn măng sông để dụ cá của một tàu đánh cá nào đó, thôi mình ráng bơi về phía đó, may ra được cứu, ai đến trước được thì nhờ họ quay lui vớt cả bọn.

Xa quá, sợ bơi chưa đến nơi thì đã đuối sức.

- Mà ở đây thì cũng chết vậy. Thôi ráng bơi, bốn người cố gắng bơi gần nhau nghe.

Bốn người con trai lặng lẽ bơi trong đêm tối mịt mùng, dù mệt đuối họ cố gắng bơi đến vệt sáng mờ mờ phía trước. Dững lại vừa bơi vừa cầu nguyện Chúa.... Thình thoảng có tiếng thằng Bảy.

- Dững ơi, lợi gần tao tí nữa đi

- Anh Thức, anh Danh, nghe em gọi không.

- Ủ, anh đây

Chừng một tiếng đồng hồ sau, lên tiếng gọi nhưng không còn ai trả lời nữa. Dững hoảng hốt gọi to hơn, nhưng chỉ nghe tiếng gió rít trên mặt biển, có lẽ sóng đã dạt mỗi người ra xa nhau. Bây giờ Dững mới cảm thấy cô quạnh, sợ hãi, tuyệt vọng. Biển đen ngòm, bao la mịt mùng, thân nó trở trọi một mình. Dững lại khóc nức lên, rồi nghĩ đến mẹ, và vì bản năng sinh tồn, Dững lại lấy hết sức để bơi về vệt sáng đằng xa. Một tiếng, hai tiếng, ba tiếng, rồi mười tiếng đồng hồ trôi qua... mệt lã, đôi tay như không còn sức nữa, nghĩ là giờ chết đến rồi, lại nghĩ đến mẹ, và khóc. Có một lúc Dững chợt nhận ra là mình như ngủ mê đi, đôi tay xuôi xuống ngừng bơi, thân thể chìm dần xuống, sự ngọt thở làm Dững vùng lên, sự thèm sống làm thêm sức lực, lại vươn từng sải tay ra bơi về vệt sáng cũng còn cách không bao xa, và cuối cùng cũng đến đích. Dững la lên bằng tiếng Tiều:

- Cứu tôi với, cứu tôi với.

Rán hết chút sức còn lại, vừa bơi vừa la tiếp. Một người dọi đèn pha về phía Dững, rồi thả canô nhỏ chạy đến vớt lên. Vừa lên tới canô là Dững ngất đi không còn biết gì nữa.

Chừng một giờ sau, Dững tỉnh dậy, ý thức được là mình đã thoát nạn và đang nằm trong một đồng chăn mền ấm áp, Dững mừng đến rơi nước mắt. Nhưng quay lại nhìn quanh, biết đây là một thuyền đánh cá Thái, Dững lại hoảng sợ, nghĩ đến một đoạn đường gian truân nữa đang chờ... Dững lại cầu nguyện Chúa...

Bỗng có tiếng la yếu ớt.

Dững vùng dậy, vừa lúc đám thủy thủ cũng vừa pha đèn về phía có tiếng la, rồi nói lao xao với nhau:

- Khuôn Duôn Khuôn Duôn, tức là người Việt.

Dững nhào tới, van xin bằng tiếng Tiều

- Làm ơn, làm ơn, cứu bạn tao....

Bọn thủy thủ lặn lẽ thả canô nhỏ xuống vớt lên. Thì ra thằng Hùng.

Vừa lên tới tàu thằng Hùng cũng ngất đi, hoảng hồn tưởng nó chết, nên khóc to:

- Hùng ơi! Hùng ơi! Mày đừng chết.

Nó cuộn chăn cho Hùng, nhưng có một tên hất chăn ra, và lục lạo trong túi quần Hùng, chắc chúng kiếm vàng. Dũng lại quay qua năn nỉ tội thủy thủ đi cứu thằng Bảy với anh Thức bằng tiếng Tiều, nhưng tội nó không ai biết tiếng Tiều, đành chịu.

Lát sau Hùng tỉnh dậy, Dũng mừng rỡ ôm bạn. Nhưng Hùng hỏi ngay:

- Mày đã nhờ tội nó cứu thằng Bảy và anh Thức chưa.

- Rồi, nhưng tội nó không ai hiểu tiếng Tiều.

Hùng nói tiếng Anh bập bẹ với một tên sạch sẽ nhất ra dáng thuyền trưởng, nhờ đi cứu bạn nhưng tội nó lắc đầu. Hai đứa buồn tênh, thương cho anh Thức và thằng Bảy, biết đâu hai người bơi tới đây rồi mà chết mới ức chứ.

Tàu vừa cứu Dũng và Hùng là một tàu đánh cá lớn gấp ba lần tàu kia, có đến ba tầng, rất nhiều thủy thủ.

Buổi trưa họ đem cơm và thức ăn đến cho hai đứa, rồi nói tiếng Anh với Hùng:

- Tối nay hai đứa mày phải làm việc.

Hùng nói với Dũng.

- Tội thủy thủ Thái không đứa nào tốt đâu, nó vớt mình thì phải có lợi cho nó, nếu không nó giết. Mạng mình thua mạng con cá. Cho nên mày với tao phải làm việc cật lực để tội nó thấy lợi mà không giết, rồi từ từ mình tính sau.

- Hay là mày hỏi thằng mập thử bao giờ họ cho mình vào bờ.

- Để từ từ đã.

Buổi tối đầu tiên trên chiếc tàu mới, sau khi đã thả đèn chò cá tới, hai đứa kiếm một góc khuất ngồi co rúm chuyện trò, trong khi đám thủy thủ xúm nhau bên một thau nước sôi để chích cần sa, tên mập có vẻ như chuyên nghiệp, nó ngâm kim, pha thuốc chích cho từng người. Sau khi chích, đứa nằm đứa ngồi lơ đãng, đôi mắt đục ngầu như mắt cá ươn, không khác gì đám thủy thủ trước, làm Dũng nổi da gà sợ hãi, những người sống thác loạn ít khi có nhân tính. Dũng nói với Hùng:

- Hay kiếm góc nào trốn đi mày, lỡ nó say thuốc nó nổi khùng, đá mình xuống biển thì chết.

- Sợ đến giờ kéo lưới mà mình không có mặt cũng chết. -

Tên mập nói khi nào chuông reo thì làm mà.

Đến giờ kéo lưới, hai đứa hì hục kéo một đầu phao, nặng đến treo xương mà phải ráng, rồi lựa cá, rồi rửa lưới, dọn dẹp, xăng xải làm việc để tội Thái khỏi ghét. Hết mẻ lưới lại phải kiếm một góc khuất,

ngồi tránh tụi nó. Ban ngày mọi người nghỉ ngơi, thì hai đứa phải giã ớt, nấu cơm. Người Thái ăn cay khủng khiếp, mỗi bữa cơm phải giã cả cối ớt để kho cá. Đến giờ ngủ, phải kiếm một góc nào đó kín đáo để ngủ, và phải đổi chỗ ngủ luôn, khi thì dưới hầm cá lạnh ngắt, khi thì tuốt trên tầng ba vắng vẻ, khi thì phải ngủ trong những thùng gỗ, như những cái hòm, nói chung lại, ngoài giờ ngủ, làm việc, phải luôn luôn tránh tụi Thái, chỉ sợ trong hai mươi mấy thằng, chỉ có một thằng thấy gai mắt, là có thể ném xuống biển mà không một ai thêm thắc mắc. Hầm đựng cá càng đầy, thì nỗi lo của hai đứa càng lớn.

Dũng nói:

- Tao sợ đây cá rồi nó giết mình trước khi vào bờ mày ạ.

Hùng lặng thinh làm nó lo lắng hơn. Tuy nhiên đến ngày thứ tư, cá đầy hầm chứa, tụi nó vào bờ, Dũng và Hùng vẫn chưa bị gì. Vào tới bờ, tụi thủy thủ ủa lên bờ ăn uống, rong chơi, để tên mập và một tên nữa ở lại canh Dũng và Hùng, tên mập lại xề tới nói chuyện với Hùng, tên này tương đối dễ chịu, nó nói tiếng Anh được chút chút, và rất thích nói, nó kể, tụi nó được trả lương rẻ mạt, tuy nhiên được có cần sa để hút, và lại không sợ bị bắt, hút, chích công khai, đôi khi gặp tàu vượt biên lại kiếm được vàng nữa.

Đến chiều, đám thủy thủ lại trở về tàu, và ra khơi tiếp.

Dũng và Hùng lại quần quật làm việc, hết giờ làm lại phải đi tránh. Đến chuyển thứ tư tức là đã gần một tháng, Dũng và Hùng làm việc trên tàu, thì tên thuyền trưởng bệnh, phải vào bờ chữa bệnh và đổi tên thuyền trưởng khác. Tên này biết tiếng Triều Châu, Dũng và Hùng cứ theo nó, nịnh bợ, đâm lũng mỗi khi rảnh rỗi. Dũng gạ chuyện:

- Tao thích được ở đây hoài, được ăn no, được hút thuốc smít, cần sa, thoải mái.

- Tao tưởng mày thích vào trại tị nạn chứ.

- Vào làm gì, trong đó cơm không đủ ăn không có thuốc hút.

Tên thuyền trưởng có vẻ tin tưởng hai đứa, cho nên đến lần vào bờ, Dũng và Hùng xin nó vào bờ mua đồ, với dụng ý là trốn luôn, nó đồng ý, hai đứa mừng rỡ, nhưng vừa bước tới đầu tàu thì nó gọi giật lại:

- Mà này, một thằng đi thôi, một thằng ở lại đâm lũng cho tao.

Dũng thất vọng nảo nề như vừa rớt một tảng vàng xuống biển. Nó biểu Hùng đi, nó ở lại, hai đứa chia tay, không dám nói một lời trước mặt tên thuyền trưởng, nhưng bốn mắt găm sâu vào nhau, như nói vạn lời.

NGUYỄN THỊ NGỌC LAN
(sẽ đăng tiếp kỳ 2 và hết)



NGUYỄN ĐÌNH PHƯỢNG UYÊN thôi nhé ... người đi

Người bị bệnh quên sẽ trải qua mấy giai đoạn trước khi mất trí nhớ hoàn toàn. Lúc đầu óc họ còn chập chờn giữa quên và nhớ, tỉnh và mê, lẫn lộn hiện tại với quá khứ... người thân xung quanh chẳng biết làm sao để giải thích, để ngăn chặn những việc tiêu cực của người bệnh vì con bệnh tin là mình vẫn minh mẫn, mắc mớ gì phải làm theo lời ai nói chưa kể người khuyên răn là con cái “ Trúng sao khôn hơn Vịt ” họ nghĩ thế.

Thôi thì dấm dẳng, cự nự, nhăn nhó, tiếng lớn tiếng bé om sòm trong nhà.

Tôi ở xa, không biết rõ tình tiết nhưng ông cụ chăm cho bà già hằng ngày nên hiểu tính nết.

Mẹ tôi bình thường lành như đất, thâm tâm luôn nghĩ người đời ai cũng tốt, cho đến khi gặp chuyện không hay thì buồn ngầu ng-hiễn rồi tự nhủ chắc họ vì A vì B nên mới làm thế. Thôi, tha thứ cho họ. “ Một điều nhịn, chín điều lành ” “ Tránh Voi chả xấu mặt nào ” “ Ngậm máu phun người trước dơ miệng mình ” là câu ca dao tục ngữ bà thường tâm niệm để đối nhân xử thế.

Nói gì thì nói, buồn vẫn cứ buồn, của nải mà, sao không tiếc? Mẹ cứ nuốt vào lòng, nuốt hết...

Nhiều lần tôi nghĩ chính vì mẹ cứ bỏ qua, cứ ráng quên những ngang trái mà bị bệnh mất trí nhớ. Ai cứ thử nuốt mấy cục nghẹn vào lòng từ năm này qua tháng khác xem có điên lên không. Giá như mẹ cứ làm tướng lên, cứ dữ dằn, không ai dám đụng đến mẹ, chắc sự thể đã khác.

Ở nước ngoài, tâm bệnh được nhắc nhở, chữa trị kỹ lưỡng. Họ bảo phải dốc hết những khối u sầu não trong lòng ra thì thể xác mới khỏe mạnh. Họ có cả những chuyên gia để nghe mình kể những khó khăn bức bối. Im lặng, chịu đựng gây hại vô cùng.

Hiền lành thế nhưng tới khi mắc bệnh Alzheimer, có lúc mẹ đã cào cào bố. Tay bố xước, đóng vẩy tím lúm. Bác sĩ hỏi bố bị gì, bố bảo tại kéo cái tủ, tại nấu nướng trong bếp, tại...

&

Sang Mỹ thăm các cụ, cố trì kéo những tế bào rơi rụng trong não bà, tôi bày cho mẹ tập nhìn bốn năm thứ đồ vật trên sách rồi bắt bà nhắc lại. Bà nhớ được hai ba cái. Tập tới tập lui vẫn thế, bà thở hắt :

“ Mẹ mệt quá, đừng bắt mẹ làm nữa”

Tôi ép bà thêm, bà dỗi ngồi thừ ra. Thua !

Bảo con cái làm hẳn một cuốn album hình ảnh của chúng nó từ khi còn bé đến lớn để tặng bà, mong bà nhớ ra chúng, chỉ mặt gọi tên trang trước thì trang sau bà lại hỏi “ Đứa nào đây?”

Thấy bà cứ loanh quanh bếp núc rồi vào nằm, tôi rủ bà đi bộ tập thể dục, có bữa dẫn bà ra tận nhà thờ. Hai mẹ con đang đứng đọc kinh, bỗng dưng mặt mẹ biến sắc, lão đảo. Tôi hoảng hồn dìu bà ngồi xuống, bà thở dốc, mắt nhắm lại. Tim tôi đập bịch bịch, mẹ có làm sao thì tôi đối phó cách nào, chẳng biết kêu cấp cứu hay gọi ai giúp giữa đường.

Tôi há mồm, gương mặt nhìn mẹ, cầu Chúa cho mẹ khỏe lại, khỏe đủ để tôi dẫn mẹ đi bộ về nhà giao cho bố và các em.

Ồn Trời, mẹ tôi mở mắt ra, lắc lắc đầu rồi vịn vào tôi “ Đi về, con”

Tôi đỡ thân bà, khỗ, bà cao to hơn tôi, nếu mẹ ngã một cái thì tôi cũng té lăn cù, tôi ân hận đã đem mẹ ra đường mà không lường trước sự việc, tôi vừa sợ vừa run.

Hai mẹ con bước chậm trên hè, đến ngã tư, tôi bấm nút xin băng ngang đường, đèn đi bộ chưa kịp xanh mẹ tôi đã thọt chân tiến ra lộ. Tôi hét tướng:

- Mẹ, đèn đỏ mà, xe cán chết sao.

Bà hết hồn lùi lại rồi nghiêm mặt :

- Qua được. Mà biết gì? Dám la mẹ hả, hồn quá.

Khách khứa không rành, nghe mẹ kể loạn xạ ngẫu, cứ trách bố tôi không chịu dẫn mẹ ra ngoài tập thể dục, ngoài bố ra ai có thể đưa mẹ đi, bố lười quá...Tôi thử một lần này đủ tởn.

Một bữa mẹ tôi còn mách cậu em út muốn giết mẹ. “Mẹ lên xe ngồi, chưa kịp đóng cửa, nó rồ ga, suýt nữa mẹ vắng khỏi xe”

Thắc mắc mãi sao em mình lại “cô hồn” dữ vậy, qua tới Mỹ gặp chàng hỏi cận kề, chàng bảo đang lái xe, mẹ con cãi qua cãi lại gì đó, mẹ giận tung cửa sau đòi đi ra bắt tử, chết không? Khổ nỗi bà thuật lại câu chuyện có đầu đuôi đáng hoang, đến mình còn nghi oan cho hẳn, đừng nói người ngoài. Xém tí cậu em mang tội “ sát nhân”.

Mắc bệnh quên nhưng bà hay dọn dẹp, dẹp xong đâu biết cất cái gì, chỗ nào? Cả nhà rối tung rối mù hết tìm lại kiếm, có khi giày dép bà để trong tủ lạnh, chai nước mắm trong tủ quần áo...Không cho làm cũng không được, bà cần quơ chân quơ tay hoạt động, vả lại bà đâu

nhớ mình dặn gì.

Khi tổng vệ sinh căn hộ cho các cụ, tôi lôi mấy thứ chổi cùn rế rách, đồ dư thừa, thiu thối đem đổ nhưng bà giằng lại hết:

- Để đó mẹ xài. Cái này còn tốt nguyên. Chè ngon lắm, đừng vứt phí của.

Tôi phải lừa lúc bà ngủ rồi lén lén ôm rác chạy ma ra tông. Phát mệt !

Quần áo đầy rẫy nhưng mẹ chỉ mặc đi mặc lại hai ba bộ vì bà chỉ nhớ đến đó thôi. Ví xách cũ mềm, hư dây kéo nhưng nó quen thuộc nên đi đâu bà cũng mang theo. Bút chì kẻ mắt ngắn ngắn cỡ hai đốt ngón tay, cùn nhũn, cây son đỏ khô queo, lồm ở giữa...

Xưa, đánh răng rửa mặt xong là bà ngồi trang điểm lớt phớt. Bà thường mắng tôi vì cái tội ra đường không dặm phấn tô son. Bà bảo như thế là không tôn trọng người khác, ai lại lúi sùi thế.

Vậy mà giờ đây, mẹ không còn nhớ cách vẽ lông mày, kẻ mí mắt, tô son môi...Nhìn mặt mẹ bột bột mà thương.

Những năm sau này bà hết nhận ra con cái, chỉ ngồi chờ dẫn, lấp bắp những câu không đầu không cuối, hoàn toàn tách khỏi đời sống hiện tại. Đến giờ ăn, gọi bà ra bàn ngồi, xong bữa bà lại vào phòng nằm, chả báo chí, sách vở, chả tivi phim ảnh, chả nói năng chuyện trò.

Thấy nhà cửa đống đống đê đê, biết mẹ không còn ý thức để cản trở việc tôi dọn dẹp trong ngoài, tôi nói với bố “ Con vứt hết đồ đạc, bố mua đồ mới nha” Ông già gật đầu cái rụp. Tôi mừng hóm thầy ra đến hai ba chục bọc quần áo, báo chí, giày dép....trong bếp đổ ra trà, ruốc, sữa bột...lưu cũ từ thời ông bành tổ, thêm lon lá, thùng mùng.... Công nhận thằng nào “trúng mánh” lãnh nhiệm vụ đổ rác trong khu bố mẹ tôi tuần ấy. Cả drap giường, chăn chiếu, nệm gối của các cụ tôi cũng vứt luôn rồi ghé chợ tha về bộ mới.

Bệnh như mẹ chỉ biết những gì gắn chặt với bà hằng ngày. Tôi sợ thay giường chiếu xong thì mẹ không chịu nằm, tưởng nhà lạ thì khổ. Không ngờ bố kể, mẹ vuốt tấm nệm trải drap mới cùng màu, cùng hoa văn với mấy cái gối, mặt sáng lên, nhỏ nhe với bố:

- Bảo tội nó cho em cái này nhá.

Tội nghiệp, mẹ là người sạch sẽ, lâu rồi mới được nằm trên đồ đồ mới tinh cu lơ...Chuyện dễ ồm, cứ ra chợ, mua gì chả được nhưng đó lại là việc quá tầm tay của mẹ, xót !

Bà trôi bồng bồng giữa một rừng hoa, những bông hoa tươi tắn, to nhỏ, đủ màu sắc: hồng, trắng, đỏ, vàng, cam, tím....Chưa bao giờ hoa nở trong vườn nhà bà nhiều và rục rờ như thế : Lys, Lay Ơn, Cúc, Lan, Cẩm Chướng, Thược Dược...hương hoa quện vào nhau , tỏa mùi thơm ngọt ngào.

Giường bà nằm trắng bộp càng tôn sắc hoa màu lá hoa xung quanh. Chùm Hồng nhỏ cái phía đầu như đám trẻ con chu môi thỏ thẻ bên tai bà.

Bà ngồi dậy, nhìn một vòng. “Chà, khách khứa đâu mà đông thế, mình còn nằm ườn ra đây, kỳ quá!”

Từng người một, ăn mặc trang trọng đến gần bà chào hỏi, thưa thốt, quen thuộc có, lạ cũng có.

Bà vội vàng đứng lên, sửa lại bộ dạng cho thẳng thớm, khẽ gật đầu chào lại, miệng niêm nở “Dạ chị!” “Anh ạ!” “Ồ con!” nhưng sao chẳng ai nhìn vào bà, lại chăm chú vào cái thảm hoa sắc sỡ kia..

Con bà kia, đứa lo cắm dây cắm nhợ, đứa lằng xằng chạy tới chạy lui. “Tụi bay thật là....Đứa nào vào pha cho mẹ ấm trà mời khách đi con.” Nói mà tụi nó cứ bơ bơ thế kia, bà bước đến gần thằng con lớn. Nó quay người sang một bên rồi chạy xuyên qua bà, sửa máy quay phim. “Con với cái..”

Bà tiến đến cậu út đang bận bịu cài cúc áo ấm cho ông. “Này con, mày...” Bà chưa nói hết câu thì nó đưa tay quạt ngang làm người bà đứt đôi trong vài giây. Bà lay lay vai nó nhưng nó chẳng quan tâm, chạy ngang qua người bà, tới bàn đốt nến.

Thằng con thứ xẹt chỗ này, ngồi chỗ nọ, chỉ chỗ, đằng hắng, lúc thăm thì với mấy vị khách, lúc ra vườn hoa của bà ngắm nghía, xê dịch.

Chả đứa nào để ý đến bà. “Con mình hôm nay sao thế, anh?” Bà quay sang hỏi rồi thẳng thốt nắm lấy bàn tay của ông “Ồi, sao anh ngồi xe lăn vậy? Anh đau chỗ nào? Mấy hôm nay anh bỏ ăn hả? Mặt mũi hốc hác lắm. Có việc gì không?”

Bà đứng ngay bên cạnh mà ông chẳng trả lời trả vốn, cứ dăm dăm nhìn vào bốn hoa sắc sỡ và tấm ảnh bà mặc áo đen đặt ở phía trước. Một luồng hơi lạnh lùa vào cổ, vào bàn tay gân guốc, gầy guộc của ông, ông thọc tay vào túi áo ấm, rùng mình.

Bàn tay bà rút khỏi tay ông. Bà thở dài. Tiếng kinh cầu đều đặn kéo bà lùi về ngồi trên tấm thảm hoa. Thăm lắc lư.

Bà ngả lưng lên những cánh hoa mềm mại, mượt như nhung. Chợt nhớ đến hình ảnh nàng công chúa ngủ trong rừng giữa bốn bề hoa lá, bà mỉm cười duỗi chân, sửa tư thế nằm cho ngay ngắn, nhắm mắt lại, hai tay chắp trước bụng.

Thảm bạt rế, cả hoa và bà bay vút lên trời.

NGUYỄN ĐÌNH PHƯỢNG UYÊN

19/3/21



Nhạc sĩ Nguyễn Hữu Hùng là một người anh kết nghĩa từ thời trước năm 1975, khi anh và tôi còn trong quân đội. (Anh là một Sĩ Quan Thiết Giáp.) Khi ấy tôi có “Sự Vụ Lệnh” đi công tác CTCT thì quen anh, lúc anh đang với cây guitar réo rắc những cung bậc. (Đặc biệt là bên anh luôn với cây đàn). Vào năm 1994, anh em gặp lại nhau trên đất Mỹ ... Thế là tình anh em nối lại thâm giao từ đó cho đến những ngày gần đây anh vĩnh viễn ra đi.!! (Bài viết dưới đây không đề tên tác giả, nên tôi chỉ ghi nguồn qua Link mà thôi.) Và nhận thấy bài viết này ngắn quá, vì vậy tôi quyết định đăng thêm 3 trang của 1 bài nhạc mà Nhạc sĩ NH Hùng đã phổ thơ tôi trên 25 năm qua.!!

NGUYỄN HỮU HÙNG
nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ
luôn ca ngợi và thờ phượng Chúa



Sinh 16-4-1940 mất 14-5-2020

Nguyễn Hữu Hùng sống tại Santa Ana, California qua đời vào ngày 14-5-2020 tại bệnh viện Fountain Valley do COVID-19.

Trước đó người thân yêu đã qua đời:

Cha Nguyễn Xuân Hữu
 Mẹ Tạ thị Chi
 Chị Nguyễn Tuyết Minh
 Chị Nguyễn Hồng Phúc
 Chị Nguyễn Minh Nguyệt
 Anh Nguyễn Hữu Lân

Hùng là một người chồng, người cha, và là người ông tuyệt vời. Ông sống với vợ ông là Ngô thị Ba, con gái ông là Nguyễn Hữu Hùng Vibra, chồng Foder Michael Brian, cháu ngoại Foder Nguyễn Anthony Korban. Gia đình con gái sống ở Philadelphia, PA. Sau đó chị Nguyễn Nguyệt Nga ở Seattle, WA mất vào tháng 7-2020.

Hùng sinh ngày 16-4-1940 tại Hải Phòng VN. Ông là con trai út trong gia đình có 6 người con. Cha mất năm ông 12 tuổi. Gia đình ông đi vào Sài Gòn năm 1954 cùng với nhiều người VN khác không muốn sống dưới chế độ cộng sản. Cùng năm đó, mẹ anh qua đời khi Hùng chỉ mới 14 tuổi. Sau khi mất mẹ, Hùng được một chị gái tên Nga nuôi dưỡng. Trong chiến tranh VN Hùng là một sĩ quan trong quân đội binh chủng Thiết giáp của chế độ miền nam VN cùng chiến đấu với các đồng minh Mỹ. 30-4-1975 miền nam VN bị sụp đổ, Ông và tất cả sĩ quan phải đi tù Cộng sản.

Sau hơn 3 năm đi tù, ông được thả về và phải đi vùng kinh tế mới. Kinh tế mới không thành, trên chuyến xe đò trở về Sài Gòn **Hùng đã gặp Ba và đã kết hôn ngày 22-1-1979** qua 2 tuần gặp nhau. Sau 6 tháng kết hôn cả hai cùng trốn thoát khỏi chế độ cộng sản bằng thuyền nhưng ông bị kẹt ở lại VN. **Sau đó Hùng vượt biên nhiều lần, và lần thứ 13 thì được thoát** ông đến đảo Pulau Bidong Malaysia vào năm 1982. Thời gian ở Malaysia ông đã gặp Chúa, Hùng rửa tội theo đạo Công giáo ngày 23-12-1982. **Hùng định cư Mỹ ngày 12-1-1983 đoàn tụ với vợ và sinh sống ở Santa Ana, Orange County, California.** Nơi ông nuôi dạy con gái duy nhất của mình với vợ.

Hùng làm nhiều việc khác nhau để nuôi sống gia đình. Niềm đam mê lớn nhất của ông là Chúa, gia đình, nghệ thuật, và bạn bè. Hùng là một nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ thành đạt. Ông vẽ tranh cho nhóm mỗi khi Giáng Sinh đến. Hùng là một thành viên nhiệt thành, ông vẽ Bích chương, biểu ngữ cho các khoá học Thánh Linh trong nhóm cầu nguyện. Hùng làm thơ, sáng tác nhạc mỗi khi có thể, ông sáng tác nhiều bài hát tặng cho vợ, đặc biệt là bài hát mang tên “Quê Em Bạc Liêu”. Ông viết rất nhiều bài thơ và bài hát thể tục. Ông đã lấy cảm hứng lớn nhất của mình là lời Chúa. Ông đọc Kinh Thánh và giữ nguyên lời, ông đã sáng tác nhiều bài hát ca ngợi thờ phượng Chúa.

Thời gian sau này Hùng có vấn đề về sức khỏe nhưng lúc nào cũng vui vẻ, hạnh phúc yêu đời và bình an. Niềm vui trong cuộc sống của Hùng là có Chúa, gia đình và cây đàn guitar. Hùng bị bệnh tiểu đường gần 40 năm và bị bệnh tăng nhãn áp mắt ở tuổi 60.

Mất thị lực Hùng không còn vẽ nhưng anh vẫn còn có cây đàn guitar của mình. Hùng là người lãng mạn vô vọng. Khi đôi mắt của ông không còn có thể lái xe an toàn, mỗi dịp đặc biệt- kỷ niệm, ngày Valentine, ngày của mẹ, và sinh nhật Hùng đi ra vườn hoa hồng chọn bông đẹp nhất mà ông thấy. Sau đó ông cắt tỉa nó một cách hoàn hảo và đặt nó bên cạnh giường của vợ trong một chiếc bình.

Mặc dù có vấn đề về sức khỏe nhưng ông không bao giờ phàn nàn và lúc nào cũng vui. Ông sống trong đức tin để vượt qua. Niềm vui và tiếng cười của ông rất dễ lây lan. Hùng thích nói chuyện và kể những chuyện trong quá khứ về gia đình của mình.

Ngày 8-5-2020 Hùng nhập viện bệnh viện Fountain Valley. Ngày đó vợ ông cũng đã nhập viện buổi sáng. Cả hai đều được chẩn đoán bị bệnh COVID-19...!!

Ngày 14-5-2020 Hùng đã qua đời tại bệnh viện Fountain Valley.

Do hạn chế COVID và vợ ông vẫn còn ở trong ICU vào thời điểm đó, các dịch vụ tang lễ không được tổ chức. Do đó một dịch vụ sẽ được tổ chức tại lễ kỷ niệm một năm ngày mất của Hùng vào ngày **Thứ Sáu, 14-5-2021.**

Lễ viếng, cầu nguyện, thánh lễ an táng sẽ được tổ chức vào lúc **11 giờ sáng tại nhà thờ Saint John the Baptist tọa lạc tại 1015 Baker St, Costa Mesa, CA 92626.**

Kết thúc buổi lễ, hài cốt của Hùng sẽ được đưa về an táng tại nghĩa trang Good Shepherd tọa lạc tại số :

*8301 Talbert Avenue,
Huntington Beach, CA 92646.*

Nguồn:

<https://www.anlacfuneralservices.com/obituary/HUNG-HUU-NGUYEN?f-bclid=IwAR2u5Vv4-lb3HHghGmWWPgJpYpWGvMaqrgXQK4LGDQXC-Gl-z6-KrZUG7eyU>

Tình Nhớ Khôn Cùng

Thơ Hà Nguyên Du
Nhạc Nguyễn Hữu Hùng

Slow Rock



Núi đẩy ta lên nhìn trời ngưỡng vọng.



Sông giạt ta vào bến ngã giác mê.



Rừng thổi ta rơi rơi miền hiu quạnh.



Biển cuốn ta đi, biển réo ta về



Tình điệu ta theo, tình dần bỏ lại



Tình xây tổ ấm, tình đào huyết chôn.

Tình kết đèn xuân, tình rừng mắt hạ

Tình mật bao nhiêu, tình đắng khôn lường

Mắt tình từ trường, môi tình diện

lực Hương tình thơm ngát... hương tình ả hờn

ngát, hương đốt tình... hương đốt tình tan.

Tình sáng tình chiều, tình người phản

bội Yêu mưa, yêu gió... yêu mưa, yêu

gió, yêu oan nghiệt... yêu dây oan nghiệt oan.



Núi đẩy ta lên nhìn vòm nhật nguyệt

Sông dạt ta vào bóng tối nhiều khê.

Rừng thổi ta rơi, rơi vào lả mệt.

Biển cuốn ta đi, biển réo ta về.

Tình kiêu hoa theo, tình về bất hạnh

Tình yêu muôn thở hay sâu ngàn năm.

Tình kết vòng hoa, tình pha mắt lệ.

Tình đẹp như mơ, tình nhớ khôn cùng./.

NGUYỄN VY KHANH

NHÀ VĂN
VIỆT NAM
HẢI NGOẠI



NHÂN ẢNH 2020



Nguyễn Vy Khanh

Sinh ngày 5-3-1951 (28-1 Tân Mão), tại Vĩnh Phước, Quảng Trạch, Quảng-Bình. Cử nhân giáo-khoa Triết Tây (1973), Cao học Triết Tây (1975) đại-học Văn khoa Sài-Gòn, và tốt nghiệp thủ khoa ban Việt-Hán khóa 13 (1971-1974) đại học Sư phạm Sài Gòn. Sau khi bị nạn chính trị tại Canada, tốt nghiệp Cao-học Thư viện và Khoa học Thông tin (đại học Montréal, 1978). Hui nghệ chính thức: giáo chức trước 1975, và chuyên viên thư viện ở Quốc hội và chính phủ Québec từ 1978 ở Quebec City và Montréal. Hiện sống lưu ở Toronto, Canada.

Biên-khảo đã xuất-bản

- Bốn Mươi Năm Văn Học Chiến Tranh 1957-1997 (Glendale CA: Đại Nam, 1997)
- Văn Học Và Thời Gian (Westminster CA: Văn Nghệ, 2000)
- Văn Học Việt Nam Thế Kỷ XX: Một Số Hiện Tượng Và Thể Loại (Glendale CA: Đại Nam, 2004).
- 33 Nhà Văn Nhà Thơ Hải-Ngoại: tuyển tập nhận-định văn-học (ebook; Montréal: TGXB, 2008; tái-bản Toronto: Nguyễn Publishings, 2016).
- Văn Học Miền Nam 1954-1975: nhận-định, biên-khảo và thư-tích; 2 tập.(Toronto: Nguyễn Publishings, 2016; th, Nguyễn Publishings, 2018; th, San Jose CA: Nhân Ảnh, 2019).
- Trương Vĩnh Kỳ: Tinh-Hoa Nước Việt (Toronto: Nguyễn Publishings, 2018).
- Nhà Văn Việt Nam Hải-Ngoại: tuyển tập nhận-định văn-học (San Jose CA: Nhân Ảnh, 2019).
- 44 Năm Văn Học Việt-Nam Hải Ngoại (7 tập, thực hiện chung với Khánh Trường và Luân Hoàn; San Jose CA: Mỏ Nguồn, 2019).

US \$40



Trong tháng 1 /2021 vừa qua, tạp chí
Văn Học Mới nhận được quyền
NHÀ VĂN VIỆT NAM HẢI NGOẠI
do Nhà Biên Khảo, Nhận định Văn Học
NGUYỄN VY KHANH
gởi tặng...
Văn Học Mới chân thành cảm ơn
Nhà Biên Khảo, Nhận định Văn Học
Nguyễn Vy Khanh
Nay xin giới thiệu
đến quý tác giả
và quý bạn đọc yêu mến
Văn Học Nghệ Thuật...

Trân trọng
VĂN HỌC MỚI

<https://tieulun.hopto.org>



Trân trọng giới thiệu đến qui thân hữu, VNS và qui độc giả, một quyển sách đã xuất bản:
108 Nhà Thơ Nhà Văn Việt
Giữa Thế Kỳ 20, Quyển
Thượng, do Nhà Thơ,
Nhà Biên Khảo
Ngô Nguyễn Nghiêm biên
soạn
Liên lạc về:
NGÔ NGUYỄN NGHIÊM
21 Hưng Phú P8 Quận 8,
TP/HCM/ Việt Nam
ĐTDD: 090 777 9811

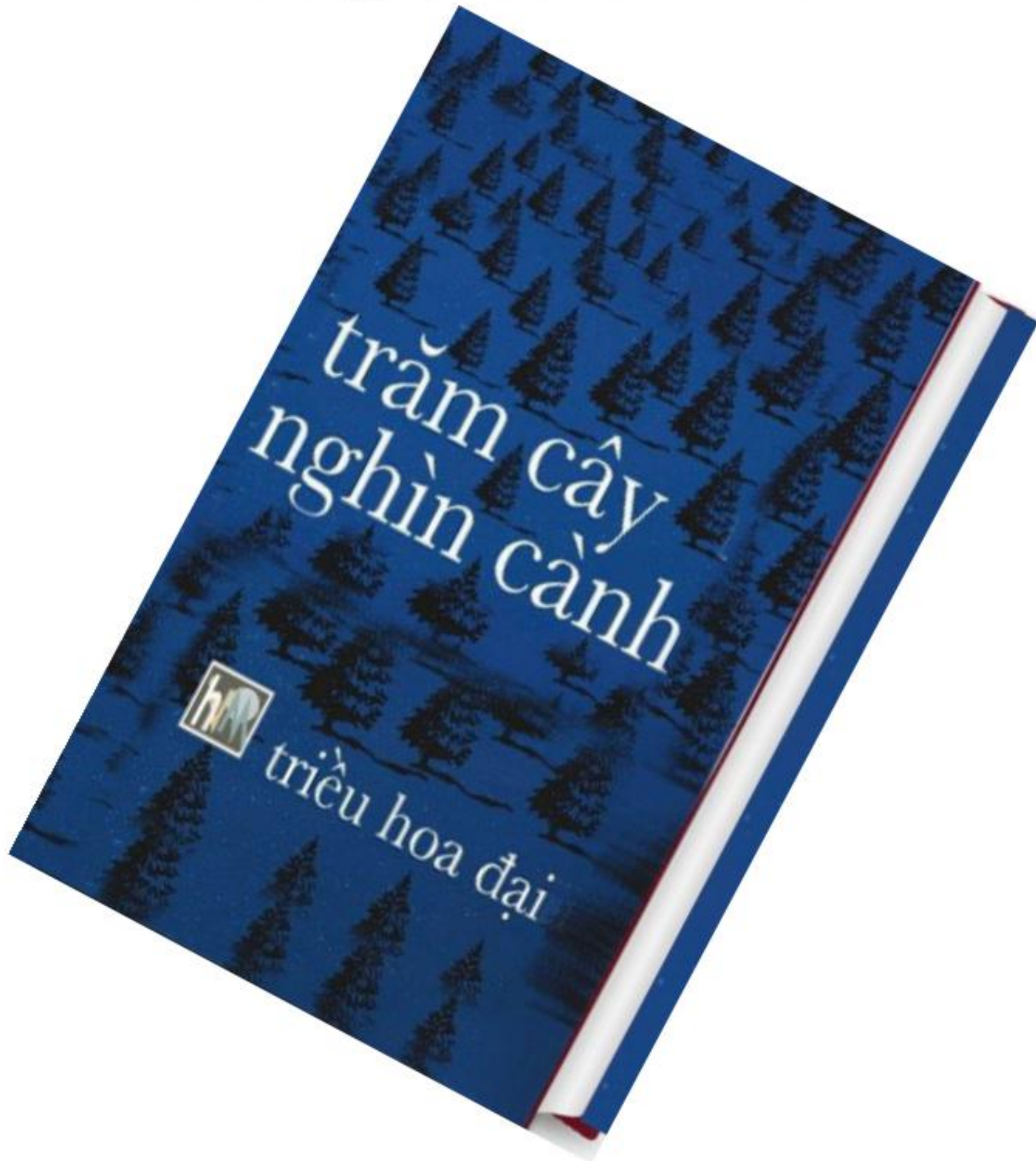
108 nhà thơ
nhà văn
VIỆT
GIỮA THẾ KỶ 20
(Quyển Thượng)



NGHĨA THƠ NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

Phu nữ học ngữ văn, nhà thơ, nhà biên khảo (1911-1980)
sinh ngày 10 tháng 1 năm Giáp Thìn tại Châu Đốc (Thủ phủ miền Nam)
Đoàn Văn Khoa, Đoàn Văn Khoa.
Từ năm 1930, anh tham gia nhiều hoạt động văn hóa trong tổ chức văn học.
Được kết hôn với một nhà thơ, không có con trong gia đình, anh có nhiều
chàng nữ sinh viên.
Chức vụ: Tổng thư ký Hội Văn học Nghệ thuật TP. HCM.
Hiện đang sống và viết tại Thành phố Hồ Chí Minh, TP. HCM.

PHÒNG VẤN VĂN HỌC
 TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU
 TẬP SÁCH PHÒNG VẤN 14 VĂN THI HỮU -
 PHÊ BÌNH & NHẬN ĐỊNH VĂN HỌC
 DO NHÀ THƠ TRIỀU HOA ĐẠI THỰC HIỆN.
 NXB VĂN HỌC MỚI ẤN LOÁT VÀ PHÁT HÀNH



- 1/ SONG THAO
- 2/ HOÀNG XUÂN SƠN
- 3/ HÀ NGUYỄN DU
- 4/ HỒ ĐÌNH NGHIÊM
- 5/ NGUYỄN HÀN CHUNG
- 6/ NGUYỄN VY KHANH
- 7/ HOÀNG CHÍNH
- 8/ NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH
- 9/ VŨ HOÀNG THƯ
- 10/ PHẠM NGŨ YÊN
- 11/ LÊ VĨNH TÀI
- 12/ PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
- 13/ PHÙNG NGUYỄN (nhà văn quá cố).
- 14/ HOÀI ZIANG DUY.

Nhà xuất bản Văn Học Mới hân hạnh giới thiệu:

**Trăm Cây Nghìn Cành
(Phỏng Vấn Văn Học)
do nhà thơ
Triều Hoa Đại thực hiện.**

Một tác phẩm được tập hợp bởi mười bốn
(14) văn thi hữu, nhà phê bình & nhận định văn học
của các tác giả đã thành danh.

Với mười bốn (14) tên tuổi lẫy lừng đã và đang
ở cùng & sống với văn chương qua rất nhiều thập kỷ
đủ đã nói lên tầm mức quan trọng của văn học giữa những thăng
trầm của biết bao nổi trôi theo vận nước.

Độc Trăm Cây Nghìn Cành
quý vị sẽ cảm nhận được những trải lòng
ở giờ phút “nói thật” của các văn, thi hữu góp mặt trong tác phẩm.

Liên lạc:

NXB Văn Học Mới
10291 Arundel Ave.
Westminster, CA 92683 – 5821
vanhocmoi68@gmail.com
hanguyendu@gmail.com
Cell: 714-723-9652

oOo

Liên lạc với tác giả:
TRIỀU HOA ĐẠI
286 CALLIOPE ST
OCOE, FLORIDA 34761 - 4616
Cell: 904- 496-6117



**Toàn BBT và quý cộng tác viên
tạp chí VĂN HỌC MỚI :**

**Vô cùng thương tiếc nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ
NGUYỄN HỮU HÙNG**

Qua đời vào ngày 14-5-2020 tại bệnh viện Fountain Valley.

Lễ viếng, cầu nguyện, thánh lễ an táng sẽ được tổ chức vào ngày thứ sáu 14-5-2021, lúc 11 giờ sáng tại nhà thờ Saint John the Baptist, tọa lạc tại **1015 Baker St, Costa Mesa, CA 92626**. Kết thúc buổi lễ, hài cốt của Hùng sẽ được đưa về an táng tại nghĩa trang Good Shepherd tọa lạc tại số 8301 Talbert Avenue, Hunting Beach, CA 92646.

oOo

**Chúng tôi thành kính chia buồn
cùng thân bằng quyến thuộc Nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ
NGUYỄN HỮU HÙNG**

Cầu hương hồn người quá cố sớm về hưởng nhan Thánh Chúa

Nguyễn Thị Thảo An, Thùy An, Nguyễn Lương Ba, Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn An Bình, Hoàng Chính, Lâm Chương, Nguyễn Hàn Chung, Khaly Châm, Hà Nguyên Du, Quỳn Di, Quan Dương, Phan Hạ Du, Viên Dung, Hoài Ziang Duy, Triều Hoa Đại, Phạm Xuân Đài, Đào Trung Đạo, Trần Vạn Giã, Vũ Uyên Giang, Nguyễn Trung Hối, Hạ Quốc Huy, Thái Tú Hạp, Ngã Phương Huyền, Mộng Yên Hà, Phan Tấn Hải, Trần Việt Hải, Nguyễn Thị Hồng Hải, Lê Hữu, Trần Yên Hòa, Trần Nghi Hoàng, Nông Thị Hưng, Khế Iêm, Đỗ Kh, Nguyễn Vy Khanh, Khê Kinh Kha, Doãn Khánh, Sa Chi Lệ, Mã Lam, Khánh Lan, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Đình Từ Lam, Nguyễn Lạc, Nguyễn Lê, Nguyễn Vĩnh Long, Trần Dạ Lữ, Trang Luân, Hồng Linh, Lê Tuyết Lan, Nguyễn Thị Khánh Minh, Miêng, Phan Thành Minh, Chu Vương Miện, Trâm Cà Mau, Nguyễn Minh, Phan Thành Minh, Ngô Nguyên Nghiễm, Chu Thụy Nguyên, Cổ Ngư, Mai Ninh, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Huỳnh Liễu Ngạn, Minh Nguyễn, Quang Nguyễn, Quỳnh Nga, Trần Thoại Nguyên, Nguyễn Quang Nhạc, Gia đình Trần Văn Nam, Nhật Nguyễn, Đức Phổ, NP Phan, Nguyễn Nguyên Phương, Phan Tường Niệm, Bạch Xuân Phê, Đặng Phùng Quân, Đỗ Quỳn, Hà Bạch Quỳn, Lữ Quỳnh, Nguyễn Văn Sâm, Tuệ Sĩ, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Đình Toàn, Hoàng Ngọc-Tuấn, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Mạnh Trinh, Phan Ni Tấn, Trần Văn Tích, Đinh Phụng Tiến, Trần Hoài Thư, Nguyễn Đức Tùng, Khánh Trường, Thành Tôn, Thu Thuyền, Phan Thị Trọng Tuyền, Quỳnh Thi, Đặng Thơ Thơ, Lê Hưng Tiến, Lê Hữu Minh Toán, BT Áo Tím, Xuân Thủy, Trần Đức Tín, Nguyễn Trí, Huỳnh Việt Tư, Phạm Hồng Thái, Monghoa Vothi, Nguyễn Hải Thảo, Trần Hoàng Vy, Trần Hạ Vi, Ngô Thế Vinh, Hư Vô, Lưu Diệu Vân, Nguyễn Đình Phương Uyển, Nguyễn Khôi Việt, Ngô Tinh Yên...

Văn Học Mới Số 12 - Tháng 4 > 6 Năm 2021 *276



GIỚI THIỆU SÁCH
NGÃ PHƯƠNG
HUYỀN
phụ trách

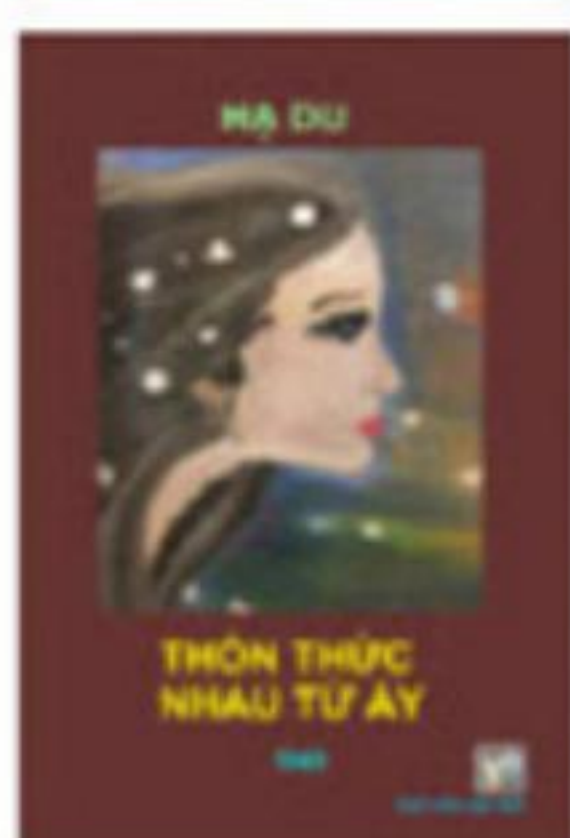
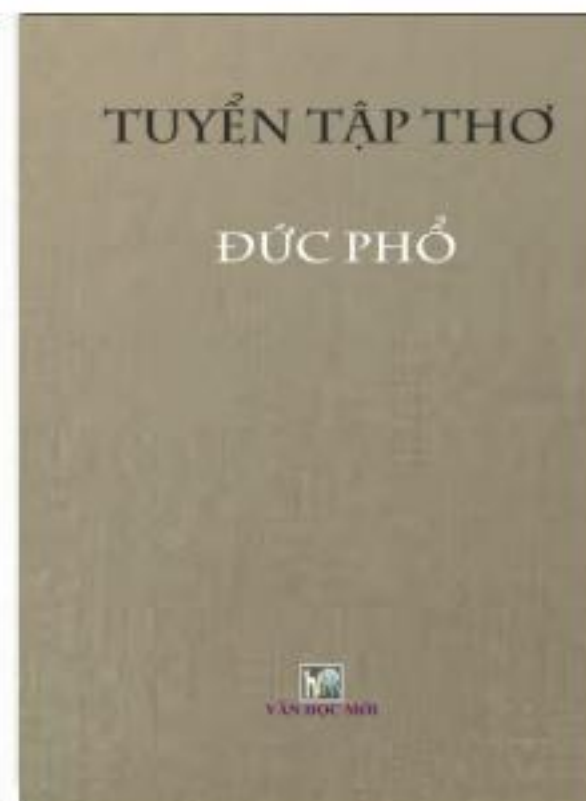
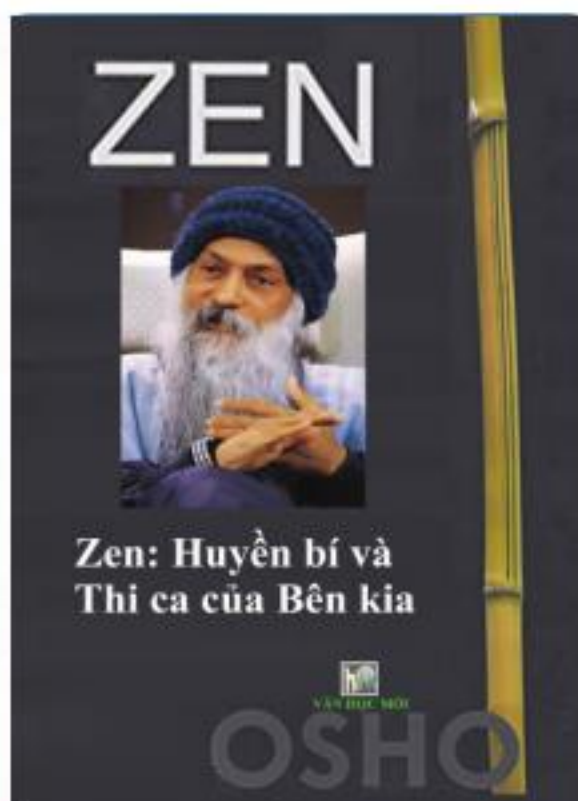
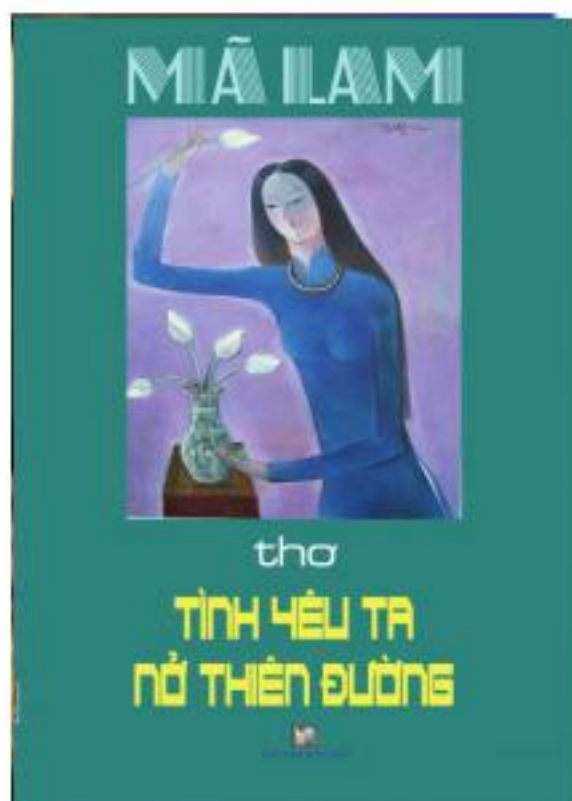
TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU ĐẾN QUÍ ĐỘC GIẢ
SÁCH ÂN HÀNH TRONG NĂM 2018 & 2019 DO NHÀ
XUẤT BẢN VĂN HỌC MỚI
MỌI SỰ CẦN IN ẤN HAY MUA SÁCH
XIN LIÊN LẠC :

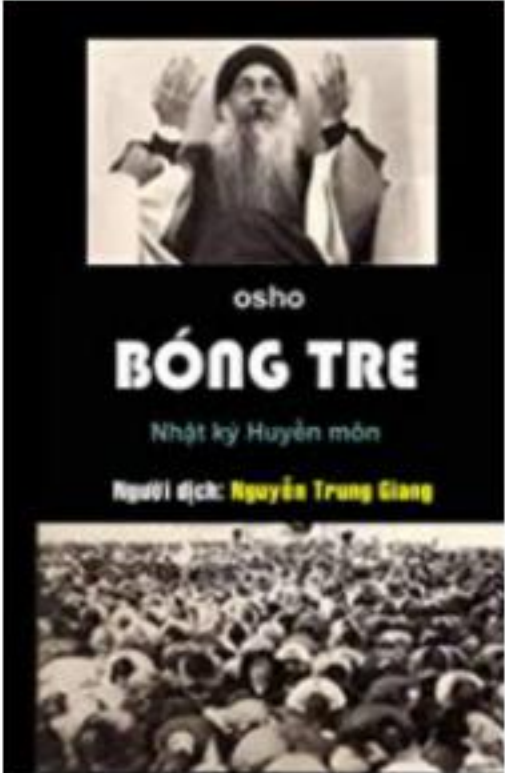
hanguyendu@gmail.com

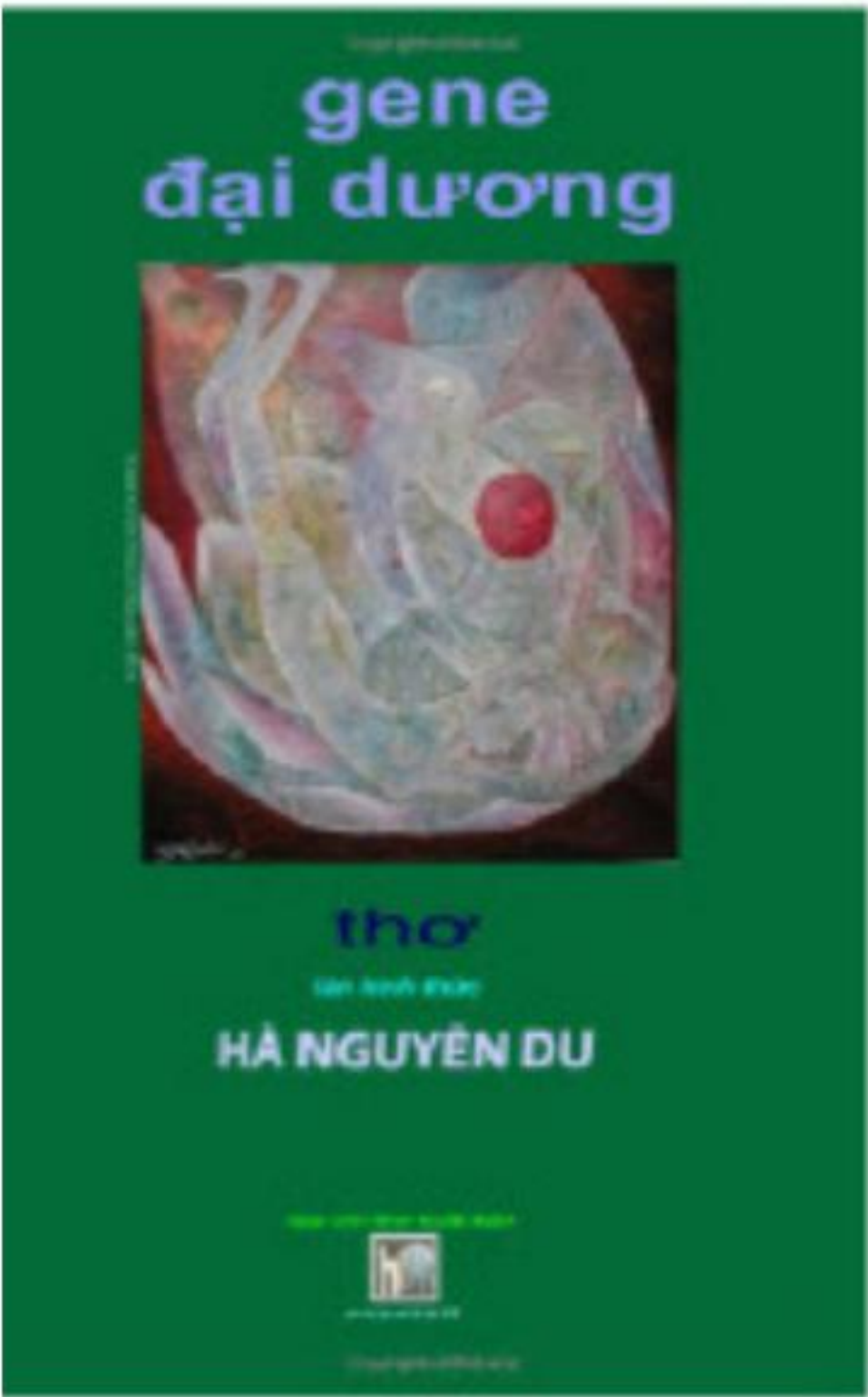
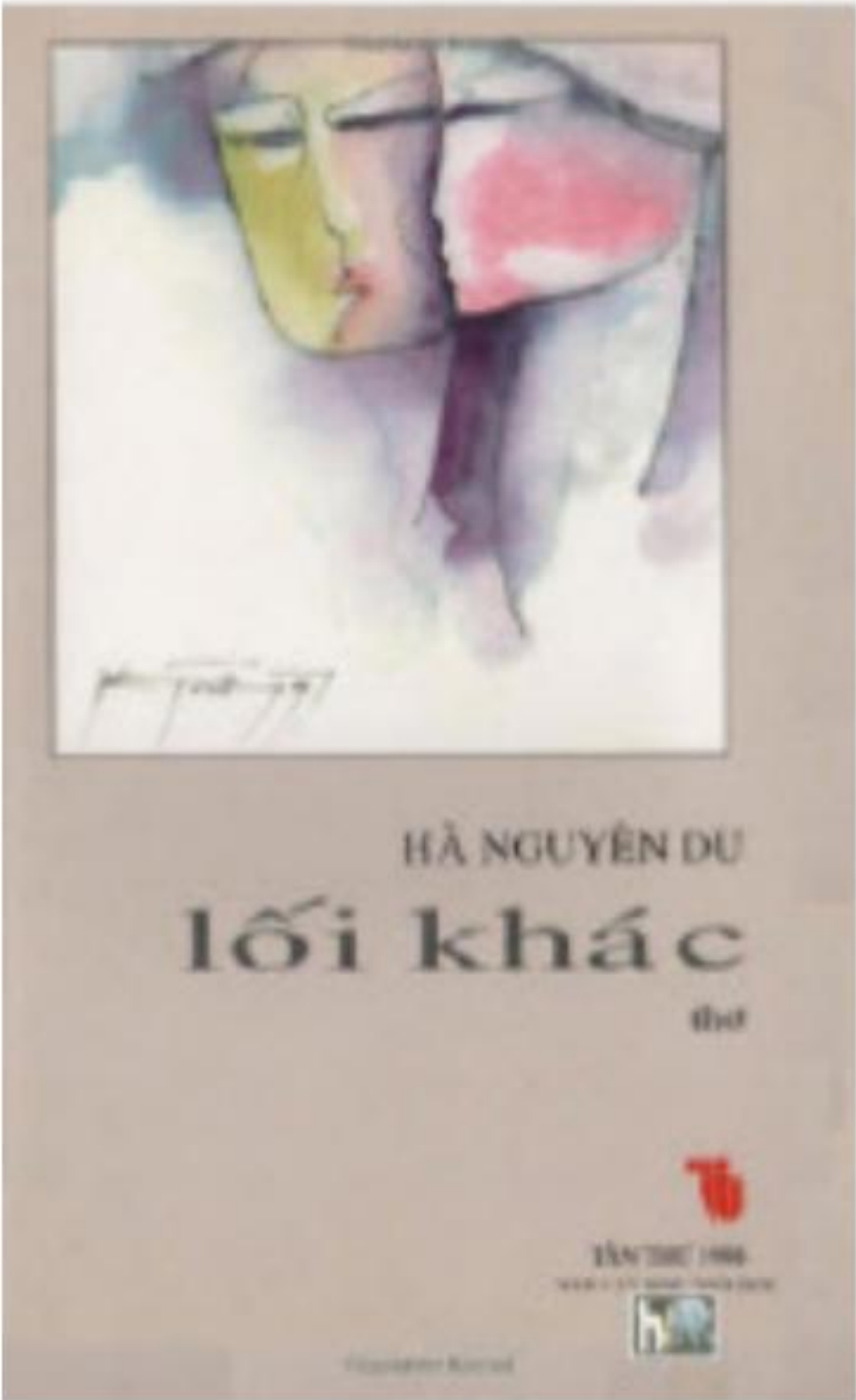
vanhocmoi68@gmail.com

Sách có bán trên hệ thống toàn cầu AMAZON

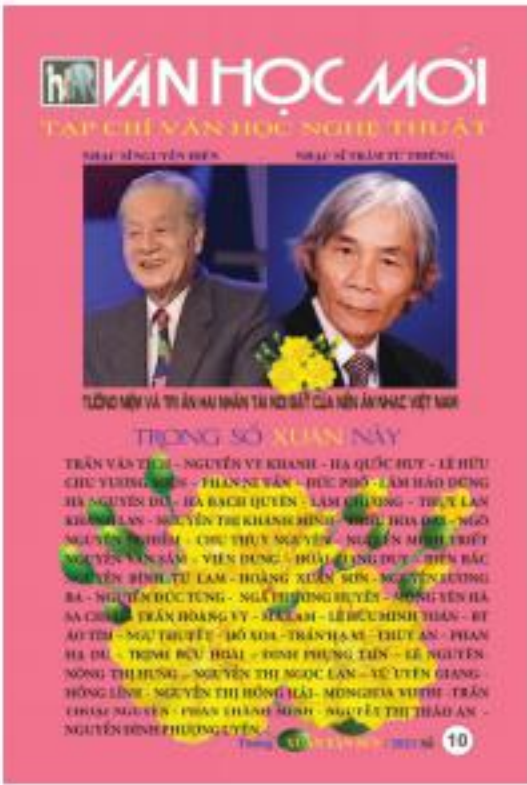
https://www.amazon.com/s?k=V%C4%82N+H%E1%B%8CC+M%E1%BB%9AI&ref=nb_sb_noss







Trân trọng giới thiệu đến quý độc giả 4 tập thơ HÀ NGUYỄN DU xuất bản những năm 1998 / 2001 / 2003 / 2018. Hiện có bán trên AMAZON



NXB VĂN HỌC MỚI
TRÂN TRỌNG
GIỚI THIỆU SÁCH ĐÃ ẮN HÀNH VÀ
GIÁ SÁCH BÁN TRÊN CỬA HÀNG AMAZON

oOo

1. Lối Khác - Thơ Hà Nguyên Du
Giá \$ 18.00
2. Anh Biết Em Yêu Dấu - Thơ Hà nguyên Du
Giá \$ 20.00
3. Gene Đại Dương - Thơ Hà Nguyên Du
Giá \$12.00
4. Vầng Thơ Trên Đóa Quỳ Vàng - Thơ Hà Nguyên Du
Giá \$20.00
- 5., Văn Học Mới số 1
Giá \$ 15.00
6. Văn Học Mới số 2
Giá \$ 18.00
7. Văn Học Mới số 3
Bìa mềm giá \$ 18.00 - Bìa cứng giá \$ 35.00
8. Văn Học Mới số 4
Giá \$ 18.00
9. Văn Học Mới số
Giá \$ 20.00
10. Văn Học Mới số 6
Giá \$ 20.00
11. Văn Học Mới số 7
Giá \$ 20.00
12. Văn Học Mới số 8
Giá \$ 20.00
13. Truyện thơ Thạch Sanh Lý Thông
- Nguyễn Văn Sâm
Giá \$ 15.00
14. Thơ Quỳnh- Hoàng Xuân Sơn
Giá \$ 18.00
15. Văn Chương Nobel - Scott Nguyen
Giá \$ 18.00

16. Con Đường Tâm Linh - Tập 1
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá \$ 23.00
17. Con Đường Tâm Linh - Tập 2
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá \$ 23.00
18. Bóng Tre
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá \$ 23.00
19. Chính Thân Đây Là Phật
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá \$ 17.00
20. Linh Hồn Cho Vũ Điệu
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá \$ 28.00
21. Nhịp Đập Trong Nhau -Thơ Phan Hạ Du
Bìa mềm giá \$ 12.00_Bìa cứng \$20. 32
22. Thốn Thức Nhau Từ Ấy -Thơ Phan Hạ Du
Bìa mềm giá \$ 12.00_Bìa cứng \$22.00
23. Thương Nhớ Người Dưng-Thơ Phan Hạ Du
Giá \$ 12.00
24. Dấu Mốc - Nguyễn Lương Ba
Bìa mềm giá \$ 12. 00- Bìa cứng \$ 25.00
25. Có Một Thời Ở Quê Hương Tôi - Phan Ni Tấn
Giá \$ 18.00
26. Ngòi Viết Lang Thang- Phan Ni Tấn
Giá \$ 30.00
27. Người Tôi Yêu- Phan Ni Tấn
Giá \$ 20.00
28. Tuyển Tập Thơ Đức Phổ
Bìa mềm giá \$ 20.00 - bìa cứng \$ 40.00
29. Trăm Cây Nghìn Cảnh - Triều Hoa Đại
Giá bìa mềm \$ 28.00 - bìa cứng \$ 45.00
- 30 . CD Nhạc Thơ Tân Hình Thức
Giá \$10.00

DOCTOR OFFICE
KELVIN MAI
INTERNAL
MEDICINE



(714) 332-1069

Uy lún - Tận tâm



CHUYÊN TRỊ:

- Bệnh Nội Khoa như bệnh tim mạch, cao áp huyết, cao mỡ, tiểu đường, gan, thận, phổi.
- Các bệnh thần kinh, đau nhức, phong thấp.
- Bệnh đường ruột, đường tiểu.
- Yếu sinh lý cùng bệnh nhòai da, nám da...
- Trị theo lồi, đốt mụn cóc, thịt dư...
- Có chích ngừa các loại...
- Có máy đo tim, theo dõi tim suốt 24 giờ.
- Máy thử thính lực và máy đo chức năng phổi.
- Có chích thuốc bổ, thuốc trụ sinh, truyền nước biển.
- Chữa trị đau nhức hiệu quả bằng bấm huyết, nắn xương, chỉnh gân và bắp thịt.
- Chích thuốc đau nhức, chích thuốc nhờn cho đầu gối.
- Có siêu âm gan, thận, mạch máu và các loại siêu âm khác tại phòng mạch.

Chúc Mừng Xuân Kỷ Hợi
An Khang Thịnh Vượng

Địa Chỉ 1:

1002 N. Fairview Street,
Santa Ana, CA 92703
Tel : (714) 332-1069
Fax : (714) 709-4205

Giờ làm việc:

Thứ Hai, Tư, Sáu:
8:30AM – 5:00PM
Thứ Bảy:
8:00AM – 1:00PM
Chủ Nhật: Đóng Cửa
Giờ Lunch:
1:30PM – 2:00PM

Địa Chỉ 2:

12666 Brookhurst Street, #130
Garden Grove, CA 92840
Tel : (714) 332-1069
Fax : (714) 709-4205

Giờ làm việc :

Thứ Ba & Thứ Năm:
8:30AM – 5:00PM
Thứ Bảy:
8:00AM – 12:00PM
chỉ làm hẹn với Bác Sĩ
Kelvin Mai
Chủ Nhật: Đóng Cửa
Giờ Lunch:
1:30PM – 2:00PM

NHẠC THƠ TÂN HÌNH THỨC

HÀ NGUYỄN DU

1. THUY - LIÊN KHÚC NGƯỜI XA

THƠ TÂN HÌNH THỨC: BIỂN BẮC - ĐIỀU HIỂN

2. BÊN KIA LÀ NGÀY

THƠ THT - BIỂN BẮC

LÊ THU

3. GỬI NGƯỜI ĐỒNG HÀNH

THƠ THT - KHẾ IÊM

ANH TUẤN

4. THẤY EM

THƠ THT - PHAN TÂN HẢI

CHAU THUY DƯƠNG

5. ĐÚNG GIỜ HOA NỞ

THƠ THT - HÀ NGUYỄN DU

HOANG QUAN

6. CẢM GIÁC SỐNG

THƠ THT - NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

TÂM THU

7. XUÂN Ở ĐÀU

THƠ THT - NGUYỄN LƯƠNG BA

QUANG MINH

8. DƯ CẢM

THƠ THT - NGUYỄN TẤT ĐO

TÂM THU

9. LY CÀ PHÊ BUỔI SÁNG

THƠ THT - KHẾ IÊM

QUỐC DUY

10. LỜI THÌ THẨM

THƠ THT - ĐẠI SỬ

NGUYỄN QUỐC

11. HOÀNG HÔN MƯA

THƠ THT - HÀ NGUYỄN DU

QUANG DŨNG

12. EM VÀ CHIẾC LÁ

THƠ THT - HÀ BẠCH QUYẾN

TÂM THU

13. CHO ANH

THƠ THT - XUÂN THUY

KHANH VY



HÓA ÂM & THU ÂM: NHẠC SĨ VŨ CÔNG DIỄN & TMT MUSIC
PHÁT HÀNH: NHÃN ÂNH TÂN YẾN & NHÓM NHẠC TIẾNG THỜI GIÀN

NHẠC THƠ TÂN HÌNH THỨC

Danh sách những Nhà Thơ có bài trong CD



BIỂN BẮC



NG LƯƠNG BA



KHẾ IÊM



NG TẤT ĐẮC



PHAN TÂN HẢI



ĐẠI SỬ



NG THỊ KHÁNH MINH



XUÂN THUY



HÀ BẠCH QUYẾN



HÀ NGUYỄN DU - Phổ Nhạc

TRẦN TRỌNG GIỚI THIỆU NHẠC THƠ TÂN HÌNH THỨC
DO HÀ NGUYỄN DU PHỔ 13 BÀI THƠ ...
Của các nhà thơ hải ngoại và cả trong nước...

<https://tieulun.hopto.org>



TRẢ LỜI THƯ TÍN

1/ Tòa soạn Văn Học Mới, xin chân thành cảm ơn quý thân hữu là Nhà thơ, Nhà văn, Nhà Phê Bình, Biên khảo đã hết lòng ủng hộ..

Rất cảm ơn quý vị đã vì yêu mến VHNT nên không chút lo ngại khi nhiệt tình mua báo dài hạn.

Một niềm hạnh phúc nồng nàn đầy chất khích lệ là gia hạn sự ủng hộ cũng như tiếp tục đóng góp bài vở thường xuyên ... của quý tác giả, quý mạnh thường quân...

Tòa soạn VHM cũng không quên cảm ơn quý vị mua tạp chí của chúng tôi trên Amazon, kể cả mua trong những nhà sách ...

2/ Văn Học Mới số 10, xin trả lời về sự góp ý của một số tác giả lớn tuổi cho rằng VHM số 8 kỳ rồi với size 11 làm chữ nhỏ khó đọc. và đề nghị nên giữ size 12 như từ trước...

3/ Văn Học Mới vừa qua đã có thêm 3 cây bút trẻ bên VN tham dự: Phan Thành Minh, Nông Thị Hưng, Hồng Linh ... Nay, trong VHM số 12 có thêm 2 cây bút trẻ nữa là Trần Thanh Trúc và Lê văn Hiếu

4/ Những dự trù, những phương án cho tương lai VHM trong lúc này vẫn không thực hiện được, như thêm vào những tiểu mục cần thiết cho tờ báo có đầy đủ sắc màu ... Nhưng sự thật... vẫn chính là nội dung bài vở đóng góp có tầm cỡ hay giá trị đúng của một tạp chí VHNT hay không??

5/ Văn Học Mới số 13... Có chủ đề: “ Tưởng niệm “Cổ Thi sĩ Trần Hồng Châu... Túc Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch (Nguyên Giáo Sư Viện trưởng Đại Học Văn Khoa Sài Gòn và nhiều đại học thời trước năm 1975)

Trân trọng





Thể lệ gửi bài về



Gửi sáng tác, xin kèm theo địa chỉ, tên thật (có thể), số phone và email. Gửi đến Văn Học Mới, xin vui lòng đừng gửi báo khác. Nếu tác phẩm đã từng dùng hay phổ biến dưới dạng thức nào, quý vị nên cho bốn báo hay biết. Nhất là **không nhận đăng bài đã đăng trên Facebook và không nhận bài vở viết tay...**

oOo

Bài vở, đánh máy một mặt giấy. Xin dùng Microsoft Word với công cụ Uni Code hay Unikey là tốt nhất. Cần theo font chữ Arial hay Time New Roman. Bài không đăng không trả lại. Thời gian không đăng khoảng 2 số liên tiếp, quý vị có quyền gửi báo khác..

TẠP CHÍ VĂN HỌC MỚI:

PHÁT HÀNH 6 SỐ / NĂM

(Tức 2 tháng ra 1 số)

Chấm dứt không nhận bài vào ngày 30 của tháng thứ nhất

Gửi bài vở cho Văn Học Mới, theo 2 Email :

1/ hanguyendu@gmail.com

2/ vanhocmoi68@gmail.com

Ngân phiếu / chi phiếu xin đề:

HA NGUYEN

10291 Arundel Ave

Westminster, CA 92683 - 5821- USA

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN 6 số / NĂM

HOA KỲ / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

MUA____/ NĂM

CANADA / MỘT NĂM / \$80.00 / HAI NĂM \$160.00

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$80.00

HAI NĂM \$160.00

MUA____/ NĂM

Giá bán tại các nhà sách US \$20.00 / Cuốn

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN 6 số / NĂM

HOA KỲ / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

MUA____/ NĂM

CANADA / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$120.00

HAI NĂM \$220.00

MUA____/ NĂM

Giá bán tại các nhà sách US \$20.00 / Cuốn

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN 6 số / NĂM

HOA KỲ / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

MUA____/ NĂM

CANADA / MỘT NĂM / \$80.00 / HAI NĂM \$160.00

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$80.00

HAI NĂM \$160.00

MUA____/ NĂM

Giá bán tại các nhà sách US \$20.00 / Cuốn

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN 6 số / NĂM

HOA KỲ / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

MUA____/ NĂM

CANADA / MỘT NĂM / \$80.00 / HAI NĂM \$160.00

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$80.00

HAI NĂM \$160.00

MUA____/ NĂM

Giá bán tại các nhà sách US \$20.00 / Cuốn



Chúng tôi NHẬN in ấn tác phẩm thuộc VHNT

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC MỚI

Phát hành toàn cầu qua hệ thống Amazon.

Sẽ giao đến tận nhà quý vị. Trên
tinh thần ủng hộ quý Văn Nghệ Sĩ
và thân hữu trong giới sáng tác
Liên lạc Hà Nguyên Du

vanhocmoi68@gmail.com
hanguyendu@gmail.com



VĂN HỌC MỚI
— tap chí —

Hình bìa: GIỌT ĐÀN - tranh Nhà thơ / Hs Phan Hạ Du

Bìa: HÀ NGUYỄN DU

Trình bày : HÀ NGUYỄN DU

Copyright © 2021 vanhocmoi magazine.
All rights reserved

ISSN 2690 - 4276

